

Số 242+243

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Mừng
Xuân
Mới

Bình Thân
2016

Số Đặc biệt



Diệu Tướng Am

NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

MỪNG XUÂN DI LẶC

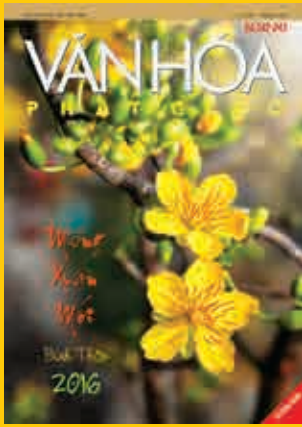
PL-2559

DIỆU TƯỚNG AM NAM KỶ
382B NAM KỶ KHỞI NGHĨA
P. 8, Q. 3 - ĐT: (08) 38 484 558
HOTLINE: 0906 955 663

DIỆU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THÁNG HAI
P. 12, Q. 10 - ĐT: (08) 38 684 913
HOTLINE: 0902 848 363

DIỆU TƯỚNG LƯU LY QUANG
(NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỶ KHỞI NGHĨA
P. 8, Q. 3 - ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngõ Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1131297
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Trích Thư Chúc Tết của Đức Pháp chủ GHPGVN	4
Như Lai thọ lượng (Nguyễn Thế Đăng)	5
Hương bay ngược gió (Huyền Hạnh)	6
Khát vọng mùa xuân (Nguyễn Cẩn)	10
Dấu lặng của đạo Phật trong văn hóa Nhật Bản (Trần Kiên Đoàn)	14
Bồ-đề bốn vô thọ... (Trần Tuấn Mẫn)	18
Xuân ở núi đọc thơ Giả Đào (Vũ Thế Ngọc)	20
Thiền phái Tào Động Việt Nam và quần thể di tích Nhắm Dương: giá trị lịch sử, văn hóa và Phật giáo (Nguyễn Quốc Tuấn)	24
Tản mạn Hương Thiên (Sơn Nam)	28
Ba phép tu (Buddhadasa Bikkhu; Hoang Phong dịch)	30
Hãy trở thành... Bồ-tát (David Loy; Khánh Uyên dịch)	33
Xóm Chùa (Cao Huy Hóa)	36
Em tưởng nhớ Phật (Lê Đan)	38
Chỉ Một Phút Thôi (Naomi Baer; Nguyễn Giác dịch)	40
Viết ước mơ lên mây (Lê Hải Đăng)	42
Tôn sư trọng đạo (Hoàng Tá Thích)	44
Những giai thoại chung quanh Đào Duy Từ (Tôn Thất Thọ)	46
Phật giáo với văn hóa và con người Việt Nam (Thích Thọ Lạc)	49
IQ và EQ (Đỗ Hồng Ngọc)	52
Mùa Tết... mùa lo (Trịnh Chu)	53
Đón xuân, xem bói vui... để cười (Nguyễn Hữu Đức)	56
Năm thân nói chuyện khi (Trương Hoàng Minh)	58
Tết Việt trong sáng tác của Anh Thơ (Phạm Tuấn Vũ)	60
Chúc Tết (Nguyễn Văn Uông)	62
Lộc xuân (Vũ Thị Huyền Trang)	64
Giống và màu (Hồ Anh Thái)	66
Thơ (Trường Khánh, TK. Vy Tiểu, Nguyễn Thánh Ngã, Nguyễn Ngọc Hưng, Trương Hoàng Minh, Phương Phương, Nguyễn Dũng, Kim Hoa)	67
Mệnh mang sương giao thời (Nhụy Nguyễn)	70
Cõi mẹ xanh xao (Hồ Trung Liên)	73
Chợ quê ngày tết (Lý Thị Minh Châu)	76

Bìa 1: Rạng rỡ hoa mai. Nguồn: shutterstock.com

Mừng Xuân mới

Nhân dịp Xuân Bình Thuận 2016, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin chân thành cảm ơn quý độc giả kính mến chấp tay nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho các ước nguyện sau đây được thành tựu:

- + Thế giới an bình, chúng sanh hạnh phúc
- + Phật giáo hưng thịnh trên toàn thế giới
- + Đất nước Việt Nam phát triển tốt đẹp về mọi lĩnh vực
- + Giáo hội Phật giáo Việt Nam đạt nhiều thành tựu mới
- + Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vững mạnh hiệu năng trong việc phục vụ độc giả.
- + Quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo được vạn sự cát tường.

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật





**Này Cunda, hãy Thiên định,
chớ có phóng dật, chớ có hối
tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn
của Ta cho các Người.**

**(Kinh Trung Bộ, số 8,
kinh Đoạn giảm)**



Trích

Thư chúc Tết

của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Nam-mô Bản sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Kính gửi: Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam; chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Nhân dịp đón mừng năm mới Dương lịch 2016 và Xuân Bính Thân - Phật lịch 2559, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi có lời chúc mừng năm mới, lời thăm hỏi ân cần và kính nguyện Tam bảo, chư lịch đại Tổ sư Phật giáo Việt Nam gia hộ cho các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài một năm mới vô lượng an lạc, vô lượng cát tường, an Khang thịnh vượng và thành tựu mọi Phật sự!

Trưởng lão Hòa thượng Pháp chủ THÍCH PHỔ TUỆ

(Đã ký)

Như Lai thọ lượng

NGUYỄN THẾ ĐĂNG



Như Lai thọ lượng là phẩm thứ 16 của kinh Pháp Hoa.

Trước khi nói về thọ lượng và giác ngộ của Như Lai, Đức Phật đã nói ba lần: “*Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai*”. Chữ “*thật*” này còn được nhắc lại năm lần nữa trong phẩm ngắn chưa tới mười trang này.

Lời nói chắc thật của Đức Phật là: “*Thật Ta thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vô số kiếp*”. Như Lai đã thành Phật từ vô lượng vô biên kiếp, nghĩa là thọ lượng của Như Lai cũng đã vô lượng vô biên kiếp. Thọ lượng và giác ngộ của Như Lai là một, và sẽ trải dài đến tương lai vô lượng vô biên.

Đức Phật nói: “*Sẽ diệt độ, chỉ vì chúng sanh mà dùng phương tiện nói*”.

*Đến nay vô lượng kiếp
Vi độ chúng sanh vậy
Phương tiện hiện Niết-bàn
Mà thật không diệt độ
Thường trụ đây thuyết pháp.*

Thọ lượng giác ngộ là Pháp thân của Đức Phật Thích-ca và cũng là của tất cả chư Phật thì luôn luôn hiện hữu từ vô thủy đến vô chung.

Với chúng ta, tin là tin rằng cuộc đời chúng ta, dù có thể nào, luôn luôn nằm trong thọ lượng và giác ngộ vô lượng vô biên của Như Lai. Thật ra, chúng ta đang sống trong thọ lượng giác ngộ vô lượng vô biên của Như Lai. Cuộc đời của mỗi chúng ta, dù ngắn ngủi, bấp bênh, lên xuống, thành bại thế nào đi nữa thì cũng luôn luôn trùng khít với thọ lượng giác ngộ vô lượng vô biên của Như Lai. Nghiệp riêng của mỗi chúng ta có là gì đi nữa, nghiệp của thế giới chúng sanh, của tất cả sự vật, của tất cả chư thánh hiền có là gì đi nữa, thì vẫn nằm trong và luôn luôn trùng khít với thọ lượng giác ngộ vô hạn của Như Lai. Như một giọt nước trong đại dương thì luôn luôn nằm trong và trùng khít với đại dương.

Tin nghĩa là hiểu, hiểu tức là tin. Tin hiểu cuộc đời hữu hạn vô thường, với hạnh phúc và khổ đau của chúng ta và tất cả mọi chúng sanh, luôn luôn là một với thọ lượng giác ngộ vô biên không giới hạn của Như Lai. Tin hiểu là thấy biết được rằng cuộc sống của mỗi chúng ta là thọ lượng giác ngộ vô tận. Tin hiểu là thấy biết được rằng sự hiện hữu của mỗi chúng ta, của thế giới, chúng sanh và sự vật là thọ lượng giác ngộ vô tận. Tất cả là sự thị hiện của thọ lượng giác ngộ vô lượng vô biên của Như Lai.

Thế nên kinh Hoa Nghiêm nói: “*Ba nghiệp thân khẩu ý trở thành vô biên*”. (Phẩm *Thập định*, thứ 27)

Không có sự vật nào, không có chúng sanh nào có thể nằm ngoài, tách biệt với thọ lượng giác ngộ vô biên của Như Lai. Một sát-na là một khoảnh khắc. Trong một sát-na có ít nhất 60 lần sanh diệt. Những sanh diệt trong khoảng sát-na đó vẫn là thọ lượng giác ngộ vô biên của Như Lai. Mỗi vi trần là một không gian nhỏ nhất, không thể nằm ngoài, tách biệt với thọ lượng giác ngộ vô biên của Như Lai, nên chính nó là thọ lượng giác ngộ vô biên của Như Lai.

Phẩm *Thí dụ*, thứ ba, Đức Phật nói: “*Hiện nay ba cõi này, đều là của Ta cả*”. “*Của ta*”, nghĩa là ba cõi này, cho đến mỗi sát-na và mỗi vi trần, đều của thọ lượng giác ngộ Như Lai và là thọ lượng giác ngộ vô biên của Như Lai.

“*Ba cõi là của ta*”, không có sự vật nào, chúng sanh nào nằm ngoài, khác biệt với cái của ta này. Không có sự vật nào không là cái của ta này. Của ta là thọ lượng giác ngộ của Như Lai.

Vi trong cái thấy biết của Đức Phật thì ba cõi chính là “*thật tướng của tất cả các pháp*”: “*Vi Như Lai như thật thấy biết tướng của ba cõi, không có sanh tử, hoặc lụi mất, hoặc xuất hiện, cũng không ở đời hay diệt độ, chẳng có thật, chẳng không hư, chẳng phải như, chẳng phải khác, chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi. Các việc như vậy, Như Lai thấy rõ, không có sai lầm*”. (Phẩm *Như Lai thọ lượng*, thứ 16)

Tất cả các pháp là thọ lượng giác ngộ vô biên của Như Lai: *Vi tất cả các pháp*

*Thảy đều là không tịch
Không sanh cũng không diệt
Không lớn cũng không nhỏ
Vô lậu và vô vi.*

(Phẩm *Tin hiểu*, thứ 4)

Tất cả các pháp, con người và thế giới là thọ lượng giác ngộ của Như Lai, đây là tính cách thiêng liêng rất ráo của thế giới.

Thấy tất cả chúng sanh trong thọ lượng giác ngộ của Như Lai, đây là tâm từ rất ráo.

Tất cả chúng sanh là thọ lượng giác ngộ của Như Lai mà họ không hay biết, đây là đồng thể đại bi.

Tin hiểu sanh mạng mình là thọ lượng giác ngộ Như Lai vô biên vô tận, đây là giải thoát.

Thấy tất cả những lỗi lầm của mình đều xảy ra trên và trong thọ lượng giác ngộ của Như Lai, đây là chân sám hối... ■



Hương bay ngược gió

Kinh Pháp Cú nói đến các loại hương và nhấn mạnh giới hương hay hương thơm người đức hạnh là cao quý nhất:

*Hương các loại hoa thơm,
Không ngược bay chiều gió;
Nhưng hương người đức hạnh,
Ngược gió khắp tung bay.
Chỉ có bậc chân nhân,
Tỏa khắp mọi phương trời.
Hoa chiên-đàn, già-la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng.
Ít giá trị hương này,
Hương già-la, chiên-đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới¹.*

Thế nào là giới hương hay hương thơm người đức hạnh? Đó là cảm giác thoải mái, thân thương, mát lành, ấm áp, an ổn mà người ta nhận được nơi một con

người, được tiếp xúc hay không được tiếp xúc, ở gần hay ở xa. Hay đó là đức năng chân thiện và từ ái tỏa ra từ một người khiến khơi dậy cảm thức hiền lương, hướng thiện ở trong lòng người khác một cách đầy hân hoan và tin tưởng. Nói khác đi, đó là lối sống chân chánh, hiền thiện và từ ái của một người thể hiện trong cuộc đời khiến tác động và ảnh hưởng đến lối sống hân hoan hướng thiện của nhiều người khác.

Luật tạng Pàli thuật rằng lần đầu trông thấy bậc Giác ngộ ở kinh thành Kapilavatthu, cậu bé hoàng tôn Ràhula vừa lên bảy đã thốt lên câu nói: “*Sukhà te samana chàyà’ ti: Bómg Ngài thật mát lành, thưa Đức Sa-môn*”². Tài liệu Luật tạng cũng cho biết lòng kính tín Tam bảo đã phát sinh mạnh mẽ trong tâm thức nhà thương gia giàu có Cấp Cô Độc khi lần đầu tiên ông nghe một đối tác ở thành Vương Xá nói về Đức Phật³. Kinh *Giới phân biệt* đề cập sự kiện Pukkusati đã tự mình xuất gia sống Phạm hạnh do tin tưởng nhân cách và giáo pháp giác ngộ của Đức Thế Tôn, mãi cho đến khi tình cờ nghe Đức Phật thuyết pháp ông mới biết rõ mặt bậc đạo sư của mình⁴. Bản kinh



HUYỀN HẠNH

Dhammacetiya lưu ở tuyển tập Trung Bộ thuật câu chuyện hai vị tướng lĩnh của vua Pasenadi trong thời gian tham gia chiến sự vẫn hàng đêm đàm luận Phật pháp ở doanh trại cho tới quá nửa đêm mới đi ngủ với đầu hướng về phía Đức Thế Tôn đang trú⁵. Kinh tạng Pali thường nói đến sự việc quần chúng ở các địa phương vui mừng truyền tai nhau những lời sâu đây khi hay tin Sa-môn Gotama sắp ghé qua địa phương mình:

“Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ gia tộc Sakya, đang du hành trong nước Kosala với Đại chúng Tỳ-kheo, và đã đến Sa-la. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: “Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn

toàn đầy đủ trong sạch. Lành thay nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy!”

Như vậy, giới hương hay hương thơm người đức hạnh không gì khác là đức độ của một người tỏa ra từ cuộc sống trong sáng và hiền thiện của người ấy khiến ảnh hưởng tốt đẹp đến cuộc sống của người khác. Một hôm, Tôn giả Ananda bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo gió, không bay ngược gió. Thế nào là ba? Cây hương rễ, cây hương lõi và cây hương hoa. Bạch Thế Tôn, có thể có loại cây hương nào, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

- Có loại cây hương, này Ananda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

- Bạch Thế Tôn, loại cây hương ấy là gì, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

- Ở đây, này Ananda, tại làng nào hay tại thị trấn nào, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong dục vọng, từ bỏ nói láo, từ bỏ dùng rượu men, rượu nấu làm say người, giữ giới, tâm tánh hiền lương, sống trong nhà với tâm không nhiễm xan tham, bố thí không luyến tiếc với tay rộng mở, thích thú từ bỏ, sẵn sàng được yêu cầu, ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Người như vậy, được các Sa-môn, Bà-la-môn tán thán khắp bốn phương: tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, ... ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Chư Thiên và các phi nhân cũng tán thán: tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, ... ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Cây hương như vậy, này Ananda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

Lời Phật lưu nhắc cho chúng ta rằng mỗi người chúng ta đều sở hữu các phẩm chất cao quý, đáng được quan tâm vận dụng để tạo dựng môi trường sống tốt đẹp cho mình và cho nhiều người khác. Đó là giới đức hay đức năng chân thiện và từ ái có sẵn trong mỗi người, nếu biết vận dụng và phát huy thì các phẩm chất ấy sẽ tạo nên môi trường sống trong sáng và hiền thiện, khiến cho bản thân mình được lợi ích an lạc và người khác cũng hưởng được lợi ích an lạc. Đó là đức quy ngưỡng Tam bảo khiến cho mình trở nên chân thực và cao thượng. Đó là đức giữ giới khiến cho mình trở nên trong sáng và từ ái. Đó là đức bố thí khiến cho mình trở nên rộng lượng và thân thiện. Đạo Phật gọi các phẩm chất như vậy là giới hương hay hương thơm người đức hạnh, có khả năng bay thuận gió và ngược gió, có sức lan tỏa rộng khắp, khiến ảnh hưởng tốt đẹp đến nhiều người khác. Nói cách khác, đó là các hạnh lành mà người nào biết nỗ lực tu tập và thể hiện thì tự mình tạo nên nguồn nước công đức, nguồn nước



thiện, nguồn nước bổ thí, có khả năng mang lại hạnh phúc an lạc cho mình và cho nhiều người khác⁷. Thử xem qua tám hạnh lành hay tám nguồn nước công đức mà một người Phật tử phát nguyện thực hành:

1. Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ nhất là quy y Phật, có nghĩa là quay về sống với bản tính giác ngộ, sáng suốt và chân thực vốn có của chính mình.

2. Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ hai là quy y Pháp, tức là quay về với Chánh pháp, quay về với giáo pháp giác ngộ của Phật, lấy Chánh pháp làm lẽ sống, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn soi sáng các hành vi hiển thiện thuộc thân, miệng, ý của chính mình.

3. Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ ba là quy y Tăng, nghĩa là quay về học tập và sống theo Thánh hạnh hay đạo hạnh cao quý giống như chư vị xuất gia.

4. Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ tư là từ bỏ sát sanh, tức thể hiện sự hiểu biết và tình thương yêu bằng cách tôn trọng sự sống và môi trường sống của muôn loài chúng sinh.

5. Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ năm là từ bỏ lấy của không cho, tức là sống với tâm ngay thẳng chân thật, không gian tham trộm cắp, thể hiện lòng tôn trọng sở hữu và quyền sở hữu của người khác.

6. Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ sáu là từ bỏ tà hạnh trong các dục, tức từ bỏ lòng ham muốn dục vọng bất chính, thực thi nếp sống hôn nhân thủy chung, tôn trọng hạnh phúc hôn nhân và hạnh phúc gia đình của người khác.

7. Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ bảy là từ bỏ nói láo, tức là sống chân thực, không vọng ngôn, không dối gạt người khác, thể hiện lời nói chân thực, không nói lời sai trái, nói đúng sự thật, không nói láo vì động cơ này hay động cơ khác.

8. Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ tám là từ bỏ các loại rượu men rượu nấu, tức là quý trọng trí tuệ, biết gìn giữ và nuôi dưỡng tâm thức sáng suốt và tỉnh táo, tránh xa các chất kích thích làm rối loạn và mê mờ tâm trí.

Đức Phật xác nhận một người quy ngưỡng Tam bảo và tuân giữ năm giới cấm thì tạo lập nhiều công đức đưa đến lợi lạc cho mình và lợi lạc cho nhiều người khác, cụ thể nhất là đức vô úy thí, đức không oán thù và đức vô hại trực tiếp tạo ra không khí hòa ái, thân thiện và cảm thức an toàn trong đời sống cộng đồng:

"Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nấu, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại"⁸.

Như vậy, một người mà biết quy y Tam bảo và tuân thủ năm giới cấm do Phật chỉ dạy tức là người thể hiện nếp sống chân chánh sáng suốt, có đạo đức hướng thượng, có lòng thương quý đối với cuộc đời. Người ấy biết xây dựng hạnh phúc an lạc cho mình, đồng thời biết tôn trọng hạnh phúc an lạc của người khác; một người như vậy tức là có đủ đức năng tạo dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, có đủ phẩm chất góp phần xây dựng xã hội trong sáng và hiển thiện. Do từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ uống rượu, người ấy thể hiện và nêu gương sáng về nếp sống đạo đức trong sáng, xứng đáng là người chủ hiền đức trong gia đình, là người công dân gương

mẫu trong xã hội. Đức Phật gọi một người như vậy là bậc chân nhân⁹, có tâm tư chân thực và hướng thượng, có nếp sống trong sáng và hiền thiện, tích lũy nhiều công đức thiện nghiệp, được xem là “người thi ân lớn cho cuộc đời” do nếp sống có giới đức của mình¹⁰. Nói khác đi, đó là người biết cách sống an lạc và tạo an lạc cho người khác, khéo xây dựng đời sống hạnh phúc cho mình và đem hạnh phúc đến cho người khác, nhờ thực thi nếp sống đạo đức hiền thiện. Người ấy tỏa hương thơm trong từng ý nghĩ, từng lời nói và việc làm, đem lại cảm giác thoải mái, thân thương, mát lành, ấm áp, tràn đầy hân hoan và tin tưởng cho mọi người. Rõ là bất kỳ thời đại nào và bất cứ một quốc gia nào cũng cần đến những con người tỏa hương thơm đức hạnh như vậy, vì đó là điều kiện căn bản để xây dựng một xã hội trong sạch và hiền thiện, không có các tệ nạn và bạo loạn.

Kinh Phật lưu truyền thuyết nói về một vị vua gọi là Chuyển luân Thánh vương (*Cakkavatti*) dùng Chánh pháp và đức độ trị vì vương quốc rộng lớn, được thần dân muôn vàn kính yêu¹¹. Nhà vua chuyên tâm hành trì Giới-Định-Tuệ và dùng đức từ ái để thu phục lòng người, đi đến đâu đều khuyên dân chúng sống tri túc và thực hành năm giới cấm: *không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không uống rượu, nhờ đó khắp xứ sở rộng lớn đều được thái bình*. Do tích tập công đức trong nhiều đời kiếp, nhà vua sở hữu đầy đủ bảy báu vật giúp cho vị ấy trị vì quốc độ được hưng thịnh, lại có đủ bốn như ý đức - đẹp trai, sống lâu, ít bệnh tật, được muôn dân kính mến - khiến cho nhà vua sống hạnh phúc an lạc trên cõi đời. Trong số bốn như ý đức, đức thứ tư nói rõ kết quả của nếp sống đạo đức nhân ái mà chính bản thân nhà vua đã thể hiện và khuyên dạy muôn dân nỗ lực thực hiện. Đó chính là giới hương được đốt lên từ một nhà lãnh đạo tài đức mẫu mực khiến lan tỏa ra khắp mọi phương xứ trong quốc độ. Không có các tệ nạn xảy ra trong vương quốc của vua Chuyển luân Thánh vương, khắp nơi dân chúng sinh sống chân chánh hiền lành, đóng sưu thuế hợp pháp, không gian tham trộm cắp, đời sống kinh tế dồi dào, đồ bố thí đặt sẵn ở các ngã đường dành cho người nào cần đến; hết thầy vua tôi đều sống hiền lương và thương quý lẫn nhau như cha con một nhà:

“Như người cha được các người con ái kính và yêu mến; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, vua Chuyển luân Thánh vương được các Bà-la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Như những người con được người cha ái kính và yêu mến; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn và gia chủ được vua Chuyển luân Thánh vương ái kính và yêu mến. Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, vua Chuyển luân Thánh vương đi đến hoa viên cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn và gia chủ đến vua Chuyển luân Thánh vương và tâu rằng:

- Tâu Đại vương, hãy cho đi chậm chậm để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng lâu dài hơn.

Này các Tỳ-kheo, nhưng vua Chuyển luân Thánh vương lại ra lệnh cho người đánh xe:

- Này người đánh xe, hãy đánh xe chậm chậm đủ để ta có thể thấy các vị Bà-la-môn và gia chủ lâu dài hơn”¹².

Kinh *Tăng Chi Bộ* thuật câu chuyện nhờ tích lũy công đức thiện nghiệp, chư Thiên cõi Tam thập tam (*Tāvātimsa*) sở hữu một loài hoa quý tên là Kovidāra Pāricchattaka, có uy lực tỏa hương thơm bay xa hàng trăm do tuần; đến ngày hội chư Thiên thì toàn cõi Tāvātimsa đều tổ chức lễ hội dưới các gốc cây Kovidāra đang độ nở hoa rực rỡ để tận hưởng Thiên lạc và thưởng lãm loài hoa kỳ diệu trong suốt thời gian bốn tháng. Đức Phật kể câu chuyện hương thơm kỳ diệu của loài hoa Kovidāra nhằm lưu nhắc các Tỳ-kheo về giới hương hay nếp sống phát triển giới đức, tâm đức, tuệ đức hướng đến mục đích đoạn tận lậu hoặc của người xuất gia; vì khi người xuất gia đạt đến mục đích đoạn tận lậu hoặc thì giới hương, định hương, tuệ hương, giải thoát và giải thoát tri kiến hương của vị ấy tỏa khắp tam giới, khiến cho cả chư Thiên và nhân loại đều sinh tâm hoan hỷ và quy ngưỡng¹³.

Xuân về là dịp các loài hoa đua nhau khoe sắc tỏa hương làm ngây ngất lòng người. Đó là một phần của cuộc sống mà thiên nhiên đã ban tặng cho loài người. Tuy nhiên, bên cạnh các loài hoa có hương bay theo chiều gió ấy, Đức Phật lưu nhắc cho chúng ta về một loại hương vừa bay thuận gió vừa bay ngược gió, cần được gia tâm vận dụng trong xã hội loài người. Đó chính là giới hương hay hương đức hạnh tỏa ra từ nếp sống chân chánh, hiền thiện và từ ái của con người, có khả năng làm ấm lòng cho nhiều người, hân hoan cho nhiều người, tin tưởng cho nhiều người, hướng thiện cho nhiều người, an lạc cho nhiều người. Nói cách khác, đó là giới hương, định hương, tuệ hương vốn có sẵn trong mỗi người; chỉ cần biết trân trọng vận dụng thì hương đức hạnh ấy sẽ khiến cho cá nhân hạnh phúc, gia đình êm ấm, xã hội hiền hòa, đất nước thái bình, thế giới an lạc, cõi trần thế sẽ thành ra tịnh thổ vậy. ■

Chú thích:

1. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 54-56.
2. Mahāvagga, I.54.1-5.
3. T.W. Rhys Davids & H. Oldenberg, *Vinaya Texts, Part III*, tr.180-181.
4. Kinh Giới phân biệt, *Trung Bộ*.
5. Kinh Pháp trang nghiêm, *Trung Bộ*.
6. Kinh Hương, *Tăng Chi Bộ*.
7. Kinh Nguồn nước công đức, *Tăng Chi Bộ*.
8. Kinh Nguồn nước công đức, *Tăng Chi Bộ*.
9. Kinh Người chân nhân, *Tăng Chi Bộ*.
10. Kinh Nguồn nước công đức, *Tăng Chi Bộ*.
11. Kinh Đại Thiện Kiến Vương, Kinh Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống, *Trường Bộ*.
12. Kinh Đại Thiện Kiến Vương, *Trường Bộ*; Kinh Hiền ngu, *Trung Bộ*.
13. Kinh Cây Kovidāra Pāricchattaka, *Tăng Chi Bộ*.



Khát vọng mùa xuân

NGUYỄN CÂN

Thông thường, đầu mùa xuân là lúc người ta ngừng lại mọi việc để tổng kết lại một năm đã qua, kiểm điểm những điều đã làm được và chưa làm được, để rồi đặt ra kế hoạch cho năm sau. Nhưng có những khát vọng cháy bỏng từ năm này qua năm khác mà cứ mùa xuân chúng ta lại dằn vặt, trăn trở tự hỏi vì sao còn nguyên đó, để rồi lại tiếp tục hy vọng... dù ngày thực hiện có thể còn xa lắm, dù có lúc ta thấy mọi việc trong tầm tay của mình!

Khát vọng một nền văn hóa dân tộc

Khởi đầu của một năm từ mùa xuân nên hãy nhìn cách người ta chào đón mùa xuân để nhận ra bản sắc dân tộc. Chúng ta vẫn đi tìm một mùa xuân “đậm đà bản sắc dân tộc” như thường được rêu rao năm này qua tháng nọ trong các báo cáo tổng kết, hay được nêu thành phương hướng của ngành văn hóa, nhưng mãi rồi chúng ta vẫn thấy còn đó trên bức tranh chung những “gam” màu nhạt nhẽo.

Vì sao ư? Rất nhiều lễ hội dân gian diễn ra nhưng hình thức mà chúng ta thường phê phán, kêu gọi

chấm dứt thì vẫn còn đầy những lễ hội “tắm máu” như chém lợn, chọi trâu...

Trong khi các lễ hội ngày một nhiều, nhưng lại giảm mạnh về bản sắc với việc xuất hiện không ít những xu hướng lệch lạc, thiếu ý thức của người dự hội; cùng với đó là các biểu hiện tiêu cực, thể hiện sự yếu kém trong công tác quản lý cùng xu hướng thực dụng, thương mại hóa lễ hội làm lãng phí về thời gian, công sức, tiền của và sự phiền nhiễu cho khách trải hội. Có người vẫn đổ thừa theo thói quen cho là vì “những tác động tích cực và không tích cực của cơ chế thị trường”, như việc các liên anh, liên chị “giơ khay mời trâu” xin tiền dù ban tổ chức Hội Lim quan họ Bắc Ninh có quy định cấm việc chèo thuyền “ngửa nón xin tiền”. Chưa kể Hội Lim vẫn sử dụng loa đài tăng âm “đấu âm thanh” giữa các lều quan họ trong ngày hội, không ai còn được thưởng thức chất giọng mộc “vang, rền, nền, nảy” cùng không gian diễn xướng thân tình, gần gũi của quan họ đích thực trong ngày hội thưở xưa. Ngay như một số lễ hội lâu đời, vốn dĩ khá độc đáo, mang ý nghĩa nhân văn cùng tính cộng đồng rất cao như lễ hội trò trám ở Lâm Thao (Phú Thọ) hay *đá cầu, cướp phết* đình Đông



Lai, Lập Thạch (Vĩnh Phúc), lễ hội chợ Chuông ở Đông Sơn (Thanh Hóa)... cũng đã và đang bị mai một dần ý nghĩa tốt đẹp khi một bộ phận khá lớn người dự hội, đặc biệt là thanh niên, đã có những hành động thái quá, lợi dụng lễ hội để có các hành động bạo lực và sàm sỡ phụ nữ. Các giá trị văn hóa, tinh thần của lễ hội bị chìm lẩn, phai nhạt vì sự thiếu ý thức và lộn xộn trong tổ chức. Toát lên trên tất cả hình thức ấy là tinh thần “vụ lợi” vô hình hay hữu hình trong tâm thức của người hành lễ và dự lễ, xa lạ với những giá trị tốt đẹp ban đầu. Họ cầu xin danh lợi cho cá nhân, cho gia đình mình. Họ tranh cướp giẫm đạp lên nhau xin “lộc!”. Bản thân các vị Phật, tiên thánh, anh hùng dân tộc cũng bị biến thành “thần” phù hộ cho kẻ cầu xin đạt được ý nguyện bất chấp họ mong muốn cả những chuyện mờ ám, bất chính. Những hành vi đốt vàng mã nghi ngút, sấm lễ thật to, dán hay nhét tiền vào tượng ở bất cứ chùa nào, nhằm “mặc cả với người được cầu xin”, dù quý thầy trụ trì và chư Tăng vẫn cố sức uốn nắn quần chúng đi lễ, từ chùa lớn như chùa Bái Đính (Ninh Bình), chùa Hương đến chùa Bà Chúa Kho (Bắc Ninh), Bia Bà, Phủ Tây Hồ, đền Và, đền Sóc (Hà Nội), đền Trần, Phủ

Giấy (Nam Định), đền Cờn, đền Cuông, đền Ông Hoàng Mười (Nghệ An), chùa Bà (Bình Dương), miếu Bà Chúa Xứ (An Giang). Không có cơ quan văn hóa nào hướng dẫn quần chúng xây dựng không gian văn hóa và gìn giữ sự thiêng liêng của lễ hội và nơi thờ tự, chấm dứt tệ nạn mê tín dị đoan thông qua tuyên truyền, giáo dục và các biện pháp xử lý. Là những người đọc sách Phật, chúng ta biết rằng người Phật tử không cầu xin một ơn huệ vật chất hay tinh thần khi đánh lễ tượng Phật.

Đức Phật thường dạy: *“Ta ví như vị lương y bắt mạch cho thuốc, còn chúng sanh ví như người bệnh cần uống thuốc để khỏi bệnh. Uống hay không và bệnh có hết hay không là tùy vào mỗi người bệnh”*.

Trong kinh *Di Giáo*, Ngài dạy rằng: *“Các con hãy tự thấp đức mà đi”*. Bởi lẽ: *“Chỉ có ta làm điều tội lỗi, chỉ có ta làm điều ô nhiễm - Chỉ có ta tránh điều tội lỗi, chỉ có ta gội rửa cho ta - Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta - Không ai có thể làm cho người khác trở nên trong sạch”* (Kinh *Pháp cú*).

Ngày xuân, chúng ta mong muốn đoàn tụ trong không khí “đại gia đình” của người phương Đông khi con cháu về sum họp chúc thọ người già, chúc vui người



trẻ. Vậy mà hiện nay, nhiều người lao vào bài bạc, ăn nhậu từ trước cho đến sau Tết... Đã phơi pha rồi hình ảnh những ngày xuân nhẹ nhàng, đầm ấm ngày xưa?

Khát vọng một mùa xuân đầm ấm mang bản sắc dân tộc ngữ đã có từ lâu bây giờ lại là điều mơ ước?

Khát vọng văn hóa nhân bản và trung thực

Chúng ta thao thức trăn trở vì một nền văn hóa nhân bản. Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc từng la lên “*Văn hóa gì mà quệt xe là đánh nhau, giết nhau?*”. Ông cũng xót xa khi đòi hỏi ngành giáo dục nhìn lại mình. Lỗi không chỉ của ngành giáo dục, mà của toàn xã hội hôm nay khi tình trạng bạo lực được báo động ở mức cao nhất khi người ta giết nhau quá dễ, quá đơn giản từ nhà ra phố, từ công sở đến trường học. Tinh thần “*tranh chấp*” không khoan nhượng và dùng bạo lực không biết chừng có lúc lan cả vào những tu viện, tự viện? Chúng ta đừng bị đánh lừa vì các con số “*hấp dẫn*”: “*Đến nay cả nước có gần 19 triệu gia đình trong tổng số hơn 22 triệu gia đình đạt chuẩn danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỉ lệ 85,03%, tăng 2% so với năm 2014*”.

Nhưng nhận định về vấn đề này ngay trong Hội nghị tổng kết, chính Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam phải nêu nhận xét rằng mặc dù vậy, chúng ta không thể không thừa nhận sự xuống cấp về đạo đức đang biểu hiện ở nhiều nơi, cho dù các cấp, các ngành có đầy đủ các chiến lược, đề án, các ban chỉ đạo để xây dựng đời sống văn hóa. Đến đây chúng ta mới thấy mình đã rơi vào cái bẫy của chính mình là thói “*hình thức*” hay thẳng thắn hơn là thói “*giả dối*”. Chúng ta báo cáo rất hay, rất kêu nhưng thiếu thực chất và nếu bi quan hơn, có thể nói, chúng ta phản ánh sai sự thật!

Văn hóa nhân bản không dung thứ sự giả dối. Vì nếu gia đình văn hóa nhiều như thế thì sao có thể xảy ra tình

trạng bạo lực từ chỗ giết một người đến chỗ giết cả gia đình người khác (bốn hay sáu người) vì thù hận; còn tình trạng các nhóm với vài ba chục người lao vào lấy mạng nhau thì hầu như tuần nào cũng có, ở đâu cũng có, nay thì Hà Nội, Thanh Hóa, mai thì Cần Thơ, Bạc Liêu... Cả miền quê cũng không còn bình yên như xưa.

Theo Phó Thủ tướng, “*nói là toàn dân đoàn kết thì đúng rồi*”, nhưng tại sao văn hóa xã hội lại rất có vấn đề như vậy, vệ sinh an toàn thực phẩm là một ví dụ, sản xuất và buôn bán các loại thực phẩm nguy hại cho sức khỏe đồng loại đến mức bất chấp đạo lý. Ông đặt vấn đề rằng chưa nên bàn những chuyện cao siêu, Ban chỉ đạo văn hóa phải xác định những việc cụ thể để triển khai, tạo ra sự chuyển động thực sự trong đời sống xã hội. Ở nông thôn ai trồng rau sạch, rau bẩn thì chẳng lẽ các tổ chức hội nông dân, phụ nữ, chính quyền, bí thư xã không biết? Đã đến lúc nên tìm ra vài việc cụ thể và làm đến nơi đến chốn. Quan trọng là phải xây dựng những tiêu chí dễ hiểu, sao cho khắc phục được bệnh hình thức. Chẳng hạn cứ nói tiêu chí gia đình văn hóa là chấp hành quy định pháp luật, chủ trương của Đảng, Nhà nước, thì quá chung chung, phải nêu cụ thể hơn như gia đình văn hóa thì phải không có bạo lực, cờ bạc, đề đóm, ở nông thôn thì gia đình văn hóa là gia đình sản xuất, nuôi trồng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm...

Ông tổng kết: “*Tình trạng bạo lực gia đình và các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng, xuống cấp về đạo đức gia đình, xã hội và các giá trị văn hóa gia đình truyền thống có nguy cơ mai một...*”.

Khát vọng về một xã hội dân chủ

Hình ảnh bà Aung San Suu Kyi dịu dàng, mảnh mai nhưng tràn đầy nội lực, phát biểu trong ngày nhận bàn giao quyền lực từ tướng Thein Sein để xây dựng một chính quyền Miến Điện dân chủ sau bao thập kỷ đấu tranh khiến cả thế giới kính phục. Bà hoạt động theo tinh thần vô úy và dân chủ của Phật giáo, dùng nhiều khái niệm của Phật giáo, của trí tuệ dân gian Miến Điện để trình bày quan điểm nhân bản và xây dựng dân quyền của mình. Những lý tưởng mà bà đã dành trọn cuộc đời để đấu tranh, hy sinh hạnh phúc riêng tư để rồi trong hoàng hôn cuộc đời, bà lại thấy bình minh nền dân chủ Miến Điện. Bà Aung San Suu Kyi nói rằng dân tộc Miến Điện có quá đủ kinh nghiệm trong lịch sử về quyền lực độc tài để ý thức rõ ràng về sự cần thiết phải nhắc nhở những bốn phạm ấy.

Đó là: *bố thí, đạo đức, hy sinh, liêm khiết, nhân từ, nghiêm khắc với mình, không giận dữ, không bạo lực, nhẫn nại, và không làm trái* (với ý muốn của dân). Vì nền dân chủ ấy sẽ xóa tham nhũng và bất bình đẳng như bà nói: “*Chúng ta không muốn đầu tư để những người đã có đặc ân lại có thêm đặc quyền... Chúng ta muốn có đầu tư để có thêm việc làm. Cần có nhiều công ăn việc làm càng tốt, chỉ đơn giản là như vậy...*”.

Đây chính là cái mà phương Tây gọi là xã hội dân sự. Những hoạt động có sự tham gia của người dân nhằm tăng thêm tính chủ động, tăng thêm sự giám sát của nhân dân. Phải giáo dục tinh thần và nhận thức dân chủ cho người dân. Khi họ hiểu biết hơn về quyền của mình, họ sẽ có trách nhiệm hơn với đời sống của cộng đồng, bớt vô cảm với những diễn biến xã hội. Việc điều hành kinh tế vĩ mô đều liên quan đến dân chủ và nhân quyền; bởi vì tất cả những quyết sách ảnh hưởng đến đời sống người dân đều phải biểu quyết vì phải sử dụng ngân sách, hay chính là tiền thuế của dân. Còn về đầu tư công, nhiều quan chức sử dụng tiền thuế của dân mà không hề suy xét đến hiệu quả gây nên lãng phí, thất thoát hoặc do trình độ, hoặc do tư túi... nhưng vì thiếu cơ chế kiểm soát hay nói đúng hơn thiếu một xã hội dân sự để quản lý, giám sát... Tình trạng tham nhũng, phân hóa giàu nghèo là một "khối u" cần cắt bỏ khỏi cơ thể lành mạnh của nền dân chủ, nếu không sẽ vô phương cứu chữa!

Chúng ta xây dựng luật pháp làm gì vì nếu dân quyền chưa được thể hiện đầy đủ thì làm sao tránh khỏi những vụ án oan sai. Nói tất cả những điều này có nghĩa là hệ thống chính trị và luật pháp là mục tiêu, nhưng nền tảng của nó phải là dân chủ, nhân quyền. Nếu dân chủ, nhân quyền chưa được thể hiện rõ ràng thì những mục đích tốt đẹp kia chỉ là "khẩu hiệu". Có lẽ dân chủ, nhân quyền là điều kiện cần, còn hệ thống chính trị và luật pháp là điều kiện đủ cho một đất nước văn minh, và phát triển.

Quần chúng mong muốn một chính phủ cai trị vì họ, chứ không "chống" lại họ. Nói như Alexander Ivanovich Herzen (1812-1870), một nhà văn chính trị hay thậm chí được xem như một nhà cách mạng tiền bối của Lenin, "Mỗi giây phút lịch sử đều đầy đặn khép kín theo cách thức của nó, giống như bốn mùa với cả những ngày giông bão và những ngày nắng đẹp. Chúng ta cứ tưởng mục đích của trẻ con là tuổi thanh niên, trong khi mục đích của chúng là chơi đùa, tận hưởng, là sống đời trẻ con. Nếu như cứ nhìn vào giới hạn cuối thì phải chăng mục đích của đời sống là cái chết?"

Trong thời của mình, Herzen cũng đã phê phán những triết gia xã hội chủ nghĩa như Mazzini hay kêu gọi người ta phải hy sinh cao nhất vì dân tộc, vì nền văn minh nhân bản, vì Chủ nghĩa xã hội, vì công bằng nhân đạo - nếu chưa thấy ở hiện tại thì cũng cho tương lai. Theo ông thì mục đích của đấu tranh cho tự do không phải cho tự do của ngày mai mà là *tự do của hôm nay, tự do cho những cá nhân đang sống vì mục đích riêng của họ*. Nghiền nát tự do của họ, mưu cầu của họ, phá hủy hạnh phúc của họ vì hạnh phúc lớn lao mơ hồ trong tương lai, chỉ đơn thuần là xây dựng một tòa nhà siêu hình trên cát (*Từ bờ bên kia*, Alexander Herzen, Nguyễn Văn Trọng dịch, Nxb Tri Thức, 2012).

Chúng ta sẽ có tội với nhân dân khi nói với họ về những hình ảnh đẹp đẽ hay viễn cảnh của tương lai mà

trước mắt họ lại đang ở một nơi mà mức độ đáng sống đứng thứ 124/125 quốc gia.

Bảng xếp hạng "Quốc gia đáng sống" của Liên Hiệp Quốc dùng để đo những đóng góp của mỗi quốc gia cho hành tinh và nhân loại. Người ta xem xét bảy phương diện là: đóng góp về khoa học công nghệ; đóng góp về văn hóa; đóng góp vào hòa bình, an ninh và trật tự thế giới; đóng góp vào việc bảo vệ môi trường hành tinh; đóng góp vào sự phồn vinh và bình đẳng của thế giới; đóng góp về y tế sức khỏe; và đóng góp để cải thiện hành tinh và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Chúng ta nghĩ sao khi theo công bố của Liên Hợp Quốc, Việt Nam đứng thứ 124/125 đất nước được xếp hạng, thấp hơn nhiều các quốc gia ở Đông Nam Á, chỉ đứng trên Lybia - đất nước bất ổn ở Trung Đông? Được biết, danh hiệu "Quốc gia đáng sống nhất" thuộc về Ireland.

Sự xếp hạng đó có thể không chính xác, nhưng chúng ta cũng khó nghĩ rằng nếu xếp hạng đúng, đất nước chúng ta có thể được xếp ở mức 80 hay 70 trên bảng.

Bảng xếp hạng này có tác động lớn đối với những người muốn tìm đến một nơi đến dù chỉ là du lịch, trước khi là một nơi ở lại, với môi trường trong lành, thiên nhiên tươi đẹp, an toàn và thân thiện.

Khát vọng về văn hóa dân tộc, dân chủ, và hướng thiện còn đó, vì rằng cái đúng, cái tốt, và cái đẹp vẫn đang bị xâm hại hàng ngày hôm nay. Làm sao tưới tắm tình yêu vào sự khô cằn của tâm hồn vốn đang bị tha hóa trong lối sống thực dụng đến lạnh lùng? Mùa xuân khởi đi từ những ước mơ tuổi trẻ như Thiển sư Nhất Hạnh từng ấp ủ: "*Giấc mơ của chúng ta không phải chỉ là một giấc mơ của sự giàu thịnh và vinh quang cho riêng một mình ta. Hạnh phúc chân thật không nằm trên tiền bạc, danh vọng và quyền thế. Hạnh phúc chân thật nằm trên nền tảng của tự do. Tự do ở đây không phải là tự do chiếm đoạt, tự do hủy hoại, hủy hoại thiên nhiên, hủy hoại thân tâm mình và thân tâm người. Tự do ở đây là thanh thoi, là có thì giờ để vui chơi và thương yêu. Tự do là không bị ràng buộc bởi hận thù, tuyệt vọng, ganh tị, mê cuồng, không bị kéo theo công việc để tối ngày quanh năm bận rộn, không có cơ hội vui chơi, thương yêu và chăm sóc cho nhau. Phẩm chất đời sống nằm nơi này"* (Tuổi trẻ - Tình yêu - Lý tưởng, *Thích Nhất Hạnh*).

Mùa xuân, chúng ta hãy thả hồn trên đôi cánh của trí tưởng tượng bay vào vùng trời thanh thang ấy. Nói như Steve Jobs "*Hãy cứ khát khao, hãy cứ dại khờ*". Để rồi mong sao chúng ta và quanh ta là những tâm hồn tràn đầy khí phách và nhiệt huyết, những con người sẽ hoàn thiện nhân cách để là chính mình. Nói cách khác theo ngôn ngữ thời đại, là những kẻ thiện tâm cùng xây dựng một xã hội dân chủ với một nền văn hóa trung thực, dân tộc và nhân bản, mục tiêu của mọi nền văn hóa, hay của mọi quốc gia đáng sống, và của mọi chính thể công bình. ■



Dấu lặng của đạo Phật trong văn hóa Nhật Bản

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Một đời người thường cần đến ba năm đầu của tuổi thơ để học nói. Nhưng chưa hề nghe nói là người ta bỏ ra bao năm để học nghe. Bởi vậy, lịch sử nhân loại đã vinh danh rất nhiều nhà hùng biện, trạng sư, diễn giả, thuyết khách tài ba vì nói hay, nói giỏi mà chẳng có một “nhà nghe” - thính giả hay văn giả chẳng hạn - tài danh nào vì biết nghe giỏi được nhắc đến. Điều này có nghĩa là người ta có thể chỉ cần ba năm để học nói, nhưng bỏ ra cả đời vẫn chưa thể học nghe. Phải chăng vì thế mà khi có người hỏi thiên tài âm nhạc Beethoven về nốt nhạc nào là nốt có âm thanh hay nhất trong âm nhạc, Beethoven đã trả lời: “Dấu lặng!”

Bát-nhã Tâm kinh là một Dấu Lặng tuyệt vời và tuyệt đối trong khu rừng đại ngàn chân ngôn của Phật giáo. Chân là không còn vọng, là vị thế trung đạo im lìm vô hình vô ảnh của vạn sự. Càng dựa vào hình tướng, màu sắc, âm thanh đời thường chừng nào thì càng gần phạm, xa thánh; gần động, xa tịnh chừng ấy.

Tại sao đạo Phật truyền vào Trung Hoa thành động mà khi vào Nhật Bản thành tịnh hay tĩnh?

Nếu xét về mặt lịch sử tâm lý xã hội thì hiện tượng động và tịnh là hai mặt không rời nhau của vạn sự. Đó một tiến trình giao hòa của điệu sống tự nhiên và nếp sống tất nhiên.

Đạo Phật đến Trung Hoa khi tư tưởng vô vi trong *Đạo Đức kinh* của Lão Tử, khuynh hướng phiêu dật trong *Nam Hoa kinh* của Trang Tử và giếng mối chôn chu trong *Tứ thư*, *Ngũ kinh* của Khổng Tử đang trở thành nếp nghĩ hàng trăm năm của toàn xã hội. Họ phải vận dụng đạo Phật như một phương tiện động để đánh thức mạch sống “vô ký ngữ quên” thuần Trung Quốc đang dật dờ trong cung đường triết lý!

Ngược lại, Phật giáo vào Nhật Bản khi trào lưu tư tưởng của dân tộc hải đảo này đang nóng hổi với niềm tự hào đầy ngả tính của con cháu Thái Dương Thần Nữ. Bên cạnh đó, dòng cuồng lưu năng động của Thần đạo, Võ sĩ đạo và Lãnh chúa đang dâng trào. Nhật Bản đã vận dụng Phật giáo như một dòng suối tươi mát êm đềm làm điều hòa cơn sóng động đang dâng lên trong cả giới bình dân và quý tộc.

Tôi được trang bị một cảm nghĩ như trên khi chuẩn bị đặt chân lên đất Nhật lần thứ hai cách lần đầu 30 năm.

Ngồi chờ chuyến bay lúc nửa đêm từ San Francisco tới Tokyo, tự nhiên tôi nhớ đường bay về Việt Nam. Lần này, nghĩ đến chuyến đi nửa tháng, nhưng sẽ không ghé về Việt Nam như những lần trước, tự nhiên tôi cảm thấy lòng nao nao. Trong nỗi nhớ quê hương, tôi thường nhớ mẹ, nhớ Huế, nhớ những ngôi chùa cổ, rồi mới nhớ một nơi nào đó ở Việt Nam.

Uống ly cà phê “Starbucks 2 shots” nồng đậm như cà phê... chôn giữa một tối mù sương Buôn Mê Thuột, nhìn những dãy ghế hành khách ngái ngủ, tôi muốn giữ mình tỉnh táo nên bước ra hành lang để gọi điện thoại cho bạn bè. Nhớ người bạn thân già hơn tôi một tuổi, nhưng gần lên chút “cổ...” vì đã có cháu nội cao ngồng và đang đau nặng ở Huế, tôi bấm số gọi. Anh ta là một “Tôn Tẫn” đối với tôi trong thế giới du lịch với những binh luận rất dí dỏm ngay đối với những nơi mà anh chưa bao giờ đặt chân đến.

Qua điện thoại, anh cho tôi một lời khuyên: *“Tinh thần quốc gia cực đoan Nhật mà không có bom nguyên tử của Mỹ trối lại thì giới quân phiệt sẽ biến Nhật thành một đạo quân Mông Cổ tự nướng mình trên lưng ngựa hay phơi thây giữa sa mạc trên đường xâm lăng hai phần ba thế giới. Nhưng sau khi bại trận rồi mà không có tinh thần Phật giáo thì Nhật đã trở thành một chiến trường du kích đầy máu lệ chứ làm sao tỉnh táo để vươn lên hàng cường quốc kinh tế số một như ngày nay...”*.

Trăm nghe không bằng một thấy. Tôi muốn học hỏi bằng quan sát và tìm hiểu thực tế về đôi nét ảnh hưởng của Phật giáo trong nếp sinh hoạt xã hội Nhật, nơi có chùa Vàng đầy huyền thoại, có tượng Phật đồng ở Nara lớn nhất thế giới, có những vị thiền sư làm rạng rỡ của thiền và hàng vạn ngôi chùa trải qua nhiều thế kỷ còn tồn tại đến ngày nay.

Ngày đầu đến viếng Kyoto, kinh đô hơn nghìn năm của Nhật Bản, cuốn sách bìa dày của ai quên trên ga tàu lửa tốc hành có cái tên làm tôi chú ý *“Kyoto Thành Phố Thiền”* (Kyoto City of Zen) của Judith Clancy. Sau đó, những chiều mưa đi trên các con đường phố thưa người, tôi cảm thấy thành phố này vừa có cái vẻ u trầm của Huế, vừa có những góc phố “rất Sài Gòn” bởi những túm dây điện chằng chịt trên nóc những cột đèn có dáng vẻ của thế kỷ trước. Nhưng tôi vẫn chưa tìm ra cái chất “Thiền” của thành phố này ở đâu mà có và tính thiền được thể hiện như thế nào. Mặc dầu với con số 1.600 ngôi chùa Phật giáo và 500 đền thờ Thần đạo (Shinto) trong một thành phố đã tạo nên một khái niệm hình tượng đầy... nội lực thâm hậu về đời sống tâm linh phong phú của vùng đất này. Nhưng suốt mấy ngày bươn chải đi thăm viếng các chùa, tôi thất vọng náo nức. Sinh hoạt Phật giáo tại Nhật Bản ngày nay đang lắng xuống bề sâu. Đạo Phật không còn là đối tượng để chiêm bái, cầu xin mà đã hòa quyện vào chất men và điệu sống của cuộc sống hằng ngày đầy bon chen bươn bả của một xã hội kỹ nghệ năng động hàng đầu thế giới. Hầu hết chùa viện không còn dáng vẻ linh tự mà là “kế tự”. Một vẻ đẹp siêu mẫu để chiêm bái hơn là để tu học, hành đạo.

Chùa chiến mang dấu vết cổ kính của thời xa xưa thì vắng vẻ và trở thành nơi du lịch với nhiều hình thức buôn bán quà kỷ niệm cho du khách bốn phương.

Chùa có người trụ trì - quản lý thì sống kiểu thầy chùa cha truyền con nối nhưng hầu hết đã nhạt đi tính chất trầm mặc, thiêng liêng của cửa thiền thuần túy vì qua

không thể hệ, các chùa ấy đang biến thành an dưỡng địa của thế giới mộ bia.

Những chùa có Tăng đoàn với các vị tu hành nghiêm cẩn thì phần lớn trở thành những đơn vị tịnh tu biệt lập. Phật tử và quan khách bên ngoài rất khó được đến thăm viếng, tiếp xúc với các tu sĩ theo tinh thần... của thiền rộng mở.

Trong lúc đó, hơn 80 phần trăm người Nhật đều tự nhận rằng họ vừa theo Thần đạo vừa là người theo đạo Phật. Rõ ràng văn hóa Nhật Bản được phát triển và gắn liền với văn hóa Phật giáo và Thần đạo như câu nói dân gian xứ này: *“Sinh theo Thần, chết theo Phật”*.

Quan sát thực tế; một ngôi nhà ở, hay một đơn vị gia cư truyền thống, thường có bàn thờ Thần đạo đối diện với cửa chính và bàn thờ Phật được thiết trí sâu vào bên trong. Người Nhật thờ Thần đạo như người Việt thờ tổ tiên. Chỉ khác nhau là Thần đạo Nhật được xem như một sức mạnh truyền thống và tổng hợp các thần linh để ngự trị và chinh phục, còn tổ tiên người Việt thuộc về dòng tộc và kế thừa. Cho nên vị thế thờ tự của người Việt là sự kết hợp “tiền Phật hậu linh”. Nghĩa là trong cùng một bàn thờ thiết kế tượng Phật trước và tổ tiên ông bà ở vị trí phía sau; trong lúc người Nhật thì “tiền thần, hậu phật”. Nghĩa là thờ Thần để giữ gìn, đối trị với thế lực xâm chiếm và thờ Phật để phù trợ, cứu giúp. Phật và Thần song song mà riêng biệt, mỗi bên có một vị thế riêng. Thần giúp giữ cửa, Phật giúp tu hành. Có thể nói Phật và Thần lo hai mặt khác nhau của đời sống. Cho nên trong suốt hơn nghìn năm lịch sử Phật giáo Nhật Bản khi thịnh, khi suy nhưng Thần và Phật kết hợp nhau ở thế hỗ trợ, tương hòa trong đời sống tâm linh của người Nhật.

Đến đời vua Minh Trị Thiên Hoàng (Meiji Tenno (1852-1912), nhà vua đã mở ra một cuộc duy tân triệt để và cổ xúy cho một tinh thần quốc gia đầy tự hào và quyết đoán. Riêng trong lĩnh vực tôn giáo thì đến mức quốc gia cực đoan. Thần đạo trở thành đại quốc giáo và Phật giáo bị cấm cản, giới hạn nặng nề. Có thể nói đây là thời kỳ pháp nạn do thế lực chính trị cầm quyền tác động rất hiểm xảy ra trên đất Nhật.

Thế kỷ XX, bộ máy chiến tranh do giới quân phiệt Nhật cầm đầu đã đưa cả một nước Nhật vào những cuộc viễn chinh xâm lăng Triều Tiên, Trung Quốc, Việt Nam, gây ra những tội ác chiến tranh khủng khiếp như tàn sát, hãm hiếp, bóc lột, ngược đãi người dân nơi chiếm đóng. Thế giới la ó vì hai quả bom nguyên tử Mỹ thả xuống Hiroshima và Nagasaki năm 1945 giết chết hai vạn người; nhưng yên lặng khi nạn đói năm Ất Dậu 1945 xảy ra tại Việt Nam do quân đội Nhật trực tiếp gây nên (bỏ lúa trồng đay, lấy lúa đốt than, chửi lúa gạo về Nhật, không cho chuyển lúa gạo từ Nam ra Bắc) đã làm cho hai triệu người dân Việt chết đói trong cảnh địa ngục trần gian.

Nhưng giới cầm quyền hiếu chiến chỉ là thiểu số. Người dân Nhật thấm nhuần tinh thần văn hóa Phật giáo qua nhiều thế hệ đã nhận ra lý duyên khởi và luật

nhân quả đã tác động như thế nào lên nước Nhật nên đã nhận chịu sự đau hàng như một hậu quả đương nhiên của những cuộc viễn chinh đầy máu lệ. Sau cuộc bại trận năm 1945, giới quân phiệt Nhật thoái trào, người dân không đối kháng quyết tử với phe thắng trận tạm thời chiếm đóng như tiên liệu mà ngược lại, họ để cho hận thù lắng xuống, cùng vươn lên xây dựng đất nước phồn vinh như ngày nay. Thần đạo đã thay Thiên đạo làm chiến tranh nhưng đã bị thua cuộc và mang thương tích nặng nề. Thiên đạo mặc nhiên về lại, lặng lẽ băng bó vết thương và an hòa cuộc sống.

Phật giáo Nhật Bản đang trải qua một thời kỳ chuyển biến phức tạp trong thời đại mới, bởi vì thế hệ trẻ Nhật đang say sưa theo đuổi sự nghiệp và tay nghề chuyên môn hơn là quan tâm về tôn giáo. Gần đây, thế giới bên ngoài tỏ ra ngạc nhiên trước hiện tượng giới trẻ Nhật đang chuyển mình từ nếp sinh hoạt truyền thống qua kiểu cách sinh hoạt của một xã hội kỹ nghệ bị lung lay đời sống tinh thần và bất chấp sự ràng buộc của đạo lý cổ truyền. Các hiện tượng tuổi trẻ khủng hoảng đã xảy ra và có khuynh hướng tăng dần tại Nhật như: hưởng thụ cá nhân, thất vọng tự tử, cổ xúy giới tính, vợ chồng không con, thoát ly đời sống gia đình...

Về đời sống tâm linh, nếu có dịp tiếp xúc với giới trẻ Nhật Bản ngày nay để hỏi rằng, "bạn theo tôn giáo nào" thì giới thanh niên, sinh viên học sinh của Nhật sẽ im lặng cười trừ vì điều đó chẳng có gì đáng quan tâm với họ. Thế nhưng càng tiếp cận với sinh hoạt xã hội Nhật Bản, người ta càng nhận rõ hơn một điều rằng: Tinh thần Phật giáo đã hòa quyện và lắng vào bề sâu của đời sống Nhật. Hầu hết tuổi trẻ tỏ ra thờ ơ và lạ lẫm với tôn giáo, nhưng hành động ứng xử lại rất là "văn hóa Nhật", một nền văn hóa thấm nhuần tư tưởng tĩnh lặng của Phật giáo và tính quyết đoán năng động của Thần đạo.

Một chiều mưa lâm râm, ngồi trước nhà sách trên đường Kunyo, nhìn những dòng xe toàn cả Toyota, Honda, Nissan... qua lại, tôi thấy những nhóm trẻ em tiểu học tung tăng trong giờ bãi trường đi dưới mưa phùn hơi lạnh theo từng nhóm nhỏ. Các em bé mang cặp sách đi trên đường phố, ríu rít hồn nhiên, chẳng có bóng người lớn nào theo dắt dìu chăm sóc. Chúng đi trên đường phố với dáng vẻ vui tươi và thanh thoát như đi trên sân cỏ xanh trước hiên nhà mình. Khi hỏi ra mới biết là cả nước Nhật đều như thế, không nghe ai quan tâm về nạn bắt cóc trẻ con, xâm phạm trẻ em bằng hình thức này hay hình thức nọ như tại các nước Âu Mỹ. Thành thạo có những bà mẹ hay người chị đi xe đạp, chở trẻ nhỏ trước và sau chiếc xe mỏng manh với chiếc dù mở rộng trên tay. Nhìn khuôn mặt họ lấm tấm nước mưa, nhưng toát ra nét mặt khoan hòa và tự tại, chẳng có biểu hiện nào vui buồn với phương tiện giàu nghèo, xe đạp hay xe hơi. Nhật là nước sản xuất xe hơi nhiều nhất thế giới mà Kyoto cũng là nơi có tỷ số người đi xe đạp cao nhất thế giới.

Chiều về, những nhóm người tuổi trẻ sau giờ tan sở cũng đi bộ với nhau từng nhóm nhỏ. Hình như tất cả đều mặc một kiểu đồng phục tự nhiên: Áo vét, quần tây, giày da, cặp giấy màu đen; áo sơ-mi trắng đa số để hở cổ không đeo cà-vạt. Họ nói cười, vẫy tay nhau, gọi nhau ới ới nhưng âm thanh vừa đủ cho nhau nghe, không làm phiền người công cộng.

Đêm về, tôi đọc *Kyoto Thành Phố Thiên* của Clancy nhưng tác giả chỉ chú tâm vào cây cảnh thiên nhiên và đền đài chùa viện với những nét hài hòa, tĩnh lặng như có riêng một linh hồn trầm lắng của thế giới thiên. Tôi đã sống nửa đời ở Mỹ, nơi có một đời sống kinh tế và xã hội thiên về động, nên theo sự quán niệm riêng mình thì "tĩnh thiên" giúp cho đời sống cá nhân và sinh hoạt xã hội là cái tĩnh bên trong cái động và sự tĩnh táo ngay giữa dòng đời náo loạn. Chất thiên của Kyoto chính là tinh thần tĩnh lặng Phật giáo được nuôi dưỡng trong bản chất năng động Nhật Bản. Đó là một điệu sống hài hòa giữa thiên nhiên, con người, tư tưởng và tâm linh.

Phật giáo Nhật Bản kể từ khi du nhập từ Trung Hoa vào thế kỷ thứ VI, VII cũng đã trải qua nhiều thời kỳ biến động của lịch sử và xã hội. Sự kỳ thị lúc đầu tăng nhiệt độ thành thù nghịch về sau của Thần đạo Shinto, Lãnh chúa Shogun, Võ sĩ đạo Samurai đối với đạo Phật trải qua những thời kỳ nóng lạnh, đậm nhạt khác nhau. Có thể ví những thiên phái Phật giáo là những áng mây bay trong lúc tâm lý những người Nhật qua bao nhiêu thời kỳ, triều đại vẫn cần những cơn mưa lũ lớn. Nhưng những khát vọng của con người thì thay hình đổi dạng, biến hoại không ngừng mà những đám mây Phật giáo thì nghìn năm vẫn nhẹ nhàng, rỗng lặng như thình không. Cứ thế, trong sự tương tác lâu dài, mây không tách rời khỏi nước, nhưng vẫn ở tầm cao nên không chìm xuống nước mà lắng vào bề sâu của tâm thức để trở thành nguyên động lực phát xuất hành động. Nhật là nước đầu tiên trên thế giới và trong toàn lịch sử nhân loại hứng chịu hai quả bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagashaki năm 1945. Thế nhưng một quốc gia bại trận, đầu hàng vô điều kiện đã vươn lên, vươn lên và vươn lên để đạt một vị thế hàng đầu về tính ưu việt của dân tộc và hàng thứ nhì về sức mạnh kinh tế trong vòng vài chục năm là do đâu?

Đến Hiroshima, một cảm giác ớn lạnh ở đầu từ trong không gian vắng lặng ủa đến khi tôi đứng trước tòa nhà kỷ niệm chỉ còn vòm mái trơ lại. Đó là dấu tích vật thể duy nhất còn trơ lại sau khi trái bom nguyên tử đầu tiên của nhân loại thả xuống nơi này. Chỉ sau một ánh chớp, một trái bom chỉ cân nặng 65kg đã thiêu rụi hàng vạn người và biến cả lâu đài phố thị thành bãi tro tàn giữa buổi sớm mai ngày 9 tháng 8 năm 1945. Tôi đến viếng nơi này đúng 70 năm sau ngày biến cố. Trong số những người Nhật là cư dân Hiroshima trong thời điểm bị ném bom nguyên tử sống sót và kéo dài tuổi thọ cho đến ngày nay, tôi gặp ông già Sakura. Ông bây giờ đã 82 tuổi. Ông ở dưới hầm của một ngôi chùa cổ phía bên kia



sông chỉ cách nơi trái bom rơi xuống chừng 300 mét. Tôi ngạc nhiên vì ông không nói đến ác mộng, đến hận thù, đến những điều oan nghiệt mà chỉ nhẹ nhàng nói đến ý nghĩa của sự sống chết trong tâm tư của người dân Nhật. Theo ông, người Nhật vẫn còn là người Nhật như ngày hôm nay bởi văn hóa Nhật là một sự hòa quyện và tổng hợp khá nhuần nhuyễn giữa hai đối cực trái ngược nhau.

Hình ảnh Mặt trời tượng trưng cho nam tính, cực dương tuyệt đối lại biến thành Thái Dương Thần Nữ từ trong nguồn gốc truyền thuyết của Nhật. Thần đạo (Shinto) là tôn giáo dân gian của Nhật với tinh thần cứng rắn quyết đoán cực đoan, hiếu thắng, hiếu sát. Võ sĩ đạo (Samurai) lại dung hợp được với con đường từ bi, hỷ xả của đạo Phật. Cái “động” hung hãn của dòng tộc Lãnh chúa (Shogun) lại gặp sự an tịnh, sâu lắng của các phái thiền Lâm Tế, Tào Động.

Một nét độc đáo góp phần xây dựng truyền thống văn hóa Nhật Bản kể từ khi đạo Phật từ Trung Quốc truyền sang Nhật vào nửa đầu thế kỷ thứ VI là sự hòa điệu giữa hai khuynh hướng động và tĩnh trong tinh thần trị quốc an dân của các nhà lãnh đạo Nhật Bản. Điển hình là truyền thống thường xuyên thăm viếng, tham khảo của các lãnh chúa, tướng quân, đạo trưởng Võ sĩ đạo với thiền sư các tông phái mỗi khi có sự khủng hoảng hay xung đột về chính trị và xã hội. Có lẽ thú vị nhất trong pho Phật giáo sử luận của Nhật Bản là các cuộc đối đầu căng thẳng giữa các thiền sư đạo cao, đức trọng và các tướng quân, lãnh chúa uy quyền lắm liệt. Gươm anh linh đời thường và gươm tâm linh trí tuệ bao giờ cũng đụng nhau loảng xoảng lúc đầu nhưng hết thấy đều kết thúc bằng sự hóa giải trong bầu không khí đầy thiện vị của một chung trà.

Tinh thần Phật giáo phát tiết trong văn hóa Nhật Bản đã kết hợp với bản chất hung bạo mà hiền hòa của giống dân hải đảo vốn là tổ tiên của người Nhật để tác tạo một quan niệm sống vừa rất mật với thực tế; nhưng cũng vừa quên mình để hy sinh cho một lý tưởng cao vời gắn gũi với nguồn suối tâm linh. Người Nhật không sợ chết mà sợ sống một cuộc sống chẳng ra gì. Đó cũng là điều lý giải tại sao giới trẻ trong hàng ngũ quản lý và kỹ thuật chuyên môn cao cấp tại các thành phố lớn ở Nhật như Tokyo, Osaka... có tỷ số người tự tử cao nhất thế giới. Đồng thời, các cặp vợ chồng trẻ ở Nhật trong thập niên này quan niệm sống với nhau không có con ngày một tăng cao đến mức báo động.

Phật giáo tại Nhật Bản đang là một gia tài văn hóa ứng dụng và một nguồn suối tâm linh để chiêm nghiệm hơn là một tôn giáo đang phát triển và hành hoạt đầy lễ nghi và màu sắc như Việt Nam, Thái Lan, Tích Lan, Tây Tạng... hay các nước khác trong vùng Đông Á. Nơi xứ này, Phật giáo đang ở biên giới của một sự lắng đọng hay một trạng thái quay về. Bởi vậy, trong xã hội Nhật Bản ngày nay, Phật giáo thường vắng bóng trong những sinh hoạt vui nhộn như tiệc cưới, tiệc mừng, khao vọng. Nhưng hầu hết những sinh hoạt lễ nghi dành cho người mới qua đời hay thờ phượng lâu dài đều cầu đến Phật giáo.

Nhật Bản là một dân tộc có cá tính mạnh mẽ với khuynh hướng “Nhật hóa” tất cả những gì từ bên ngoài mang đến và nằm trong tay họ. Trong số các “đại đạo” nổi tiếng của văn hóa Nhật như: Thiền đạo, Trà đạo, Võ sĩ đạo, Thần đạo, Hoa đạo... thì đa số là sản phẩm “Nhật bản quốc hữu hóa” từ nguồn gốc tinh túy của nước ngoài. Nhưng nét tinh xảo nhất của văn hóa Nhật là họ biết chắt lọc những gì họ cần và loại bỏ những gì không cần. Theo Phật giáo, họ không mặc nhiên cung thỉnh nguyên kinh điển Phạn tạng hay Hán tạng mà phải có riêng Nhật tạng để nương theo. Họ đã chọn sự tinh túy và phát huy tinh thần “tĩnh trong động” của đạo Phật để hòa điệu với cái gốc văn hóa nặng tính chất thần quyền, võ sĩ đạo, tranh thắng, ngự trị và chinh phục của họ. Cho nên, nước Nhật đã có sự lợi lạc của tinh hoa Phật giáo hòa điệu với truyền thống dân tộc trong suốt mười lăm thế kỷ.

Trên quan điểm Phật giáo, khi một người đang sống giàu có, sang trọng, nổi tiếng... là khi người đó đang hưởng phước đức từ một gia tài được tích lũy từ nhiều đời, nhiều kiếp ví như một trương mục tích lũy ở ngân hàng mà hạng mục cân đối tổng quát hiện tại (current balance) gọi là “nghiệp”. Nếu chỉ tiêu dùng mà không chịu gieo trồng, tái sản xuất hay tiết kiệm, chăm lo để dành thì nguồn phúc lợi sẽ theo đà rút ra tiêu dùng mà cạn kiệt và không chừng sẽ “vỡ nợ” giữa chừng. Người ta có cảm tưởng như nước Nhật đang được thừa hưởng nguồn phúc lợi đó. Họ sẽ giàu thêm hay cạn kiệt là do chính họ chứ chẳng ai mang cho hay lấy bớt.

Buổi chiều trước ngày từ giả Thành Phố Thiên Kyoto, tôi và bé Na, cháu gái út, đi trên con đường “Ngõ Triết” (Philosopher’s Path - tiếng Hán Nhật ghi trên bản đồ là “Triết học chi đạo”). Con đường 2km có đến năm ngôi chùa cổ. Chúng tôi đến viếng ba trong năm ngôi chùa nhưng chỉ thấy phong cảnh cây lá xanh mướt và rất hiếm bóng người. Đường này còn được triết gia danh tiếng Nhật Nishida Kitaro gọi tên là “con đường thiền định”. Phải chăng vì khung cảnh tĩnh lặng và khe nước trong vắt chảy hai bên bờ đá cổ có hai dãy cây hoa anh đào cổ thụ làm cho người ta có cảm tưởng như thân và tâm mình đều đang trôi chảy trầm tư từ vô thủy đến vô chung. Con đường thiền định của Nhật êm đềm quá. Tôi liên tưởng con đường rợp bóng hoa đào chiếu dội sáng ngời dòng nước trong xanh chảy thông dong bên bước chân đoàn người đang bước mới là gia tài, là hình ảnh của linh hồn Phật giáo Nhật Bản. Tôi và bé Na đã vô tâm tới viếng ba ngôi chùa vắng vẻ để tìm bóng dáng tượng đài Như Lai nhưng không thấy gì hết và cũng chẳng có ai hết nên đã thất vọng quay về. Nơi đây, Phật không có trong chùa. Phật và Bồ-tát thiện hạnh cùng nghịch hạnh đang hỷ xả đi giữa đường phố, chánh niệm trên công trường, định tâm trong nhà máy để tạo ra những sản phẩm có chất lượng tuyệt vời làm vinh dự cho tổ quốc và lợi lạc cho muôn người. Và, “những người muôn năm cũ” ấy cũng hiện hữu đâu đó trên con đường Ngõ Triết chiều nay. ■



Bồ-đề bốn vô thọ...

TRẦN TUẤN MÃN

Hai bài kệ dưới đây trích trong *Lục tổ Đàn kinh* rất nổi tiếng trong giới Thiền học, được phổ biến, giảng luận không biết bao nhiêu là giấy mực ở khắp nơi từ hơn một thế kỷ qua. Nhưng do có nhiều học giả nêu nghi án về người ghi chép kinh và nội dung kinh, hai bài kệ ấy cũng đáng nghi ngờ:

Bài của Thượng tọa Thần Tú:

身是菩提樹，
心如明鏡臺，
時時勤拂拭，
勿使惹塵埃。
*Thân thị bồ-đề thọ
Tâm như minh kính đài
Thời thời cần phát thức
Vật sử nhạ trần ai.*

(Thân là cây bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Phải siêng lau chùi sạch
Chớ để bụi trần bám).

Bài của Lục tổ Huệ Năng:

菩提本無樹，
明鏡亦非臺，
本來無一物，
何處惹塵埃。
*Bồ-đề bốn vô thọ
Minh kính diệt phi đài
Bốn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai?*

(Bồ-đề vốn chẳng cây
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Bụi trần bám vào đâu?).

Duyên khởi hai bài kệ này là do Ngũ tổ Hoàng Nhẫn bảo đồ chúng mỗi người hãy làm một bài kệ trình cho ngài, nếu bài nào tốt nhất, chứng tỏ được sự kiến tánh thì Tổ sẽ truyền y bát, công nhận là Tổ thứ sáu, kế tiếp

ngài. Trong lịch sử Phật giáo, nhất là trong lịch sử Thiền, chưa từng có vị Tổ, vị thầy nào lại bảo các đồ đệ thi đua làm kệ để được làm trụ trì hay là Tổ kế vị cả! Lý do khiến Thượng tọa Thần Tú viết bài kệ của mình lên vách chùa cũng là lạ! Thượng tọa làm xong bài kệ thì dẫn đo suy nghĩ, rằng trình kệ mà mong làm Tổ kế tiếp thì không tốt, nhưng không trình thì không được Ngũ tổ nhận ra tâm tánh mình mà dạy dỗ thêm. Làm kệ xong đã bốn ngày, mười ba bận định vào trình Tổ, mỗi bận sợ đến toát mồ hôi mà không dám trình (*người ghi chép Đàn kinh làm sao biết được ý nghĩ của Thượng tọa Thần Tú và tình trạng lo ngại của ngài trong lúc ấy và cả sau khi viết kệ lên vách?*). Cuối cùng, bài kệ được viết lên vách chùa thì cũng là trình Ngũ tổ bài kệ mà thôi!

Lục tổ Huệ Năng cũng không có lý do gì chính đáng để nhờ viết bài kệ đối đáp của mình lên vách, cạnh bài kệ của Thượng tọa Thần Tú. Bài kệ này nếu mang ý nghĩa bày tỏ sự kiến tánh thì cũng mang ý nghĩa phê phán tác giả bài kệ thứ nhất là Thượng tọa Thần Tú và



đồng thời đáp ứng việc thi đua làm kệ, tức là mong được làm Tổ kệ vị. Sự việc này há có thể gán cho Lục tổ được sao?

Bây giờ chúng ta hãy thử xét qua nội dung của hai bài kệ:

Bài Thượng tọa Thần Tú: *Một khi đã quyết định tu tập, quyết định xuất gia, đem thân mình, thân phận mình, để dẫn thân vào con đường tìm về giải thoát tối hậu thì thân này, thân mạng này cũng vững chãi, kiên cố như cây bồ-đề, cái tâm này phải giữ cho trong sạch, sáng láng như tấm gương sáng. Do đó phải luôn luôn giữ cho thân này, cho tâm này đừng bị phiền não, dục vọng, nói chung là các lậu hoặc xâm chiếm, ví như luôn lau chùi tấm gương, giữ cho gương sáng, không để cho bụi bặm bám vào. Đây là tâm niệm, là sự nhắc nhở cho người tu, nhờ đó mà tinh tấn, có trí tuệ sáng suốt, thấy được tâm tánh mình.*

Bài của Lục tổ Huệ Năng: *Cây bồ-đề vốn không có, đài gương sáng cũng không có, xưa nay không có vật gì cả thì bụi trần không bám vào đâu được. Đã bao xưa nay không có gì cả thì sao lại nhắc đến bụi trần? Không có gì cả nhưng lại có bụi trần ư? "Vô nhất vật" hay "Không" của bài kệ không có gì mới lạ! Giáo lý Không của Đức Phật đã được thuyết giảng từ 11 thế kỷ trước và được kinh điển Đại thừa triển khai từ hơn năm thế kỷ trước thời Lục tổ đến độ hầu như ai biết đến Phật giáo cũng đều biết qua ý nghĩa Không. Đặc biệt, người tu Phật, tu Thiền hẳn ai cũng biết kinh Kim cương dạy rằng các pháp hữu vi đều như mộng, như sương, như ánh chớp... và rằng hễ những gì có hình tướng thì đều là hư vọng... Bốn câu kệ nói về Không ấy bị gán cho Lục tổ thực chẳng chúng tỏ gì cho cái tâm chúng ngộ!*

Từ các suy luận trên, ta có thể tin **rằng bài kệ của Thượng tọa Thần Tú, bấy giờ là vị Giáo thọ được tôn kính, nhằm khuyến dạy đồ chúng hoặc ít ra là để tự khuyến dụ mình. Không có việc thi đua làm kệ và không có bài kệ nào được viết lên vách chùa cả. Từ đó, dĩ nhiên không hề có bài kệ đối đáp, Lục tổ không hề có bài kệ như thế, chỉ do người sau vì vọng về muốn tăng bốc Lục tổ và hạ uy tín của Thượng tọa Thần Tú mà thôi!**

Khi ghi chép *Pháp bảo Đàn kinh*, Thiền sư Pháp Hải, đệ tử của Lục tổ (hoặc có ai đó về sau thêm bớt một số chi tiết), tưởng rằng như thế sẽ làm tăng phẩm chất cao đẹp, trí tuệ tuyệt vời của Lục tổ, nhưng thật ra, nội dung cuốn kinh có vẻ như một cuốn tiểu thuyết hay một bản tường thuật có nhiều chỗ vụng về, sai lạc. Nhiều chi tiết trong kinh này khiến người ta khó tin là thật: Sự việc Lục tổ không biết chữ mà lại trích dẫn nhiều kinh Phật đúng vanh vách, lại giảng nghĩa cả những từ Phạn ngữ; sự việc Tổ đang hàng ngày bán củi nuôi mẹ bằng có người cho mười lạng bạc, về trao cho mẹ (có lẽ chỉ dùng được trong một năm) rồi ra đi biệt, không cần biết mẹ đau ốm, sống chết thế nào; sự việc Ngũ tổ gõ ba tiếng vào cối để ngầm hẹn gặp Lục tổ vào canh ba (nhà chùa mà có tai vách mạch rừng đến thế ư? Sao



không ghé tai mà dặn?); sự việc Ngũ tổ giấu việc trao y pháp cho Lục tổ, bảo phải bí mật rời chùa ngay, thế mà sau đó lại bảo với chúng rằng y pháp đã về phương Nam, khiến hàng trăm (?) đồ chúng rượt theo Lục tổ để giành y và Thượng tọa Huệ Minh đã bắt kịp trước tiên; sự việc Lục tổ chê bai pháp môn của Thượng tọa Thần Tú; sự việc Lục tổ bảo chép hành trạng và pháp ngữ của ngài thành kinh, lấy tên là *Pháp bảo Đàn kinh* (Trong Phật giáo, chỉ có lời Phật thuyết giảng được ghi lại thì mới được gọi là kinh), bảo là để cứu đời (Lục tổ đâu có kiêu mạn như vậy?)...; và nhiều chi tiết có vẻ thần bí, khó có thể tin là thật.

Phần lớn pháp ngữ (ngoại trừ một số bị chép thiếu sót hoặc do người sau thêm thắt vào) của Lục tổ được ghi chép lại trong *Pháp bảo Đàn kinh* là vô cùng quý giá, xứng đáng là Thiền ngữ của vị Tổ đã mở ra một chân trời mới, một không khí mới của Thiền, phổ biến khắp đất nước Trung Hoa và lan truyền khắp thiền giới của rất nhiều quốc gia. Sự chứng ngộ và địa vị cao vời, xán lạn của Lục tổ trong Thiền giới thì không ai dám nghi ngờ. Sự phát triển Tổ sư Thiền khởi từ ngài với Thiền công án, thoại đầu... và nền văn học Thiền rất phong phú, qua hai vị Đại đệ tử của là Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng, từ đó các dòng Thiền với ngài Thạch Đầu, khởi xuất dòng Vân Môn, Tào Động, Pháp Nhãn và với ngài Mã Tổ, ngài Bách Trượng, khởi xuất dòng Quy Ngưỡng, Lâm Tế. Đặc biệt, dòng Lâm Tế và Tào Động phát triển mạnh ở nước ta cho đến ngày nay.

Lâu nay có lắm bài bình giảng về hai bài kệ nói trên, triển khai ý nghĩa, nói đến sự thâm diệu trong từng lời từng ý, rồi đặc biệt xung tẩn Lục tổ; thiết nghĩ chẳng đáng gì đến ngài cả, kể cũng hoài công! ■



Xuân ở núi đọc thơ Giả Đảo

VŨ THẾ NGỌC

Trong những ngày này, một mình trên dèo cao tôi thường hay đọc thơ Giả Đảo. Giả Đảo (賈島 779-841) pháp danh Vô Bả, một thời gian đã làm một chức quan nhỏ; mê thơ nên sống nghèo nàn với cả cuộc đời luôn thanh bạch; thân thiết với các thiền tăng đạo sĩ. Cũng vì yêu thơ mà ông bị mang danh là người thích đeo gọt văn chương với những “thôi xao” như “*nhị cú tam niên đắc, nhất ngâm song lệ lưu*” hoặc “*Thu phong xuy Vị Thủy, lạc điệp mẫn Trường An*”... Nhưng đại bộ phận sáng tác của ông vẫn là thơ tiêu sái đầy thiền vị. Ông là một thi nhân rất quen thuộc với độc giả Việt Nam qua bài thơ Tống Pháp

sư Duy Giám quy An Nam, tặng một thiền sư Việt Nam, và nhất là bài tứ tuyệt nổi tiếng Tâm Ẩn Giả Bất Ngộ 尋隱者不遇 (*Tim Người Ở Ẩn Không Gặp*):

松下問童子，
言師採藥去。
只在此山中，
雲深不知處。

Tùng hạ vấn đồng tử,
Ngôn sư thái dược khứ.
Chỉ tại thử sơn trung,
Vân thâm bất tri xứ.

Dưới thông hỏi tiểu đồng
Đáp sự đi hái thuốc rừng sâu.
Đâu đó núi này thôi,
Mây mù chẳng biết đâu.

Giả Đảo là một thi nhân mà tôi luôn luôn thấy rất gần mình với những ký sự nổi vui thanh bạch độc thoại của một người luôn lên đường của những chuyến đi xa. Trong văn chương, những cảnh biệt ly trên sân ga, trên bến nước, nhất là trong ngày cuối năm và đầu xuân, luôn luôn là những đoạn văn chương mà ai cũng thường cũng thuộc. Tại sao chỉ là những chuyến đi xa không ngừng nghỉ? Người ta sinh ra đời hẳn là một chuyến đi xa không ngừng nghỉ, như thân phận con cá hồi sinh trưởng nơi suối lạnh núi cao và từ đó là một cuộc trường hành ngàn dặm ra biển khơi mà sự trở về cuối cùng chỉ là tìm về để chết nơi ra đời?

Đó cũng là mặt ý của những người mang hạnh nguyện truy tầm giải thoát. Một nỗ lực đáo bỉ ngạn, đến bờ bên kia, trong ngôn ngữ tính Không đó là cuộc trường hành không ngừng nghỉ, của những phá hủy không ngừng nghỉ *neti neti*. Đó là một biểu tượng bằng những cuộc lên đường không ngừng nghỉ?

Với Giả Đảo, mùa xuân không phải là những ngày đoàn tụ mà vẫn tiếp tục là những chuyến đi. Đó cũng là để nghĩ về một phương cố hương xa xôi "Người đi tiếp tục đi xa mãi mãi. Bụi theo chân ngựa không cùng. Tình lữ khách sau ánh tà dương. Mùa xuân trong sương khói bình minh. Sông lạnh lùng trôi ngoài quán cũ. Hoa nở hui hắt trong cung xưa. Nghĩ về cố hương vạn dặm xa xôi. Trên hồ thoáng gió liễu xanh".

去去行人遠，
塵隨馬不窮。
旅情斜日後，
春色早煙中。
流水穿空館，
閑花發故宮。
舊鄉千里思，
池上綠楊風。

Khứ khứ hành nhân viễn,
Trần tùy mã bất cùng.
Lữ tình tà nhật hậu,
Xuân sắc tảo yên trung.
Lưu thủy xuyên không quán,
Nhàn hoa phát cố cung.
Cựu hương thiên lý tứ,
Trì thượng lục dương phong.

(Xuân hành)

Lữ khách xa xa mãi
Bụi theo ngựa mịt mù.
Lữ khách tình nhạt nắng
Xuân sắc mờ như sương.
Sông trôi ngoài cổ quán
Hoa nở giữa tàn cung.

Quê cũ xa ngàn dặm
Trên hồ gió liễu xanh.

Đây là một chuyến viễn du trong một đêm giá lạnh đầu xuân, mai nở trong gió tuyết. Trời vừa sáng lên ngựa qua cầu làng, Hoa rơi trên suối mai tuyết phủ chưa tan. Ngày lạnh lùng ngăn ngủ chia tay khách. Đường mịt mờ xa xa chỉ thấy núi trắng bơ vơ.

平明走馬上村橋，
花落梅溪雪未消。
日短天寒愁送客，
楚山無限路迢迢。

Bình minh tẩu mã thương thôn kiều,
Hoa lạc Mai Khê tuyết vị tiêu.
Nhật đoản thiên hàn sầu tống khách,
Sở sơn vô hạn lộ điều điều.

(Đồng dạ tống nhân)

Hừng đông lên ngựa qua cầu vắng
Hoa rụng suối mai tuyết chưa tan.
Ngày ngắn, trời đông sầu tiễn khách
Mịt mùng núi Sở hiện mênh mang.

Về Giả Đảo, tôi đã có dịp viết bài Thi nhân và Thiển sư (trong *Văn Hóa Phật Giáo*, Xuân 2012) khi nói về Tứ Liệu Giản của Lâm Tế thì trường hợp thơ Giả Đảo là một thí dụ tối ưu. Thi nhân không phải là triết gia, và càng không phải là thiển nhân, nhưng nói theo ngôn ngữ thi ca, mà cả Đông và Tây đều cùng giống nhau ở đây: Đó là trong những giây phút *đạt nhân*, thi ca có hàm chứa cả những *đạt cảnh* có tiềm năng vượt chân lý tương đối thường trụ (*samvriti*) để khơi mở ngữ ngôn bất nhị của chân thực để (*paramrtha*).

Và bây giờ lại cũng là một chuyến lên đường giữa tháng Hai mùa xuân sương khói: "Dừng ngựa bên ngàn hoa dương liễu, Giả biệt bạn giữa chén rượu chia ly. Gió xuân dần dần thổi về phương Bắc. Ngõng trời không còn xuôi Nam tìm ấm nữa. Ngày mai là ngày đầu tháng, Năm mới đã lại qua tháng Ba. Quất roi ngựa bạn đi vào mầu nắng chiều. Từ núi xa khói lam tỏa lên mù mịt".

二月晦日留別
立馬柳花裏
別君當酒酣
春風漸向北
雲鴈不飛南
明曉日初一
今年月又三
鞭羸去暮色
遠岳起煙嵐

Nhị Nguyệt Hối Nhật Lưu Biệt

Lập mã liễu hoa lý
Biệt quân đương tửu hàm
Xuân phong tiệm hướng bắc
Vân nhật bất phi nam
Minh hiểu nhật sơ nhất

Kim niên nguyệt hựu tam
Tiên luy khứ mộ sắc
Viễn nhạc khởi yên lam.

Chia Tay Cuối Tháng Hai

*Ngựa dừng bên liễu biếc
Tiễn khách, rượu vui tràn.
Gió xuân dần đến Bắc,
Chim nhạn chẳng xuôi Nam.
Ngày mai lại tháng mới,
Đã tháng Ba qua năm.
Quất ngựa vào chiều nắng,*

Lại một chuyến ra đi khi trời vừa sáng "Dậy sớm sửa soạn hành trình. Gà hàng xóm còn chưa gáy sáng. Chủ nhân đứng dưới đèn từ biệt. Ngựa gầy đi vào bóng đêm đen. Chân ngựa đạp trên làn sương mới, Cắt đường đi làm kinh động chim trú trong rừng. Sau tiếng chuông từ núi xa, Ánh sáng của ban mai bắt đầu rõ rệt.

早行
早起 赴 前程
鄰雞 尚未 鳴
主人 燈下 別
羸馬 暗中 行
蹋石 新霜 滑
穿林 宿鳥 驚
遠山 鐘動 後
曙色 漸分 明

Tảo Hành

Tảo khởi phó tiễn trình
Lân kê thượng vị minh
Chủ nhân đăng há biệt
Luy mã ám trung hành
Đạp thạch tân sương hoạt
Xuyên lâm túc điệu kinh
Viễn sơn chung động hậu
Thự sắc tiệm phân minh.

Đi Sớm

*Lên đường lúc bình minh
Gà thôn còn nín thinh,
Dưới đèn chủ già biệt.
Ngựa mới giữa đêm thanh.
Đạp đá, sương trơn trượt
Xuyên rừng, chim hoảng kinh.
Núi xa khi chuông trở,
Ban mai dần hiện hình.*

Giữa những cuộc lữ hành đương nhiên vẫn là những đêm dài tạm trú. Những kẻ lưu lạc dài lâu sẽ tìm thấy những tâm ý tương đắc trong thơ Giả Đảo. Trong những nơi tạm dừng chân, dù tâm chẳng còn nhiều việc nhưng vẫn là nơi chốn xa lạ chẳng thể tạm trú dài hơn. Tất cả nối tiếp trong cuộc hành trình hầu như không dễ dàng. Cố nhân không còn gặp lại mà cũng

chẳng còn mấy ai. Quê cũ thì vẫn càng ngày càng xa vời trong nỗi nhớ thương diệu vợi giữa đêm vắng của cuộc lữ hành:

旅 旂
此 心 非 一 事
書 札 若 爲 傳
舊 國 別 多 日
故 人 無 少 年
空 巢 霜 葉 落
疏 牖 水 螢 穿
留 得 林 僧 宿
中 宵 坐 默 然

Lữ Du

Thử tâm phi nhất sự
Thư trát nhược vị truyền
Cựu quốc biệt đa nhật
Cố nhân vô thiếu niên
Không sào sương diệp lạc
Sơ dữu thủy huỳnh xuyên
Lưu đắc lâm tăng túc
Trung tiêu tọa mặc nhiên.

Đi chơi xa

*Tâm này vẫn rỗng rang
Thư viết không ra lẽ
Quê xưa xa mấy thuở
Người cũ chẳng ai trẻ
Lá sương rụng tổ trống,
Sông thưa đóm đóm vào
Chỉ còn am sư núi
Giữa đêm ngổ lạng lẽ.*

Giả Đảo hay viết về những chuyến hành trình và những chuyến hành trình giữa mùa xuân, vốn bình thường là thời gian gia đình đoàn tụ. Nhưng những bài thơ về bạn bè của ông cũng hầu như chỉ nói về những kỷ niệm chia xa khác, nghĩa là các cuộc đi vẫn tiếp tục trong một ý nghĩ khác. Cố nhân không còn thấy mà đường về chỉ thấy dài hơn. Bây giờ là một lữ khách nơi chia xa. Bạn đã tạ từ và trở về và ta còn lại một mình ngổ đây cho cuộc đi ngày mai. Nỗi buồn lữ khách khơi dậy, buổi chiều đưa cố nhân trở về, Quán tàn tạ mùa thu đóm đóm bay ra, Thành vắng vẻ mưa lạnh về, Nắng quái long lạnh trên sương trắng, Bóng cây quét dài trên bờ rêu xanh; Ly khách buồn thăm ngổ một mình, bên ngọn đèn côi không đủ sáng:

泥 陽 館
暮 送 故 人 回
廢 館 秋 螢 出
空 城 寒 雨 來
夕 陽 飄 白 露
樹 影 掃 青 苔
獨 坐 離 客 慘
孤 燈 照 不 開

Nê Dương Quán

Khách sấu hà tính khời
Mộ tống cố nhân hồi.
Phế quán thu huỳnh xuất
Không thành hàn vũ lai.
Tịch dương phiêu bạch lộ
Thụ ảnh tảo thanh đài
Độc tọa ly khách thăm
Cô đăng chiếu bất khai.

Bên Quán Nê Dương

Lữ khách sấu u uất
Chiều tà tiễn cố nhân.
Quán hoang đóm đóm loạn
Thành vắng gió mưa tràn.
Chiều tà sương trắng tỏa
Cây phủ bóng rêu xanh.
Một mình ngồi thương tiếc
Hiu hắt ánh đèn tàn.

Sau đêm lạnh sẽ là một sáng xuân nồng ấm?

Chú thích về Lối Sống Ẩn Dật của Cổ Nhân và Hạnh Độc Cư

Truyền thống triết nhân Đông Tây đều ca tụng hạnh độc cư. Ở phương Đông thì lối sống ẩn cư đã được đưa đến một triết đạo được ca tụng và coi là một lối sống cao cả. Trong sử Trung Hoa, các sách từ *Hậu Hán thư* đến *Đường thư*, các bộ sử lớn chính thống *Tống sử*, *Nguyên sử*, *Minh sử* và *Thanh sử* đều có một chương lớn về *Ẩn Dật Truyện*. Nhiều danh phẩm của tư nhân như của Hoàng Phủ Mật (*Cao Sĩ truyện*), Viên Chân (*Chân Ẩn truyện*) đều có viết các ẩn nhân và lối sống cao khiết này. Các cao nhân ẩn sĩ không những được người đời tôn trọng mà ngay các đế vương cũng hết sức tôn kính. Nhiều cao sĩ nếu không chịu ra làm quan thì cũng được vua chúa tôn làm quốc sư quốc sĩ để cố vấn về công việc trị nước an dân, như Đào Hoảng Cảnh thời Nam Bắc Triều được Lương Vũ Đế tín nhiệm nên hậu thế còn có thành ngữ “sơn trung tể tướng”. Lối sống độc cư được phổ biến đến độ người ở thành thị làm quan bận trăm bề cũng cố sống theo lối sống này mà tự gọi mình là “Đại ẩn” (đại ẩn trong chốn quan trường).

Có nhiều lý do cho người ta chọn lối sống ẩn cư. Có những người tự chọn lối sống này vì yêu thích cuộc sống tĩnh lặng cao khiết, có người là đạo gia thiển giả, và cũng có những người chán nản bất mãn với thời sự với thể thái nhân tình. Nhưng lẽ dĩ nhiên “hàng giả?” bao giờ cũng có, và luôn luôn có nhiều. Vì ở ẩn cũng là một cách mua danh, không những danh trong giới trí thức văn thơ, mà khi có danh thì cũng còn là một cách làm quan tất, là một phương thuật được nhiều kẻ đầu tư (nên nhớ ngày xưa làm quan được coi là một nghề chung của hầu hết các người trí thức). Danh từ “lối tắt Chung Nam” là từ chỉ

các vị “thân ở giang hồ, lòng nơi cửa khuyết” vì quá thật con đường hoạn lộ rất nhiều chông gai, mà thời gian ăn học đã dài mà hằng ngàn người đi thi chỉ cũng chỉ có một vài người đậu đại khoa.

Trong mọi truyền thống tông môn Phật giáo, hạnh độc cư luôn luôn là một hạnh cao khiết được chính Đức Phật ca tụng và khuyến khích:

*Ai ngồi nằm một mình
Độc hành không buồn chán
Tự điều phục một mình
Sống thoải mái rừng sâu.*

(Kinh *Pháp Cú*, kệ thứ 16 của Phẩm Tạng sự)

Hạnh độc cư không là một pháp môn bắt buộc nhưng hầu như là một điều kiện cuối cùng để hoàn tất quá trình tu học trước khi có khả năng xuống núi độ người. Đọc các *Truyện Đăng Lục* trong lịch sử Phật giáo, chúng ta thấy các bậc long tượng trong mọi tông môn đều trải qua những năm tháng dài độc cư. Đại thừa chủ trương “Lý tướng Bồ-tát đạo” nên nhiều khi còn phê phán “Tiểu thừa” là pháp môn “Độc giác”.

Nhưng lý tưởng cao quý “*tự giác nhi giác tha*” thì điều kiện tiên quyết là người hướng đạo phải đã hoàn thành tu học, nếu không thì đúng như lời Đức Phật dạy trong các kinh “*Thật ra chỉ là một lũ người mù dắt nhau*” mà thôi. ■





Thiền phái Tào Động Việt Nam và quần thể di tích Nhẫm Dương:

Giá trị lịch sử, văn hóa và Phật giáo

NGUYỄN QUỐC TUẤN

Lời tòa soạn: *VHPG* nhận được bài sau đây của Tiến sĩ Nguyễn Quốc Tuấn, thay mặt Ban Tổ chức, tổng kết Hội thảo “*Thiền phái Tào Động Việt Nam và quần thể di tích Nhẫm Dương: Giá trị lịch sử, văn hóa và Phật giáo*” (được tổ chức ngày 14-12-2015 tại chùa Nhẫm Dương, Hải Dương).

Hội thảo khoa học do Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Sơn môn Tào Động Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hải Dương và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hải Dương cùng UBND huyện Kinh Môn, Hải Dương đồng tổ chức nhân kỷ niệm 311 năm ngày mất của Thiền sư Thủy Nguyệt và gần 350 năm Thiền phái Tào Động có mặt ở Việt Nam được diễn ra vào ngày 14/12/2015, tại chùa Nhẫm Dương, xã Duy

Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau một ngày làm việc, Hội thảo đã được nghe 16/44 ý kiến tham luận và một số ý kiến phát biểu của các tác giả là các nhà nghiên cứu, quản lý văn hóa ở trong và ngoài tông môn Tào Động.

Ba chủ đề được thảo luận trong Hội thảo cho thấy có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu, hệ thống hóa và phân tích.

Chủ đề đầu tiên phác lược quá trình hình thành và mở rộng của tông môn Động Sơn (quen được gọi ghép là Tào Động trong Phật giáo) ở Việt Nam vào thế kỷ XVII



về sau. Nhu cầu thiết lập một phả hệ đầy đủ các vị tổ sư, các thế hệ và sự phân bố của tông môn trong phạm vi miền Bắc Việt Nam kể từ thế kỷ XVII đòi hỏi một khối lượng công việc không nhỏ, rất cần sự đóng góp của nhiều bộ môn khoa học và của chính tông môn. Hội thảo lần này cho thấy rõ một điểm là dù còn chưa đầy đủ các thế hệ và phân bố, song quy cách để một tu sĩ thuộc tông môn tu tập và trưởng dưỡng đạo tâm là một sự kiện cần được bảo vệ, duy trì dưới ánh sáng của Luật do Phật chế. Hội thảo lần này cũng đã bước đầu thu thập và công bố một số tài liệu về các mặt khảo cổ học, nghệ thuật và văn chương liên quan đến tông môn Động Sơn ở miền Bắc Việt Nam từ thế kỷ XVII cho đến nay, chứng tỏ sự hiện diện của tông môn như một thực thể Phật giáo sống động trong lịch sử, xã hội Việt Nam. Trong bối cảnh đó, chùa Nhấm Dương là một địa chỉ nghiên cứu hết sức quan trọng về tông môn Động Sơn do Tổ sư Thủy Nguyệt lựa chọn làm nơi độ Tăng chúng theo truyền thừa riêng.

Chủ đề thứ hai nêu rõ các giá trị văn hóa, lịch sử và Phật giáo của tông môn Động Sơn và cả quần thể chùa, đền trong dòng chảy của Phật giáo Việt Nam thời trung thế kỷ và các thời kỳ lịch sử khác nhau của đất nước: từ thời Lê trung hưng cho đến kháng Pháp và ngày nay. Sự đa dạng về pháp tu trong Phật giáo, sự triển nở của tông môn Động Sơn, Lâm Tế vào thế kỷ XVII cho thấy một thực tế là các nhà sư Đại Việt thừa

xưa, Việt Nam hiện tại trần trở con đường giác ngộ cần được khai mở các hướng khác nhau.

Chủ đề thứ ba chỉ ra những thực trạng của quần thể di tích Nhấm Dương cũng như định hướng cho công tác bảo tồn, phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa và Phật giáo tại khu di tích này. Đặc biệt, nhấn mạnh quá trình nghiên cứu, tìm hiểu của các cấp ban ngành tỉnh Hải Dương để đưa ra những chứng cứ xác đáng cho việc lập Hồ sơ xếp hạng di tích. Sau kết quả nghiên cứu, khu di tích đã được Bộ VH-TT ra quyết định xếp hạng quốc gia số 15/QĐ-BVHTT, ngày 14/4/2003, với diện tích khoanh vùng bảo vệ 34,23ha, trong đó có cả chùa Nhấm Dương và núi có hang động cần bảo vệ. Do vậy, cần phải bảo tồn hiện trạng và phát huy những giá trị quý báu của khu di tích Nhấm Dương là việc làm thiết thực và cấp bách mà các tham luận đã nêu trong hội thảo.

Từ những ý kiến phát biểu cũng như những ý kiến tham luận của hội thảo khoa học, Ban Tổ chức có một số khuyến nghị đề xuất với các ban ngành các cấp từ Trung ương xuống địa phương, từ phía Nhà nước và phía Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN), nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị của tông môn Tào Động Việt Nam cũng như các giá trị trong quần thể di tích Nhấm Dương như sau:

1. Đề nghị với GHPGVN duy trì truyền thống tông môn trong cơ cấu tổ chức của Giáo hội như một thành phần quan trọng

Việc khôi phục quần thể di tích lịch sử Tổ đình Nhấm Dương không chưa đủ, mà còn cần duy trì truyền thống tông môn trong cơ cấu tổ chức của Giáo hội như một thành phần quan trọng, bởi trước hết, nó có ý nghĩa duy trì và phát huy hệ thống Sơn môn - Thiên phái Tào Động ở Đàng Ngoài mà Thánh tổ khai sáng Thủy Nguyệt đã tu hành, truyền bá Tào Động và hóa thân Niết-bàn tại đây, tiếp đó là duy trì tông môn hệ phái trong hệ thống tổ chức Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt, nghiên cứu xây dựng chuyển dịch toàn bộ hệ thống triết lý của tông môn bằng tiếng Việt làm nền tảng để giữ gìn và tiếp tục hoằng truyền tư tưởng Phật học của tông môn phải là trách vụ cao cả và linh thiêng của chư Tăng Ni trong tông môn. Khôi phục và phát triển vững chắc pháp môn tu tập để đào tạo con người gách vác sứ vụ của liệt vị Tổ sư để hoằng dương Chánh pháp, lợi lạc quần sinh là việc làm mà tông môn phải có kế hoạch, lộ trình thực hiện ngay từ bây giờ. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của tông môn do chư vị Tổ sư đã khai sáng và lưu truyền. Tông môn phát triển vững chắc thì Giáo hội và ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam sẽ xán lạn. Con người tông môn được đào tạo bài bản thì Tăng tài của Phật giáo Việt Nam được liên tục tiếp nối hoằng trì. Nếu so sánh cũng như vai trò của dòng họ trong sự phát triển xã hội Việt Nam từ lịch sử cho đến nay, dòng họ vẫn đóng một vai trò quan trọng



trong các thiết chế xã hội, văn hóa ứng xử... thì sơn môn hệ phái vẫn còn nguyên giá trị trong sự gắn kết phát triển tổ chức GHPGVN ngày nay.

2. Đề nghị với UBND tỉnh Hải Dương, huyện Kinh Môn về khoanh vùng bảo vệ quần thể di tích Nhắm Dương và Đền Cao

Như chúng ta đã biết, di tích Nhắm Dương có ngôi chùa Thánh Quang, là ngôi cổ tự có vai trò quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam qua những tài liệu văn bia còn lưu giữ, chùa Thánh Quang được khởi dựng từ đời nhà Trần, vào thời kỳ niên hiệu Thiệu Bảo, năm Kỷ Mão (1279). Từ hội thảo cho thấy rằng di tích chùa Nhắm Dương với hang Thánh Hóa chứa đựng một kho tàng khảo cổ sinh vật rất quý giá. Tổ đình Nhắm Dương là di sản lịch sử văn hóa của đất nước, của Phật giáo và của Thiền phái Tào Động Việt Nam. Giá trị lịch sử ấy rất quan trọng mà ngành bảo tồn di tích và văn hóa của tỉnh phải cùng với tông môn Tào Động và Phật giáo có trách nhiệm gìn giữ và phát triển chốn Tổ lịch sử thiêng liêng ấy.

Cần phải nhận ra rằng sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời đúng lúc của các cơ quan quản lý ở cấp bộ và trung ương sẽ định hướng đúng đắn và ngăn chặn kịp thời những quan điểm và quyết định làm hủy hoại và tổn thương đến di tích và giá trị văn hóa của quốc gia từ cấp dưới. Một định hướng và các bộ luật đặt trọng tâm vào trách nhiệm gìn giữ di sản văn hóa cao hơn giá trị kinh tế và sự phát triển ngắn hạn không bền vững là điều vô cùng cần thiết mà cấp Trung ương cần kiến lập

một cách vững chắc làm nền tảng và chuẩn mực cho cả nước phải tuân hành.

Đã đến lúc tỉnh Hải Dương và huyện Kinh Môn cần nhận thức rằng phát triển ngành sản xuất xi-măng không hạn định trên địa bàn tỉnh và huyện Kinh Môn là một sự đánh đổi không cân bằng giữa lợi ích kinh tế ngắn hạn không bền vững và giá trị văn hóa lịch sử cao quý vô cùng. Do vậy, để kịp thời điều chỉnh chính sách phát triển vĩ mô và vi mô của tỉnh và huyện trong sự phát triển bền vững, hài hòa và đầy trách nhiệm với con cháu đời sau và tương lai phát triển bền vững, xanh đẹp của quốc gia, đề nghị quý cấp chính quyền quan tâm tạo điều kiện, cho phép mở rộng, khoanh vùng và cắm cột mốc bảo vệ khu di tích lịch sử quốc gia Chùa Nhắm Dương và sớm đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng Khu di tích lịch sử Chùa Nhắm Dương thành: **Khu di tích đặc biệt của quốc gia**.

Tỉnh và huyện cần tích cực hơn trong việc tiến hành lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xếp hạng khu di tích Đền Cao - An Phụ, chùa Nhắm Dương và các hang động xã Duy Tân, khu Dương Nham - Lĩnh Đông - Kính Chủ (xã Phạm Mệnh), khu hang Chùa Mộ (xã Tân Dân), khu Nhị Chiểu (thị trấn Minh Tân), huyện Kinh Môn là di tích cấp quốc gia đặc biệt, từ đó quảng bá phục vụ khai thác phát triển du lịch trong tương lai.

Sự phối hợp với tông môn Tào Động và Phật giáo bằng những chính sách đúng đắn, thích hợp để xây dựng và phát triển quần thể di tích Tổ đình Nhắm Dương trở thành một nơi danh thắng Phật giáo linh thiêng, văn hóa, văn minh và chính pháp làm nền tảng

và mô hình văn hóa di tích điểm trong tỉnh Hải Dương là rất cần thiết. Mô hình quần thể di tích văn hóa, lịch sử Phật giáo với nội hàm giáo dục và giá trị văn hóa linh thiêng chính pháp không giống với những gì chúng ta đã và đang làm với các di tích khác là rất cần thiết đối với quần thể Tổ đình Nhẫm Dương nếu chúng ta biết lắng nghe và phối hợp với tông môn Tào Động và Phật giáo ngay từ những bước đầu tiên trong quá trình quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển.

3. Kiến nghị ngành văn hóa GHPGVN tổ chức các tour du lịch tâm linh đến quần thể di tích Nhẫm Dương

○ Đối với ngành văn hóa

Trong những năm gần đây, loại hình du lịch tâm linh sinh thái đang trở thành một thế mạnh trong phát triển ngành du lịch tại Việt Nam. Du lịch tâm linh sinh thái được các chuyên gia, các nhà kinh tế đánh giá là loại hình du lịch đem lại sự phát triển bền vững trong ngành kinh tế không khói. Với những giá trị văn hóa, tâm linh đặc sắc như đã nêu ở trên, cần phải bảo vệ và xây dựng khu di tích Nhẫm Dương trở thành một điểm du lịch tâm linh sinh thái, là điểm đến của Phật tử và nhân dân cả nước.

Muốn vậy, ngành văn hóa cần có những mục tiêu cụ thể và dài hạn để bảo tồn khu di tích Nhẫm Dương, trước mắt ưu tiên bảo tồn các di sản hiện có và phục dựng các di sản bị mai một. Cần xác định các nhiệm vụ cụ thể làm cơ sở cho việc lập và thực thi các dự án thành phần bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, hạng động. Bên cạnh đó cần có những định hướng chiến lược, đề xuất các giải pháp quản lý và phát huy giá trị di tích, hạng động phù hợp với điều kiện hiện nay, cụ thể như:

- Cần định hướng chiến lược bảo tồn chùa Nhẫm Dương, hệ thống hạng động trong tổng quan chung các di sản, di tích của tỉnh Hải Dương, bảo tồn khu di tích một cách bền vững, lâu dài, tương xứng với giá trị và phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên - xã hội của khu di tích.

- Cần định hướng bảo tồn khu di tích gắn với việc nâng cao vai trò của cộng đồng, nâng cao điều kiện hưởng thụ văn hóa, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân địa phương. Xây dựng tuyến du lịch di tích chùa Nhẫm Dương, hệ thống hạng động huyện Kinh Môn cùng với Khu di tích danh thắng quốc gia đặc biệt Côn Sơn - Kiếp Bạc, An Phụ trở thành tuyến du lịch xứng tầm quốc gia và tuyến du lịch trọng điểm của tỉnh Hải Dương trong tương lai, góp phần phát triển kinh tế của tỉnh và địa phương.

- Cần định hướng tổ chức quản lý, sử dụng nhằm phát huy các giá trị của di tích, hạng động, đặc biệt là khai thác tiềm năng về dịch vụ du lịch - văn hóa với tư cách một nhân tố tác động tích cực trở lại phục vụ mục đích bảo tồn có hiệu quả khu di tích, góp phần

thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phát triển bền vững của huyện Kinh Môn nói riêng và của tỉnh Hải Dương nói chung.

○ Đối với GHPGVN

Từ Hội thảo khoa học tại Nhẫm Dương, chúng ta nhận ra rằng đã đến lúc Giáo hội cần tu chỉnh Hiến chương để hình thành một Ban mới trong hệ thống các ban ngành viện trong hệ thống Giáo hội hiện nay - Ban Kiến thiết và Bảo tồn di sản, nhằm giúp Giáo hội định hướng trong quy hoạch xây dựng và bảo tồn di sản Phật giáo, góp phần khắc phục hiện trạng phá hoại các di sản cũ và kiến thiết các công trình không thuận nhất tại các chùa viện và công trình xây dựng Phật giáo trong cả nước như hiện nay.

Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Hải Dương phải có phương án phối hợp với tông môn Tào Động để quy hoạch tổng thể việc bảo tồn và phát huy khu di tích Tổ đình Nhẫm Dương trở thành thắng tích văn hóa, tâm linh Phật giáo tiêu biểu của tỉnh Hải Dương. Điều đó sẽ tạo ra những hiệu ứng cộng đồng, làm tiền đề cho việc phát huy các di tích văn hóa tôn giáo khác trong tỉnh, sẽ làm đổi mới ngành du lịch văn hóa tâm linh của Hải Dương, nơi mà những người Phật tử Việt Nam và thế giới có thể tìm về nguồn cội kinh đô Phật giáo thời Trần, nơi phát nguồn của Thiền phái Tào Động Việt Nam.

Như vậy, mọi việc đều có thể bắt đầu từ những điều vi tế nhất để thực hành và phát triển. Do vậy, khi đã có sự đồng tâm nhất trí về quan điểm và nhìn nhận từ thành công của hội thảo, việc thực thi tâm nguyện chung ấy xin bắt đầu từ một chuỗi những công việc nhỏ có thể thực hiện được để xây dựng trọn vẹn các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở liên kết, phối hợp của các ban ngành để tâm nguyện và mong mỏi từ hội thảo sớm trở thành hiện thực. Tất cả đều là công đức cho Đạo pháp, cho Dân tộc. Di tích chùa Nhẫm Dương - chốn Tổ Thiền phái Tào Động Việt Nam cùng với hệ thống hạng động núi Nhẫm Dương trong tương quan chung huyện Kinh Môn là nơi tập trung nhiều tiềm năng du lịch cả tự nhiên và nhân văn, đặc biệt cảnh quan tự nhiên là điều kiện tiên quyết để phát triển các sản phẩm du lịch trong tương lai.

Chúng tôi tin tưởng rằng, kết quả của Hội thảo **"Thiền phái Tào Động Việt Nam và quần thể di tích Nhẫm Dương: Giá trị lịch sử, văn hóa và Phật giáo"** sẽ là tiền đề quan trọng cho các cơ quan quản lý, Giáo hội, các cơ quan nghiên cứu, chính quyền địa phương để quản lý, bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa đặc biệt quan trọng tại chùa Nhẫm Dương và hệ thống hạng động xã Duy Tân, huyện Kinh Môn góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Hải Dương một cách bền vững, xứng danh là **"đất học, đất danh nhân, đất văn hiến"** trong thời kỳ hiện đại và hội nhập quốc tế. ■



Tản mạn Hương Thiên

Bài & ảnh: SƠN NAM

1 Cuối đông, giao mùa, trời lạnh và nhiều sương. Sương phủ đầy sân, sương che mờ núi. Trời tối dần, nhìn lên khoảng trời, qua lớp sương, lác đác vài cụm sao lấp ló sau mấy đám mây mỏng. Sao Thiên Trù ở đâu nhỉ? Chợt nghĩ: Tổ Trần Đạo Viên Quang từ năm thế kỷ trước chống tích trượng vân du, đến thung lũng núi Lão, phát hiện vùng linh địa này đúng vào vị trí sao Thiên Trù, bèn khai sơn phá thạch dựng thảo am, đặt tên Thiên Trù, nay là chùa Thiên Trù trong quần thể chùa Hương... Rối lại nhớ câu của Vương Thực Phủ: “*Chỗ ta đang ngồi thì người xưa từng ngồi trước ta*” (Ngã tại tọa chi địa cổ nhân từng tiên ngã tọa chi)...

Mười một đời Thầy Tổ, giác linh như vẫn còn phảng phất đâu đây, thấm đượm mái chùa, nghiêm tháp, cành cây, ngọn cỏ... Sông nước, suối khe, núi non, rừng cây, thạch động, mây trắng, sương mù, thảng tích, cổ tự này là thánh địa của tông môn, được hưởng ân đức của Đức Phật chủ Quán Thế Âm đại trí tuệ và đại từ bi. Trí Bát-nhã thâm sâu, Ngài thấy ngũ uẩn đều không, không giới hạn, không bờ mé nên Ngài có thể triển khai từ bi đến vô hạn. Ngài nghe tất cả những lời cầu xin thoát khổ. Ngài dùng nghìn mắt để thấy mọi hoàn cảnh khổ đau của chúng sinh, Ngài dùng nghìn tay để ban tặng, để cứu vớt kẻ trầm luân.

Kính lạy Đức Quán Thế Âm, xin Ngài tòa tường vân che chở, ban phúc lành cho những ai đến thảng tích, linh địa này!

2 Hôm qua hạ san, thông tay xuống phố để lo vài Phật sự. Có vị cố tri đến tìm, không gặp! Thẹn mình không được như vị sư đi hái thuốc trong núi xa mịt mù mây khói như trong bài thơ “*Tầm ẩn giả bất ngộ*” của Giả Đảo. Lãng xãng việc này việc nọ, được an tịnh là bao? Chỉ tại thử sơn trung...

Sáng nay xong thời hành trì Lục độ Tara, trời còn chưa sáng hẳn. Khí đông lạnh lạnh. Lác đác vài hoa mai trên cành ướt sương. Mai nở sớm, táo mai. Chợt nhớ đến hai câu thơ trong bài “*Tảo mai*” của Tế Ký:

*Tiền thôn thâm tuyết lý,
Tạc dạ nhất chi khai.*

Nghe lòng thanh thản, lặng lẽ như nước khe Yến, nhẹ nhàng như sương mây trên đỉnh Hình Bồng, rỗng rang như thạch động Hương Tích, Tiên Sơn. Sông sâu, núi cao, rừng rậm như là phần của anh hùng hào kiệt, cảnh trí hữu tình, danh lam tịnh lặng như là phần của tao nhân mặc khách, của chúng chúng thập phương. Còn phần của nạm tử Sơn tăng, phần để thâm chuyên tu tập cũng là đây. Là huyền, là diệu như lời của Lão Tử “*Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn*”.

Thời hành trì đã qua. Đạo vị thấm nhuần thân tâm... Kính lạy 3 bộ chủ Mật giáo là Phật bộ, tức Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn và chư vị Thế Tôn; Liên Hoa bộ, tức Đức Quán Thế Âm Đại sĩ và chư Đại sĩ; Kim Cương bộ, tức Đức Kim Cương Đại sĩ và chư vị Kim Cương.

Có lần một lão cư sĩ nêu nhận xét: “*Huyền thế, diệu thế! Ôi Mật giáo, Mật tông... khó được giảng rõ nhỉ!*”



Đáp rằng: “Dùng lý lẽ để phân tích, giải thích Mật thì Mật không còn là Mật. Chỉ âm thầm khế nhập mà thôi vậy, *mặc khế nhi dĩ hỷ!*”. Mật ngữ không phải là ít, các chú ngữ được nhiều tông phái tụng niệm vẫn còn đó. Và, nếu không phải mật ngữ thì đã không có chú ngữ, không có thủ ấn, không có thoại đầu, công án trong Thiền môn... Bodhi svaha...

3 Bầu trời cảnh Bụt... Chu Mạnh Trinh đến chùa Hương từ hơn một trăm năm trước, đã đưa vào thi ca phong cảnh Hương Sơn, một cảnh giới Thiên đẹp đẽ, trong lành với nước, núi, mây, rừng mai, chim chóc, khe Yến, suối Giải Oan, đền Cửu Vĩng, am Phật Tích, động Tuyết Quỳnh, và rồi:

*Vẳng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.*

Người khách phương xa, lang thang đây đó, đến chùa nghe chuông gióng mà giật mình trong mộng. Mộng đây là cảnh đẹp như mộng của non nước Hương Sơn hay giấc mộng mơ cuộc đời mà Nguyễn Bính đã hơn một lần nhắc tới? Giật mình là bất giác trở về với thực tại cảnh Phật; cảnh Hương Sơn và ý nghĩa của tiếng chày kinh gõ vào hồng chung mà bài kệ hô chuông:

*Phạm sát kiên chùy phổ địa minh
Lục thú tài văn đô tức khổ.*

Tiếng chuông chùa vang khắp chốn
Sáu nẻo luân hồi dứt khổ đau.

Bài thơ “Em đi chùa Hương” của Nguyễn Nhược Pháp, viết năm 1934 thuật chuyện đi lễ chùa Hương, lồng trong tình cảm nhẹ nhàng, trong sáng của một thôn nữ thơ ngây với một chàng nho sĩ. Cuối bài có mấy câu:

*Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng
Em cầu xin Trời Phật
Sao cho em lấy chàng.*

Bài thơ trở nên bất hủ, được nhạc sĩ Trần Văn Khê và nhạc sĩ Trung Đức phổ thành hai bản nhạc khác nhau và đều nổi tiếng. Âm nhạc và thi ca về chùa nhà gồm hàng trăm bài đã đi vào văn học Việt Nam, với các tác giả: Hồ Xuân Hương, Tản Đà, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Đỗ Trung Quân, Hoàng Quý, Cù Lệ Duyên...

4 Xuân về, hội xuân chùa nhà đã mở. Tháng Giêng hoa mơ nở trắng núi rừng; cuối tháng Hai, tháng Ba hoa gạo nở đỏ rực. Thuyền bè tấp nập chở khách hành hương, suối Yến hiền hoà đẩy đưa thuyền khách, in bóng trời mây và các thiện nam tín nữ, dòng nước lững lờ, khách nhìn xuống dòng nước, tưởng như thuyền mình lướt trên khoảng trời mây...



Khói hương nghi ngút. Tiếng chuông trống, kinh kệ, lời kỳ nguyện không dứt âm vang. Tín chủ đến chùa lễ Phật đầu năm, bái vấn Sơn tăng, cầu xin hạnh lạc... Nhộn nhịp thay, bận bịu thay nhưng sự đông đảo này, có khi rối loạn, có khi biểu hiện sự mê tín, vẫn gây cảm xúc, lằn mẫn ở bình tâm. Sự đông đảo, thậm chí có khi rối loạn, có khi vượt khỏi niềm tin chân chính, vẫn là sự thể hiện, sự minh chứng cụ thể của Khổ. Vì khổ nên các tín chủ vượt đường sá xa xôi để đến đây cầu đảo, cầu cứu khổ, cầu được may mắn, được như ý... Sơn tăng dù phải bận rộn, vẫn thương kính, đồng cảm với khách vì biết khách đang khổ, biết chúng sinh đang khổ và đang mong cầu giải thoát.

5 Và rồi sẽ đến đêm trừ tịch, sẽ là một mình sau thời tụng niệm, ngồi ngẫm chuyện mình, một năm bận bịu Phật sự, một năm bao mấy thời gian chuyên tâm tu tập. Lãng xãng Phật sự bên ngoài có phần công đức nào hơn sự độc tọa, mình với mình chẳng? Phật dạy có chàng cùng tử, có viên ngọc trong áo mình mà vẫn mãi lang thang trôi nổi đó đây, không biết trong mình có trân bảo. Đại sư Hoàng Bá trong một bài giảng ngắn, từng nhắc lại rất nhiều lần: “Chỉ có cái tâm này mà thôi, ngoài ra không có một mảy may gì có thể đạt được. Tức tâm là Chân Phật!”. Nay biết mình đang có viên ngọc, há cứ loay hoay chẳng biết chỗ nào?

Lại chút trầm tỏa hương khói từ khay gỗ, lại chén trà xanh. Phòng vắng, trời se lạnh. Có lẽ bên ngoài sương núi phủ xuống nhiều.

Một mình. Thiên Trù quạnh quẽ...

Non Hương, Quý Đông Ất Mùi ■



BUDDHADASA BIKKHU
HOANG PHONG dịch

Bài này bàn về kỹ thuật tập luyện giúp loại bỏ sự bám víu, nguồn gốc chính của khổ đau. Kỹ thuật đó dựa vào ba nhân tố cụ thể là: đạo đức, sự tập trung, và sự quán thấy sâu xa; thường được gọi chung là “Ba phép tu”.

Phép tu thứ nhất là thực thi đạo đức

(sila hay giới)

Người đạo đức là người biết giữ một thái độ đúng đắn, phù hợp với các quy luật hiện hành và không gây khổ đau cho mình cho người; và đơn giản chỉ có thế. Đạo đức được hệ thống hóa bằng một số “giới luật”, gồm có năm, tám, mười hay 227 giới luật - hoặc cũng có thể khác hơn đôi chút. Các giới luật đó liên hệ đến ngôn từ và hành động của một cá thể và cá thể ấy phải tuân thủ để mang lại sự hài hòa, an vui và loại bỏ những trở ngại trên bình diện thông thường. Căn bản đạo đức đó được áp dụng cho từng thành phần trong một tập thể xã hội và cả việc sử dụng các vật sở hữu trong cuộc sống thường nhật.

Phép tu thứ hai gọi là sự tập trung

(samadhi hay định)

Đây là phép tập luyện buộc tâm duy trì một thể dạng thuận lợi nhất giúp nó đạt mục đích. Vậy, sự tập trung thật sự là gì? Thông thường, người ta cứ nghĩ rằng tập trung sẽ mang lại một tâm thức bình lặng và im lìm như một khúc gỗ. Thế nhưng cả hai đặc tính đó, bình lặng và im lìm, không đủ để giải thích ý nghĩa đích thực của sự tập trung. Định nghĩa đúng nhất của sự tập trung đã được chính Đức Phật nêu lên; Ngài bảo rằng một tâm thức tập trung là một tâm thức “hội đủ điều kiện để thực hành một công việc”, nghĩa là tâm thức ở trong một tình trạng thích nghi có thể giúp nó hoàn tất một công việc nào đó.

Phép tu tập thứ ba là phép luyện tập phát hiện một sự quán thấy sâu xa giúp phát huy trí tuệ

(pañña hay tuệ)

Đây là một phép luyện tập thật chuyên cần giúp phát hiện một sự quán nhận đúng đắn và một sự nhận thức nội tâm trong sáng về bản thể đích thực của mọi vật thể. Trong những lúc bình thường, ta không thực hiện được thể dạng đó; bởi vì trong những lúc ấy, hoặc ta chỉ biết bám vào các thành kiến có sẵn, hoặc chấp nhận một cách máy móc những gì người khác nêu lên; do đó, ta không thể nhìn thấy được các vật thể với cách hiện hữu thật sự của chúng. Vì thế mà việc tu tập Phật giáo phải cần thêm một phép luyện tập nhằm phát huy sự quán thấy sâu xa.

Trên phương diện tôn giáo, khả năng hiểu biết và sự quán thấy sâu xa là hai thứ hoàn toàn khác biệt nhau. Khả năng hiểu biết phần lớn dựa vào phương pháp lý luận mang tính cách lý trí. Sự quán thấy sâu xa vượt xa hơn thế rất nhiều; có nghĩa là thâm nhập vào đối tượng mà nó quán sát, phân tích và trực tiếp hội nhập đối tượng; sự quán thấy ấy làm phát lộ trong tâm thức một sự buông xả sâu xa và đích thực trước đối tượng, cắt đứt mọi cảm xúc hướng đến đối tượng. Đối với Phật giáo, sự quán thấy sâu xa không dựa vào sự hiểu biết mang tính cách trí thức như ta thường thấy trong lãnh vực giáo dục; trong lãnh vực giáo dục, mỗi người chỉ biết nắm giữ một sự hiểu biết cho riêng mình. Trong khi đó, sự quán thấy sâu xa phải mang tính cách trực giác, trong sáng và trực tiếp, nó phát sinh từ sự tìm hiểu sâu xa về một đối tượng nào đó, được in sâu vào tâm trí và không thể xóa nhòa đi được. Chính vì thế mà các đối tượng tìm hiểu của sự quán thấy sâu xa cần phải là những gì thuộc vào cuộc sống thường nhật, hay ít ra cũng khá thường xuyên

khiến cho tâm thức lúc nào cũng bị tràn ngập bởi chúng, luôn nhìn thấy chúng để nhận biết chúng là gì; nghĩa là nhìn thấy chúng mang tính cách vô thường, bất toại nguyện và không mang một thực thể tự tại nào. Chúng ta đã suy nghĩ và nghiên cứu tường tận để hiểu thế nào là vô thường, bất toại nguyện và sự vắng bóng của một cái tôi cá thể; nhưng thật ra đấy chỉ là cách đạt được một sự hiểu biết hoàn toàn mang tính cách trí thức. Sự hiểu biết như thế không thể nào giúp loại bỏ được sự ham muốn và bám víu vào các vật thể trong thế gian này. Trong khi đó thì sự quán thấy sâu xa lại chỉ có thể phát hiện khi nào sự tinh ngộ thay thế được sự thèm muốn chiếm hữu. Đấy là một sự quán thấy sâu xa, minh bạch và đích thực mang lại một sự xả bỏ đích thực và tự động, và đấy là một quá trình thật tự nhiên. Thế nhưng quá trình đó không được dừng lại ở đấy mà còn phải tiếp tục cho đến lúc mà sự tinh ngộ có thể hoàn toàn thay vào chỗ của sự thèm muốn và không còn đảo ngược lại được nữa.

Tu tập đạo đức thật ra chỉ là một sự chuẩn bị sơ đẳng giúp ta tìm thấy một cuộc sống hạnh phúc hơn và giữ được một tâm thức thăng bằng hơn. Phép tu tập này mang lại nhiều lợi ích cho ta - nó có thể mang lại hạnh phúc hoặc giúp ta trở thành một thiên nhân trong kiếp sống sau - thế nhưng, theo Đức Phật thì đấy không phải là cách đạt được mục đích trực tiếp và ngay trong tức khắc. Đấy chỉ là một cách giải thoát tâm trí nhằm, mở ra cho ta con đường đưa đến sự tập trung.

Tập luyện sự tập trung là phát huy sự kiểm soát tâm thức hầu giúp nó đảm đương trọng trách của nó một cách hoàn hảo hơn. Đạo đức giúp thực thi một thái độ đúng đắn trong hành động và ngôn từ, còn sự tập trung tác động trực tiếp vào tâm thức. Sự tập trung là kết quả mang lại từ sự luyện tập và sự giữ gìn kỷ cương tinh thần. Một tâm thức tập trung không còn vướng mắc vào các tư duy xấu hay sai lầm, và không tách rời khỏi đối tượng mà nó tập trung. Đấy là một tâm thức đã đạt được đầy đủ khả năng để đảm đương trách vụ của nó.

Do đó, sự tập trung là những gì thật cần thiết trong bất cứ hoàn cảnh nào xảy ra trong cuộc sống. Dù cho ta đang làm việc gì đi nữa, thì tâm thức cũng phải tập trung để hoàn tất công việc một cách tốt đẹp. Chính vì thế mà Đức Phật xem sự tập trung là phẩm tính của một con người cao quý (Thánh nhân) trong cả hai lãnh vực vật chất và tâm linh. Một em học sinh học các phép tính sẽ vận dụng một sự "tập trung tự nhiên", sự tập trung đó thông thường không cần phải thật mạnh; trong khi đó, sự tập trung trong lãnh vực tu tập Phật giáo chỉ có thể phát huy được từ một sự luyện tập chuyên cần và nhờ đó nó có thể đạt đến một cấp bậc thật cao. Khi tâm thức đã được luyện tập một cách đúng đắn, nó sẽ đạt được thật nhiều khả năng; người nào thực hiện được một tâm thức như thế sẽ tiến xa hơn trong sự hiểu biết thâm sâu về thiên nhiên. Kiểm soát được tâm thức sẽ mang lại cho mình những khả năng vượt bậc mà người thường không thể có được. Chính Đức Phật cũng

xem sự tập trung cao độ đó như là một khả năng siêu nhiên, điều mà các nhà tu hành không được khoe khoang, nếu không sẽ bị loại trừ khỏi Tăng đoàn.

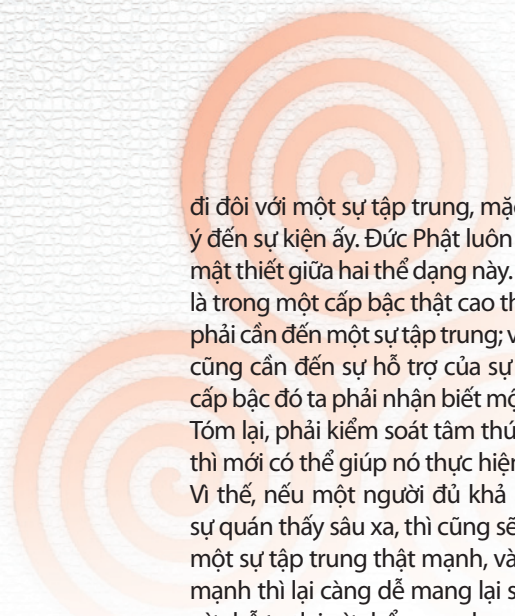
Muốn đạt được sự tập trung phải hy sinh rất nhiều. Trong lúc luyện tập phải đối đầu với mọi thứ khó khăn cho đến khi nào đạt được một mức độ tập trung tương xứng với nỗ lực của mình. Thế nhưng, ngay trong lúc luyện tập, ta cũng đã đạt được nhiều hiệu quả trong công việc thường nhật của mình; đó là nhờ ta đã được trang bị một phương tiện tinh xảo nhất.

Vậy thì chúng ta cũng nên chú tâm đến việc tập trung, không nên xem đấy là chuyện lỗi thời. Trái lại, sự tập trung vô cùng hệ trọng và ta có thể đem nó ra để áp dụng trong bất cứ một cảnh huống nào xảy đến với ta, nhất là trong cái thế giới quay cuồng nóng bỏng sôi động như ngày nay. Thiết nghĩ, trong thời buổi này, sự tập trung sẽ cần thiết hơn nhiều so với thời kỳ của Đức Phật.

Đến đây, chúng ta thử tìm hiểu về sự chuyển tiếp từ thể dạng tập trung sang thể dạng quán thấy sâu xa sẽ xảy ra như thế nào. Đức Phật có nói là khi tâm thức đã được tập trung thì nó sẽ có đủ khả năng nhìn thấy mọi vật thể một cách đúng như thế. Một tâm thức tập trung sẽ sẵn sàng thực hiện trọng trách mà nó được giao phó, tức nó có thể thấy được bản chất đích thực của mọi vật thể. Thật hết sức lạ lùng khi nhận thấy rằng lời giải đáp cho các câu hỏi mà tất cả mọi người muốn nêu lên thông thường đã có sẵn trong tâm trí của họ, chỉ là họ không hề hay biết mà thôi; đấy chẳng qua là vì các lời giải đáp nằm quá sâu trong tiềm thức của họ. Khi nào họ còn tìm cách giải quyết các khó khăn của mình mà không vận dụng đến tâm trí mình và đặt nó vào một vị trí thích nghi, thì khi ấy họ vẫn chưa có thể tìm ra được các lời giải đáp hữu hiệu. Trái lại, nếu muốn tìm ra lời giải đáp cho những thắc mắc thuộc vào lãnh vực tâm thần, và nếu đấy là trường hợp của một người đã đạt được sự tập trung đúng và sự quán thấy sâu xa, tức có nghĩa là biết đặt tâm trí mình trong vị trí giúp "thực hiện công việc một cách hữu hiệu", thì lời giải đáp tự nhiên sẽ hiện ra với người ấy. Thế nhưng nếu cách ấy không mang lại kết quả thì vẫn còn có một phương pháp khác giúp tâm thức tìm ra giải pháp để giải quyết vấn đề. Đấy là cách vận dụng phép nội quán dựa vào sự tập trung, gọi là "sự luyện tập quán thấy sâu xa".

Vào đêm đạt được Giác ngộ, Đức Phật đã đạt được sự quán thấy sâu xa về quy luật nguyên nhân và hậu quả. Điều đó có nghĩa là nhờ vào sự tập trung, Ngài đã quán nhận được bản chất đích thực của mọi sự và sự diễn biến tuần tự của chúng. Đức Phật kể lại thật chính xác sự kiện đó, và chúng ta có thể tóm lược lại như sau: *khi tâm thức của Đức Phật vừa đạt được sự tập trung thì tức thời Ngài cũng quán thấy hiển hiện ra lời giải đáp.*

Đấy có nghĩa là chỉ khi nào tâm thức trở nên an bình và buông xả qua một thể dạng an vui, thanh thoát và tập trung, thì khi đó mới có thể hiện ra giải pháp cho các vấn đề khúc mắc. Sự quán thấy sâu xa luôn luôn đòi hỏi phải



đi đôi với một sự tập trung, mặc dù ta không bao giờ chú ý đến sự kiện ấy. Đức Phật luôn nhấn mạnh đến sự liên hệ mật thiết giữa hai thể dạng này. Ngài chứng minh cho thấy là trong một cấp bậc thật cao thì sự quán thấy sâu xa luôn phải cần đến một sự tập trung; và ngược lại thì sự tập trung cũng cần đến sự hỗ trợ của sự quán thấy sâu xa; bởi vì ở cấp bậc đó ta phải nhận biết một số đặc tính của tâm thức. Tóm lại, phải kiểm soát tâm thức đến một mức độ nào đó thì mới có thể giúp nó thực hiện được sự tập trung sâu xa. Ví thế, nếu một người đủ khả năng thực hiện được một sự quán thấy sâu xa, thì cũng sẽ dễ cho người ấy phát huy một sự tập trung thật mạnh, và nếu sự tập trung đó càng mạnh thì lại càng dễ mang lại sự quán thấy sâu xa. Cả hai vừa hỗ trợ lại vừa bổ sung cho nhau là như thế.

Sự quán thấy sâu xa hỗ trợ cho một tầm nhìn sáng suốt, và tầm nhìn đó nhất định sẽ mang lại một thể dạng không bám víu và hân hoan. Đây là kết quả của một sự dừng lại trước các sự vật mà trước đây chúng còn quyến rũ ta một cách mãnh liệt, sự buông xả ấy mang tính cách tâm thần giúp giải thoát tâm thức khỏi sự khống chế của mọi sự vật. Đây là những gì sẽ xảy ra khi sự thèm muốn phải rút lui để nhường bước cho sự buông xả. Sự dừng lại ấy không tương trưng cho một sự bế tắc phải tự tử, hay lẩn tránh vào rừng sâu để sống ẩn dật, hay nổi lửa mà thiêu đốt tất cả. Thật ra thì bên ngoài ta vẫn an nhiên tự tại, dường như không có gì thay đổi cả; ta vẫn hành xử một cách bình thường và vẫn biết kính trọng mọi sự vật; sự khác biệt chỉ thuộc vào nội tâm: *ta đạt được một tâm thức hoàn toàn chủ động và tự do, đây là thứ phẩm tính mà sự quán thấy sâu xa mang lại.* Đức Phật gọi đây là sự “Giải thoát”; sự chấm dứt của thể dạng nô lệ cho mọi sự vật và nhất là nô lệ cho những gì mà mình yêu thích. Thực tế thì ta cũng bị nô lệ bởi cả những gì mà mình không yêu thích; bởi vì dù không yêu thích nhưng chúng cũng cứ thúc đẩy mình phải hành động, tức có nghĩa là ta không thể nào ngăn cấm mình không được ghét bỏ chúng; bởi vì chúng đã thành công khi thúc đẩy mình phải hành động như thế, kích động xúc cảm của mình và nắm mũi mình mà kéo đi; tình trạng đó cũng xảy ra trong trường hợp trái ngược lại, tức khi ta thèm muốn quá độ một vật thể nào đó. Do đó, cụm từ “nô lệ cho các vật thể” chỉ định cả hai thể dạng là sự ghét bỏ và sự quyến rũ. Nêu lên sự kiện trên đây cũng là một cách mượn dịp để nhắc nhở lại là nhờ vào phép luyện tập sự quán thấy sâu xa, ta sẽ vượt thoát khỏi vòng nô lệ do các vật thể tạo ra. Đức Phật tóm lược nguyên tắc đó một cách thật ngắn gọn như sau: *“Sự quán thấy sâu xa là phương tiện giúp tinh khiết hóa lấy chính mình”.* Phương tiện ấy không phải là đạo đức (tu giới) hay sự tập trung (tu định) mà đây là sự quán thấy sâu xa (tu tuệ). Nếu ta không thể tự giải thoát mình khỏi mọi sự vật, thì ta vẫn chưa tìm thấy sự tinh khiết, vẫn còn bị ô nhiễm, mang đầy tham vọng và đam mê. Khi tìm thấy sự tự do thì ta cũng sẽ trở nên tinh khiết hơn, không còn bị ô nhiễm nữa và sẽ đạt được sự tinh thức và an lành.

Hãy chú tâm tìm hiểu thể dạng thứ ba trong “Ba phép tu”; đây là trí tuệ. Khi hiểu được nó là gì thì ta cũng sẽ hiểu ngay đây là một đức tính cao siêu nhất. Trí tuệ giúp ta biết dừng lại trước mọi sự vật, loại bỏ hoàn toàn bốn thứ bám víu (bám víu vào cảm giác, bám víu vào tư kiến, bám víu vào các nghi thức lễ lạc, và sự bám víu vào một cái tôi). Bốn sự bám víu ấy có thể ví như những sợi dây thừng trói chặt lấy ta, và trí tuệ thì như con dao cắt đứt chúng để giải thoát cho ta.

Ba phép luyện tập đó có đủ sức giúp ta vượt được các thử thách trong cuộc sống này hay không? Chúng có hàm chứa một căn bản tinh khiết để mọi người có thể mang ra sử dụng hay không? Nếu phân tích thật kỹ thì ta sẽ hiểu được ngay là ba phép luyện tập đó không đi ngược lại với giáo lý của bất cứ một tôn giáo nào - tất nhiên là các tôn giáo ấy phải mang một chủ đích thật sự là muốn giải quyết các vấn đề khổ đau cho con người. Dù các lời giáo huấn của Đức Phật không đi ngược lại với bất cứ tôn giáo nào, thế nhưng không phải đây là lý do để bảo rằng những lời giáo huấn của Ngài không hàm chứa những gì thật đặc thù và duy nhất; đặc biệt hơn hết là sự quán thấy sâu xa, đây là một kỹ thuật thật tuyệt vời giúp loại bỏ bốn thể dạng của sự bám víu. Sự quán thấy đó giải thoát cho tâm thức, mang lại cho nó sự tự chủ, và không còn gì có thể trói buộc nó và bóp nghẹt nó được; kể cả đấng tối cao ở trên trời, ma quỷ hay các thiên nhân. Chúng ta phải hoàn toàn ý thức được nguyên tắc của sự tự chủ đó, vì đây chính là nhân tố chính yếu nhất của Phật giáo.

Khi chúng ta nhìn thấy Phật giáo bao gồm tất cả những gì thuộc các tôn giáo khác và đồng thời là hàm chứa nhiều thể dạng đặc thù, thì khi đó chúng ta cũng sẽ hiểu rằng Phật giáo có thể đến với tất cả mọi người; quả thực, Phật giáo là một tôn giáo toàn cầu. Trong bất cứ thời đại nào, tất cả chúng sinh đều mang một mối quan tâm giống nhau, dù họ là các thiên nhân, con người hay súc vật: mối quan tâm ấy là làm thế nào giải thoát cho mình khỏi mọi khổ đau liên kết chặt chẽ với sinh, lão, bệnh, tử - và đây cũng là những thứ khổ đau phát sinh từ sự thèm muốn và bám víu. Tất cả chúng ta đều có một trọng trách như nhau, ấy là loại bỏ sự thèm muốn và bám víu mang tính cách bản năng, tức là các nguyên nhân tiên khởi mang lại khổ đau. Chính vì lý do đó mà Phật giáo được xem là một tôn giáo phổ quát. ■

Nguồn: *The threefold training*, trích trong *The Handbook for Mankind*, do ngài Buddhadasa Bikkhu soạn bằng tiếng Thái Lan, được Roderick S. Bucknell dịch sang tiếng Anh; Buddha Dharma Education Association Inc. thực hiện phiên bản điện tử năm 1996.

Tác giả: *Buddhadasa Bikkhu (1906-1993)* được coi là một triết gia mỹ học nổi tiếng và có ảnh hưởng của thế kỷ XX. Ngài trở thành tu sĩ Phật giáo từ năm 20 tuổi và có những đóng góp tích cực trong việc chấn hưng Phật giáo Thái Lan. Các tác phẩm của ngài được dịch ra nhiều ngôn ngữ phương Tây và được người phương Tây ngưỡng mộ.



Hãy trở thành...

BỒ-tát

DAVID LOY
KHÁNH UYÊN dịch

Chỉ trừ trường hợp quý vị đang tịnh tu lâu dài trong một cái hang ở dưới chân dãy Hi-mã-lạp sơn, còn lại thì thật rất là khó để quý vị không nhận thấy rằng thế giới loài người chúng ta đang bị vây bọc bởi những khủng hoảng về xã hội, kinh tế và sinh thái; những cuộc khủng hoảng ấy đang tác động lẫn nhau. Sự biến đổi khí hậu và sự tuyệt chủng của các giống loài, một hệ thống kinh tế hoạt động bất thường với quyền lực chi phối hợp nhất của các chính phủ, tình trạng quá tải về dân số... Đây là

một thời kỳ quyết định của lịch sử nhân loại, và những quyết định tập thể mà chúng ta phải đưa ra trong vòng vài năm tới sẽ đặt định chiều hướng cho những biến cố sẽ xảy ra với những thế hệ sắp đến.

Thế nhưng, càng hiểu rõ về tình thế hiện tại của loài người bao nhiêu thì càng có nhiều người trong chúng ta cảm thấy bị choáng ngợp và nản lòng bấy nhiêu. Những vấn đề là quá nghiêm trọng và đầy đe dọa đến nỗi chúng ta không biết phải bắt đầu từ đâu. Cuối cùng, chúng ta cảm thấy không có năng lực, thậm chí là như tê liệt.



Đối với những người được thúc đẩy hành động bởi giáo lý nhà Phật, một vấn đề quan trọng là phải chăng Phật giáo có thể giúp chúng ta giải quyết những khủng hoảng ấy. Như Paul Hawken chỉ ra trong tác phẩm *Blessed Unrest* (tạm dịch: *Sự Bất An May Mắn*), hiện vẫn sẵn một số rất nhiều những tổ chức lớn có, nhỏ có đang tích cực vận động cho hòa bình, công chính và sự bền vững - ông tạm ước tính là đã có từ một triệu đến hai triệu nhà hoạt động. Câu hỏi đặt ra là liệu một quan điểm Phật giáo có điều gì đặc biệt để cung hiến cho phong trào ấy.

Trong lịch sử văn minh nhân loại, nhà thờ và những người đi nhà thờ đã đóng góp một phần quan trọng cho nhiều phong trào cải cách; chẳng hạn, những chiến dịch vận động chống tình trạng nô lệ và việc tranh đấu cho quyền công dân. Tuy nhiên, động lực cho sự thay đổi cơ cấu xã hội ở phương Tây thực ra phần lớn vẫn dẫn xuất từ những nhà hoạt động theo chủ nghĩa xã hội và những phong trào cấp tiến, là những người mà theo truyền thống vẫn luôn luôn ngờ vực tôn giáo.

Marx đã nhìn tôn giáo như “thuốc phiện của nhân dân” vì các nhà thờ thường đồng lõa với sự áp bức của chính quyền, sử dụng học thuyết của tôn giáo để bào chữa cho tính chính đáng về quyền lực của những kẻ cai trị bóc lột, và làm xao lãng sự chú ý của tín đồ trước hoàn cảnh đương đại mà chỉ hướng tới “đời sau”. Điều chỉ trích đó cũng có thể đúng với một vài định chế của Phật giáo; quả thực, các giáo lý về nghiệp và tái sinh cũng có thể bị lạm dụng theo cách ấy.

Nhưng ở điều kiện tốt nhất, Phật giáo vẫn cung hiến một giải pháp khác. Con đường của Phật giáo không phải là làm cho tín đồ có đủ điều kiện để được vào thiên đường, mà là giúp mọi người biết sống một lối sống khác, ngay tại đây và bây giờ. Mục tiêu ấy bổ sung một cách tinh tế cho tiêu điểm truyền thống của người phương Tây vốn đặt nặng vào việc chuyển hóa xã hội và sự công chính. Như Gary Snyder đã nói cách đây nửa

thế kỷ, *“Hạnh phúc ở phương Tây đã từng là cách mạng xã hội. Hạnh phúc ở phương Đông vẫn là sự nội quán của từng người để thấy được cái ngã nền tảng, sự trống không nền tảng. Loài người chúng ta cần cả hai”*.

Chúng ta cần cả hai vì khi chúng ta không đánh giá đúng tầm quan trọng của sự chuyển hóa cá nhân, thì sự chuyển hóa xã hội sẽ bị biến chất lặp đi lặp lại nhiều lần bởi giới thượng lưu nhiều quyền lực, thường lợi dụng địa vị của họ một cách ích kỷ. Nền dân chủ có thể là hình thức cai trị tốt nhất, nhưng chế độ ấy cũng sẽ chẳng bảo đảm được gì nếu dân chúng vẫn tiếp tục bị thúc đẩy bởi những động cơ tham lam, giận dữ và sự ảo tưởng về một cái tôi mà hạnh phúc của cái tôi ấy có thể được theo đuổi với sự lãnh đạm trước hạnh phúc của những chúng sinh khác.

Chúng ta cần sự chuyển hóa cả ở mức độ cá nhân lẫn ở mức độ xã hội; và như thế, chúng ta có thể đáp ứng được với mối quan tâm của Đức Phật là việc chấm dứt mọi đau khổ. Đức Phật đã nhấn mạnh rằng tất cả những gì Ngài đã giảng dạy chỉ là sự đau khổ và cách chấm dứt sự đau khổ ấy. Điều đó hàm ý rằng sự chuyển hóa xã hội cũng cần thiết để đối trị sự đau khổ có tính cấu trúc và đã được định chế hóa vẫn được duy trì mãi mãi bởi những người được hưởng lợi từ một trật tự xã hội bất công.

Có điều gì đặc biệt trong truyền thống Phật giáo vốn có thể mang hai mức độ chuyển hóa như trên đến với nhau trong một mô hình hoạt động tích cực kết nối được cả sự thực hành nội tâm và ngoại giới?

Hãy trở thành... Bồ-tát!

Theo định nghĩa truyền thống, vị Bồ-tát là người chọn không vào ngay Niết-bàn, trạng thái an lạc hoàn hảo; mà thay vào đó, vị này tiếp tục ở lại trong cõi luân hồi để giúp đỡ tất cả mọi chúng sanh chấm dứt nỗi đau khổ của họ và đạt tới giải thoát.

Thay vì đặt câu hỏi, *“Làm sao tôi thoát khỏi hoàn cảnh này?”* thì vị Bồ-tát hỏi, *“Tôi có thể đóng góp được gì để làm cho hoàn cảnh này tốt đẹp hơn?”*.

Ngày nay, hơn bất cứ bao giờ hết, chúng ta cần hiểu con đường Bồ-tát như là một hình mẫu tâm linh cung cấp một cái nhìn mới về triển vọng của loài người.

Trí tuệ và từ bi là hai cánh của con đường Phật giáo, và chúng ta cần có đủ đôi cánh ấy để bay lên. Trí tuệ là nhận thức được rằng không hề có cái “ta” tách rời với phần còn lại của thế giới này; còn từ bi là biến điều nhận thức ấy thành thực hành. Mặc dù không là Phật tử, ngài Nisargadata, vị thầy đương đại của truyền thống Advaita, đã đưa ý kiến cá nhân về điều này một cách rất rõ rệt, “*Khi tôi nhìn vào bên trong và thấy rằng tôi chẳng là gì cả thì đó là trí tuệ. Khi tôi nhìn ra bên ngoài và thấy rằng tôi là tất cả mọi sự thì đó là tình yêu. Tôi hướng cuộc đời mình vào giữa hai cái nhìn đó*”.

Phong trào Phật giáo dẫn thân vào xã hội hoạt động với mục tiêu giúp phát triển một xã hội có ý thức về sự công bằng xã hội và một nền sinh thái bền vững. Phong trào này tìm kiếm việc khai phá những triển vọng và những khả năng mới nhằm thách thức chúng ta tự chuyển hóa và chuyển hóa xã hội của chúng ta một cách sâu sắc. Điều đó mang chúng ta đến với Bồ-tát đạo như một hình mẫu mới cho sự hoạt động xã hội tích cực.

Quan điểm hoạt động xã hội tích cực của Bồ-tát đạo có một số đặc điểm nổi bật. Phật giáo nhấn mạnh đến tính tương thuộc và sự ảo tưởng. Điều này hàm ý không chỉ là không bạo động (vốn là điều cuối cùng chỉ dẫn đến sự tự thất bại) mà phải là một quan điểm hoạt động dựa trên tình yêu thay vì có phản ứng giận dữ.

Vấn đề căn bản của xã hội loài người hiện nay không phải là những con người xấu xa, những kẻ giàu có và có nhiều quyền lực, mà là những cấu trúc đã được định chế hóa của lòng tham, sự gây hấn và sự ảo tưởng. Tính cách thực tế và phi giáo điều của con đường Bồ-tát có thể giúp cắt đứt những tranh cãi ý thức hệ vẫn làm suy yếu những nhóm người tiến bộ. Và sự nhấn mạnh của Phật giáo vào tính thiện xảo của phương tiện có nghĩa là trau dồi sự tưởng tượng sáng tạo, một thuộc tính cần thiết, vì chúng ta phải xây dựng một lối sống lành mạnh để cùng sống với nhau trên hành tinh này và tìm ra một con đường để đạt đến điều ấy.

Nhưng các thuộc tính đó không đạt tới sự đóng góp quan trọng nhất của vị Bồ-tát trong những thời điểm khó khăn hiện nay, khi chúng ta thường cảm thấy bị tràn ngập bởi mức độ to lớn của những thách thức và có khuynh hướng tuyệt vọng. Ở đây, chúng ta nên nhắc nhở nhau bằng câu châm ngôn của Lực lượng Công binh Hoa Kỳ, “*Điều khó khăn, chúng ta giải quyết ngay. Điều không thể sẽ giảm nhiều*”. Theo công thức cổ điển thì Bồ-tát nguyện giải thoát mọi chúng sanh. Người đã tự nguyện thực hiện một nhiệm vụ hầu như không thể thành tựu ấy sẽ không bị đe dọa bởi những khủng hoảng hiện tại, bất kể tình trạng có vô vọng đến mức nào. Đó là vì Bồ-tát thực hành ở cả hai mức độ - nội tâm và ngoại cảnh - là điều cho phép một vị có đại tâm

như thế dẫn thân vào hành vi hướng tới mục đích mà không bám chấp vào kết quả.

Như thi sĩ T.S. Eliot nói, “*Phần việc của chúng ta là cố gắng. Phần còn lại không phải là việc của chúng ta*”. Công việc của Bồ-tát là thực hiện những điều tốt nhất có thể, không cần biết đến kết quả của việc ấy ra sao. Và lại, phải chăng chúng ta đã vượt qua điểm không thể sửa chữa được nữa về mặt sinh thái và nền văn minh loài người đã bước vào chỗ tiêu vong? Chúng ta không biết. Nhưng thay vì bị đe dọa, vị Bồ-tát giữ vững cái “tâm không biết”, vì việc thực hành đạo Phật mở ra cho chúng ta điều bí mật kinh hoàng của một thế giới vô thường, nơi mà tất cả mọi sự đều đang biến đổi, cho dù chúng ta có nhận biết hay không. Tôi đã lớn lên trong một thế giới được xác định bởi một cuộc “chiến tranh lạnh” giữa Hoa Kỳ và Liên Xô mà tất cả mọi người đều cho là điều hiển nhiên - cho đến khi Liên Xô không tồn tại nữa. Cũng vậy với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi. Nếu chúng ta không thực sự biết rõ việc gì đang xảy ra, làm thế nào chúng ta biết được điều gì có thể xảy ra, nếu chúng ta không làm thử?

Tâm buông xả của nhà hoạt động xã hội trên tinh thần Bồ-tát đạo hình thành từ sự không bám chấp vào những kết quả của hành động của mình nhưng vẫn không thờ ơ trước hiện trạng của thế giới hay số phận của quả đất. Điều gì là cội nguồn của thái độ không bám chấp ấy? Câu hỏi này chỉ ra thành quả sự tu tập nội tâm của vị Bồ-tát.

Kinh *Kim Cương* nói Bồ-tát cứu độ mọi chúng sanh bởi nhận thức rằng chẳng hề có chúng sanh nào để cứu độ. Vị Bồ-tát nhận thức rõ về *tính Không* - chiếu kích mà ở đó không có gì là được hay mất, chẳng có gì trở nên tốt hơn hay xấu hơn - mà cũng không bám chấp vào sự nhận thức rõ đó. Như *Bát-nhã Tâm kinh* nhấn mạnh, sắc tức là không và không cũng tức là sắc. Tính Không chẳng phải là nơi để cư ngụ hoàn toàn không có sắc; tính Không chỉ có thể được trải nghiệm từ những sắc chất vô thường mà nó mang theo, những sắc chất thiết lập nên đời sống của chúng ta và thế giới này.

Đối với những nhà hoạt động xã hội Phật giáo, đó chính là hai chiều kích của sự thực hành - sắc và không, sự chuyển hóa của từng cá nhân và sự chuyển hóa của cả xã hội, hai mặt của cùng một đồng xu. Như ngài Nisargadata có thể nêu ra, “*Giữa hai mặt ấy, cuộc sống của vị Bồ-tát hướng đến*”.

Thế giới loài người chúng ta cần cả hai. ■

Nguyên tác: *Enter... the Bodhisattva*, David Loy.

Tác giả: David Loy là một tác giả Hoa Kỳ và là một vị giáo thọ có thẩm quyền của dòng truyền thừa Sanbo Kyodan thuộc Thiên tông Nhật Bản. Ông cũng đã được mời giảng dạy về Triết học và Tôn giáo tại Bunkyo University (Nhật Bản), tại Xavier University (bang Ohio, Hoa Kỳ). Tác phẩm của ông bàn nhiều về Tôn giáo đối chiếu và Đạo đức xã hội.

Nguồn: *Shambhala Sun*, số tháng Mười Một năm 2012.



Xóm chùa

Bài & ảnh: CAO HUY HÓA

Xóm là nơi tụ tập dân cư trên một vùng đất không lớn. Thường địa danh nôm na xóm kèm theo một danh từ nào đó, để chỉ tính cách đặc trưng, ví dụ như ở quê tôi, có Xóm Đò vì nơi đó có bến đò, có Xóm Chùa vì nơi đó nhà dân quy tụ quanh một ngôi chùa. Nhưng Xóm Chùa tôi viết dưới đây không chỉ có một chùa, mà có nhiều chùa trong không gian bát ngát và tịch liêu.

Ngày nay, Huế đã rộng và thoáng hơn, nếu bạn về miền đồi núi phía Tây nam. Chắc bạn không lạ gì đồi Thiên An với những cánh rừng thông vi vu xanh mát, chen giữa là những con đường quanh co tĩnh lặng, lấp lánh tia nắng mặt trời buổi bình minh, hoặc lưa thưa chút nắng lúc chiều tà. Không chỉ có Thiên An thôi nhé, còn có những cánh rừng núi khác, cũng đẹp như thế, cũng cuốn hút bước chân ta như thế.

Bạn đi lên Đàn Nam Giao, về Cầu Lim, qua khỏi cầu một đoạn thì gặp hai hướng, một hướng ven sông để đến thị trấn Tuần, còn hướng kia đi đến làng Khải Định rồi cũng về Tuần. Trong bài *"Cà-phê chân cầu Tuần"* đăng trên VHPG số 174 (ngày 1/4/2013), tôi đã mời các bạn đi đến cầu Tuần, ghé vào quán cà-phê chân cầu để nhâm nhi cà-phê, đồng thời xem cảnh sông núi bao la, hướng tầm mắt về ngã ba Bằng Lăng, nơi hội tụ của hai con sông Tả Trạch và Hữu Trạch nhập thành sông Hương thơ mộng. Cũng ở nơi đây, hãy tưởng tượng phía trước là lăng vua Minh Mạng như tựa vào núi Kim Phụng, và phía Tây cao xanh mây trắng là dãy núi Thiên Thọ, như là tiền án của lăng vua Gia Long.

Nhưng lần này, mời các bạn đi theo hướng làng Khải Định, và coi chừng! bạn cần dừng lại nơi cần thiết, nếu

không, bạn sẽ ngon trốn với con đường nhựa êm ái mà hai bên đường, nào là nhà thờ, quán trà, cà-phê, võ đường Vạn An, rừng cây, dã thự... Có những lối rẽ đi vào thế giới riêng, trong đó bên trái có một con đường khá rộng. Đi vào đó, bạn không ngờ mình gặp một Thiên An, hay lãng mạn hơn chút nữa, một Đà Lạt nguyên sơ. Huế thật là sang, sao lại có con đường nhựa dài hun hút đi sâu vào chỗ núi non, mà khách đi đường thưa vắng, xe hơi khó mà bắt gặp, mà xe máy cũng chẳng có bao nhiêu? Con đường đó dẫn đến những ngôi chùa mới tạo dựng trong những năm gần đây, và bây giờ đã có tên, Châu Chữ.

Khoảng năm năm về trước, nghe tin thầy T.H tạo dựng chùa trong vùng núi cô liêu này, chúng tôi đến thăm. Đi trong tiết trời xuân lạnh lạnh, trên con đường thênh thang thanh vắng rợp bóng thông, tràm hoa vàng và keo tai tượng mà tôi chưa từng đến bao giờ, tôi chợt nghĩ đến Đà Lạt và câu hát của Hoàng Nguyên: *"Đường nào lên Thiên Thai, đường nào lên Thiên Thai, nơi hoa xuân không hề tàn, nơi bướm xuân không hề nhạt, nơi tình xuân không úa màu bao giờ"*. Đường nào lên Thiên Thai? Chúng tôi theo con đường rẽ vào trong núi, vào càng sâu thì rừng càng rậm, càng đẹp, đường đi thì sỏi đá, lại thêm bùn trơn trượt khiến chúng tôi suýt té ngã. Vừa lên dốc cao thì chùa lại ở đỉnh dốc phía dưới, thế là chúng tôi đi xuống rồi lên đồi, cuối cùng cũng đến nơi. Trời đất thênh thang, cây xanh bốn bề. Nhưng... chỉ có vị tu hành mới tìm chốn ẩn cư này, chứ xung quanh có ai đâu! Chỉ có chúng tôi là Lưu Nguyễn thời nay in trong trí nhớ bài hát của Hoàng Nguyên! Thế rồi đối hoang cũng mọc lên chùa, với chánh điện mới tạm xong, còn nhà khách thì tuếnh toàng, nền đất, sân chùa còn ngổn ngang đất đá, điện nước chưa có, thầy phải mua bịch nước từ dưới phố đem lên. Chỉ một năm sau, chúng tôi lên thăm thầy, thì chùa đã đâu vào đó, tuy còn phải hoàn chỉnh sân chùa và lối đi lên chùa. Chùa xinh xắn, chúng tôi ngồi trong phòng khách, là nhà dưới của ngôi chánh điện, xếp bằng trên tọa cụ, thường thức tách trà ấm áp chân tình cùng thầy, trên cao là kinh, xung quanh là tự điển, sách, tạp chí; ngoài vườn là mít và những luống chè tươi xanh. Hiếm khi chúng tôi được thờ trong không gian thanh tịnh như thế này. Ngôi chùa dần dần trở thành quen thuộc đối với chúng tôi với tên: chùa Vĩnh Ân.



Những lần sau, vào con đường “Đà Lạt” là chúng tôi nhận ra xa xa có gì khác, nơi thì mái ngói ẩn hiện trên tàng cây, nơi thì công trình xây móng, lên tường. Những ngôi chùa lần lượt mọc lên, có đến tám ngôi trên một vùng đồi núi mà có nhiều người đã đặt tên vùng này là Xóm Chùa. Gần chùa của thầy là một tịnh thất Ni - *Ưu Đàm Lan Nhã*.

Nếu mái ngói ngôi chùa của thầy đã phai màu thời gian, thì tịnh thất này mới hoàn chỉnh, từ chánh điện đến nhà khách, hậu liêu cho đến cổng tam quan và mặt đường phía trước đúc bê-tông rộng rãi. Chùa khá lớn nhưng kiến trúc nhẹ nhàng, đường nét thẳng, bố cục mềm mại. Tất cả đều phong quang và không bày biện nhiều. Điều khiến khách thăm chùa thán phục là quý sư cô đã biến một thế đất khó khăn thành một quy hoạch hợp lý, khi chia đất thành ba tầng, tầng trên là chùa và sân chùa, tầng giữa là vườn cây, vườn rau (nhưng chắc chắn là tốn công sức lắm, vì phải dựng kè cao đến gần bốn mét để giữ đất tầng trên), tầng thấp nhất dành cho tám nhà trồng nấm rơm và một số cây sa-kê.

Chùa còn có đầm đất phía trước cổng chùa, và khi chúng tôi đến đây, vào giữa tháng 9/2105, hơn 60 trụ bê-tông cốt sắt đã được dựng lên làm choái cho cây thanh long sắp trồng - loại thanh long ruột đỏ. Quý cô làm kinh tế chùa một cách đàng hoàng, khoa học: có giếng, máy bơm và hệ thống đường ống để tưới cây, có giàn che nắng. Kết quả khiến chúng tôi ngon mắt: những vồng đu đủ trĩu quả, vồng chanh đầy hứa hẹn, dãy cây sa-kê mới vươn cao, rau xanh mướt mà, đậu phụng lên lúp xúp, và thật bất ngờ, các nhà trồng nấm thu hoạch nấm đều đều. Tất cả môi trường đều sạch, rau quả sạch, phân hữu cơ từ ủ lá mục và rơm phơi khô sau khi dùng làm nấm, và tất nhiên nhà chùa không dùng thuốc diệt sâu rầy.

Chúng tôi chia sẻ niềm vui với sư cô trụ trì về công đức dựng chùa và thành quả canh tác, và không ngờ được biết, tịnh thất chỉ là nơi đi đi về về của sư cô, còn việc chính của sư cô là ở tịnh thất Vinh Vệ (xã Phú Mỹ, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên-Huế), cộng thêm với nuôi dạy mấy chục em có hoàn cảnh khó khăn. Nhờ mấy thí chủ giàu từ tâm và tịnh tài, sư cô xây dựng tịnh thất ở vùng núi này để có chỗ tu học cho Ni chúng, đồng thời cố gắng canh tác để giúp giải quyết đời sống vật chất cho chùa và các trẻ do chùa nuôi.

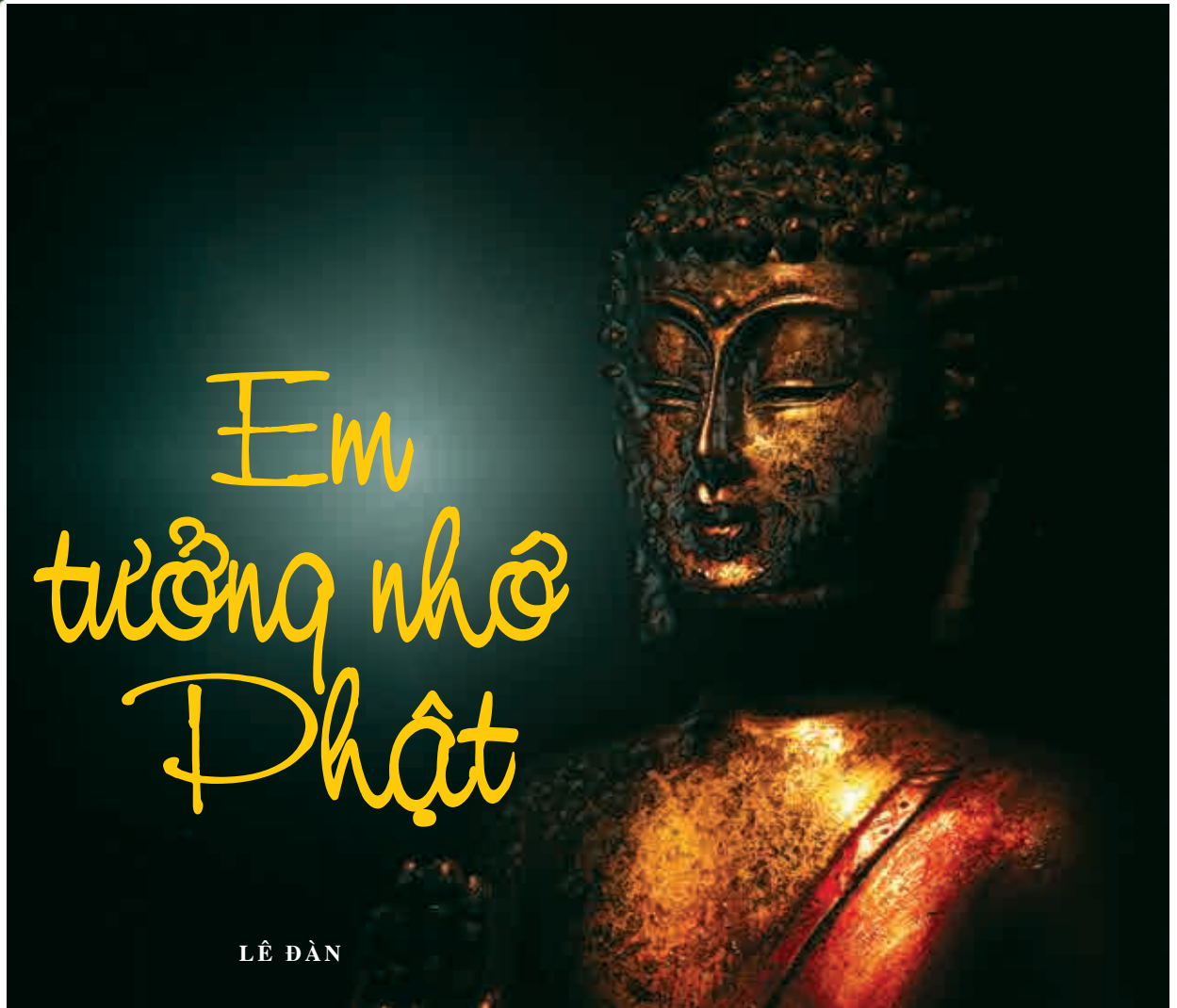
Trên đường về, chúng tôi đi tiếp con đường “Đà Lạt” để hiểu thêm về Xóm Chùa. (Rất tiếc là ở vùng này, cây thông hiên ngang và phong lưu đã bị lấn át bởi những keo tai tượng, trầm hoa vàng, chắc mấy thứ này trồng dễ, mau lớn, thu hoạch gỗ nhanh?). Đến một ngôi chùa phong cảnh hay hay - chùa Diệu Sơn, chúng tôi định vào nhưng kín cổng cao tường, mà lối đi từ cổng vào chùa khá sâu. Đang loay hoay không biết làm sao, thì may thay, hai điệu nữ nhìn ra chúng tôi, lật đặt lấy chìa khóa, chạy ra mở cửa. Chùa xây dựng nhiều, phòng ốc

rộng rãi. Sư cô trụ trì đi vắng, các điệu học bài, làm bài, mỗi người một nơi. Trong cảnh chùa im ắng, chúng tôi lên chánh điện thỉnh chuông, lễ Phật, rồi trở ra, dạo một vòng quanh vườn, mùi mít chín thơm nức. Đi về cũng tiếc, tôi còn nán lại, thẩn thơ bên hồ sen. Tạo dựng một cái hồ phía trước chùa là rất hợp với tự nhiên, vì nơi đó có khe nước chảy qua, và hồ chỉ đơn sơ, mộc mạc, nhưng vẫn nên thơ pha chút vụng về của bậc cấp xuống hồ. Tự nhiên tôi liền tưởng đến những cảnh chùa trên đất cố đô, tất nhiên là quá đẹp, nhưng suối khe róc rách đầu rối, chỉ còn lại một vài chùa mà nước thì không trong như xưa.

Tiếp tục đi hết con đường vắng vẻ rợp bóng cây, và đến cuối đường, bất ngờ chúng tôi nhận ra trước mặt là con đường quen thuộc, đường Thiên Thai, chạy dài từ đập Nam Sông Hương quanh co cho đến đền Huyền Trân Công Chúa, và ngã ba này rất gần với tháp Tổ Liễu Quán. Như thế, con đường chúng tôi vừa đi qua, nối từ đường Minh Mạng (nối dài) với đường Thiên Thai. Cả hai đường đều có quá nhiều cảnh đẹp, nhiều di tích, lăng tẩm, đền đài, chùa chiền.

Khi nhận ra tháp Tổ Liễu Quán và chùa Thiền Tôn, ý nghĩ bất ngờ đưa tôi về thời xa xưa. Từ ngôi thảo am ban đầu, Tổ Liễu Quán (1667-1742) đã tạo dựng chùa Thiền Tôn, từ đó thiền phái Liễu Quán phát triển ở Huế, rồi từ Trung vào Nam. Ngài và các hàng đệ tử về sau đã lưu dấu chân suốt một dải rừng phía Tây nam thành phố Huế, từ chùa Thiền Tôn đến vùng đồi núi mà sau này gọi là Thiên An và lăng vua Khải Định. Bằng chứng cụ thể nhất là tháp ngài Tế Cảo (169-1752) - ngài thuộc hàng đệ tử trực tiếp của Tổ Liễu Quán - còn nguyên vẹn, và tháp ngài Đại Sum, ngài thuộc thế hệ thứ ba của dòng thiền Liễu Quán, sau này đã được trùng tu đàng hoàng, ở phía Đông bắc của tháp ngài Tế Cảo, rất gần với chùa Kim Đài, một ngôi chùa cổ mới trùng tu sau này, không xa Xóm Chùa. Ngoài ra, còn rất nhiều ngôi mộ hư hỏng, các tấm bia bị đổ nát và các chứng tích cần được giải mã. Các thế hệ về sau của thiền phái Liễu Quán, do sự phân bố dân cư, do quy hoạch, do tình trạng chiến tranh, dịch bệnh, đã tạo lập các ngôi chùa sau này, tuy vẫn ở địa bàn rừng núi nhưng đã gần hơn với dân, và không đâu như ở Huế, chùa đậm đặc nhiều nhất ở vùng đồi núi, cùng tỏa hương thiền trên miền sông Hương núi Ngự. Sau này mới đến những ngôi quốc tự, những chùa quan, các tịnh thất và chùa khuôn hội trong thời cận đại, nằm trong lòng đô thị.

Trong khi nhiều nơi, kể cả cảnh chùa, phải sống chung với hiện tượng đô thị hóa tự phát, với cảnh chợ búa, quán ăn, ca nhạc tràn lan, thì không gian rừng núi tươi xanh, nên thơ và nằm riêng một cõi ở phía Tây nam thành phố Huế, là nơi chốn tịnh cư thích hợp với người tu; tịnh cư mà vẫn đi đi về về như quý thầy làm nhiệm vụ hoằng pháp và giáo dục, như quý sư cô nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại một vùng quê. ■



Em tưởng nhớ Phật

LÊ ĐÀN

Những ngày cuối năm tiết trời mưa lạnh. Xứ sở miền Trung là vậy, mùa nắng thì thiên hạ trông mưa, mùa mưa thì người ta trông nắng. Nhưng ở lâu quen đi rồi thì chuyện mưa nắng là chuyện của ông trời, người dân làng tôi cứ mặc kệ trời mưa nắng... Mặc dù vậy, trong lòng vẫn cứ cầu mong trời đừng có mưa ba ngày Tết mà tội cho các cháu, chúng đi chơi xuân mà phải mang tờ đội nón thì phiền lắm!

Năm nay ngôi chùa làng tôi vừa trùng tu xong lại mời được một Sư cô về trụ trì cho nên Tết này làng tôi rất vui. Gần 50 năm trước, ngôi chùa bị chiến tranh bom đạn tàn phá hư hỏng chỉ còn cái nền và vài bức vách loang lổ vết đạn. Có nghĩa là gần 50 năm làng tôi không có chùa, Phật tử trong làng mỗi dịp lễ hay những ngày sóc vọng phải đi lễ Phật "kê" ở chùa làng kế bên. Đi chùa mà mang tâm trạng đi chùa nhờ, đôi khi cảm thấy rất tủi thân. Bây giờ làng tôi có chùa rồi, những người con Phật (trong đó có tôi) thấy trong lòng phấn khởi lắm!

Chỉ còn mấy ngày nữa là đến Tết, tôi đã sơn quét lại nhà cửa, mọi thứ trong nhà chuẩn bị Tết gần như xong xuôi hết. Tôi thấp nhang trầm thơm lên bàn thờ Phật và tổ tiên rồi ngắm nghía bình hoa ly mà đứa con gái vừa mới mua về cắm lên bàn thờ Phật, trông rất đẹp mắt. Tôi cũng đã biết cắm hoa từ khi con bé chưa sinh ra, vậy mà vẫn bị con gái chê, thế mới đau chớ! Nhưng không sao, chấp nhận "con hơn cha... là nhà có phúc", nó có đi học một khóa nghệ thuật cắm hoa kiểu Nhật thì làm sao mình hơn nó được.

Nhờ vậy tôi có cơ hội học từ đứa con gái cưng "Nghệ thuật cắm hoa Nhật Bản". Thế nên, tay nghề cắm hoa của tôi càng ngày nâng lên rõ ràng, được Sư cô trụ trì khen mấy lần về những bình hoa tôi cắm ở chùa làng.

Hôm nay như đã hứa với Sư cô, tôi sang chùa làm công quả. Sư cô giao cho tôi chỉ mỗi việc cắm hoa trên chánh điện, vậy mới oai chứ! Vì tôi đã làm cho chánh điện, nơi thờ Đức Từ Phụ đẹp lên, nụ cười của Đức Phật tươi lên như đóa hoa. Tôi vui lắm khi được Sư cô và người bạn tu khen thêm lần nữa vào sáng nay.

Bạn tu hỏi tôi: *"Ông học cắm hoa từ khi nào vậy? Ông dạy cho tôi nhé!"*

Tôi thú thật: *"Con gái tôi dạy đó, nhìn một vài lần là làm được, dễ ẹc à!"*

Đúng như vậy, tôi chỉ nhìn con gái cắm hoa đôi ba lần thôi, rồi làm theo là được, không khó khăn gì. Ông bạn tu của tôi đây là bạn cùng làng, cùng lứa, cùng đi học với nhau, cùng đi sinh hoạt GDPT chùa làng... nhiều cái cùng lắm! Cùng làm công quả sáng nay... hihhi... và... chào đời cùng một năm. Có một cái cùng nữa là năm xưa ấy, chúng tôi cùng đi dự *Trại Huấn luyện Đội Chúng trường A-nô-ma-Ni-liên* tại chùa trên huyện. Ông bạn tu của tôi đây đã xuất sắc đạt danh hiệu thủ khoa! Vì ông tỏ ra xuất sắc toàn diện, như thi Phật pháp, thi văn nghệ... đặc biệt là chơi *"trò chơi lớn"*, ông dịch mật thư rất nhanh, Huynh trưởng vừa mới đánh bức mật thư bằng Xi-ma-pho (cờ đỏ trắng) xong là ông bạn đã dịch xong luôn. Bởi ông bạn tu thuộc lòng bảng Morse như cháo, hể anh huynh trưởng phát một tay cờ trắng đỏ lên là tích (.); rồi hai tay cờ lên là tề (-). Tích tề là chữ A, ông bạn tu dịch chữ A luôn, nhờ vậy đội của tôi và ông đã về nhất trong trò chơi lớn này. Tôi rất tự hào về người bạn giỏi giang của mình.

Sau kỳ trại huấn luyện ấy, tôi và ông bạn tu lên lớp 10, phải vô trường tỉnh trọ học, thành ra chúng tôi bị gián đoạn sinh hoạt Gia đình Phật tử từ đó. Và mãi cho đến bây giờ luôn, thật là tiếc! Dù sao, những năm tháng sinh hoạt GDPT tại ngôi chùa làng thuở còn thơ rất có ích cho chúng tôi, vì được quý anh chị huynh trưởng chỉ dạy cho chúng tôi học Phật và hôm nay trở thành người con Phật lương thiện có cuộc sống tuy đạm bạc đủ ăn nhưng rất an lạc.

Tại ngôi chánh điện này mỗi chiều Chủ nhật, sau thời kinh Sám hối là sinh hoạt ngoài trời do các anh chị huynh trưởng hướng dẫn học Phật pháp, vui chơi, ca hát... Nhắc đến các anh chị huynh trưởng ngày ấy, bây giờ ngồi điểm lại không còn ai, họ đã lớn tuổi, người thì đã quá vắng, người thì lưu lạc ly hương, chỉ còn lại hai chúng tôi, hai cựu đoàn sinh già còn đến với ngôi chùa làng này thôi, rất khó để xây dựng lại một GDPT sinh hoạt như năm xưa, mặc dù trong lòng rất mong muốn.

Ông bạn tu bắt giác hỏi tôi:

- Ông còn nhớ điều luật ngành Thiếu niên đọc sau thời kinh mỗi chiều Chủ nhật không?

Tôi cau mày nhăn trán trước câu hỏi khó và bất ngờ này của ông bạn tu. Đúng, sau thời kinh là hát bài:

"Trăm hương đốt

Xông ngát mười phương

Nguyện nguyện kính Đức Nghiêm Từ vô lượng..."

Sau bài hát là đọc điều lệ này, hơn 50 năm chớ đâu có ít, ai mà nhớ nổi năm điều này... là những câu gì nhỉ???

Tôi cố lục lại trí nhớ nhưng rồi tôi cũng xin bó tay.

Ông bạn cười:

- Tôi nhắc ông mấy chữ đầu là ông nhớ ra hết. Câu 1: Phật tử quy y...

Tôi nhớ ra và nói ngay:

1. *Phật tử quy y Phật Pháp Tăng và giữ giới đã phát nguyện.*

2. *Phật tử mở rộng lòng thương và tôn trọng sự sống.*

3. *Phật tử trau dồi trí tuệ và tôn trọng sự thật...*

Tôi chỉ nhớ ba điều là hết sức rồi, còn hai điều ông nhớ thì đọc cho tôi biết với.

Ông bạn tu lại khen:

- Ông nhớ được ba điều là giỏi lắm rồi, còn hai điều tôi cũng bí như ông, mai mốt có dịp gặp mấy ông bạn huynh trưởng sẽ hỏi lại sau.

Ngồi tại chánh điện này vào một sáng cuối năm trời mưa lạnh, ông bạn tu nhắc đến thời đi sinh hoạt GDPT khiến tôi nhớ vô cùng, nhớ nhất là thời đang còn sinh hoạt Đoàn Oanh vũ Nam mang cái quần cộc xanh có hai dây đeo, tuổi thơ hồn nhiên nhí nhảnh, được các anh chị huynh trưởng chỉ dạy, hầu hết chúng tôi đều trở thành những đoàn sinh Thiếu niên mẫu mực Bi - Trí - Dũng. Người đoàn sinh Oanh vũ ưu tú Hòa - Tin - Vui, những người Phật tử thuần thành, những người con hiếu thảo.

Tôi bỗng chợt nhớ ra ba điều lệ của ngành Oanh vũ. Bài học rất quan trọng này cũng được đọc sau thời kinh Sám hối. Mỗi đoàn sinh đều thuộc lòng, nhưng hơn 50 năm thử hỏi mấy người còn nhớ? Vậy mà tôi vừa mới nhớ ra đủ ba điều. Sự kỳ diệu của trí nhớ! Tôi cũng muốn thử trí nhớ ông bạn tu của tôi:

- Nay ông bạn tu, ông đã nhớ điều lệ của ngành Thiếu niên, thì chắc ba điều của ngành Oanh vũ ông cũng nhớ.

Vậy ông cầm cây bút và miếng giấy này ghi lại ba điều lệ của Oanh vũ để xem trí nhớ của tôi và ông có giống nhau không?

Ông bạn tu quay lưng đằng sau suy nghĩ hồi lâu viết viết xóa xóa, cuối cùng ông cũng đã viết xong quay lại đưa cho tôi tờ giấy với một cái nhún vai mỉm cười tự tin:

- Đây này! Đúng chắc luôn, không sai một chữ!

Tôi đem so tờ giấy tôi đã viết ba điều theo trí nhớ của tôi và tờ giấy của ông bạn tu.

Tôi không tin vào mắt mình, cả hai tờ giấy giống y một nguyên văn:

1. *Em tưởng nhớ Phật.*

2. *Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với anh chị em.*

3. *Em thương người và vật.*

Chúng tôi nhìn vào hai tờ giấy rồi nhìn nhau trong sự xúc động dâng trào. Hơn 50 năm rồi, biết bao nhiêu vật đổi sao dời, biết bao nhiêu đổi trắng thay đen, Nhưng... "Em tưởng nhớ Phật..." vẫn nằm y nguyên trong trái tim chúng tôi.

Quay về phía chánh điện, chúng tôi cung kính chấp tay lễ Phật gieo năm vốc sát đất.

Đức Từ Phụ đang mỉm cười nhìn đôi bạn đoàn sinh Phật tử già lớp U60 đang ngẩn lệ thì thầm: "Em tưởng nhớ Phật..." như khi đang còn là Oanh vũ.

Xuân đang về trong lòng chúng tôi. ■



Chỉ một phút thôi

NAOMI BAER
NGUYỄN GIÁC dịch

Bài viết "Just One Minute" của tác giả Naomi Baer in lần đầu trên tạp chí Inquiring Mind, một tạp chí Phật giáo tại Hoa Kỳ, trên ấn bản Mùa Thu 2003. Tuyển tập The Best of Inquiring Mind in năm 2008 đã giới thiệu tiểu sử của bà, cho biết Naomi Baer dạy trung học ở thành phố St. Paul, Minnesota. Bà sống và làm việc ở Tanzania trong tám năm, nuôi hai con, và rồi lên chức bà của hai cháu nhỏ. Bà khởi sự tập thiền Vipassana năm 1991 khi các con của bà ở tuổi teenager (13-19), và bà tiếp tục giữ pháp thiền tập này hàng ngày.

Bản dịch sau đây hy vọng giúp quý thầy, cô tại Việt Nam, cho thấy bất kỳ trẻ em nào cũng tập được, và chỉ một phút một ngày cũng có diệu dụng vô lường. Cô giáo Naomi Baer khởi đầu mỗi tiết học bằng yêu cầu cả lớp giữ một phút ngồi yên, vắng lặng. Trường trung học Mỹ tùy học khu, tùy lớp, trung bình mỗi ngày có bốn tới tám tiết (period) để học hay sinh hoạt, mỗi tiết trung bình 50 phút. Bản dịch như sau.

Trong một trường trung học công lập lớn, ở nội thành, nơi một thị trấn miền Trung Tây, trong lớp của tôi, tôi khởi sự từng tiết học với một phút vắng lặng. Tôi là giáo viên dạy toán.

Việc này khởi sự từ mùa thu 1997 với một lớp quây phá đặc biệt. Không biết cách nào khác để làm mọi thứ im lặng, tôi khởi sự lớp, một hôm nói về cách chúng ta phản ứng đối với những gì diễn biến quanh chúng ta. Chúng ta phản ứng đối với các bạn, với các giáo viên, với lẫn nhau. Chúng ta phản ứng đối với loa phóng thanh, với các lớp kế bên, với những hỗn loạn ồn ào nơi các phòng khác. Chúng ta bị dội bom bởi các sự kiện bên ngoài. Do vậy, tôi mời các em hít thở, ngồi thẳng sống lưng, đặt hai bàn chân phẳng

trên sàn, và giữ vắng lặng trong 60 giây đồng hồ. Không để phản ứng với bất cứ gì hết, tôi rung chuông một tiếng, nhắm hai mắt tôi lại và thở. Khi một phút trôi qua, tôi rung chuông lại, thở chậm, cảm ơn các em cho một phút trong đó các em đã cố gắng hết sức, và mời các em cảm ơn những em ngồi quanh. Từ đáp ứng hỗn nhiên với lớp học gian nan này, tôi tiếp tục khởi sự tất cả các lớp của tôi trong cùng một cách. Thế là năm thứ năm rồi.

Lúc ban đầu, tôi bị chất vấn là cách này có ảnh hưởng trên một lớp quây phá hay không. Một vài học sinh chế giễu tôi, và một số em khác lờ tôi đi, nhưng trong một phút đó, mức độ ồn ào đã giảm ít nhất một phần, nên tôi cứ tiếp tục. Với thời gian, có thêm học



sinh bắt đầu cảm ơn lẫn nhau. Thoạt tiên, các em nói giỡn với nhau rằng họ sẽ cố gắng tốt hơn cho lần tới, và rồi thực tế thật.

Tôi duy trì tiến độ đó, nhưng không một lần nào nói cái gì về “thiền tập.” Tôi đã có thể làm trong một phút đó những gì tôi chọn [cho tâm tôi] mà không áp đặt bất cứ gì trên học sinh, và nhiều ngày tôi đã thực tập thiền tâm từ (metta meditation). Khoảng một tháng sau đó, vào giữa một bài học, có một tiếng ồn đột khởi từ một học sinh, và tôi phải áp giải em này ra khỏi lớp. Khi chúng tôi trở lại bài học, một học sinh ồn ào khác đòi hỏi, “*Thưa cô giáo Baer, em nghĩ là chúng ta cần làm lại cái một phút đó a!*”. Tôi thấy mình mong manh, tôi khép mắt lại trong lớp đó.

Một hôm, khi tôi còn trẻ nãi, một học sinh nói, “*Hãy ngồi thư giãn chứ*”, và rung chuông. Mọi người cùng làm một phút vắng lặng với cậu này. Từ đó trở đi, các em khác muốn luân phiên rung chuông. Tiếng ồn và hỗn loạn giảm trong phút đó. Tập như thế, cho dù là bất toàn, cũng cho các học sinh quây nhất một công cụ để thân và tâm lắng đọng xuống. Tôi thấy rằng một phút đó không chỉ giúp tôi, nhưng cũng giúp các học sinh nữa.

Trong một vài lớp toán cao cấp của tôi, nơi kỷ luật không thành vấn đề, cũng có phản ứng lẫn lộn. Hầu hết tự nguyện tham gia một phút vắng lặng, nhưng một

vài em thấy rõ không thoải mái và lộ ra kính chống. Tôi luôn luôn cảm ơn các em một cách đặc biệt cho một phút hợp tác đó. Dần dà, ngay cả các em kính chống đó cũng thoải mái thư giãn, mà không phải cực nhọc kính chống. Nó chỉ thế. Một phút để làm cái không làm.

Năm nay, một trong các lớp của tôi, hầu hết là các em lớp 10, liên tục yêu cầu kéo dài một phút vắng lặng đó lâu hơn. Do vậy, một hôm, với mọi người trong lớp đồng ý, chúng tôi làm năm phút tịch lặng. Khi tôi rung chuông kết thúc, sự vắng lặng tiếp tục kéo dài. Tuyệt vời! Hiện tượng tuyệt vời. Các em nói các em thích thế, khi vắng lặng như thế. Các em tiếp tục xin kéo dài thêm, do vậy chúng tôi đồng ý kéo dài trong những ngày thứ Sáu.

Một phút của chúng tôi đã sinh ra mọi thứ đáp ứng. Một lần, một phụ huynh than phiền lên Hiệu trưởng, và Hiệu trưởng trấn an phụ huynh này rằng chuyện [một phút tịch lặng] đó là thích nghi thể tục [không dính gì tới tôn giáo] nếu thực hiện từ tôi [cô giáo Baer]. Mối mùa xuân vừa qua, lúc một học sinh trao bài thi cuối khóa trước khi nghỉ hè, với nước mắt biết ơn trong mắt, cậu này cảm ơn tôi cho giây phút vắng lặng hàng ngày. Cậu nói phút vắng lặng đó giúp nhiều cho cậu. Năm nay, ba học sinh từ một lớp kế bên tới hàng ngày vào lớp của tôi để tham gia một phút đó, sau đó cảm ơn các bạn ngồi quanh trước khi về lại lớp các em. Ba mẹ của các cựu học sinh đã tới gặp tôi khi đi chợ trong siêu thị, nói với tôi rằng các con của họ đã mang ơn phút tịch lặng đó. Họ cảm ơn tôi.

Nếu không kể gì khác, chính 60 giây đồng hồ đó đã cho tôi một mức độ bình lặng để khởi đầu lớp học. Đó đủ là lý do để tiếp tục. Đúng là sự thách thức lớn khi đón nhận những hỗn loạn trong lớp đầu tiên ồn ào và ưa quây phá kia. Nhưng trong một phút ấy, tôi tự nhủ mình buông bỏ hết mọi phán đoán - tôi là một giáo viên có trách nhiệm, tôi phải giữ trật tự, đây là quyền của tôi và nhiệm vụ của tôi phải phán đoán và điều chỉnh. Tôi đã học cách đón nhận cái đang là trong một phút đó.

Với thời gian, một phút đó đã làm tôi dịu dàng với các học sinh của tôi. Tôi cảm nhận với tâm từ bi về các em như các em là. Hiệu ứng này thấy rõ khi tôi thấy có những đáp ứng nhẹ nhàng đầy tôn kính, một số đáp ứng đầy ý nghĩa, hay một nụ cười tôi thấy bất ngờ từ các em hay từ tôi.

Tôi tiếp tục hưởng lợi từ một phút: tôi nhắm mắt lại và mở tim ra, để thấy sự tử tế đang mời gọi tự hiển lộ từ dưới cái mặt ngoài thô nhám mà hoàn cảnh đã tạo ra trong các học sinh của tôi. Các em đã cho tôi thấy chính tôi. ■

Ghi chú của tác giả: Mười năm sau - vào năm 2007 - tôi vẫn dạy cùng trường trung học đó, và nhiều lớp của tôi bây giờ yêu cầu một phút tịch lặng vào các ngày thứ Hai, hai phút vào các ngày thứ Ba, và cứ tăng như thế cho tới năm phút vào các ngày thứ Sáu.



Viết ước mơ lên mây

LÊ HẢI ĐĂNG

Buổi sáng đưa con tới Cầu lạc bộ T34 để cổ vũ bóng đá cho các bạn cùng lớp. Dù phải dậy rất sớm vào ngày nghỉ cuối tuần, nhưng với tinh thần thể thao phấn chấn, nên con gái vẫn không hề phàn nàn.

Trưa đến đón con như đã hẹn, thấy vẻ mặt buồn thiu, rầu rĩ... suốt đường về chẳng buồn nói năng gì. Hỏi ra mới biết: *"các bạn lớp con bị thua mấy em lớp dưới"*.

Trong thể thao thắng thua là chuyện bình thường. Bố hùng hồn giải thích. Và lại, đá bóng khác với học văn, làm toán... không phải cứ học giỏi ở lớp trên là sẽ hơn học kém ở lớp dưới. Thấy con vẫn chưa thoát khỏi trạng thái ủ ê, tương phản với tinh thần phấn chấn buổi sáng, kiểu "khi đi trai tráng, khi về búng beo", bố bèn thuyết phục: *"Quan trọng là tinh thần tham gia, chứ không phải kết quả chiến thắng, con à"*.

Song, những bài học mang giá trị cao đẹp ấy chẳng có tác dụng lay chuyển cảm giác hụt hẫng, thất vọng của con. Bực mình quá, bố đành giờ chiều "đón ngõ" để hạ gục ước mơ hảo huyền của đứa con cứng đầu, bướng bỉnh!

Bố nói: con hãy nhìn vào ngôi trường của mình đi, nó có chỗ nào dành cho đá banh, bơi lội hay đánh cầu lông... không? Trường học của bọn con chẳng khác nào khách sạn. Phòng học có máy lạnh, đèn chiếu sáng, bảng điện tử... những thứ đó quan trọng thật, nhưng thiếu sân chơi, sân bóng, hồ bơi... thì lấy gì ra cho các bạn tập luyện. Thời gian học hành trên lớp dài miên man đến ngợp thở. Buổi sáng đầu tuần, học sinh phải ngồi trên "ghế không tựa" xếp sát nhau nghe thầy cô thuyết trình. Cả năm dài đằng đẵng học tập trong không khí ngột thở đến "chạm mát", học cả ngày thứ Bảy, bài tập về nhà có sự hỗ trợ của phụ huynh mà lắm khi đến tối mịt mới hoàn thành. Suốt năm học không hề dành thời gian cho hoạt động thể thao, vui chơi, thả mỳ... Lâu lâu tổ chức chào mừng lễ trình diễn cho lãnh đạo ngành giáo dục hay phường, khóm... xem nhằm chứng tỏ đường hướng "giáo dục toàn diện". Học tập trong môi trường như vậy lại còn đòi thắng thiên hạ. Trận đấu hôm nay mới dừng lại ở giao lưu với những người "cùng cảnh ngộ", chứ nếu thi đấu với các bạn học sinh Phần Lan, Úc, Mỹ, Lào, Malaysia... chắc còn thảm nữa. Con đừng tơ tưởng viễn vông.

Nghe xong, con gái lặng thinh, chẳng những không giận bố, mà còn đồng cảm nữa.

Giáo dục của chúng ta đã ký thác quá nhiều tham vọng lên trên người học, khiến cho các em bị quá tải, gây áp lực tâm lý. Sự học bành trướng đến độ xâm lấn, chiếm cứ sang thời gian dành cho hoạt động khác. Các em phải làm vô số công việc liên quan tới học hành. Lòng tham của giáo dục không chỉ thể hiện dưới góc độ bài tập về nhà, mà còn đi vào cách thức học hành xác, học đến mù đầu. Lối giáo dục nhồi nhét có lẽ chỉ còn duy trì ở nền giáo dục châu Á. Nhiều nước tiên tiến từ lâu đã đoạn tuyệt với hình thái giáo dục này. Nhà triết học, giáo dục học người Mỹ John Dewey cuối thế kỷ XIX đã phủ nhận phương thức giáo dục "nhồi sọ". Ông cho rằng giáo dục phải giúp cho người học hai việc: thứ nhất là biết "tự giáo dục"; thứ hai là: tạo ra tính liên tục cho tri thức. Cả hai yếu tố này tham gia vào hoạt động giáo dục như một mắt xích quan trọng thể hiện tính nhân quả tương quan với nhau. Nhờ biết cách tự giáo dục mà người học có khả năng tạo ra tính liên tục cho tri thức. Kiến thức học được nếu không tiếp tục sử dụng, vận dụng sẽ gây lãng phí và kể như bỏ đi. Bởi vậy, đường hướng giáo dục "mở" cho phép người học tự thiết kế chương trình học nhằm hướng tới những mục đích xa xôi. Con người thực sự chỉ có thể giác ngộ lý tưởng giáo dục thông qua hình thức tự giáo dục, qua đó, kiến thức mới liên tục được bổ sung và trở nên hữu ích một cách sống động bên trong mỗi cá thể. Sự nghiệp giáo dục suốt đời nhờ đó có cơ may được thực thi. John Dewey vốn được mệnh danh là nhà sáng lập Chủ nghĩa thực dụng Mỹ. Song, chủ nghĩa thực dụng không tầm thường như nhiều người lầm tưởng. Theo ông, giáo dục phải kiên quyết chối bỏ tính "mục đích" thể hiện bên trong nền giáo dục. Ông từng nói: *"giáo dục là phi mục đích, chỉ có người truyền giáo và thụ hưởng mới tìm thấy mục đích của mình trong nền giáo dục"*. Còn mục đích giáo dục của ta thường nằm chêm chệ trên cơ cấu của mình. Nó xa rời mục đích người thụ hưởng, từ đó, khiến cho sự nghiệp giáo dục không lay chuyển được bản lề tự giác ở người học, đồng thời làm cho kiến thức liên tục bị đứt gãy, gây lãng phí cho cả xã hội và dân tộc. Chúng ta vội vã muốn hưởng thành quả, nên đã áp dụng biện pháp dồn ép, nhồi nhét kiến

thức. Kiến thức trút vào đầu học trò với số lượng khổng lồ không kịp tiêu hóa thì đã tới kỳ thi. Nó khiến cho con đường xa xôi của giáo dục trở nên mờ mịt, trắc trở, gập khúc... Và người học không còn thời gian để tiêu hóa, nghiền ngẫm, cũng như thụ hưởng, tận hưởng niềm vui của kiến thức thông qua việc học. Nhà trường lấy thành tích làm niềm vui, học sinh và đặc biệt là phụ huynh lấy kết quả, điểm thi của con cái làm thành quả. Tất cả tạo tưng, quấn quýt lấy nhau tạo thành vòng tròn ác tính của nền giáo dục. Dòng học sinh đổ xô ra nước ngoài học tập xuất phát từ nhiều lý do, nhưng không thể không tính đến sự bất cập, lạc điệu, lạc hậu của nền giáo dục. Nhiều người gọi hiện tượng du học ở ạt như hiện nay là "tị nạn giáo dục". Rất nhiều kiến thức lỗi thời, lỗi nhịp với thời đại lẽ ra từ lâu đã rơi tõm vào lãng quên thì lại rơi đúng vào sách giáo khoa cho con em chúng ta học. Nên nhớ, quy luật lãng quên phổ quát trên mọi nền văn hóa, chỉ những giá trị siêu việt mới có khả năng chống lại nó và ngự trị trong tòa thành trì văn hóa nhân loại. Đừng nghĩ rằng, ta cứ cấy ghép những giá trị giả tưởng vào chương trình giáo dục là mặc nhiên có thể lợi ngược dòng thời gian để thắng được sức mạnh của quy luật lãng quên. Một trong những phản ứng thích nghi với nội dung dư thừa của giáo dục mà người học đã tự tìm đến thành quả làm liệu pháp ru ngủ, lừa phỉnh bản thân. Nhiều kiến thức tiếp thu nhằm mục đích thi cử như một hình thức "trả nợ quỷ thần". Sau đó, kiến thức không còn cơ hội tái hiện trong đời sống và nhanh chóng rời xa khỏi bộ não người học. Cả một nền giáo dục lấy ước mơ làm đòn bẩy nâng đỡ học sinh từ cực này sang cực khác. Không gian, thời gian ở nhà trường tiếp tục rộng mở, chiếm hết thời gian và không gian cho sinh hoạt khác. Nhiều trường xuất phát từ áp lực bệnh thành tích, giành cả những giải thưởng mà học sinh đoạt được ngoài hệ thống của mình. Hình ảnh những học sinh ưu tú về thể thao, nghệ thuật... được dán lên tấm bảng thành tích nhà trường đem lại cái nhìn hài hước cho người quan sát. Bản thân việc học ở nhà trường đã không tự cân đối quỹ thời gian một cách phù hợp cho các em có thể thỏa sức thể hiện mình ở những lĩnh vực khác. Trong khi đó, nhà trường lại sẵn sàng tranh thủ thành tích của học sinh để trang sức cho thành tích của nhà trường.

Giáo sư Hoàng Tụy trong bài: "Giáo dục: xin cho tôi nói thẳng" từng nói: "xem bản chiến lược giáo dục 2009-2020, ví thử chiến lược này được thực hiện đầy đủ, thì đến 2020 Việt Nam cũng chỉ có một nền giáo dục kiểu 1950".

Còn giáo sư Hồ Ngọc Đại cho rằng: giáo dục "Việt Nam tụt hậu 1-2 thế kỷ".

Cả hai con số trên đều mang tính ước lệ nhằm đo lường khoảng cách định tính giữa nền giáo dục của ta và các nước tiên tiến trên thế giới. Qua đó cảnh báo tình trạng tụt hậu của một dân tộc mà nguy cơ không xuất phát từ bên ngoài mà đến từ bên trong sự nghiệp

giáo dục với tư cách là phương tiện trồng người. Nền giáo dục này còn di dời những giá trị nội tại ra ngoại tại nhằm bám víu, nương nhờ vào những thành tích ảo tưởng như một căn bệnh trầm kha. Giáo dục không thể tiếp tục kéo dài tình trạng thừa mứa về kiến thức nhằm đạt tới tinh thần lấy mình làm trung tâm trong một hoạt động không phải là tất cả.

Vi sự ảo tưởng ấy, biết bao thế hệ đã bị biến thành những kẻ hảo huyền viết ước mơ lên mây, nhờn nhờn trên bầu trời hiện thực phiêu lãng. ■





Tôn sư trọng đạo

HOÀNG TÁ THÍCH

Đúng 50 năm sau khi rời ngôi Trường Quảng Phước ở Huế, tôi mới có dịp gặp lại một số đồng nghiệp cũ và những học sinh ngày trước nhân ngày thầy cô giáo được các học sinh của trường tổ chức tại Saigon. Tôi có thể nhận ra một vài người bạn cũ của năm mươi năm trước dù bây giờ là những khuôn mặt già nua với mái tóc bạc phơ, vì dù sao chúng tôi cũng từng lớn lên trong cùng một mái trường trong nhiều năm học cùng nhau, nhưng với những người học trò cũ thì đành chịu, dù tuổi tác không kém chúng tôi bao nhiêu.

Lúc tôi đến thì đã có khá nhiều người ngồi quanh những chiếc bàn tròn đặt hai bên lối đường phía trước một căn nhà cửa mở lớn. Đó là nhà của Trần Quang Chu, một học sinh cũ, bây giờ là một nhà giáo và cũng là một nhà văn học nghiên cứu về thơ văn của Hàn Mặc Tử. Nếu không có Hữu Yên và Văn Bích là những học sinh cũ tiếp đón và giới thiệu mọi người thì chắc chắn tôi sẽ cảm thấy hết sức xa lạ.

Các em bây giờ không phải là những đứa trẻ của ngày trước, mà là những bác sĩ, kỹ sư, những người có địa vị trong xã hội, con cháu đầy đàn. Tôi chỉ có thể nhận ra các em trong cách chào hỏi "thầy thầy em em" thân mật của ngày xưa, chứ không thể nào dù là mừng tượng trong nét mặt, vì thật ra tôi chỉ ở cùng các em có một niên khoá năm mươi năm về trước. Một niên khoá với mấy trăm em học sinh không đủ thời gian để tôi có thể nhớ hết từng ấy khuôn mặt. Và lại dù cách nhau nhiều nhất cũng chừng mươi tuổi, nhưng là cái cách biệt của những đứa trẻ với một người đã quá tuổi vị thành niên, khác hẳn sự cách nhau cũng từng ấy tuổi đối với những người đã trưởng thành.

Cái đập vào không những chỉ mắt tôi, mà là một ấn tượng trong tâm trí tôi hôm đó là một tấm bảng với bốn chữ "Tôn sư trọng đạo" được treo ngay trước mặt các cô thầy trong buổi lễ. Đã lâu lắm, không thấy những từ này trong các trường học bây giờ.

Cách đây chừng mươi năm, cũng khoảng thời gian năm mươi năm sau khi rời khỏi ghế nhà trường (Quốc Học), trong một dịp tình cờ, tôi gặp lại một vị giáo sư dạy Hán tự ở lớp đệ ngũ. Thời đó, ở đệ nhất cấp trung học, những môn học như Hán tự, Âm nhạc, Hội họa là những môn học rất phụ, chúng tôi thường cho là chỉ học cho

có, vì không có sự lựa chọn. Nhưng dù gần nửa thế kỷ qua, tôi vẫn nhớ đến vị giáo sư không hơn tuổi chúng tôi bao nhiêu này, vì trước hết, đó là một vị thầy. Ngoài ra, không phải vì một điều gì đặc biệt, mà chỉ vì hồi đó tôi rất thích học chữ Hán. Tình cờ được gặp lại thầy cũ, tôi kính cẩn chào: "Thưa thầy". Không hiểu ông có nhớ tôi không, vì thấy ông chỉ cười: "Thầy trò gì cho to tát. Hồi đó tôi chỉ dạy cậu có mấy chữ nho mà chắc chắn bây giờ, cậu cũng chẳng còn nhớ đâu, phải không?".

Tôi đáp: "Thưa thầy, dù không nhớ được bao nhiêu chữ của thầy dạy, nhưng em vẫn nhớ được câu 'Nhất tự vi sư, bán tự vi sư' đấy".

Thầy cười một cách thích thú: "Tôi thật vui vì hôm nay gặp được cậu".

Cái thích thú của vị thầy cũ của tôi có lẽ chẳng khác gì cái thích thú của tôi hôm đó khi gặp lại những người học trò cũ tưởng không bao giờ còn cơ hội. Những câu: "Em vẫn còn nhớ đến hình ảnh thầy với chiếc áo vét vắt vai rất lẫm tử khi bước vào lớp học", hoặc "Thầy không nhớ đến tụi em, nhưng lúc nào tụi em cũng vẫn nhớ đến Thầy", hay những câu "Em còn nhớ hồi đó...".

Trong suốt cả buổi lễ, bốn chữ "Tôn sư trọng đạo" vẫn làm cho tôi suy nghĩ. Suy nghĩ đến những chuyện thầy trò. Suy nghĩ đến những chuyện bây giờ rất thường xảy ra trong các trường học, giữa giáo viên và học trò... hoàn toàn không giống như những hoài niệm của chúng tôi thời còn làm thầy giáo. Những câu như "Tiên học lễ, hậu học văn", "Tôn sư trọng đạo" hay "Nhất tự vi sư, bán tự vi sư" có vẻ chỉ là chuyện quá khứ xa vời.

Ngày xưa, có nhiều thầy giáo vẫn mày tao với học trò, nhưng trong cái "mày mày tao tao" đó, tiềm ẩn những tình cảm sâu đậm của thầy đối với học trò mà chỉ người học trò mới cảm nhận được. Ngày nay thì thầy giáo đôi khi còn ngại một số học sinh của mình nữa là khác. Đọc tin tức trên báo hàng ngày, nhiều chuyện xảy ra trong các trường học khắp nước mà thấy buồn, như chuyện một nữ học sinh túm tóc cô giáo và đánh ngay tại lớp. Hoặc chuyện bốn nữ học sinh trong một trường trung học phổ thông nọ đánh hội đồng một em nữ học sinh khác đến nỗi phải vào bệnh viện, thế mà bốn thủ phạm chỉ bị ban giám hiệu ghi là "hạnh kiểm kém". Có những học trò thiếu giáo dục đã đành, mà cũng có những thầy giáo bị áp lực của những phụ

huynh có quyền thế đã tự đánh mất cái chức năng thầy giáo của mình. Dĩ nhiên, nói thế cũng không phải là không có những vị thầy giáo đúng nghĩa của nó, dù không nhiều.

Bởi thế mà thấy bốn chữ “Tôn sư trọng đạo” ở đây, tôi cũng cảm thấy may mắn đã được làm thầy giáo trong cái thời kỳ tốt đẹp đó.

Tuy nhiên, bây giờ các em yêu cầu tôi viết về ngôi trường đó thì quả thật có phần khó khăn cho tôi. Thứ nhất, tôi chỉ có một niên khóa ở Trung học Quảng Phước; thứ hai, tôi không sống với nghề đi dạy học, nên nếu tôi có yêu mến các em chẳng nữa thì ký ức về niên khóa đó không có bao nhiêu. Tôi chỉ nhớ có một kỷ niệm vui vui với chuyện dạy học hồi đó để chứng tỏ nghề dạy học thực không phải là nghề nghiệp chính thức của tôi. Trong những môn tôi phụ trách, có cả môn Quốc văn. Hôm đó, trong lớp đệ ngũ, tôi giảng về một bài văn có câu:

*Nụ tâm xuân nở ra xanh biếc,
Em lấy chồng anh tiếc lắm thay.*

Thú thực, cho đến lúc đó, tôi chưa hề bao giờ thấy cái gọi là “nụ tâm xuân”. Vì thế, ngang câu đó, tôi bỏ lơ đi và không hề giải thích. May mà chẳng có em học sinh nào hỏi tôi; nhưng lại cũng không may, vì lúc đó lại có ba người thuộc đoàn thanh tra đang ngồi phía dãy ghế cuối. Sau khi xong lớp, vào phòng hội, một vị thanh tra đã hỏi tôi vì sao lại không giải thích cho học sinh hai câu thơ kia. Tôi ngập ngừng một chút, rồi đáp một cách thần nhiên: “*Xin thú thật với ông thanh tra, cho đến bây giờ, tôi chưa bao giờ trông thấy một nụ tâm xuân nó như thế nào cả, và cái lỗi của tôi chỉ là không nghiên cứu kỹ tài liệu, nhưng nếu thấy được thì tôi có thể giải thích một cách rõ ràng hơn, vì vậy mà tôi đã lơ đi*”. Mấy ông thanh tra nghe tôi trình bày cũng chỉ cười thôi và tôi nghĩ chính các ông cũng chẳng khác gì tôi, nghĩa là cũng chưa bao giờ thấy tận mắt cái gọi là nụ tâm xuân ấy. Thực ra trong lòng, tôi chẳng có chút e ngại nào đối với các vị thanh tra đó cả.

Cách đây chừng hai mươi năm, nhân một dịp về Huế, tôi được những đồng nghiệp cũ cho biết có một học sinh của tôi bây giờ là Hiệu trưởng của Trường Quốc Học Huế, trong lòng tôi cũng cảm thấy có chút hạnh diện, vì dù sao đó cũng là một chức vụ quan trọng chứng tỏ thành đạt của các em.

Hơn năm mươi năm qua rồi, nhưng bây giờ ngồi đây với những đồng nghiệp đã già, những học sinh đã lớn tuổi phần nhiều đã đến tuổi hưu trí, với bốn chữ “Tôn sư trọng đạo” trước mặt, tôi lại cảm thấy hạnh phúc, có chút hạnh diện với cái nghề thầy giáo mà đối với tôi hồi đó tôi đã không bao giờ nghĩ đến chuyện chọn lựa làm một nghề tiến thân của đời mình. Chỉ mong là vẫn còn những học sinh hiểu rõ ý nghĩa của bốn chữ “Tôn sư trọng đạo” đó để lưu truyền cho những thế hệ sau này. ■





Những giai thoại chung quanh **Đào Duy Từ**

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Trong lịch sử dân tộc, Đào Duy Từ có lẽ là nhân vật khá đặc biệt. Chính sử ghi chép về ông khá ít ỏi. Nếu có thì nhiều chỗ còn bất nhất, từ thời điểm ông bị cấm thi hay bị hủy kết quả thi, đến thời điểm ông theo chúa Nguyễn vào Nam; cũng như gia cảnh của ông nhiều điều chưa sáng tỏ. Nhưng bù lại, xung quanh ông đầy những giai thoại nhằm đánh giá và làm nổi bật vai trò của ông đối với xứ Đàng Trong. Có giai thoại mang tính chất hư cấu, nặng “âm hưởng” truyền kỳ Trung Quốc, hoặc thiếu *logic*, nhưng tất cả đều đề cao ông, hâm mộ tài năng kiệt xuất của ông.

Xin được bàn đến mấy giai thoại về ông nằm trong phạm trù đó.

Trước hết là câu chuyện kể về tình bạn của ông với Lê Thị Hiến được chép trong *Tang thương ngẫu lục* của Nguyễn Án (1770-1815). Tác giả kể rằng khi Đào Duy Từ thổ lộ ý định vào Nam để tìm chủ mới với bạn thân của mình là Lê Thị Hiến, thì bạn ông không cùng quan điểm, nhưng cũng không ngăn cản, lại còn tìm cách giúp đỡ cho ông đi trót lọt. Thời gian sau, Lê Thị

Hiến được cử vào trấn thủ vùng Nhật Lệ, Đào Duy Từ nghe tin đã rút quân về, không giao chiến nữa để trả mối hăm dọa ngày trước. Sự việc này ngoài tác giả Nguyễn Án ghi chép, không thấy sử sách nào ghi nhận.

Bàn về giai thoại này có người cho rằng nó xuất phát từ câu chuyện xảy ra dưới thời Chiến quốc giữa Ngũ Tử Tư (Ngũ Viên) và Thân Bao Tư. Thân Bao Tư đã không ngăn cản Ngũ Viên, nhưng cũng kiên quyết tỏ rõ ý mình là nếu Ngũ Viên hành động làm cho nước Sở lâm nguy, thì mình sẽ cố sức bảo vệ nước Sở. Cũng như câu chuyện tranh luận giữa Đào Duy Từ - kẻ chặn trâu với những nhà nho đang đàm luận thế sự tại nhà phú hộ Chúc Trịch Long cũng ảnh hưởng từ câu chuyện giữa Bạch Lý Hề và Nịch Thích.

Nổi bật nhất là giai thoại kể lại rằng khi chúa Nguyễn tiếp ông mà không mặc trang phục nhà chúa, ông không chịu vào diện kiến, điều này tương tự như nhiều chuyện đòi hỏi các ông vua chư hầu phải biết lễ khi tiếp xúc với nhân tài. Giai thoại Đào Duy Từ đến núi Đẩu Mâu gặp Hoàng Phủ Chân Quân, một vị tu sĩ đang tu luyện và viết binh thư ở một ngôi chùa trên núi và



*Mâu nhi vô dịch
Mịch phi kiến tích
Ái lạc tâm trường
Lục lai tương địch!*

Cả triều không ai hiểu, chúa Trịnh bèn cho mời Phùng Khắc Khoan (1528-1613) đến hỏi thì mới vỡ lẽ, trong chữ Hán, chữ *mâu* viết không có dấu phết thì thành chữ *du*. Chữ *mịch* mà bỏ chữ *kiến* là chữ *bất*. Chữ *ái* nếu viết thiếu chữ *tâm* thì ra chữ *thụ*. Chữ *lục* để cạnh chữ *lai* sẽ thành chữ *sắc*. Thế thì bốn câu trên là: *du bất thụ sắc (ta không nhận sắc)*.

Chúa Trịnh hiểu ý chúa Nguyễn muốn trả sắc phong, nổi giận cho người đuổi theo sứ đoàn chúa Nguyễn thì cả sứ đoàn đã đi xa. Nội dung câu chuyện này đã được nhiều người nhận xét có thể bài thơ đó là của Đào Duy Từ, nhưng việc chúa Trịnh phải nhờ đến Phùng Khắc Khoan giải mã bài thơ là điều sai lạc, vì *Phùng Khắc Khoan mất năm 1613, khi sự kiện được cho là xảy ra vào năm 1630!*

Về sau đã xuất hiện và lan truyền một giai thoại khá lý thú. Cũng là giai thoại nhưng lại có chiều hướng khác. Người ta đã giải thích một câu ca dao chỉ có ý nghĩa thuần túy về văn chương biểu cảm để theo chiều hướng lịch sử. Giai thoại kể rằng sau khi nhận thư trả lời của chúa Nguyễn, Trịnh Tráng bèn cho người dò la biết được việc chúa Nguyễn không nhận sắc phong đều do Đào Duy Từ bày ra. Chúa tính kế để lôi kéo Đào Duy Từ bỏ chúa Nguyễn về với triều đình, vì thế lập mưu sai người mang nhiều vàng bạc, bí mật vào biểu Đào Duy Từ, kèm một bức thư riêng với bốn câu thơ:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng anh tiếc lắm thay!*

Lời thơ nói đến chuyện anh (chúa Trịnh) và em (Đào Duy Từ) thuở nhỏ trèo cây hái hoa bưởi, bước xuống vườn cà hái nụ hoa tầm xuân. Ý thơ là lời nhẩn nhĩa tình, nhắc ông rằng tổ tiên, quê quán ông vốn ở Đàng Ngoài. Nếu trở về sẽ được triều đình trọng dụng còn nếu không thì ngầm ý đe dọa.

Đào Duy Từ đã trả lại quà tặng và viết bài thơ phúc đáp:

*Ba đồng một mớ trâu cày
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra?*

Chúa Trịnh đọc thơ biết khó lòng lôi kéo được, nhưng thấy bài thơ chưa có câu kết, ý còn bỏ ngỏ, nên vẫn nuôi hy vọng, bèn cho người đem lễ vật nhiều hơn, và mang theo lá thư của chúa Trịnh vào gặp Đào Duy

được Hoàng Phủ Chân Quân truyền cho binh thư.

Điều này cũng xuất phát từ chuyện Trương Lương thời Chiến quốc được Hoàng Thạch Công trao cho tài liệu quý là *Thái Công binh pháp*, đồng thời dặn dò: *"Độc quyển sách này thì làm được thầy bậc vương giả. Mười năm sau, sẽ ứng nghiệm. Mười ba năm sau, con đến gặp ta. Hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc Thành ở phía Bắc sông Tế là ta đó..."*

Một giai thoại khác truyền tụng về ông được phổ biến rộng rãi là câu chuyện ông bày cho chúa Nguyễn viết thư trả lời chúa Trịnh về việc từ chối nhận sắc phong. Chuyện kể rằng năm Canh Ngọ (1630), chúa Sãi nghe lời Đào Duy Từ đem sắc dụ ra trả lại cho vua Lê, rồi sai tướng đánh lấy phía Nam sông Gianh để chống với quân Trịnh. Đồng thời, ông cho làm một mâm đồng có hai đáy, bên trong đựng sắc của chúa Trịnh, trên phủ lụa vàng rồi sai Trần Văn Khuông đi sứ. Trần Văn Khuông theo lời Đào Duy Từ dặn dò, đối đáp, dâng mâm cho chúa Trịnh, rồi kiếm cơ trốn về. Chúa Trịnh thấy sứ đoàn đi vội bèn sinh nghi, cho lục mâm đồng thì thấy tờ sắc trước kèm bài thơ:

Từ lần nữa. Lần này, ông mới viết nốt hai câu kết gửi ra, để trả lời dứt khoát việc mời mọc của chúa Trịnh. Hai câu đó như sau:

*Có lòng xin tạ ơn lòng
Đừng đi lại nữa mà chồng em ghen!*

“Chồng” ở đây chắc có ý nói về chúa Nguyễn! Nhiều người cho rằng giai thoại này xuất phát từ Đàng Ngoài để nói lên sự “ăn hận” muông mòng của vua Lê và chúa Trịnh.

Thế nhưng, khi đọc toàn bộ bài ca dao, ai cũng hiểu rằng đây chỉ là tâm sự của đôi lứa yêu nhau nhưng không còn cơ hội đến với nhau. Bài ca diễn tả nỗi buồn muôn thuở của những mối tình lỡ hẹn trong cuộc đời. Chuyện tình ngang trái dường như đã kết thúc, nhưng cả hai vẫn còn nhớ mãi, không chỉ là sự tiếc nuối, mà còn là cả một tấm lòng cảm thông lạnh mạnh, độ lượng, tôn trọng lẫn nhau trong tình yêu của người xưa... Nếu gán cho hoàn cảnh Đào Duy Từ lúc bấy giờ thì thật khó hiểu, khi chính ông là người tự nguyện vào Nam với chúa Nguyễn và giúp đỡ chúa rất nhiều. Hoàn cảnh của ông hoàn toàn không phải chịu cảnh *cá chậu chim lồng* như lời ca dao để cập:

*Như chim vào lồng như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra?*

Nói thêm về giai thoại xung quanh gia cảnh của ông. Cha mất năm ông lên năm tuổi, được mẹ là bà Vũ Thị Kim Chi nuôi ăn học. Năm 14 tuổi, ông vào học trường của Hương cống nhưng không được thi Hương vì luật lệ bấy giờ cấm con nhà hát xướng đi thi. Do đó, mẹ ông phải nhờ viên xã trưởng khai dối họ cho ông thành *Vũ Duy Từ* theo họ mẹ. Viên xã trưởng nhân thế ép mẹ ông phải lấy mình thì mới giúp, bà bèn lẩn đi bằng cách bảo khi nào Duy Từ thi đậu mới tiến hành cưới xin. Khoa thi Hương năm đó, Duy Từ thi đậu Á nguyên; viên xã trưởng liền đòi cưới, nhưng mẹ ông viện lý do ông mới thi đậu mà mẹ đã tái giá thì xấu hổ mà từ chối, rồi bảo viên ấy rằng hãy cho con gái lớn về lấy Duy Từ thay thế. Giận dữ, viên xã trưởng nộp đơn kiện, làm lộ việc dối họ của Duy Từ, viên quan huyện thụ đơn sau đi báo lại cho quan Hiến sát. Bấy giờ, Duy Từ đang ở Hội văn trên Thăng Long dự thi, khi quan Thái phó đang phân vân chấm bài của Duy Từ, vì một số bài của ông bàn về cải cách chính trị hơi trái ý chúa Trịnh. Ngay lúc đó, Bộ Lễ truyền lệnh xóa tên Vũ Duy Từ, đánh tuột Á nguyên, lột mũ áo. Nghe tin này, bà Kim Chi đã tự vẫn.

Liên quan tới giai thoại này, nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khánh trong sách *Tiếp cận kho tàng Folklore VN* cho biết: gia phả họ Đào do bà Trần Thị Liên sưu tầm ở Bình Định chép là vợ của Đào Tá Hân (cha Đào Duy Từ) là bà Nguyễn Thị Mịch (không phải Vũ Thị Kim Chi), ngoài ra không thấy ghi chép gì về một bà vợ nào khác nữa.

Như đã nói ở trên, nếu chỉ căn cứ vào chính sử, ta

thấy cuộc đời Đào Duy Từ từ khi sinh ra (1572) đến khi làm quan cho chúa Nguyễn (sau năm 1627) hầu như không có sự biên chép rõ ràng. Vì thế việc xuất hiện nhiều giai thoại xung quanh ông là điều dễ hiểu. Điều đó có thể giải thích là nhân dân ta vốn ngưỡng mộ các danh nhân, muốn tìm các câu chuyện đặc sắc để truyền tụng.

Chuyện thực hay hư, hay đã được thêm bớt thì điều đó không quan trọng. Cho dù cuộc đời ông được bao phủ bởi một màn sương thì nhân dân vẫn tìm được nét nào đó có khả năng tương ứng với tài năng, với đức độ và vị trí của ông trong lịch sử để tạo nên. Những mẩu chuyện về các nhân vật nổi tiếng ngày xưa đem ghép cho ông không có gì xa lạ mà lại rất phù hợp, vì chính ông tự xem mình là Gia Cát Lượng!

Nhân dân quý trọng ông bởi ông là một kẻ sĩ biết chọn chúa mà thờ; một ẩn sĩ ở chốn lều tranh mà đã có cái nhìn chiến lược, biết cái thế phân định giữa thời cuộc rối ren. Cho đến khi được ra làm quan thì tỏ ra là một vị quan có tài năng về quân sự và một nhà chính trị lỗi lạc. Ông là một sĩ phu có hoài bão, có chí phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện tài năng để làm việc cho đời. Có thể nói rằng, những giai thoại lịch sử về Đào Duy Từ xuất hiện chính là để bù vào những chỗ trống chưa biết về cuộc đời và hành trạng của ông. Nó cũng làm cho người đời sau không phải nhiều băn khoăn về một nhân vật tài đức và có thực.

Lịch sử dựng nước và mở nước của dân tộc đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm và bi thương để chúng ta có được đất nước trọn vẹn ngày hôm nay, trong đó có giai đoạn Trịnh - Nguyễn phân tranh. Thế nhưng từ trước đến nay, nhân dân nhiều thế hệ đã không có ý gì chê trách ông không trung thành với vua Lê chúa Trịnh; cũng không một ai nghĩ rằng ông đã giúp chúa Nguyễn vì ý đồ cát cứ chia cắt giang sơn, tất cả đều quý trọng ông ở một điểm: ông là một tài năng kiệt xuất và là một vị quan có nhân cách hiếm có của lịch sử nước nhà. Và cũng không phải ngẫu nhiên mà nhiều địa phương trong nước như ở làng Hoa Trai, Tỉnh Gia, Thanh Hóa; làng Tùng Châu, Hoài Nhơn, Bình Định; làng Lạc Giao, Buôn Ma Thuột nhân dân đã lập đền thờ để tưởng nhớ ông. ■

Tài liệu tham khảo:

- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục 1*, Nxb Giáo Dục, 2007.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Cao Tự Thanh dịch, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1995.
- Dương Tự Quán, *Đào Duy Từ - tiểu sử và thơ văn*, Hà Nội, 1944.
- Tôn Thất Bình, *Mười hai danh tướng triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, 2001.
- Vũ Ngọc Khánh, *Tiếp cận kho tàng Folklore Việt Nam*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc, 1999.



Phật giáo với văn hóa và con người Việt Nam

THÍCH THỌ LẠC

1 Phật giáo luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa và nhân cách con người Việt Nam

Tôn giáo là phạm trù văn hóa, Phật giáo là một tôn giáo, cũng là một sự kiện văn hóa. Với tinh thần “Từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha” mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, ngay từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã sớm hội nhập vào nền văn hóa dân tộc. Trong hơn hai nghìn năm tồn tại và phát triển ở nước ta, Phật giáo luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc, văn hóa Phật giáo đã trở thành bộ phận hữu cơ trong nền văn hóa dân tộc. Những chất liệu văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống Phật giáo đã góp phần tạo nên bản sắc, căn cốt của văn hóa Việt Nam.

Những tư tưởng của Phật giáo từ lâu vốn đã đi sâu trong tiềm thức người dân, gắn bó với đời sống sinh hoạt cộng đồng của người Việt, một sự gắn bó tự nhiên. Sự tồn tại lâu dài của Phật giáo trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội đã đem lại những đóng góp đáng kể cho văn hóa, tư tưởng, kinh tế, chính trị trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Phật giáo đã tham dự vào cấu trúc văn hóa Việt với tư cách là thành tố văn hóa tinh thần, nhưng lại để lại dấu ấn sâu sắc cả trong văn hóa sinh hoạt vật chất. Đến với Phật giáo là đến với cõi tịnh tâm, với sáng láng trí tuệ để con người trở về với chính mình, lấy ánh sáng trí tuệ của Phật pháp đẩy lùi cái vô minh, gột rửa tham sân si trong chính bản thân mình.

Với tinh thần: “Lợi đạo, ích đời”, Phật giáo Việt Nam đã tập hợp được lực lượng tín đồ đông đảo để biểu dương các giá trị đạo đức, nhân văn vì hạnh phúc của chúng sinh, vì sự an bình của đất nước. Mang tư tưởng nhân văn sâu sắc: “Từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha”, Phật giáo đã thực sự góp phần trong việc hình thành nền tư tưởng, văn hóa dân tộc Việt Nam, trong đó tư tưởng yêu nước là chủ đạo, góp phần làm phong phú thêm tâm hồn, đạo đức, phong phú thêm nền văn hóa dân tộc. Phật giáo khi được truyền vào Việt Nam luôn hòa mình vào văn hóa dân tộc, khơi dậy và phát huy tinh thần khoan dung, dân chủ, yêu nước, thương nòi, cùng chung tay xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sự đồng thuận xã hội qua phương châm: “Sống tốt đời, đẹp đạo”.

Phật giáo Việt Nam trải qua 20 thế kỷ đồng hành cùng dân tộc, chia sẻ vui buồn, đau thương hạnh phúc, đóng góp cho đất nước về văn hóa, giáo dục, tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước, từng chịu mất mát, hy sinh



trong công cuộc chống ngoại xâm giành độc lập cho dân tộc. Ảnh hưởng của Phật giáo trong các hoạt động của đất nước là rất sâu đậm, không đâu là không có dấu tích hiện diện của Phật giáo. Có thể nói truyền thống dân tộc, văn hóa, văn minh nước Việt rõ ràng có mang đậm màu sắc Phật giáo.

Với phương châm: Đạo từ đời mà có và đạo lại đi vào đời, Phật giáo thích ứng với hoàn cảnh lịch sử và văn hóa của dân tộc, hòa nhập cùng dân tộc, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết, hoà hợp dân tộc. Lịch sử đã minh chứng, khi đất nước hùng cường thì Phật giáo hưng thịnh; khi Tổ quốc lâm nguy, Phật giáo sẵn sàng tham gia chống giặc ngoại xâm, góp phần giành lại độc lập cho dân tộc. Khi đất nước hòa bình, Phật giáo tích cực tham gia xây dựng cuộc sống và có những đóng góp trên các phương diện kinh tế, văn hóa, đạo đức xã hội, xây dựng con người Việt Nam...

Phật giáo quan niệm giáo dục trí tuệ để hướng con người về cái thiện, ý nghĩa đó luôn nhắc nhở các Tăng Ni, Phật tử không những thực hành theo giáo lý Phật để tu tâm, dưỡng tính, góp phần điều chỉnh hành vi con người theo chuẩn mực chân, thiện, mỹ, mà còn đóng vai trò là những “hoàng pháp viên” giảng giải truyền tải đạo lý đến với mọi người, giúp họ ứng dụng vào cuộc sống và có được an lạc. Phật giáo luôn quan tâm đến quá trình chuyển hóa nội tâm, cải tạo cái xấu, bồi dưỡng phát huy cái tốt, trang bị cho mỗi cá nhân những nhận thức có chính kiến, đức tin chân chính, những phẩm chất, ý chí và đạo đức nhân bản. Nhân bản Phật giáo



đánh thức con người đức tính tự tin, tự chủ, tự trọng với tinh thần trách nhiệm bản thân và xã hội.

Tinh thần nhập thế của Phật giáo ở Việt Nam với phương châm “Phật giáo bất ly thế gian” là lý do gắn kết Phật giáo với dân tộc, với văn hóa và phát triển trong quá khứ, hiện tại, tương lai. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, Phật giáo Việt Nam luôn luôn đồng hành cùng dân tộc, văn hóa Phật giáo vẫn xuyên suốt quá trình lịch sử một cách liên tục tạo một dòng chảy như “mạch ngầm” thấm sâu vào lòng dân tộc, tạo “bản sắc” riêng của nền văn hóa dân tộc. Để từ đó, tạo ra một nền tảng về giá trị tinh thần và hình thành nhân cách giúp cho con người ứng xử với nhau một cách hòa đồng theo tinh thần “Lục hòa” và là một “nội lực” tự sinh của cộng đồng, kháng lại mọi nền văn hóa muốn “xâm thực” nền văn hóa Việt Nam. Phật giáo đã góp phần làm cho kho tàng văn hóa Việt Nam ngày càng phong phú và có giá trị về mặt tư tưởng, trở thành một trong những hệ tư tưởng chủ đạo trong văn hóa Việt Nam. Nhờ vậy, mà người Việt Nam luôn luôn hiếu hòa, yêu chuộng hòa bình và luôn có tư tưởng “vị tha”. Mọi hoạt động về Phật sự của Phật giáo luôn luôn xuất phát từ lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc và cuộc sống nhân sinh. Vì sự tiến bộ của xã hội, Phật giáo luôn góp phần vào việc chấn hưng đất nước, an sinh và đấu tranh cho một dân tộc vì hòa bình và sự thịnh vượng, cho một đất nước thống nhất, độc lập và tự do.

Phật giáo Việt Nam luôn hướng đến việc ích đời, lợi đạo, thông qua công tác hoằng dương Phật pháp, Phật giáo Việt Nam đã đưa đến cho người dân tư tưởng sống trong Chính pháp, thực hiện tốt pháp luật của Nhà nước, làm tròn nghĩa vụ của người công dân, tích cực

tham gia các hoạt động nhân đạo, xây dựng cuộc sống mới văn minh tiến bộ. Trong văn hóa Việt Nam có tinh thần Phật giáo, trong lòng Phật giáo đã có văn hóa dân tộc tựa như sữa hòa với nước. Sự kết hợp hòa quyện đó đã tạo nên một sức mạnh tinh thần cho cả cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2 Quan điểm của Phật giáo về phát triển văn hóa, con người Việt Nam

Con người Việt Nam phải là những con người có truyền thống yêu nước, luôn có lòng nhân ái. Trong quá khứ, người Việt Nam đã biết yêu thương, đùm bọc nhau, nhất là mỗi khi có khó khăn, sóng gió, hoạn nạn thì lòng nhân ái vẫn sẽ là nền tảng quan trọng nhất cho sự tốt đẹp ấy trong đời sống xã hội. Hoạt động văn hóa là hoạt động của con người nhằm phát triển, sáng tạo, lưu giữ và truyền bá các giá trị nhân văn “Chân - Thiện - Mỹ”, nhằm tạo ra giá trị nhân văn, có vai trò hết sức quan trọng đối với việc xây dựng con người, hình thành nhân cách.

Giáo lý Phật giáo là từ bi và trí tuệ, mục đích của đạo Phật là vì sự an lạc của chư Thiên và loài người, đem lại an vui, hạnh phúc cho chúng sinh. Phật giáo đóng góp vai trò quan trọng trong sự hướng dẫn đời sống tinh thần cho mọi người và phát triển quốc gia, làm nền tảng luân lý để xây dựng một xã hội tiến bộ, đạo đức, trí tuệ cho mọi người.

Với tư tưởng ấy, Phật giáo phù hợp với đường lối chính sách của Nhà nước Việt Nam trong mục tiêu phát triển văn hóa và con người Việt Nam. Phật giáo truyền bá rộng rãi giáo lý đạo Phật, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, góp phần xây dựng môi trường

văn hóa lành mạnh để tạo điều kiện cho các tôn giáo phát triển, không chỉ trùng tu và xây dựng chùa chiền mà còn mở mang hệ thống đào tạo Tăng Ni trên toàn quốc, đào tạo cả trong và ngoài nước.

Với lực lượng Tăng Ni ngày càng đông đảo và được đào tạo chính quy cùng với nỗ lực tiến tu của bản thân từng vị, chắc chắn hoạt động của Phật giáo Việt Nam sẽ ngày càng khởi sắc, được Nhà nước và quần chúng ủng hộ. Trước mắt hiện có một vài trường hợp lẻ tẻ các vị Tăng Ni có những sai sót trong lối sống và hoạt động; đây là điều không thể tránh của bất kỳ tổ chức nào đang trên đà phát triển. Những biểu hiện tiêu cực ấy chắc chắn sẽ được uốn nắn và điều chỉnh kịp thời.

3 **Giáo hội Phật giáo, các Tăng, Ni, Phật tử sẽ tiếp tục tham gia xây dựng, vun đắp, phát triển văn hóa và con người Việt Nam**

Những lời Đức Phật dạy cách đây hơn 25 thế kỷ đến nay vẫn còn nguyên giá trị, mãi là “khuôn vàng, thước ngọc” để giúp con người hình thành nhân cách, đạo đức và vì thế đã hòa nhập với văn hóa Việt Nam, ngày càng sâu rĩ, bền gốc trong lòng dân tộc Việt Nam. Hiện nay, những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc nói chung và văn hóa Phật giáo nói riêng đang có dấu hiệu bị phai nhạt, sự cám dỗ về vật chất ngày càng lớn, đạo đức xã hội xuống cấp, tệ nạn xã hội nảy sinh, gây bất ổn cho không ít gia đình và phức tạp cho xã hội, đó là vấn đề mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang quan tâm. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục phát huy tinh hoa văn hóa Phật giáo, phát huy truyền thống dân tộc với những việc làm thiết thực, thực hiện tốt con đường hành đạo của mình, mỗi Tăng Ni, Phật tử luôn gương mẫu, trau dồi tuệ mệnh, giới đức, nâng cao trình độ, giữ vững tinh thần đoàn kết, cùng với nhân dân xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam, góp phần xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu Phật sự quan trọng do có đường hướng hoạt động đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và với tinh thần: “Trường dưỡng đạo tâm, tăng cường đạo lực, trang nghiêm Giáo hội”. Sự đoàn kết, hòa hợp Phật giáo và phát huy truyền thống hòa quyện giữa Phật giáo với dân tộc trên con đường phát triển chắc chắn Phật giáo sẽ còn sống mãi trong lòng dân tộc, thúc đẩy và xây dựng nền văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam. Những đóng góp thiết thực vào đời sống văn hóa, xây dựng con người và công cuộc đổi mới đất nước qua hàng ngàn năm lịch sử đã minh chứng Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo nhập thế, luôn đồng hành cùng dân tộc trên mỗi bước đường phát triển.

4 **Để tinh thần ấy đi vào đời sống hiện thực, hiện nay, Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã và đang phối hợp**

với các cơ quan chức năng, các viện nghiên cứu, hội nghề nghiệp, các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Đề án về “Định hướng đặc trưng pháp phục, kiến trúc, ngôn ngữ và di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam” với bốn đề án cụ thể

Đề án *Pháp phục Phật giáo Việt Nam* với mục đích nhằm gìn giữ, kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa Phật giáo Việt Nam, thiết lập nên bản sắc riêng về pháp phục cho các giới phẩm thuộc các hệ phái Phật giáo Việt Nam, kiến tạo ra sự tôn nghiêm khi sinh hoạt giáo đoàn Phật giáo trong nước và quốc tế, phù hợp với khí hậu và sinh hoạt của Tăng Ni, Phật tử hiện nay tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý Tăng sự của các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đề án *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam* với mục đích nhằm định hướng thiết kế kiến trúc và xây dựng Chùa Việt đương đại có truyền thống Phật giáo Việt Nam, trên cơ sở gìn giữ, kế thừa và phát huy giá trị truyền thống văn hóa kiến trúc Phật giáo Việt Nam, thiết lập những chuẩn mực thiết kế kiến trúc để chùa Việt vừa có đặc trưng riêng, vừa đáp ứng nhu cầu phát triển của Phật giáo Việt Nam hiện đại.

Đề án *Ngôn ngữ trong lĩnh vực nghi lễ, văn hóa và giáo điển Phật giáo Việt Nam* với mục đích nhằm thống nhất một hướng chung để thực hiện bộ Đại tạng kinh Việt Nam; sưu tập, thống kê kinh điển đã được phiên dịch và các kinh điển chưa được phiên dịch; phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam; *Về nghi lễ*, hình thành một nghi thức chung cho các buổi lễ toàn quốc và thực hiện cuốn nghi thức tụng niệm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. *Về văn hóa*, trong các ngôi cổ tự có một phương cách để cho các Phật tử hiểu rõ ý nghĩa đối liên, hoành phi trong thiền môn. Còn đối với các ngôi tự viện mới, hoặc mới trùng tu nên đặt lại vấn đề Việt hóa.

Đề án *Di sản Phật giáo Việt Nam* nhằm mục đích bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo thông qua di sản, vì hiện nay di sản vật thể bị thất thoát, hư hỏng, phá hủy khắp nước vì nhiều nguyên nhân như thiên tai, nạn trộm cắp, việc tu sửa tùy tiện... đã làm cho công luận rất quan tâm bức xúc. Di sản phi vật thể là các giá trị văn hóa, đạo đức Phật giáo dần dần bị mai một, quên lãng. Từ đó các hoạt động mê tín, đồng bóng phát triển mạnh mẽ trong các chùa chiền núp dưới chiêu bài “*Truyền thống dân tộc*”.

Việc triển khai thực hiện bốn đề án nêu trên, Giáo hội Phật giáo Việt Nam mong muốn góp phần gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa. Phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần “hộ quốc, an dân”, đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam tiếp tục vươn lên, từng bước củng cố, phát triển lớn mạnh về mọi mặt, thể hiện tinh thần đoàn kết, hòa hợp, cố kết cộng đồng, xứng đáng có một vị trí quan trọng trong lòng dân tộc Việt. ■



IQ và EQ



ĐỖ HỒNG NGỌC

IQ (intelligent quotient), *thương số thông minh* và EQ (emotional quotient), *thương số cảm xúc* khác nhau. Người IQ cao thì dễ thành công trong học tập, dễ trở thành nhà bác học, nhà khoa học, ra đời tìm được việc làm tốt, lương cao, đời sống sung túc nhưng cũng là người dễ tự mãn, tự cao tự đại, coi thường người khác, nên dễ rơi vào cô đơn, gặp thất bại mau nản lòng, buồn chán, dẫn đến trầm cảm, thậm chí... tự tử! Còn người EQ cao thì thường ít thành công trong trường học mà lại thành công trong trường đời. Ấy là nhờ họ có khả năng kiểm soát cảm xúc của mình và quan trọng hơn, thấu cảm được với người, lạc quan, tự tin. Người có EQ cao là người có khả năng... lãnh đạo, biết làm việc nhóm, biết tôn trọng và lắng nghe người khác nên dễ thành công, dễ lôi kéo người ta theo mình. Trong nghề nghiệp, họ bền bỉ, dễ thăng tiến. Gia đình dễ có hạnh phúc vì biết san sẻ, tôn trọng nhau, và... chung thủy.

Người ta thấy gia đình mà gồm hai vợ chồng đều có IQ... cao thì dễ xung đột, dễ dẫn đến ly dị vì không ai nhường ai! Người vợ IQ cao thường ngạc nhiên thấy chồng mình bỏ mình mà đi tìm một người... "ngu thế"!

EQ cao thì khác. Ngoài khả năng tự nhận thức, kiểm chế cảm xúc, còn có tính bền bỉ, kiên trì, khả năng thích ứng với môi trường. Thực ra thì trong mỗi chúng ta đều có cả IQ và EQ, nhiều ít khác nhau. Cả hai đều là những bẩm sinh, có lẽ gắn vào trong gene. EQ cao sẽ giúp cho IQ được bộc lộ và gia tăng.

GS. Đặng Văn Chiếu, một vị thầy đáng kính của nhiều thế hệ y khoa chúng tôi, trong bài *Yếu tố EQ* kể lại một trải nghiệm tâm lý gọi là "Trải nghiệm thưởng kẹo" của Walter Mische, Đại học Stanford như sau: Ông mời vào phòng làm việc một nhóm trẻ em lên bốn tuổi, riêng từng đứa một, và nói rằng: Đây là miếng kẹo, cháu có quyền ăn ngay bây giờ, nhưng thầy cần đi công việc, nếu cháu không ăn ngay, đợi đến khi thầy trở lại thì sẽ được hai miếng kẹo. Kết quả: 1/3 nhóm trẻ ăn ngay tức khắc; 1/3 kiềm chế không được, cũng ăn trước khi thầy trở lại (khoảng 15 phút); 1/3 còn lại kiên nhẫn đợi đến khi thầy về và được thưởng hai miếng kẹo. Tóm lại, có 2/3 số trẻ không kiềm chế được "cảm xúc". Thú vị là các nhà nghiên cứu đã tiếp tục theo dõi 10 năm liền: những em có khả năng kiềm chế được cảm xúc, định

hoãn hưởng thụ thì học giỏi hơn, điểm thi cao hơn, tìm mau giải pháp cho vấn đề, giao tiếp khéo hơn, có khả năng soạn thảo kế hoạch, đạt được mục tiêu. Nhóm trẻ "bốc đồng" (không kiềm chế được cảm xúc) thì học kém, cứng đầu, khó dạy, dễ tức giận... (*Não bộ*, YTE Distributors Inc, 1999, tr.223-235).

Tóm lại, EQ có đặc điểm tự giác cao, quản lý cảm xúc tốt, có khả năng thấu cảm, khéo giao thiệp, công bằng, có nguyên động lực tự nội tâm, không do khen thưởng, tiền bạc từ bên ngoài, luôn bền chí và cố gắng. EQ dễ dẫn đến thành công. Một sự thành công nào cũng thường là do kết quả của 20% IQ và 80% EQ!

Giáo dục, rèn luyện EQ là giáo dục cảm xúc, phải từ trong gia đình đến nhà trường và xã hội (đặc biệt lãnh vực truyền thông có trách nhiệm lớn!). Ngoài những lời giáo huấn, cần có những tấm gương để noi theo, bởi đây không phải là dạy kiến thức, kỹ năng, mà là dạy thái độ, giá trị sống. Hiện nay nhà trường chỉ chăm bẵm lo dạy IQ, thậm chí dạy "gà chọi"!

Dạy EQ không chỉ dạy trong lớp học mà cả trong giờ chơi, giờ ăn, giờ thể dục, những chương trình công tác xã hội, hòa giải xung đột, giúp trẻ biết tự trọng, tự tin, biết thương người... Ông bà cha mẹ trong gia đình chính là nguồn quan trọng nhất trong việc hình thành EQ cho trẻ. EQ sẽ mất nếu không được nuôi dưỡng, nhắc nhở và khuyến khích thường xuyên! Cha mẹ thường chỉ chú ý điểm học tập của con ở lớp, không quan tâm cảm xúc của trẻ để uốn nắn kịp thời, nhiều khi chiều chuộng quá mức hoặc ngược lại, chỉ cấm đoán, la rầy, trừng phạt.

Cho nên một cuốn sách như *Quốc văn giáo khoa thư* lớp Sơ đẳng, được biên soạn từ năm 1935 bởi Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận (có tài liệu cho biết bản in đầu tiên xuất hiện năm 1923) cho đến bây giờ vẫn còn hằn sâu trong trí nhớ của nhiều thế hệ, bằng những câu chuyện cảm động, nhỏ nhỏ, rất đời thường, gắn học chữ với học làm người, từ chuyện *Anh em nhà họ Điền* đến *Cái thú nhà quê và cái thú kẻ chợ*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Một ông quan thanh liêm*, *Chuyện người thợ đá*, *Chuyện quả bưởi*, *Không nên phá tổ chim*, v.v. Những chuyện kể như vậy, đọng lại trong lòng người, uốn nắn con người hơn là những bài học thuyết giáo nọ kia với những danh từ đao to búa lớn! ■



Mùa Tết... mùa lo

TRỊNH CHU

Thực ra, tờ lịch treo tường cuối cùng của năm 2015 đã được chính tay tôi gỡ bỏ và thay vào đấy bằng tờ lịch năm mới 2016 đỏ thắm cách nay khá lâu. Nhưng vì người Việt ăn Tết cổ truyền theo nguyệt lịch, nên cảm thức chào đón năm mới dương lịch không rộn rã, hân hoan như đón đợi Tết Nguyên đán. Chỉ khi nhận được tin nhắn của thằng bạn thân: “Tết đến rồi! Về quê không?”, tôi mới cảm nhận rõ hương vị Tết đang đến gần và nao nao nhớ quê.

TP.Đà Lạt, nơi tôi là người ngụ cư, những ngày này đã thấy nhà nhà, người người bắt đầu rục rịch chuẩn bị tinh thần, vật chất cho ba ngày Tết: Mua sắm áo mới cho con, sửa sang nhà cửa, sắm thêm nhu yếu phẩm, thu xếp công nợ... Nghĩa là lo quyết toán năm cũ để mọi việc từ năm mới lại bắt đầu. Có em học sinh thì hồi hộp, bồn chồn đi ra đi vào bóc lịch và đếm ngược ngày được nghỉ Tết. Những gia đình gốc Bắc, như một thông lệ, đã tìm đến các vườn đào, tự tay mua lấy một gốc đào ưng ý nhất mang về chưng Tết. Các bà nội trợ đã sửa soạn bày mấy thứ quả ra làm mứt Tết. Nhiều cuộc tình lai rai cũng đi đến hôn nhân vào dịp cuối năm. Nhịp sống nơi đây đang trở nên gấp gáp, hối hả, như cuộc đua sắp cán đích.

Quan sát cái cách thiên hạ tất bật lo sắm Tết đến rõ sốt ruột, bỗng dưng cái quê nhà tảo tần trong tôi được dịp trở dậy. Tôi chợt nhớ đến tên người cái thứ rét đặc sản cất da cất thịt nơi quê nhà nghèo khó mà ấm áp yêu thương. Mẹ tôi mùa này chắc hẳn cũng đang lúi húi ở ngoài đồng, chăm bẵm cho những cây mạ non vừa mới nhú khỏi mặt đất, thì đã gặp ngay đợt rét độc. “Ở quê mấy hôm nay ông trời ổng đang giở chứng, lúc thì rét căm căm, lúc lại hanh khô, lắm lúc thì đổ mưa lâm thâm và thỉnh thoảng có ửng lên chút nắng. Thời tiết kiểu này chỉ tổ làm khổ xương cốt người già và khổ lây những

cây mạ non”, mẹ tôi thều thào thông báo tình hình thời tiết qua điện thoại.

Quê tôi là vậy! Người dân lo thu vén Tết cùng lúc với việc đồng áng. Nó như một mặc định, chẳng ai bảo ai, nhưng mọi người đều lấy thời khắc giao thừa làm đích. Chuyện cũ phải được thu xếp, đi đâu cũng phải về, mâm cỗ Tết phải hoàn tất, nhà cửa phải sơn quét, treo câu đối, tranh Tết, lịch tường... và phải tắm rửa sạch sẽ trước lúc giao thừa bằng lá thơm (hương bài, ngò, chanh, bưởi, sả...) để tẩy trần, xả xui năm cũ... Tất cả phải được hoàn tất trước giờ G, bước sang năm mới cái gì cũng mới.

“Thưa mẹ, con đã về”, sẽ là câu nói đầu tiên khi tôi chạm vào quê cha đất tổ. Thế nhưng, câu nói ấy đã tự gây đi và tê cóng nơi đầu lưỡi. Vì có phải Tết nào cũng được về quê đâu. Dăm thì mười họa mới có dịp, nhưng cũng vội vội vàng vàng. Năm nào tôi được về quê ăn Tết là y như rằng, sửa sang bàn thờ gia tiên xong, ăn qua quýt với mẹ bữa cơm chiều ba mươi đậm bạc, lại í ới gọi mấy đứa bạn nởi khổ ngày xưa lang thang khắp xóm, như những gã điên, như thời còn trẻ dại. Cố uống cạn cùng nhau những nỗi đời khuất lấp, để rồi Tết qua đi, mỗi đứa lại ly tán một ngả.

Tôi lên Tây Nguyên tràn gió, nắng và... bụi. Thành bạn cùng lớp thời phổ thông dặt trâu ra đồng, cần mẫn cày cuốc, gieo trồng ngày lại ngày. Nhỏ bạn thân ra Hà Nội, sống đời vương giả với anh chồng ngoại quốc. Và, thằng bạn chí cốt vào Sài Gòn mưu sinh bằng nghề chạy xe ba gác... Thương nhau, chỉ biết tay siết chặt tay, dặn: “Thôi, cố gắng!” và hẹn Tết năm sau lại quay về. Nhưng rồi nào phải năm nào cũng về được. Bởi, trong thời buổi kinh tế không lấy gì làm sáng sủa, với đồng tiền còm cõi của một người làm nghề chạy xe ba gác như bạn tôi, cả năm tích cóp, dành dụm mãi cũng chỉ đủ để mua được tấm vé xe về Tết. Mà về quê đâu

chỉ có mỗi tấm vé Tết. Còn bao nhiêu thứ hẩm bà lẳng khác phải sắm sên, nếu không muốn bị muối mặt với người thân, xóm giềng... Thế nên, cứ phải hai, ba cái Tết bạn tôi mới về quê một lần. Tết trước bạn đã không về và Tết này cũng vậy!

Mà chả cứ gì thằng bạn làm nghề chạy xe ba gác của tôi, chính bản thân tôi độ ba năm trở lại đây cũng luôn bị ám ảnh bởi mấy ngày Tết. Tôi đâm phát hoảng mỗi khi Tết đến. Nội chuyện về quê ăn Tết hay ở lại thành phố mưu sinh thôi đã khiến cho đầu óc tôi quay cuồng và giằng xé. Vì về quê ăn Tết không hề là một việc đơn giản đối với tôi. Ở lại phố thị cũng chẳng sung sướng gì. Chả trách vì sao ngày càng có quá nhiều người sợ Tết đến vậy! Xoay xở đủ đường rồi mà tiền vẫn thiếu trước, hụt sau nên chẳng biết xử lý làm sao cho phải đạo. Nào tiền gửi về quê cho mẹ lo Tết, nào tiền sắm sửa quần áo cho vợ con, nào tiền quà cáp, hiếu lễ..., nhất là phải chuẩn bị tiền mừng tuổi cho trẻ nhỏ.

Chẳng biết tự bao giờ, quà cáp ngày Tết đã mất đi hương vị của tình thân. Người tặng và người nhận mang hai tâm trạng hoàn toàn trái ngược. Bởi món quà đã mang màu sắc vụ lợi, xuất phát từ sự tính toán thiệt hơn, chứ không còn thuần túy chỉ vì quý trọng nhau. Thậm chí, giá trị của món quà lại nghiêm nhiên trở thành thước đo tình cảm giữa người tặng và người nhận. Do vậy, một số người bị quan đã nhận định: *"Tết cổ truyền của dân tộc đang dần bị thương mại hóa"*. Tôi thì chưa đến mức bị quan ấy, nhưng phải thẳng thắn thừa nhận rằng, ngày nay, Tết cổ truyền của dân tộc ít nhiều đã bị biến tướng, dần mất đi tính thiêng liêng, ấm cúng khiến nhiều người không còn mặn mà với Tết.

Còn nhớ, trong một lần về quê, nhân chuyện lì xì tiền mừng tuổi đầu năm cho mấy đứa cháu nhỏ, tôi nhận được một bài học kinh người. Chuyện là sau khi thăm hỏi sức khỏe anh chị và mấy cháu, tôi móc ví lấy tiền bỏ vào phong bì đã chuẩn bị từ trước, mừng tuổi cho mấy cháu. Chúc mấy cháu chăm ngoan, học giỏi, vâng lời thầy cô, cha mẹ xong, tôi xoay sang uống trà. Chắc hẳn để chiều lòng tôi, chị tôi ướm thử và mong nhận được câu trả lời ưng ý: *"Con thương cậu hơn hay thương chú hơn?"*.

Cháu tôi thân nhiên đáp: *"Con thương chú hơn!"*. "Vì sao?", chị tôi vận và bắt đầu có vẻ ngượng. *"Bởi chú lì xì cho con 100 ngàn đồng, còn cậu chỉ có 50 ngàn đồng!"*, cháu tôi khinh khỉnh đáp. Tôi nghe mà gai hết cả người.

Cái gì đã làm đầu óc non nớt của những đứa trẻ như cháu tôi bị biến dạng trước cuộc đời này? Chẳng lẽ vì tiền ư? Chính đồng tiền đã buộc cháu tôi phải thay đổi tư duy lẫn cách cư xử? Nhưng vì sao lại cần tiền đến thế? Có quá nhiều câu hỏi vang lên trong đầu, nhưng câu trả lời thì mãi nằm ở tận đầu đầu. Bởi một kẻ mù mờ như tôi muốn đời cũng không thể hiểu và lý giải được. Chưa hết, tôi lại tiếp tục cười con ngựa sắt cà tàng, vượt quãng đường 30 cây số, để đến thăm gia đình chị cả ở một huyện miền núi xa xôi.

Gặp nhau, chưa kịp tay bắt mặt mừng, chị cả tôi đã đặt thẳng vấn đề: *"Tết này cậu cho mẹ được bao nhiêu? Còn anh chị và mấy cháu nữa, cậu cho bao nhiêu?"*. Rồi chị tôi bóng gió: *"Con nhà người ta chả cần học hành gì, mỗi năm cũng mang về cho cha mẹ 60 triệu đồng cơ"*



đấy. Còn cậu, được mẹ cho ăn học tử tế, chắc là...". Tôi cố trấn an chị: "Chị à, ở thời buổi này, làm ăn chân chính mà không chết đã là một may mắn rồi!". "Biết ngay mà! Rõ là phí cơm cha, cơm mẹ". Nghe chị cả đay nghiến, tôi chỉ còn biết cách im lặng.

Sự chất phác, thật thà của những người nhà quê như chị tôi, cháu tôi đã dẫn nhường chỗ cho sự toan tính, vụ lợi.

Chuyện thôn quê của những con người thô sơ và cách nghĩ thô giản nó là vậy. Còn phố thị, chuyện cũng chẳng khác hơn. Đà Lạt, độ ba năm trở lại đây, tôi quan sát và nhận thấy rằng, nhiều người đã ít tìm đến nhà nhau trong dịp đầu năm mới. Nguyên nhân là do sự biến tướng tệ hại của tục mừng tuổi, quà cáp ngày Tết. Những người có tí chút về lễ nghĩa, để giữ tiết tháo, mỗi khi Tết đến đành chọn cách cáo bệnh rồi đóng cửa nằm im im trong nhà. Thấy tôi là một người trong số ít ấy. Thế nhưng, nào đã được yên thân.

Tết năm ngoái, đã bước qua ngày mồng năm, thấy trò tôi đang ngồi uống trà, thì một ông bạn già xuất hiện trong bộ veston sang trọng. Ngồi chưa ấm chỗ, ông bạn già đã chia tằm thiệp ra trước mặt thầy trò tôi, mời:

"Gửi hai bác đến dùng bữa cơm đầu năm cùng gia đình vào chiều mai".

Thầy trình trọng quá, thầy trò tôi đành miễn cưỡng nhận lời. Y hẹn, thầy trò tôi chờ nhau đến. Khác với những ngày thường, khi chúng tôi đến, đã có thêm thằng cháu nội chễm chệ ngồi đợi sẵn. Trước khi vào bữa, ông bạn già bắt đầu ỉ ỏi than nghèo, kể khổ, rồi chẳng cần giữ ý tứ: "Các bác cho cháu nó xin tí lộc đầu năm!". "Chắc tại năm nay làm ăn bết bát quá nên ông ấy mới như vậy!", thầy trò tôi tỏ ra cảm thông và rút tờ 500 ngàn bỏ vào phong bì lì xì thằng bé. Thấy thế, nhiều người có mặt ở đấy cũng hưởng ứng. Chẳng thềm cảm ơn một câu, thằng bé thản nhiên rút tiền ra đếm ngay trước mặt chúng tôi. "Ăn thua gì! Có người còn mừng tuổi cho cháu những 500 đô (lạ) cơ!", ông nội nó buông một câu vô cảm.

Tôi nghĩ ở những người có học sẽ đỡ hơn, ít ra là về mặt khu xử, thái độ đối với tiền bạc. Ấy vậy mà có học chưa hẳn đã là người có văn hóa. Cũng Tết năm ngoái, sắp hết ngày mồng mười, tôi tháp tùng thầy đến thăm nhà một người quen vốn là một quan chức và câu chuyện khác lại bắt đầu.

Chuyện thế này, một đám trẻ (chúng năm đến bảy đứa xem xem nhau) đang chơi ở nhà sau, khi thấy chúng tôi đến, lập tức chúng túa lên phòng khách, rồi bu lấy ông của chúng mà lay lay: "Ông!.. Ông!.." và trở mắt nhìn chúng tôi. Tuy rất khó chịu, nhưng vì cả nể, thầy trò tôi móc ví, bỏ vào phong bì (đã dự phòng từ trước), lì xì cho từng đứa. Thái độ nhận tiền lì xì của những đứa trẻ này hết sức phản cảm. Chúng tôi vừa chia phong bì lì xì ra, có đứa đã nhanh tay chụp lấy.

Tệ hơn, có đứa còn bóc phong bì ra xem ngay trước mặt chúng tôi. Và, chỉ đến lúc này, chúng mới chịu tùy nghi di tản. Còn ông chúng nó vẫn trơ trơ như sự thể chẳng liên quan gì đến mình. Chứng kiến cảnh ấy, tôi thật sự băn khoăn, không biết những đứa trẻ này liệu tâm hồn chúng có trong sáng nổi khi mà ông bà chúng không chịu giáo dục chúng cho thật tử tế từ trong chính ngôi nhà mình? Chính ông nó là thủ phạm đầu độc thể hệ con cháu của chính mình.

"Con người giờ thay đổi nhiều quá! Chẳng còn coi phép tắc, lễ nghĩa ra gì", thầy tôi buột miệng. Cứ cái đà này, tôi cũng chẳng rõ rồi đây Tết Nguyên đán có còn là dịp để sum họp gia đình, là nơi để những người thân tìm đến nhà nhau, những đứa con xa xứ (vì bất cứ lý do gì mà không về được) ngóng về, với đầy đủ ý nghĩa linh thiêng của nó? ■



Đông xuân, xem bói vui... ñeảcồô

NGUYỄN HỮU ĐỨC (sao lục)

Đôi lời giới thiệu:

Vào đầu năm mới, một số người rất muốn biết chuyện tương lai, mong thấy tình duyên, gia đạo, công việc làm ăn... sẽ xảy ra như thế nào, lành hay dữ. Vì vậy, nảy sinh việc xem bói. Theo triết học phương Đông từ xa xưa, mỗi người có một số mạng cầm tinh bởi một trong mười hai con giáp. Và cũng từ xa xưa, cứ mỗi độ xuân về, ở các nước chịu ảnh hưởng của nền triết học phương Đông, có tục lệ coi bói, xem tử vi để biết trong năm mới hưng kiết như thế nào, mong được một tương lai tốt đẹp.

Tuy nhiên, dựa vào xem bói, giao vận mạng mình cho một người nào đó quyết định quả thật là xấu hơn tốt, đến nỗi từ xưa cũng đã có câu "bói ra ma, quét nhà ra rác". Và nay, thời hiện đại mà có chuyện xem bói để tin thì chỉ có nước... hại điện. Xem bói để "mê tín" thì không nên nhưng xem bói để cười, nhất là cười nhân dịp đầu xuân, tại sao không nhỉ?

Đầu năm, Bát quái... đàn tiên sinh xem và viết quẻ cho mười hai con giáp nhưng chữ viết của tiên sinh quá tẻ, tẻ hơn cả một số đơn thuốc được ghi theo kiểu chữ "bác sĩ" mà nhiều người ta thán, cho nên lại phải nhờ người sao lục và diễn giải. Người sao lục có nghề y dược nên lời lẽ có khi có hơi hướm "thuốc và sức khỏe", quý vị thông cảm.

Kính mời quý độc giả xem tử vi của mình ở phần con giáp tương ứng để mà... cười cho vui.



TÝ

Một số người cầm tinh con chuột thường có hàm răng khoẻ mạnh nhưng nhớ chỉ để "cười duyên" chứ tuyệt đối không nên "gặm nhấm, đục khoét" kẻo gặp cảnh "chuột sa hũ nếp... than". Gọi là "chuột sa hũ nếp... than" bởi không chóng thì chày, sẽ mang "gương mặt đen", sẽ dính líu đến bọn "xã hội đen" và rồi sẽ ngồi bóc lịch đến thiên thu bất tận. Luôn nhớ "nhân quả nhân tiền". Đầu năm nên xuất hành theo hướng... tiết kiệm sẽ được quới hơn phù hộ dài dài. Nếu ăn hiền ở lành, làm việc thiện sẽ được hương hồn của chuột nhất trắng, chuột cống trắng - những súc vật trong phòng thí nghiệm mà ngành y được tri ân hết mực - tế độ suốt đời.



SỬU

Người cầm tinh con trâu làm việc cần cù. Cần phải tích đức, chớ làm ăn theo kiểu "phở nấu với thịt trâu được quảng cáo là phở bò" mà có tội. Tuyệt đối không mó tới "thuốc lắc, ma túy đá" vì sử dụng thuốc kích thích này sẽ chắc chắn thành "trâu điên" chưa kể làm cho gia đình tán gia bại sản. Nếu làm ăn gian dối kiểu lấy "sừng trâu" rao bán là "sừng tê giác" sẽ

gặp đại nạn vào cuối năm. Hơn nữa, cũng không được bán sừng tê giác thiệt vì đây là thú hoang dã quý hiếm cần bảo tồn.



DẦN

Người cầm tinh con cọp nếu là nam dễ bị hiểu lầm "thực như hổ". Thật ra, ăn uống với thực phẩm hằng ngày mà "thực như hổ" cộng với vận động thích hợp thì rất tốt chứ chẳng việc gì. Tuyệt đối không ăn các loại "sắt, thép, xi-măng, kể cả ô-tô, nhà lầu" một khi đã thấm nhuần lý "vô ngã". Giữa năm coi chừng bị lừa gạt, mua "cao hổ cốt" để bị mua lầm loại "dỏm" vì cọp là loài thú quý hiếm đang bảo tồn thường được thay bằng "cây tơ" lấy xương nấu cao chứ làm gì có xương cọp thật.



MÈO

Người nữ cầm tinh con mèo thường "thực như miu" nên một số có thân hình mảnh mai quá đáng. Xin nhớ không tự ý dùng tùy tiện các "thuốc" làm cho mặt đang bán trôi nổi hiện nay, nếu dùng có thể bị tai biến, tiền mất mà sức khoẻ chẳng an toàn. Người nam có máu "mèo chuột" cần cảnh giác, một công

một vợ không sợ... AIDS. Còn nếu ham "lãng nhăng" thì phải đề cao cảnh giác, luôn dùng bao cao su đúng cách. Cuối năm sẽ có tin rất xấu nếu không bỏ được thói "ăn vụng như mèo".



THÌN

Người thuộc mạng Thìn thường dễ nhiễm bệnh "vẽ rồng" khi viết báo cáo. Đầu năm nên xuất hành theo hướng... trung thực để tai qua nạn khỏi suốt cả năm. Người mạng rồng nếu làm ăn bất chính năm nay sẽ gặp đại họa: trước hết bị "long ốc" do suy nghĩ nhiều về cách làm ăn bất chính, sau đó bị "long tăng xên" (lên "tăng xông" tức bị cao huyết áp) do quá lo sợ vì làm điều phi pháp và cuối cùng cũng sẽ "long đong" ở nơi gỡ lịch do bị pháp luật phát hiện điều gian dối rồi có thể xuống "long tuyến" dễ dàng (mấy chữ "long" ở đây muốn nói đến rồng đấy).



TỶ

Người cầm tinh con rắn nếu hành nghề y dược dễ ở hai thái cực. Một là hành nghề chân chính luôn tâm niệm "cứu đời" giống như sự hiện hiện của con rắn trong biểu tượng y dược. Hai là làm ăn "lươn lẹo", "uốn éo" giống như rắn tượng trưng cho sự gian dối theo mô tả của người đời. Nếu hành nghề trong sáng sẽ được Hippocrates, Hải Thượng Lãn Ông, Tuệ Tĩnh phù hộ suốt đời. Còn người làm ăn gian dối khuất lấp, uốn éo như rắn sẽ bị sao quả tạ chiếu ngay đầu năm nếu không làm cho u đầu thì cũng mê trán.



NGỌ

Người cầm tinh con ngựa nên phát huy tính nhanh nhạy, bền bỉ trong công việc (vì ngựa là chạy mà!). Năm nay dữ ít lành nhiều. Người lớn tuổi nên mạnh dạn giao nhiệm vụ cho đàn em, không nên có định kiến "ngựa non háu đá" mà ngại giao việc cho lớp trẻ làm hại nghiệp lớn. Còn người trẻ nên "nói là làm" không để lời nói bay mất kiểu "tứ mã nan truy". Nếu là sinh viên y dược nên học ngay từ đầu năm, nếu học chăm thi cử sẽ "mã đáo thành công".



MÙI

Người nam mạng Mùi có khá nhiều người thuộc máu D (dê). Những người thuộc nhóm máu này sẽ gặp đại họa trong năm nếu không "chung thủy một vợ một chồng" hoặc không thực hiện "an toàn tình dục". Nhà Phật thường nói "cuộc sống vô thường", hãy thấm nhuần lý lẽ này mà sống an vui.



THÂN

Năm nay là năm tuổi nhưng không sao nếu làm ăn chân chính. Người cầm tinh con khỉ nếu dám đấu tranh chống tiêu cực chắc chắn sẽ được Tể Thiên Đại Thánh phò trợ. Người mạng Thân mà sinh đúng giờ Thân, tuyệt đối không nên uống rượu nhiều vì rượu không chỉ làm hại sức khỏe mà còn hại lý trí, uống rượu vào sẽ làm toàn "trò khỉ", bà con chê cười. Về đường con cái, chỉ nên có hai con, nếu đẻ nhiều quá nuôi không nổi, con bị suy dinh dưỡng trông giống như bị bệnh "ban khỉ" sẽ làm cho lo nghĩ, hao tâm tổn khí.



DẬU

Người cầm tinh con gà bốn tính chăm chỉ, thức khuya dậy sớm. Đường con cái rất thịnh nhưng tuyệt đối không nên đẻ nhiều, chỉ nên đẻ hai con, nếu đẻ nhiều người đời dị nghị là "đẻ như gà". Có con nên cho ăn uống đầy đủ dưỡng chất, thậm chí cho uống đầy đủ vitamin A theo yêu cầu của ngày "vi chất dinh dưỡng", vì nếu thiếu vitamin A trẻ sẽ bị bệnh "quáng gà". Năm nay coi chừng đại dịch "cúm gà", cần tuân thủ chặt chẽ các quy định phòng chống đại dịch của ngành y tế.



TUẤT

Người mạng Tuất thường tận tụy với công việc, thích hợp với việc bảo vệ kỷ cương, quản lý nhà nước (trong ngành được thường được gọi "giữ cửa chất lượng"). Cuối năm, khi tổng kết công tác, nếu có phê bình phải phê bình đúng khía cạnh mang tiếng phê bình bằng qơ (kẻ chai mặt sẽ thừa cơ tự nhủ: "chó sủa đoàn lữ hành cứ đi"). Có thể xây hoặc sửa chữa nhà vào tháng Năm nhưng nhớ dùng tiền do bản thân làm ra chứ đừng thâm lạm của công mà tổn hại âm đức cho con cháu về sau. Làm ăn nên lương thiện chứ "phất lên" do gian xảo thì "lên voi xuống chó" là cầm chắc.



HỢI

Người mạng Hợi có khiếu làm nghề buôn bán kinh doanh nhưng nhớ luôn làm ăn chân chính. Nếu là nữ giới coi chừng ngay từ đầu năm có người nam cùng tuổi Hợi có dáng dấp giống Trư Bát Giới dùng lời đường mật để ám hại. Năm nay bị sao "thỏ tả" chiếu, vì vậy, nên lưu ý đến vấn đề ăn uống, ăn uống không theo phép vệ sinh, không thực hiện "an toàn vệ sinh thực phẩm" chắc chắn sẽ bị Tào Thào "đuổi". Lưu ý không để các "thực phẩm chức năng" quảng cáo quá mạng rù quên dùng để "tiền mất tật mang". Giữa năm sẽ được của hoạnh tài là được tặng con heo đất (nếu biết tiết kiệm sẽ có lúc giàu to). ■



Năm Thân nói chuyện khi?

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Theo cách tính tuổi âm lịch thì chi *thân* là chi thứ chín trong mười hai địa chi, cầm tinh con khi, “*Tuổi Thân con khi ở lùm, chuyên qua chuyên lại lọt ùm xuống sông*”. Chi Thân còn là một trong sáu giáp hoa gồm Giáp Tý, Giáp Dần, Giáp Thìn, Giáp Ngọ, Giáp Thân và Giáp Tuất. Theo âm dương ngũ hành thì tuổi Thân hợp với hai tuổi Tý, Thìn và xung khắc với các tuổi Dần, Tỵ, Hợi.

Khi là động vật thuộc lớp thú, bộ linh trưởng, có rất

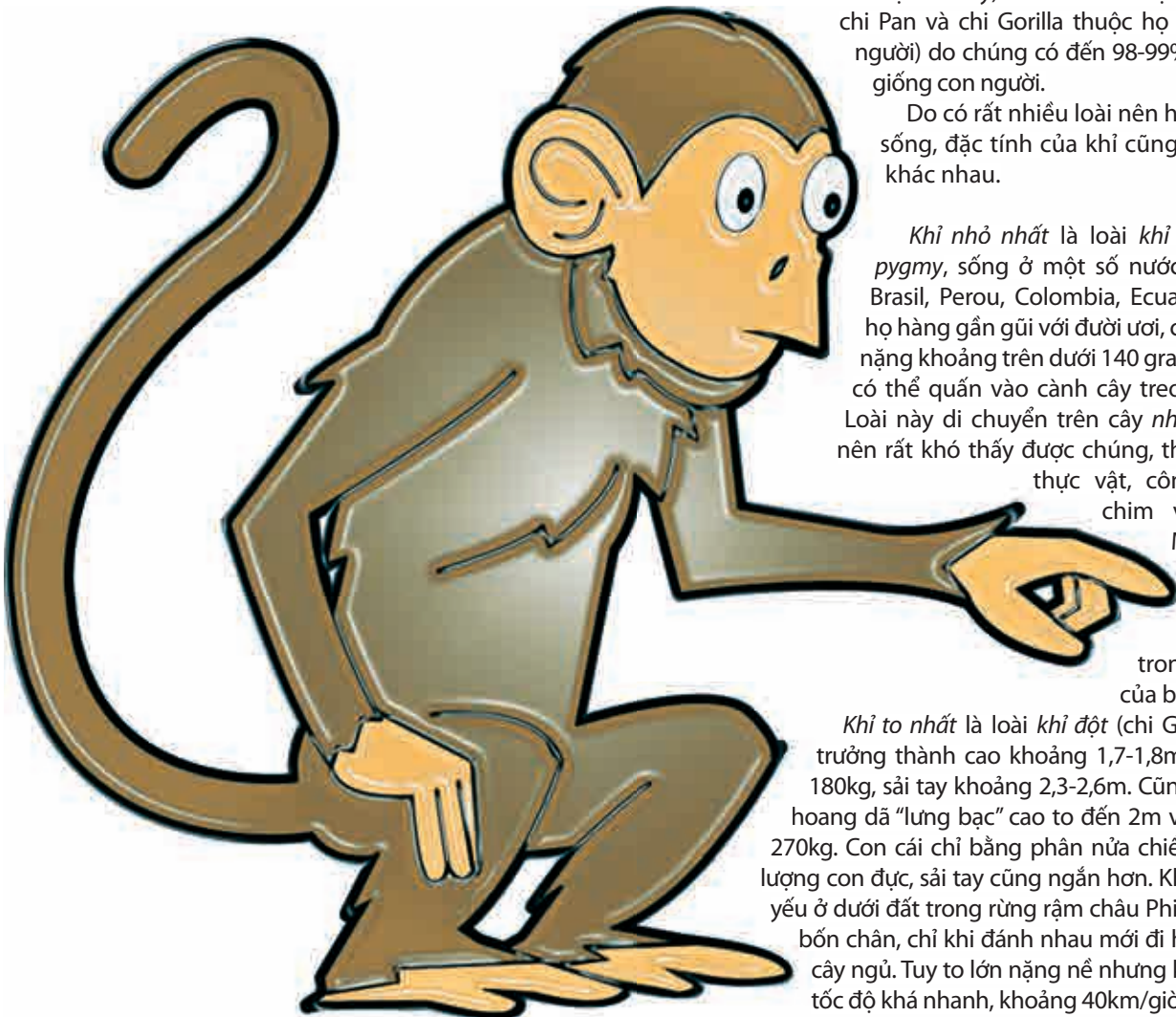
nhiều loài và sinh sống trên khắp thế giới. Theo các nhà khoa học thì hiện nay có khoảng trên 260 loài đã bị tuyệt chủng và một số loài có nguy cơ tuyệt chủng được ghi vào Sách đỏ để bảo tồn. Mặc dù các loài khi không có những đặc điểm giống nhau hay khác nhau tuyệt đối nhưng các nhà khoa học vẫn xếp chúng thành ba nhóm theo môi trường sống của chúng. Nhóm 1 ở châu Mỹ, nhóm 2 ở các châu lục còn lại và nhóm 3 là các loài không có đuôi như tinh tinh, khi đột. Về hai loài này (cùng đười ươi và vượn dài tay) các nhà khoa học xếp chúng vào chi Pan và chi Gorilla thuộc họ Homininae (họ người) do chúng có đến 98-99% dãy DNA gần giống con người.

Do có rất nhiều loài nên hình dáng, cuộc sống, đặc tính của khi cũng có nhiều điều khác nhau.

Khi nhỏ nhất là loài *khi sóc Marmosets pygmy*, sống ở một số nước Nam Mỹ như Brasil, Perou, Colombia, Ecuador. Chúng có họ hàng gần gũi với đười ươi, cao từ 12-15cm, nặng khoảng trên dưới 140 gram, đuôi khá dài có thể quấn vào cành cây treo mình lơ lửng. Loài này di chuyển trên cây *nhanh nhẹn* nhất nên rất khó thấy được chúng, thức ăn chính là thực vật, côn trùng, trứng chim và chim non.

Một hai chú khi loại này có thể leo lên... các ngón tay trong một bàn tay của bạn.

Khi to nhất là loài *khi đột* (chi Gorilla), con đực trưởng thành cao khoảng 1,7-1,8m, nặng từ 135-180kg, sải tay khoảng 2,3-2,6m. Cũng có nhiều con hoang dã “*lưng bạc*” cao to đến 2m và nặng từ 230-270kg. Con cái chỉ bằng phân nửa chiều cao và trọng lượng con đực, sải tay cũng ngắn hơn. Khi đột sống chủ yếu ở dưới đất trong rừng rậm châu Phi, ăn thực vật, đi bốn chân, chỉ khi đánh nhau mới đi hai chân, tối lên cây ngủ. Tuy to lớn nặng nề nhưng khi đột chạy với tốc độ khá nhanh, khoảng 40km/giờ.



Khỉ thông minh nhất trong bộ linh trưởng là *tinh tinh* và nó còn đứng đầu trong danh sách mười loài thú thông minh khác (cá heo xếp thứ hai). Nó có thể học (bắt chước) ngôn ngữ, ký hiệu của con người, nhớ tên người quen dù ít khi gặp người đó. Có khả năng chế tạo công cụ phục vụ cuộc sống và nhất là biết sử dụng, kết hợp các biểu tượng và ký hiệu theo thứ tự để truyền đạt ý tưởng từ đơn giản đến phức tạp. Tinh tinh có hai loại, tinh tinh thông thường (*Pan troglodytes*) và tinh tinh lùn (*Pan paniscus*), cả hai đều như khỉ đột, sống chủ yếu ở châu Phi. Tinh tinh thông thường ăn tạp (động thực vật) còn tinh tinh lùn chỉ ăn thực vật. Con đực trưởng thành cao từ 0,9-1,2m, nặng từ 35-70kg, con cái cao từ 0,6-1m, nặng từ 26-50kg.

Kể đến là *đười ươi*, cũng được xếp thứ ba trong danh sách các loài thú thông minh, sau cá heo. Nó cũng biết chế tạo công cụ phục vụ cuộc sống, tổ chức và liên kết các bầy đàn chặt chẽ, mạnh mẽ. (Đười ươi thuộc chi *Pongo*, một trong năm chi thuộc họ *Homininae*).

Khỉ chậm chạp nhất là loài *Nycticebus coucang* Boddart thuộc phân bộ linh trưởng mũi cong, phân họ *Loricidae* chi *Loris* mà dân gian thường gọi là *khỉ gió* hay *con cu li*, *con cù lẩn*. Nó to gần bằng con mèo, dài từ 26-31cm, đuôi dài từ 2-4cm, đầu tròn, mắt lộ to, chuyên kiếm ăn và săn mồi về đêm, thức ăn gồm thực vật, côn trùng và cả động vật nhỏ. Ban ngày nằm ngủ trên cây, giấu đầu và mặt vào bụng. Vì mắt chúng rất dị ứng với ánh sáng nên khi bị đánh thức chúng gần như không thấy đường, di chuyển chậm chạp mới có biệt danh *cù lẩn*.

Khỉ sống dai nhất là con tinh tinh *Cheetah* trong bộ phim *Tarzan*, sống đến 80 tuổi. Trong môi trường hoang dã, tuổi thọ cao nhất của tinh tinh khoảng 40 năm nhưng trong điều kiện nuôi nhốt chúng có thể sống đến 60 năm. Do đó, *Cheetah* được xem là "cụ" tinh tinh duy nhất trên thế giới.

Khỉ "phi hành gia" là con khỉ sóc cái Baker và khỉ nâu Able được tên lửa *Jupiter AM-18* của Mỹ đưa lên vũ trụ đầu tiên ngày 28.5.1959 và trở về trái đất an toàn. Tuy nhiên, sau khi trở về vài ngày Able đã chết và được ướp xác trưng bày tại Bảo tàng Không gian vũ trụ Mỹ. Khỉ Baker sống đến 20 năm sau.

Thịt khỉ cũng là thực phẩm như các loại thịt thú nuôi, thú rừng khác, được nhiều người ưa chuộng nên trở thành đặc sản ở một số địa phương thuộc các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh. Nó có thể chế biến thành nhiều món khoái khẩu như cháo, luộc, nướng, quay, chiên... cho thực khách, du khách và dân nhậu. Nổi tiếng nhất là món "óc khỉ" tươi sống có nguồn gốc từ thời cuối nhà Thanh bên Trung Quốc do bà Từ Hi thái hậu đãi các sứ thần Tây phương. Tuy nhiên, đây là món ăn bị dư luận phê phán là tàn ác, dã



man, vô nhân đạo, nhiều người không dám ăn cho nên nó có thể bị "tuyệt chủng" trong nay mai.

Theo bài "Những vị thuốc từ khỉ" của tác giả An Hòa đăng trên tạp chí *Khoa Học và Công Nghệ Bình Định*¹ thì từ thịt đến tiết, óc, mỡ, đồ lòng (nội tạng), dịch hoàn, máu thai, lông, xương, cao... của khỉ đều là thực phẩm tốt, vừa bổ dưỡng vừa chữa trị được nhiều thứ bệnh có lợi cho sức khỏe..

Khỉ trong văn hóa văn học có con thạch hầu *Tôn Ngộ Không* trong tác phẩm *Tây du ký* của Ngô Thừa Ân (Trung Quốc) đã được quay thành phim nhiều tập trình chiếu trên khắp thế giới. Kể đến là Thần khỉ *Hanuman* trong bộ sử thi *Ramaya* thần thoại Hindu (Ấn Độ) đã được sân khấu hóa trong các vở kịch mặt nạ Khon truyền thống của Thái Lan. Thông thường, hình ảnh con khỉ là biểu tượng của tính cách nghịch ngợm, phá phách, lém lỉnh, xấu xí... nhưng hai nhân vật trên với cây thiết bãng và quả chùy trong tay là biểu tượng của sức mạnh, lòng dũng cảm và ý chí chiến đấu diệt trừ gian ác, hung tàn.

Phần lớn các loài khỉ, vượn, voọc, đười ươi, khỉ đột, tinh tinh... đều sống trong môi trường hoang dã, một phần nhỏ được con người nuôi nhốt trong các vườn thú cho du khách tham quan, nuôi làm cảnh trong gia đình, nuôi dạy trong các gánh xiếc. Còn rất nhiều điều kỳ lạ, thú vị về loài khỉ nhưng bấy nhiêu có lẽ đủ để độc giả "*mua vui cũng được một vài trống canh*" bên chung trà thơm, chén rượu nồng và những chậu hoa xinh tươi khỉ đón Tết đến, xuân sang. ■

1. Tham khảo tại địa chỉ: www.dostbinhdinh.org.vn/MagazineNewsPage.asp?TinTS_ID=47&TS_ID=8.



Tết Việt

trong sáng tác của Anh Thơ

PHẠM TUẤN VŨ

Nói về Anh Thơ, nhà thơ Vũ Quần Phương trong bài viết “Anh Thơ - Từ những bức tranh quê” có một nhận định xác đáng: “*Khi chị đến thì phong trào Thơ mới đã ổn định với các tên tuổi tiêu biểu của nó, nhưng chị vẫn có đóng góp riêng: những bức tranh thôn quê xứ Bắc. Cùng với Nguyễn Bính, Đoàn Văn Cừ, Bằng Bá Lân,...* Anh Thơ làm giàu thêm lòng yêu quê hương làng nước của người Việt Nam mình”.

Thật vậy, đọc thơ của nữ sĩ, ấn tượng đầu tiên và sâu sắc nhất trong mỗi người đọc có lẽ là những vần thơ êm ái, gợi cảm, “*vừa chân thực vừa đẹp lạ lùng*” (Ý Nhi) về phong cảnh, cuộc sống ở làng quê Bắc Bộ. Trong các đề tài về thiên nhiên, con người xứ Bắc, mùa xuân và ngày Tết cổ truyền được Anh Thơ thường xuyên nhắc đến trong tác phẩm của mình.



Anh Thơ (1921-2005) tên thật Vương Kiều Ân, bút danh khác: Hồng Anh, Tuyết Anh, Hồng Minh. Bà quê ở Hải Dương, đến với thơ từ khá sớm, 20 tuổi đã được Giải khuyến khích của Tự Lực văn đoàn với tập **Bức tranh quê**, là một nữ sĩ tài hoa của phong trào Thơ mới. Anh Thơ viết khá nhiều về

mùa xuân và ngày Tết. Xuân và Tết trong thơ bà mang phong vị rất riêng, không ồn ào, sôi nổi như trong thơ Xuân Diệu, cũng không lạnh lẽo, điều tàn như trong thơ Chế Lan Viên, nó gần gũi với thơ Nguyễn Bính ở cái yên bình, êm ả, ấm cúng cùng với những nét đẹp trong phong tục truyền thống của làng quê xứ Bắc.

Tết Việt trong sáng tác của Anh Thơ mang đậm dấu ấn của văn hóa cổ truyền được thể hiện qua cái nhìn đầy yêu mến, trân trọng của một nhà thơ sinh ra và lớn lên giữa làng quê Bắc Bộ, giàu tâm hồn và nặng lòng với quê hương. Anh Thơ có nhiều bài hay về ngày Tết Việt những năm trước 1945 mà ở đó, mỗi tác phẩm như là một mảng màu sắc và đường nét rất riêng để rồi tất cả ghép lại thành một “bức tranh quê” ngày xuân sinh động, nhiều bối cảnh, sắc màu.

Chẳng hạn, nhắc đến Tết Việt phải nói đến chợ Tết, một nét đẹp văn hóa tự bao đời. Anh Thơ có một thi phẩm với nhan đề **Chợ ngày xuân**. Vẫn là đề tài khá quen thuộc, nhưng khác với Đoàn Văn Cừ miêu tả chi tiết, cận cảnh, Anh Thơ, như một người thợ chụp ảnh tài hoa, chỉ bắt lấy những khoảnh khắc giản dị nhưng lại rất “thần”. Không miêu tả cụ thể cái rộn ràng, nhộn nhịp của phiên chợ Tết đông vui, náo nhiệt nhưng nhà thơ biết cách làm cho những gì rất Bắc Bộ của chợ Tết hiện lên trong tác phẩm của mình:

*Chợ đông quá! Chỗ này vãi chiếu bạc
Những chàng trai ô mới mở dương vây
Cười nói, nói luôn mồm và chỗ khác
Mấy cụ ngồi nhắm rượu gặt gù say.*

Cảnh ngày Tết trong sáng tác của Anh Thơ được miêu tả đầy thi vị, để lại những dư âm nhẹ nhàng, trong trẻo, xao xuyến về Tết Việt xưa. Có một chiều cuối năm lún phún mưa xuân, trong ánh hoa đào nở thắm, nhà nhà đang chuẩn bị cho Tết đến rất gần giữa một không khí rộn ràng, ấm cúng, thân quen trong bài **Chiều ba mươi Tết**:

*Trời lún phún mưa xuân, đường các ngõ
Lắm những bùn và đầy những người đi
Trong vườn đào đã nhiều bông nở đỏ
Và đã nhiều nêu dựng khánh khoa thi.*

*Và rất nhiều ông già ngồi lau quét
Trước bàn thờ thành kính thấp tuần nhang
Trong khi ấy, tiếng lợn kêu eng éc
Khấp xóm làng lẫn tiếng chửi nhau vang.*

Có đêm giao thừa của một gia đình nông dân xứ Bắc nào đó ấm áp bên nồi bánh chưng đang sôi và những ước mơ đơn sơ mỗi khi Tết về trong tiếng pháo nổ ngoài đình của thời khắc năm hết Tết đến trong bài **Đêm ba mươi Tết:**

*Quanh bếp ấm, nồi bánh chưng sùng sục
Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn
Đi nhớ mơ chiếc váy sồi đen nhức
Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm.*

*Bỗng tiếng pháo đẹt đùng xa nổ, báo
Ngoài đình trung, làng đã tế giao thừa
Cả nhà vội giặt mình không ai bảo
Cùng đứng lên thắp bánh chín hay chưa.*

Đặc biệt, trong thơ Anh Thơ có một ngày mồng một Tết Việt cổ truyền in đậm dấu ấn văn hóa dân tộc với những những thuần phong mỹ tục còn được gìn giữ tự ngàn đời. Trong làn mưa bụi đầu xuân, ở một làng quê miền Bắc, trong mỗi gia đình đều có cây nêu, tràng pháo, khoảng sân rải vôi, mâm quả và bàn thờ gia tiên được sửa soạn chu đáo, có những em bé tung tăng khoe áo mới, những cụ già trang nghiêm cúng tổ tiên... được miêu tả sống động trong bài **Ngày Tết:**

*Trước cổng làng chòm nêu vừa thức gió
Bụi mưa phùn đã đổ xuống sân vôi
Tràng pháo chuột đua nhau đi đạch nổ
Xác giấy hồng bấn cả cánh hoa rơi.*

*Trong nhà đỏ, bàn thờ nghi ngút khói
Những đàn bà tíu tít chạy bưng mâm
Lũ trẻ con vui mừng thay áo mới
Bên ông già hương nển quá chuyên tâm.*

Tết trong sáng tác của Anh Thơ như được đẩy lùi vào quá khứ. Vẫn là những ngày Tết rất thực nhưng lại như có điều gì rất êm đềm, mơ màng của một thời rất đổi xa xăm. Đó là những cái Tết cổ truyền của người Việt từ ngàn xưa. Làm nên điều này có một phần quan trọng của các phương diện hình thức nghệ thuật trong tác phẩm Anh Thơ. Bằng thể thơ tám chữ được phát huy sở trường trong lối kể - tả, nhịp thơ đều đặn, chậm rãi, giọng thơ tâm tình, hình ảnh thơ sinh động, ngôn ngữ thơ dung dị, trong sáng, nữ sĩ đã thổi được hồn Tết Việt

xưa vào thơ mình. Đây là một thành công mà không phải tác giả viết về Tết nào cũng làm được.

Nhà thơ Ý Nhi có một nhận định rất hay về phong cách Anh Thơ: "Cùng với Đoàn Văn Cừ, Bằng Bá Lân, Nguyễn Bính; Anh Thơ đã tạo nên trong thi ca Việt Nam một dòng thơ độc đáo, tựa như một thứ thôn ca". Thơ viết về xuân và ngày Tết của nữ sĩ tiêu biểu cho điều này.

Ngày Tết, đọc lại những bài thơ viết về Tết của Anh Thơ cách đây hơn 70 năm, để thấy bồi hồi nhớ lại Tết xưa cùng với nhiều giá trị văn hóa đã nuôi dưỡng tinh thần người Việt mình tự ngàn xưa... ■





Chúc Tết

NGUYỄN VĂN ƯƠNG

Mỗi dịp chuẩn bị đón xuân, không khí Tết lại rộn lên với những lời chúc tốt đẹp dành cho nhau. Người ở xa nhau thì gửi nhau lá thư hay tấm thiệp chúc Tết, mừng xuân. Người gần nhau thì trong món quà trao nhau luôn luôn có tấm thiệp chúc mừng. Cơ quan, đoàn thể, nhà máy, công trường, xí nghiệp... có ngày tất niên vui vẻ họp mặt cuối năm và tặng nhau những lời chúc mừng năm mới. Các tác giả thơ nhạc có những sáng tác đề tài chúc Tết để công chúng mừng nhau trong những ngày đầu xuân. Sách báo, tạp chí có số mừng xuân trong đó không quên những lời chúc tốt đẹp. Giây phút giao thừa năm cũ, năm mới, vị nguyên thủ quốc gia đọc thư chúc mừng năm mới đến quốc dân đồng bào trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Có thể nói chúc Tết là một truyền thống tốt đẹp không những trong nước ta mà còn thấy ở nhiều nước khác trên hành tinh này.

Một hình thức chúc Tết phổ biến trước đây trong dân chúng là dùng thiệp. Tấm thiệp chúc Tết là sứ giả chuyển tải biết bao ước nguyện của người gửi thiệp đến người nhận thiệp. Chọn tấm thiệp để gửi gắm tình cảm mình phải thế nào mới phải? Dễ dàng và vô thưởng vô phạt là chọn thiệp có ảnh mai, đào, lan,... nói chung là những cảnh, những hoa đặc trưng ngày Tết, trong có nhiều nhất là những ảnh vật con giáp của năm nó đại diện. Với trai gái đồng lứa thì phải thận

trọng khi chọn ảnh thiệp. Gửi tới bạn gái mới quen tấm thiệp có đôi trai gái là có ý tỏ tình. Với bạn bè, người thân mới lập gia đình, gửi tấm thiệp có hình trẻ thơ vui xuân, áo mới... là có ý chúc gia đình hạnh phúc, con cái sum vầy. Với người tôn kính, lớn tuổi thì phải chọn tấm thiệp phúc lộc thọ. Không thận trọng chọn thiệp đúng đối tượng đôi khi gây hiểu lầm, thậm chí phản cảm.

Lời chúc trên thiệp cũng muôn ý ngàn tứ. Tấm thiệp nào thì cũng đã có in sẵn ngoài tranh bìa các lời chúc. Chọn thiệp tiếng Việt thì có "Chúc Mừng Năm Mới", "Mừng Xuân Mới"... Chọn từ Hán Việt thì có "Cung Chúc Tân Xuân", "Vạn Sự Như Ý", "Tân Niên Đại Cát"... Thậm chí có cả tiếng nước ngoài: Tiếng Anh "Happy New Year", tiếng Pháp "Bonnee Année"... Ngoài ra một số thiệp còn có những câu thể hiện ý tưởng mới lạ khác để phục vụ sở thích người mua. Trang ruột tấm thiệp là chỗ dành để ghi những lời chúc riêng tư. Tinh ý câu chúc phải chân thành, lời chúc cần trang trọng, chữ viết phải chân phương, nắn nót. Cầm tấm thiệp, người nhận có thể đọc được thái độ lễ nghĩa ứng xử của người gửi thiệp. Người nhận thiệp trân trọng đón nhận tấm thiệp chúc xuân, trang trí tấm thiệp làm màu mè thêm cành mai, cành đào nơi phòng khách đón chào xuân mới với nhiều tình ý tốt đẹp.

Thời gian gần đây, tấm thiệp chúc Tết cũng đã "tiến hoá" theo đà thay đổi của lối sống xã hội. Trước đây, những ngày tháng Chạp, các quầy sách bày bán đủ loại thiệp chúc Tết. Có loại thiệp in công nghệ đồng loạt,



có loại thiệp vẽ tay từng tấm bằng màu nước rất bay bướm. Nghĩ đến ai ở nơi xa thì nhờ con tem bưu chính mang đến tặng người. Gần nhau thì trân trọng trao nhau cùng những lời chào hỏi chân tình. Tấm thiệp đã “*thay lời muốn nói*”. Tình cảm thắt chặt thêm và nhắc nhủ nhau chớ “*xa mặt cách lòng*”. Ngày nay, có nơi in thiệp đồng loạt cho cơ quan, có nơi lại chọn lịch thay lời cho tấm thiệp. Nhân viên chỉ nhận tấm thiệp hay tấm lịch vô cảm vô hồn đó coi như đã nhận được lời chúc Tết của thủ trưởng. Có cơ quan hay cá nhân chỉ cần một số ít thiệp, không tiện đặt in đồng loạt nhiều tấm, chỉ ra quán sách mua vừa đủ số thiệp cần dùng, đem về, viết tay không đẹp, phải in vì tính lời chúc và người nhận thiệp trên giấy trắng để dán vào lòng tấm thiệp. Thế cũng còn trang trọng hơn những tấm thiệp viết tay cầu thả với tâm lý xem thường, xem như “*cho có*”. Thời đại @ mở ra cách chúc Tết giản tiện, độc đáo. Vào mạng, bốc đâu đó một tấm thiệp vừa ý, gõ vào vài câu chữ chúc mừng kiểu cách. Chỉ còn việc vào trang cá nhân hay địa chỉ mail của một ai đó để dán vào là làm xong một động tác gửi thiệp chúc Tết. Bên kia, ngay tức khắc có thiệp chúc Tết hiện ra. Những giây phút chờ đón giao thừa, có hàng triệu triệu người chuyển thiệp chúc Tết lên mạng di động, mạng xã hội..., đường truyền không nghẽn mạch, quá tải mới là chuyện lạ.

Thiệp thân tình hay thiệp của cấp trên gửi cho cấp dưới, người đồng hàng gửi cho nhau thì như thế. Còn

thiệp cấp dưới gửi cho cấp trên; nhân viên gửi thủ trưởng; học sinh, phụ huynh gửi cô giáo, thầy giáo... kèm theo món quà mừng xuân thì chắc chắn phải dùng tấm thiệp giấy trang trọng, phong bao kín đáo. Tấm thiệp còn giữ vai trò ôm ấp vài tờ giấy xanh đỏ. Người gửi méo mặt với những tờ giấy này. Người nhận thì khi mở thiệp chỉ việc đếm xem có bao nhiêu tờ giấy, giấy loại gì và ghi vào bộ nhớ hẳn thuộc loại keo kiệt hay hào phóng để có thái độ “*quản lý*” thích hợp. Sau kỳ nghỉ Tết, cơ quan tập hợp ngày đầu để thủ trưởng chúc Tết. Nhân viên nào không có thiệp chúc Tết thủ trưởng hay ít tờ xanh đỏ trong thiệp thì chỉ dám nhìn thủ trưởng với ánh mắt lấm lét.

Chúc Tết là cầu mong những gì tốt đẹp cho năm mới. Niên lịch các nước trên thế giới không đồng nhất nhưng nước nào cũng có ngày Tết truyền thống riêng theo niên lịch của nước mình. Tuy khác ngôn ngữ nhưng bài hát “*Happy New Year*” bằng tiếng Anh gần như là lời chúc Tết phổ biến khắp thế giới mỗi dịp xuân về.

Hơn trăm năm trước, thực dân Pháp hoàn thành việc xâm lăng, đô hộ đất nước ta, áp đặt vào xã hội ta một nếp sống mới với những me Tây, bà đầm; những thầy thông, thầy phán, ông ký, thàng bồi... Trong buổi giao thời của văn minh Âu Á, xã hội nhiễu nhương, giá trị luân lý đảo lộn, đạo đức suy đồi,... nhiều người theo giặc để có bả vinh thân phì da.

Tết đến, Tú Xương, (1870-1907), có bài thơ *Chúc Tết*, trong đó ông mỉa mai những lời chúc thọ, chúc giàu, chúc sang, chúc con đàn cháu đống của những những tên cầu cạnh theo giặc.

Khổ cuối bài thơ là lời cảnh tỉnh:

*Bắt chước ai ta chúc mấy lời
Chúc cho khắp hết ở trong đời
Vua, quan, sỹ, thứ, người muôn nước
Sao được cho ra cái giống người.*

Trong sâu thẳm tâm hồn, những lời mỉa mai cay độc của nhà thơ với bọn người bán nước cầu vinh cũng là những lời chúc tốt đẹp của một con người nặng lòng với đất nước, dân tộc.

Giữa thế kỷ trước, mỗi độ xuân về, trên sóng phát thanh, người ta thích nghe bài hát *Ly rượu mừng* của nhạc sĩ Phạm Đình Chương. Bài hát có những lời chúc thật chân tình:

- Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi. Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi, người thương gia lợi tức, người công nhân ấm no, thoát đi đời gian lao nghèo khó...

Và tôi cũng mượn lời nhạc sĩ Minh Hiền trong bài hát *Cánh thiệp đầu xuân* để thay lời chúc đầu năm đến đến mọi độc giả:

*Tôi chúc muôn người mọi điều ước muốn
Non nước vinh quang trong tia nắng thanh bình
Để người anh yêu dấu quay về gia đình tìm vui bên lửa ấm
Tôi chúc yên lành người người khắp chốn... ■*



Nguồn: www.media.vn

VŨ THỊ HUYỀN TRANG

Tết năm nào cũng vậy, con cháu đưa nhau về quê sum vầy đón Tết bên ngôi nhà ngói ba gian cũ của ông bà. Thường thì hai bảy Tết là có mặt đông đủ, đứa nào bận việc thì về sau nhưng nhất định là phải về, nó đã thành cái lệ. Thường ngày nhà không có người ở, ông bà đều đã già yếu, con cái lại công tác ở xa. Thành ra hai cụ nay ở với thằng cả, mai ở ở với đứa út còn nhà cửa ở quê thì nhờ họ mạc trông nom. Con cái biết ông bà thương nhớ quê hương nên bảo nhau Tết về quê quây quần cho tuổi già đỡ tủi. Ba ngày Tết đầu ngắn ngủi nhưng ấm áp tiếng cười, đủ niềm vui dùng cho cả năm trời xa cách. Tết năm nay con cháu tính mừng thượng thọ cho ông tuổi tám mươi. Nên con dâu cả chọn may hai bộ khăn áo mới xem ra ông bà ưng ý lắm. Còn con dâu út chuẩn bị tỉ mỉ từng bông hoa, từng ấm chè ngon để mời bà con chòm xóm đến chung vui. Riêng ông con rể quý làm trong đoàn ca múa nhạc của tỉnh thì xung phong đàn ca suốt Tết. Cụ ông cười bảo:

- Thế này thì nên gọi là kỉ niệm năm mươi năm ngày cưới của ông bà cho nó trẻ trung.

Cụ bà ngồi xuống, vỗ nhẹ tay ông trêu:

- Vậy là em cũng chịu đựng cái tật ngủ ngáy của ông những mấy chục năm rồi cơ đấy.

- Chứ ai kê tay cho bà gối đầu êm ái từng ấy năm trời.

Tụi nhỏ cười bảo ước sao sau này cưới chồng, cưới vợ rồi đến lúc già vẫn còn tình cảm được như ông bà. Ông cười dạn cứ biết nhường nhịn nhau là êm cửa êm nhà, việc lớn việc nhỏ cùng chung tay gánh vác, sẽ chia thì mới mong bền chặt. Tụi nhỏ vừa bổ cau, tằm trâu vừa ghẹo:

- Vậy chứ bây giờ mỗi sáng tỉnh dậy ông có còn tấm quất cho bà nữa không ạ?

- Trời ơi! Giờ xương cốt người già mỏng và yếu. Tay ông lại run chỉ sợ lập cập lại làm bà cháu đau.

- Chứ không phải là ông ham bể cá cảnh đến mức sáng nào tỉnh dậy cũng chạy ngay ra đó ngắm nghía chúng. Vậy thì còn đâu thời gian mà đấm bóp lưng giúp em nữa.

- Ờ thì...

Tụi nhỏ cười khúc khích bảo ngày xưa ông bà còn trẻ chắc vui lắm. Bà bảo ừ vui, hồi ấy ông đào hoa, gái theo về nhà hoài nên bà phải hát văn nghệ suốt bảo sao mà không vui. Ông tùm tùm cười bảo bà hồi đó

cũng trẻ đẹp đấy thôi, có mấy anh bộ đội tưởng chưa chồng tán tỉnh à ơi mãi. Con cháu, dâu rể ngồi nhặt rau, gói bánh ngoài hiên nhà ai nấy đều bắt cười. Tiếng cậu út nói vọng vào:

- Bố đừng tưởng giờ mẹ con già rồi mà không cần giữ. Ai cũng khen mẹ con trẻ lâu, con tính bố phải có phương pháp kịp thời. Chứ cứ để mẹ con đi tập thể dục ngoài bờ hồ một mình là không ổn.

- Phải rồi! Đạo này con thấy bố ít vận động, như thế không tốt cho sức khỏe tạo nào. Bố nên đi tập cùng mẹ vừa là để rèn luyện sức khỏe vừa là cho mẹ đỡ buồn.

Tự nhiên bà khẽ thở dài bảo không biết còn đón được bao nhiêu cái Tết đầm ấm thế này. Ông bảo Tết không được nói chuyện buồn, sinh lão bệnh tử là quy luật ở đời nên mình vui vẻ sống và đón nhận. Con cái cười nói ông bà sống lâu trăm tuổi đợi tụi nhỏ xây dựng gia đình rồi còn bé chất. Lúc này đã là chiều ba mươi Tết, mọi công việc chuẩn bị cho bữa cúng tất niên đều đã tươm tất. Không khí làng quê trong lành, giữa cái nhộn nhịp của ngày xuân vẫn là sự bình yên của lòng người. Đường như ai cũng có nhiều suy tư sau một năm dài bộn bề lo âu nên ngồi cùng nhau dưới mái hiên, lặng lẽ ngắm mùa xuân về bên cửa. Hoa đào vườn đã nở, chậu quất cảnh các con mang về tươi rói cả góc sân. Nồi bánh chưng gói cho cả mấy nhà kể bên đang đồ lửa. Hai cụ ngồi nhớ Tết của ngày xưa thấy so với bây giờ thì Tết cũng không mấy đổi thay. Niềm vui vẫn ngấm ngấm trong lòng...

* * *

Chỉ có vợ chồng cậu út là chạnh lòng buồn, ông cụ để ý thấy hai con cười mà không vui biết là lòng các con còn vướng víu nhiều chuyện gia đình. Dù không ở với cậu út nhiều nhưng nhà chúng có chuyện gì ông đều biết hết. Thấy bảo hai vợ chồng xích mích vì chuyện bồ bịch của cậu út, trong lúc nóng giận con dâu còn đòi lời nhau ra tòa ly hôn. Ông nghe chuyện nghĩ ngợi mông lung suốt cả tuần trời. Ông biết con dâu ông tốt tính, vốn chịu thương chịu khó mà cũng hay nhỉnh nhẹn. Ông cũng biết tính thẳng con ông nhiều khi hay trêu hoa ghẹo nguyệt nhưng thương vợ thương con hết lòng. Thấy các con cơm không lành canh không ngọt, ông thấy Tết nhất mất vui, nên sau bữa cơm tất niên ông gọi tất cả con cháu ra dặn dò:

- Các con thấy đấy. Bố mẹ sống với nhau từng này tuổi rồi còn có lúc không vừa lòng nhau chuyện này, chuyện kia. Cuộc sống gia đình khó tránh khỏi những lúc xích mích. Nhưng các con phải biết nhường nhịn, cảm thông và nhất là sống có trách nhiệm với nhau. Đừng vì những niềm vui tạm bợ mà đánh mất nền tảng hạnh phúc gia đình. Cũng đừng vì nóng vội mà nói những lời tổn thương nhau.

Con dâu út nghe xong thì bật khóc, ông đưa bàn tay già nua run run khẽ vỗ về rồi quay qua mắng vốn cậu út:

- Không phải nhờ có người khéo léo vun vén, chăm sóc gia đình thì sao con có thể yên tâm mà lo sự nghiệp. Vì thế phải biết thương lấy vợ con mình.

Trong những phút giây trầm lắng ngẩn ngui ấy, lòng người như chùng xuống. Có chút gì đó vừa thân thương vừa xa xót, vừa thành thoi lại vừa bề bộn. Dù là người già hay trẻ cũng đều nghĩ may mà có Tết, nếu không chẳng biết lúc nào mới dám dứt khỏi cái guồng quay công việc bận rộn để mà ngồi lại bên nhau. Đàn ông thì nói toàn chuyện vĩ mô, đàn bà bàn chuyện gì rồi cũng quay về góc bếp, tụi nhỏ nói chuyện hẹn hò yêu đương, còn hai cụ thì chỉ cần nhìn từng ấy cái miệng nói cười giả lả là cũng thấy vui rồi. Thấy cái Tết nó kéo mọi người lại gần nhau, nó thăm lặng tố cáo thói vô tâm hời hợt mà ngày thường người đối đãi với người. Nó gột rửa bụi bặm tâm hồn, nó vỗ về những nỗi bất an trong cái khí trời mùa xuân quá đổi nồng nàn.

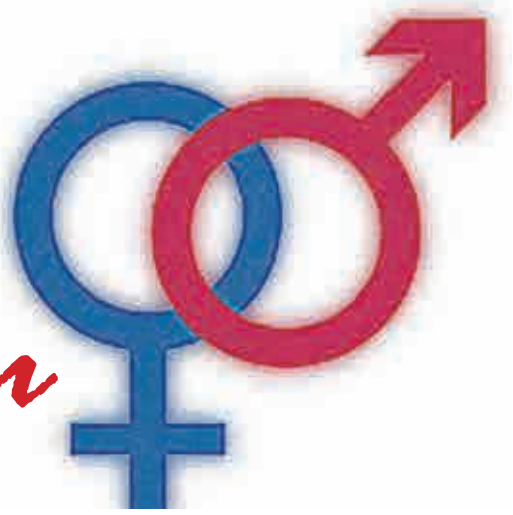
Để chuẩn bị cho đêm giao thừa, tụi nhỏ khiêng cái chõng tre ra giữa sân làm nơi thờ cúng. Dưới sân trải sẵn chiếu, ủ một ấm trà nóng tiếp các cụ trong làng ghé chơi. Người lớn cùng vào bếp đồ xôi, luộc gà, chuẩn bị hương hoa vẫn không quên đun một nồi nước lá hương nhu to dùng để cả nhà tắm tất niên. Tiếng giục nhau tắm gội í ới, tiếng các cụ già cười vang cả góc sân, tiếng lũ trẻ hí hả tính trước tiến mừng tuổi. Vài phong bao lì xì đỏ đã được chuẩn bị sẵn, những lời chúc gói ghém cũng đã lâu, giờ chỉ đợi giao thừa là cùng nhau tỏ bày, cùng uống với nhau ly rượu xuân, cùng làng làng cảm giác chào năm mới. Ô! Quấn quanh vài ý nghĩ vụn vặt ấy thôi mà cũng sắp đến thời khắc thiêng liêng của năm rồi.

Con dâu vượt dài nếp áo dài cho ông bà thấy áo may vừa vặn thì vui lắm. Cụ ông khẽ mỉm cười nhắc con cháu đứng ra sân cùng thắp hương cho tổ tiên trịnh trọng như một nghi lễ đầy ý nghĩa. Trong khoảnh khắc đất trời giao hòa, vạn vật tương sinh ấy cụ ông vái ba vái rồi đọc một bài văn khấn giao thừa. Khấp xóm nhỏ rộn vang tiếng tụng niệm, tiếng chúc tụng, tiếng sâm-panh nổ. Vài ba bóng người thấp thoáng chạy vào vườn mía nhà ông ngay ngoài cổng để bẻ lộc. Cả nhà cười vì biết năm nào sau giao thừa vườn mía cũng thưa thớt hẳn, nhưng mà cả xóm vui vì có lộc đẹp để bên ban thờ ngày Tết. Cụ ông bảo năm nay nhà mình cứ hướng Bắc mà hành quân đi kiếm lộc nhưng không được bẻ cây lớn cành to. Lũ nhỏ mang về toàn hoa dại ven đường, người lớn ra bụi tre đầu làng kiếm măng làm lộc. Hai ông bà dắt nhau ra vườn tìm chỗ con dâu hỏi chiều đã bở sẵn hố rồi trồng xuống một cây con. Đó là lộc của mùa xuân, mỗi năm thêm một mầm xanh. Nhờ đó mà vườn nhà ông cây cối rậm rạp, chim chóc bốn mùa ríu rít gọi bầy, làm tổ và sinh sôi.

Con cháu nhìn cảnh tượng hai cụ đứng nắm tay nhau giữa vườn xuân mà lòng rung rung sợ... Mai mốt hết Tết rồi biết đến bao giờ được ngồi lại bên nhau... ■



Giống và màu



HỒ ANH THÁI

Thời đi lính ở Quân khu Thủ đô, có lần tôi ngạc nhiên nghe một anh bạn, hình như dân Từ Liêm, nói đến một con vật gọi là con quế. Gì? Con quế là con gì? Cả đám đồng ngữ tròn xoe mắt hỏi lại. Anh ta chỉ đàn gà trên sân tiểu đoàn bộ: Trong đàn gà thường có một con quế, này nhé, mình ném một cái xương gà xuống đất, cả bọn gà đều thờ ơ, nhưng có một con lại xông đến mổ cái xương ấy đánh chén rất say sưa, con ấy là con quế.

Anh ta phát triển thêm: Con chó nào mà gặm xương chó, con ấy gọi là con má.

Chà chà, gà thì phải có quế, chó thì phải có má.

Tôi đùa mà rằng: Thằng người nào ăn thịt người, thằng ấy gọi là ngợm. Người - ngợm.

Lính tráng nhiều khi có những tranh cãi bất ngờ liên quan đến phương ngữ thổ ngữ. Kiểu cãi vã con tép hay là con tôm chẳng hạn. Thành câu hát: Hà Tây gọi tép là tôm... Quê em miền Hà Tây, thường kêu bố là thầy...

Chuyện giới tính của động vật: con vật có vú thì phân ra hai giới đực và cái, con vật lông vũ thì phân ra trống và mái. Ngựa đực và ngựa cái. Hổ đực và hổ cái. Gà trống và gà mái. Bồ câu trống và bồ câu mái. Nhưng có những ngoại lệ: con vịt thuộc về bên dương thì không gọi con vịt trống, mà là con vịt đực. Những người nói giọng khàn khàn bị gọi là người có cái giọng vịt đực.

Trong truyện ngắn Sao anh không đến (1985), tôi kể chuyện một anh chàng trai lơ khoe mẽ trước đám con gái, giống như một con công xòe cái đuôi lòe loẹt phô trương quyến rũ con mái. Tác giả đặt cho anh chàng nhân vật ấy biệt danh: con công đực. Trường hợp này, chữ con công đực gây ấn tượng hơn cái danh từ chính xác là con công trống.

Với những anh chàng như thế, dân gian thường bảo: Thằng ấy chỉ biết trò đực cái. Văn cảnh này có thể dùng chữ đực cái để chỉ người. Còn thì thường khi người ta dùng những cặp khái niệm khác: nói chung chung thì gọi là nam và nữ. Trẻ trung thì gọi là trai và gái. Nhiều tuổi hơn hoặc đã trưởng thành cứng cáp, gọi là đàn ông và đàn bà.

Tiếng Việt có chữ máu, huyết và tiết. Chữ tiết phần nhiều chỉ thứ máu động vật có thể ăn được. Cắt tiết gà. Chọc tiết lợn. Món tiết canh thì người Âu - Mỹ xếp vào một trong mấy thứ thức ăn ở Đông Á khiến họ run sợ,

trong đó có cả thịt chó, trứng vịt lộn. Tiếng Việt phân biệt rõ ràng, thế mà vẫn có nhà văn nhà báo viết là máu gà máu lợn. Tất nhiên có những trường hợp ngoại lệ.

*Hỡi những tấm lòng lạnh tanh máu cả
Những nhiệt tình xuống quá độ âm.*

(Chế Lan Viên)

Trong tiểu thuyết *Cô gái mù chữ phá bom nguyên tử* của Jonas Jonasson có đoạn ông thủ tướng cắt tiết gà, làm cho tiết gà văng lên be bét khắp quần áo. Phạm Hải dịch đến đây và chị dùng chữ máu gà, nhiều lần. Người đọc hiểu dịch giả không dùng một từ chính xác là tiết gà, mà chủ ý dùng từ máu gà để gây ấn tượng như một vụ tàn sát.

Cũng là màu đen, nhưng con mèo đen thì gọi là mèo mun, con chó đen gọi là chó mực, con ngựa đen gọi là ngựa ô. Ô là con quạ, con chim chủ yếu có bộ lông đen. Thước là con chim khách. Ô thước là hai loài chim bắc thành chiếc cầu cho Ngưu Lang Chức Nữ gặp nhau:

*Xưa Chức Nữ chàng Ngưu
Tùng đấng cày dải dâu
Chờ ô thước bắc cầu.*

(Châu Kỳ)

Nói tiếp chuyện về màu sắc: sông Hồng, Hồng Hải, Hồng quân... Ngày trước, khi phải dịch, một số người từng chọn chữ màu hồng, trong tiếng Anh là pink. Và họ đã ngạc nhiên khi thấy đáp án là sông Đỏ, biển Đỏ, quân đỏ: Red river, Red sea, Red army. Chữ hồng ở đây là từ Hán Việt, màu đỏ.

Cũng là màu đỏ, tiếng Việt còn có chữ đào. Sông Đào là con sông đỏ màu phù sa. Lòng đào là cái phần màu đỏ trong quả trứng, còn gọi là lòng đỏ, trứng gà chẳng hạn.

Hoa đào chính là thứ hoa có màu hồng đào. Chiếc áo màu hoa đào, nghe gợi không khí Tết xứ Bắc. Màu hoa đào là màu hồng, phơn phớt, dịu nhẹ, gợi cảm giác ấm áp chứ không nóng rực. Hoa đào năm cánh, màu hồng nhạt, còn gọi là đào phai để phân biệt với bích đào là loại hoa đào xô bồ nhiều cánh lại đỏ rực lên. Ngày xưa chưa xa, Tết xứ Bắc người ta chỉ chơi đào năm cánh đúng nghĩa màu hoa đào tinh tế thanh tao. Thế rồi gu tiểu thị dân thích những gì lòe loẹt chói gắt bỗng ập đến, tự dung tràn ngập thứ hoa đào rừng rực đầy lên nhiều lớp cánh hỗn độn. ■



Chớm xuân

TRƯỜNG KHÁNH

Nghe trong gió, trong mưa, trong trời đất,
Có một cái gì thật thật - hư hư!??
Có một cái gì - vạn cổ - nhất như,
Mang hơi hướm dấu nhân từ thánh thiện.

Chớm xuân rồi, sao heo may còn đến!?
Làm vấn vương, ẩn hiện dấu hài thiên!!
Làm mờ phai màu phấn tảo như nhiên,
Nguyên xuân dậy - khắp mọi miền châu thổ,

Mấp mé bờ xuân hoa ngàn hé nụ,
Bướm chao nghiêng cánh, rù ngàn ong về,
Khắp bung biền trải lối chôn sơn khê,
Sẽ hiện hữu xuân - hương thề gọi gió,

Áo lụa ai bay - đón đưa vạn ngõ?
Môi xuân tươi - lấp ló cuối hiên đời,
Xuân sắp về ngàn hoa ngát xinh tươi,
Áo mới em khoe - rạng ngời uyển chuyển,

Dấu hài xuân nâng gót em thánh thiện,
Thờ hơi xuân châu biền vạn ngàn hương,
Mở cửa nguyên xuân - đồng vọng chân thường,
Tìm thuở ban sơ vương vương nỗi nhớ,

Xin giấu mặt, lén nhìn hoa xuân nở,
Nhụy trinh nguyên thơm ngát tự hương trời,
Ta ngất ngây đuối mộng nghĩa đây vui,
Xin ôm trọn cả đất trời tụy lụy.

Về chôn chặt dấu nguyên xuân vạn kỷ,
Chớm sang mùa - ý vị phút đầu năm.
Chuông chùa ngân vang vọng mãi thiên âm,
Chấp tay nguyện khắp dương trần vui khổ.

Rạo rục xuân về

TK.VY TIẾU

Rạo rục nàng xuân về,
Chiến chiến hót ngoài đê,
Lú lo vô tư lự,
Như gió thoảng triền đê.

Rạo rục chồi xuân nhú,
Với nụ xanh đầu cành,
Trôi qua ngày tháng cũ,
Đêm tuổi đời mong manh.

Rạo rục tình xuân gọi,
Âm tử thoảng đưa hương,
Đất trời như muốn nói,
Với bao lời yêu thương.

Rạo rục nắng xuân cười,
Tùng sợi mỏng xinh tươi,
Em đem tóc hong gió
Mơ tuổi tròn đôi mươi.

Rạo rục gió đùa xuân,
Muôn hoa sắc thắm dần,
Nguyên xuân tròn ước nguyện,
Lễ chùa tiếng chuông ngân.

Rạo rục xuân ước nguyện,
Lao xao gió sang mùa,
Đón ngày xuân thánh thiện,
Chờ mong phút giao thừa.



Ở trọ mùa xuân

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Đám mây xốp và ngọn mía trở cờ
Phơ phất gọi,
Vị ngọt đằm môi từng đốt

Bầy chào mào dăng đám cưới lên hương
Trái chín bói hoang sơ lời chim hót
Hoa chuối rụng cắt rốn lũ con gầy

Dòng suối trong tựa mắt em khép lại
Sơn nữ cười vén váy lội qua khe...

Xe qua cầu chờ mùa nắng đi hoang
Đề sót lại chút hanh hao ngõ nhỏ
Lá đã quỳ vừa đắng vừa xanh
Hoa nở âm cả mùa đông không mặc áo

Que củi khô ai sưởi bên lều
Làn khói biếc dăng lên trời xanh ngút
Con ong mang một túi phấn vàng
Bay len lỏi giữa rừng hoa thác đổ...

Bỏ lại mình ta
Ở trọ vào mùa...

Hương giao thừa

NGUYỄN NGỌC HƯNG

Đó là ba nén nhang thơm
Mẹ vừa thấp đỏ lom rom tỏa mùi

Đó là bếp lửa reo vui
Nước sôi lục sục dẻo bùi bánh chưng

Bỗng nhiên bước gió ngập ngừng
Sẽ sàng mai nở rung rung cánh vàng

Đem thời gian quện không gian
Cối trầu ngoại kê miên man nỗi niềm

Ấm nồng náo nức trang nghiêm
Ấm dương giao cảm nỗi chìm thực hư

Từ tôi bão lửa bão từ
Mùi xuân cháy dở nhão nhừ tuổi thơ

Người xưa mây lớp sương mờ
Hương quê còn đằm giấc mơ giao thừa.

Chùa Thiên Mục

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Tĩnh mạch bên dòng nước đảo điên
Một tòa Tịnh độ cổ thâm nghiêm
Tiền đình nắng nhuộm màu công đức
Hậu viện trăng gieo bóng phước điền
Một nóc đình Hương xoay vạn pháp*
Bảy tầng tháp Phước chứa tam thiên**
Muốn tiêu nghiệp chướng trừ phiền não
Hãy đến nơi này để trợ duyên

Hãy đến nơi này để trợ duyên
Ta bà huyền hoặc khổ vô biên
Dòng sông tham ái trôi cuộn cuộn
Ngọn lửa sân si cháy ngả nghiêng
Chuông mõ xua tan dần ý mã
Kệ kinh chuyển hóa hết tâm viên
Gió yên cờ phướn đều không động
Đưa mắt nhìn vào, thấy Giác viên.

(*Đình Hương Nguyên,
**Tháp Phước Duyên)

Lòng con xa xứ

PHƯƠNG PHƯƠNG

Mùa rồi mạ cấy lên chưa
Đông xanh xanh buổi chiều xưa ướm lòng
Gió quên lời hẹn cuối đông
Bỏ con trắng rụng bên dòng sông trôi

Tiếng quê ru khóc ời hời
Buồn đêm nay nữa buồn vui mấy lần
Đàn so phím lạc bâng khuâng
Khúc giao mùa điểm cung trầm nỉ non

Chạp rồi mẹ ngắm tin con
Trời Tây phía ấy đêm mòn ngày qua
Nhớ thương con Tết xa nhà
Đêm giao thừa thiếu mứt trà nhạt vơi

Nhớ trăng quê khóc xứ người
Buồn loang một áng mây trời ngày xuân
Phố bên đây những túi mừng
Con đưa tay khăn nguyện từng ước ao!

Gửi mùa xuân ra đảo xa

NGUYỄN DŨNG

Gửi Anh cánh én chao nghiêng
Tha xuân đất nước ra miền đảo xa
Cành Mai nở giữa Trường Sa
Hoa Đào nở giữa phong ba biển trời

Gửi Anh muôn vạn nụ cười
Tình quê em thấm bao lời nhớ nhung
Đất trời nở rộ mùa xuân
Trái tim Chiến Sĩ hòa cùng nước non

Gửi mùa xuân thấm như son
Nở hoa trên sóng véo von tiếng đàn
Chắc tay súng giữa xuân sang
Nụ cười tươi thắm hoa bàng vuông xanh

Nhà giàn giữa biển trời xuân
Nhập nhô sóng vỗ thiên thanh hiền hòa
Là hương của đất giao thoa
Giữa trời và biển bao la xuân về.

Mưa xuân

KIM HOA

Vừa mới cuối tháng giêng
Hoa còn đua sắc thắm
Hương xuân tỏa trầm miền
Thoắt cơn mưa chợt đến.

Cây cỏ khẽ thì thầm
Trở mình vươn sức sống
Gió về từ xa xăm
Nhẹ lay niềm riêng động.

Từng cơn chữ chắt chiu
Gửi vào trang giấy nhỏ
Hồn thả nổi phiêu diêu
Đan chen điều kỳ vọng.

Lặng nhìn hạt mưa rơi
Chung trà thơm khói quỳên
Say khướt giữa đêm trời
Mưa xuân...! Ôi tuyệt diệu.



Mệnh mang sương giao thời

NHUY NGUYỄN

Mặt trời chênh chếch, nắng khô nhắc đằm xuyên. Bóng anh Tư đổ dài trên đường quê. Anh đi thăm đồng về. Trận rét vừa qua rất đậm, người trồng hoa cứ nơm nớp lo nhưng đám mạ của gia đình vẫn lên đều. Mùa lúa bắt đầu bằng cây mạ cứng cáp là niềm hy vọng một vụ bội thu, và trước mắt nó giúp vợ chồng anh Tư yên tâm đón Tết.

Năm ngoái may mắn sao cây cam trước nhà sai quả, đúng dịp mấy phiên chợ Tết. Thường năm cam chín trước hàng tháng trời, đến Tết chỉ còn ít quả, đựng vào là rụng cuống. Người ta mua về thờ. Cây cam năm đó đổi được cho gia đình một cái Tết sung túc, rủng rỉnh về nội ngoại. Quan trọng hơn là chị Xúy dành được ít tiền mua thuốc cho anh. Đòi người cũng bất thường như vụ lúa, nhiều khi đã chín chợt gió mùa mưa bão. Người mang bệnh, anh Tư được chị ưu tiên hơn cả thằng út, cái gì ngon cũng cha rồi mới đến con, sau rốt là chị. Quảng thời gian mười năm về trước, hể có dự đám cưới, chị Xúy dành vất xoi gói lá chuối về cho con. Tết đến nhiều năm cũng chỉ chia được miếng thịt heo cùng xóm làm nhân bánh chưng bánh tét. Gia đình đã khấm khá hơn trước nhưng Tết nhất cũng chẳng dám xa xỉ. Món chủ đạo vẫn là nồi thịt kho với bả phần riêng, có chăng thêm con gà con vịt. Thằng Tèo được dịp làm oai, bảo nhà có bắt con nào phải thông qua, mua cái này cái nọ cho nó không thì giữ lại lấy vốn để năm sau nó vào Nam theo anh làm thuê.

Cực chẳng đã anh Tư mới cho thằng đầu bỏ học vào Nam. Nghĩ thương con ở nhà tổng ngổng trong xóm mãi người ta trách, rằng chú Tư hiền vậy mà con hư hỏng, có phải tui phạt. Con làm ăn xa xét lại cũng thuận việc đôi đường. Công nhân hẳn hoi. Nhà máy gỗ gì đó ở Bình Dương, năm anh Tư đưa thằng đầu vào, đứng trước cổng chừng tan tầm độ mười phút mà người quen bu kín hỏi chuyện, trông đứa nào cũng chững chạc khôn khéo hẳn ra. Lại cưới chồng, cưới vợ khách sạn mới oai. Anh Tư viết thư vào nhắn thằng đầu: "Cứ về quê cưới cho tình cảm láng giềng con ạ, lại đỡ phần tốn kém. Mấy đứa quay vi-ô đám cưới gửi về sang thật nhưng không đẹp mặt đâu".

Tính đến nay đã là Tết thứ ba nó đón Tết xứ người, hàng năm có gửi chút ít về cho gia đình sắm sửa; hiện đang phải cu góp mua miếng đất cắm dùi. Ước mong kéo con về làng cưới vợ của anh Tư mong manh dần.

Chị Xúy sinh hai đứa con trai, vợ chồng quyết định khóa sổ. Mãi cho tới chục năm sau mới sinh đứa cuối cùng. Chẳng biết đây là chủ ý lúc chị có mang, hay cho tới khi đứa bé gái chào đời anh Tư mới dám hùng hồn: "Nhà tui chỉ sinh ba đứa chứ nhất định không cho ra nữa". Thế cũng đủ để làm gương cho phong trào kế hoạch hóa trong làng. Chị Xúy mạnh. Hồi cưới, xóm cứ ghẹo anh Tư vợ được cục vàng. Anh Tư chỉ biết cười. Đứa đầu, chị Xúy được mợ dẫn tới trạm xá sinh, cuộc bộ quãng đường hai cây số bình thản như không. Gần đến nơi thì trở dạ, rồi "rớt" con luôn bên đường. Vậy nên lúc ý kiến tạm dừng của anh Tư đưa ra thảo luận, chị Xúy giẫy nẩy: "Mặc. Tui cứ để bụng. Hỏi anh, trong làng có ai sinh để vậy". Không ngờ, đứa thứ ba chị rặn hết buổi mà nó chẳng chịu chui ra. Sau lần đó chị khiếp. Hơn thế anh Tư dính phải cái cột sống. Khổ ơi là khổ. Đi khám, bác sĩ khuyên kiêng hai thứ: rượu và... ấy. Khó lắm. Nấu rượu là nghề tay trái của chị... Mấy tháng nay anh Tư cương quyết: "Mẹ nó nằm riêng ra với cái Bé"...

Đứa đầu vào Nam làm ăn ổn định, chị Xúy mừng thầm chồng sẽ có tiền mổ cái lưng đau. Anh nạt chị, tuy trong lòng vẫn nhen nhóm niềm vui. Thanh niên làm ăn xa mau lớn quá. Thuê trọ, đời sống công nhân lại tưng, nhiều cặp sớm tính kế góp gạo thổi cơm. Có đứa sau một năm rời nhà đã xong việc đại sự. Anh Tư lần vào thăm, thấy đứa bạn gái của nó lớn khôn quá, cái gì cũng đáng làm chị con mình, buổi cơm anh chẳng biết nên dặn điều gì, cứ chan canh húp vội.

Ngót nghét chục năm trời anh Tư đi xe thổ thêm thắt vào chỗ mùa vụ thất bát. Sáng ra uống ly cà-phê cùng mấy điều thuốc rẻ tiền, rồi lên phố quanh qua quanh lại kiếm dăm ba trụ, chẳng ham hố chầu chục ở bến xe cả ngày mệt nhọc. Chị Xúy là người vợ biết chăm chút, dạy con cái, tận tụy nuôi chồng. Đạo này chị làm việc nhiều hơn. Đàn lợn tăng thêm, con nào con nấy ăn sùng sục vẫn kêu la om sòm. Anh biết chị gắng làm lưng cũng vì



lo tiền cho hai đứa ăn học, nhất là lo cho cái cột sống của anh trước sau cũng phải mổ. Thấy vợ suốt ngày đầu tắt mặt tối, anh lo, đâm hoang mang. Nói thế thôi chứ cái lưng của anh hỏng thật! Chưa biết chừng mai mốt phải nằm... Thằng đầu báo tin về đã mua được đất, gần nửa số tiền mượn bạn bè, xí nghiệp. Giá anh thông báo sớm về bệnh tình của mình hẳn nó đã hoãn lại. Chà, lại nghĩ quẩn rồi. Nó mua được lô đất rẻ nhờ gặp người gặp lúc lo tương lai. Mình chẳng giúp gì, nó kiếm được đồng tiền cực khổ phải mừng chứ. Lại còn thằng Tèo, cái Bé... Có dư dả thì lo cho em học hành ấy.

Mấy hôm nay anh Tư chạy xe ôm cả ngày, có khi tới khuya, ngã lưng là ngủ luôn tới sáng. Hai bảy Tết, anh lóc tóc ngồi ọ lưng trên chiếc xe máy trở về. Nhà trên đồ điện. Anh ngó vào thấy chị Xúy đã thả màn, nằm

gọn trên giường. Rửa chân tay, anh đẩy cửa vào bếp bật điện. Cái bóng vàng nhạt, mờ mờ rọi lên từng đồ vật. Anh mở vung nồi: đĩa rau chổng trên chén nước mắm cùng góc cơm khô nguội lạnh hiện bày khiến anh cảm giác khó chịu. Quay lưng ngó lên. Hình như vợ đã ngủ. Thằng Tèo chở cái Bé sang ông nội từ sớm chưa về. Có phải vì thế mà bữa ăn hôm nay sơ sài? Anh Tư không chê cơm canh nghèo kém, nhưng sao chị Xúy không vùi cơm vào bếp cho nóng như mọi hôm? và sao lại ngủ sớm... Phải chăng buồn khi hàng xóm rịch đón Tết, vợ anh vẫn không có lấy một giờ thanh thản? Suốt mấy ngày nay anh cũng lẫn lộn...

Anh Tư buồn buồn. Ngồi phịch xuống thanh gỗ cạnh bếp, anh vớ can rượu rót vào bát đưa lên làm ngậm lớn. Rượu rất buốt chảy từ cưỡng họng xuống

dạ dày lép kẹp. Anh làm thêm ngụm nữa. “*Mẹ cha cái thằng H. Bọn với bè, khách của mình mà hẳn giành chớ...*”. Có tiếng trở mình. Trấn tĩnh, anh đặt bát rượu xuống, cất lại chỗ cũ. Anh sợ chị xuống thấy sẽ buồn. Chị Xúy không dậy. Chiều nay trở lạnh. Chắc là mệt. Hôm qua anh đi thăm đồng về trời còn hanh hao, vậy mà nay ỉu xiu. Mong rằng trời đừng mưa ba ngày Tết. Dầu gì nhà anh cũng có mớ hàng... Chết thật, cả sáng chị dặn anh về sớm để gói bánh chưng, qua ngoại...

Anh Tư nhai qua quýt miếng cơm, chọt tiếng chị:

- Đùng chạy xe nữa. Anh ở nhà chăm đàn lợn cho em là đủ rồi. Kể ra mình cũng không túng thiếu mấy.

Anh Tư bước lên.

- Năm sau trả bớt ruộng. Ba mẹ con chăm vài sào thôi. Anh ở nhà làm việc nhẹ, chỉ cần uống thuốc là được. Mổ xẻ làm gì cho tốn.

Chị Xúy vén màn ngồi dậy. Phút chốc chị nằm xuống liền, như bị chóng mặt. Cũng không tiện hỏi, anh Tư nặng nề ăn cơm, lằm lằm sao lại với tay rót thêm rượu.

Mỏng một năm nào vợ chồng cũng chở con về nội. Mỏng hai mỏng ba mới ra ngoại. Hồi mẹ còn sống, lúc gia đình anh chưa ở riêng, chị Xúy với mẹ chồng như cùng khúc ruột. Nên mẹ mất rồi, anh thương mẹ vợ nhiều. Người mẹ ấy ở với đứa con trai đầu, con dâu xem mẹ chồng như người ở, còn xúi chồng bất hiếu. Đứa con dâu của họ tuổi nhỏ, khỏe rồi vẫn cứ nằm lì, giặt giũ nấu nướng cũng không. Mẹ chị Xúy thả gánh lại vào lo rau heo, thấy con nhỏ nhác thì lên tiếng, liền bị vợ chồng anh trai chị Xúy nạt. Người mẹ khốn khổ vợ quần áo lên ở với đứa con gái gần đó...



Anh Tư đổ một chén cơm vào niêu đồ ăn trắng đều rồi vét ra cho con Đen. Tết nhất đến nơi nó cũng phải no đủ chứ. Lũa mâm cơm qua góc bếp, anh rửa ráy lên nằm bên chị. Không cả một lời. Hình như chị Xúy đã ngủ, hay nằm yên? Anh Tư bắt tay lên trán.

* * *

Trời chưa sáng. Nhưng giao thừa đã qua. Cả đêm nằm anh Tư thấy ác mộng, trường đoạn này nổi cảnh kia không dùng như cuộn phim của kiếp trước tua lại. Anh thấy mình vẫn trên xe thô, rồ hết ga mà chạy, phía sau người ta đuổi ráo riết. Nhiều đoạn xe giựt giựt nhảy vọt lên, ngoặt, sập hố... anh giựt tỉnh. Vẫn nằm yên. Mắt mở. Tâm trí sáng. Anh biết anh đang nằm trên chiếc giường từ ngày cưới, trong nhà mình, là thật. Nghiêng đầu qua trái. Tay, quờ tẩm chăn. Không hề có ý nghĩ chị Xúy dậy trước anh lo lắng việc nhà. Tuyệt nhiên. Chỉ một sự thật như ngọn tên xuyên thủng sự sáng suốt của anh: Chị Xúy đã biến. Anh Tư vùng dậy. Quặn người. Anh lao tới giường hai đứa con. Chúng đấy, còn ngủ. Anh chạy đến cửa để nhìn ra ngoại. Chị Xúy nằm ngay bậc cửa. Im lặng. Lạnh tanh. Chị đã chết.

* * *

Chị Xúy đã tách khỏi cuộc đời anh rồi. Năm ngoái. Cũng đêm giao thừa. Lúc cơ thể anh tiêu hết men rượu, vừa lúc gần giao thừa. Anh Tư lay vợ dậy chuẩn bị mâm cúng. Lạnh. Lưng anh một thêm một đốt sống, nhói. Anh vùng chần xốc vợ dậy. Muốn tung lên để kiểm nghiệm nỗi đau. Vợ anh đã lạc lối trên bầu trời xuân trở dạ.

Anh Tư ít học lắm, không giải thích được hành động của vợ. Mãi tới lúc những thẻ nhang trầm thức dậy vị Tết được thắp, anh mới vô tình tìm ra tờ giấy khám ghi tên chị. Khối u di căn, tính ra phải cần đến số tiền chưa ai trong gia đình tưởng đến. Nếu như có phép màu - được chữa thì sẽ sống bao lâu, chị không muốn biết. Chị Xúy không muốn để anh và con day dứt giữa sự sống của chị và gia sản gồm hết nhà cửa đất đai ruộng vườn. Chị chọn cho cuộc đời mình lối rẽ trong một ngày xuân viên mãn.

Anh Tư sụp xuống bên giường con. Anh cố không bật thành tiếng để bất cứ ai nghe thấy. Một năm rồi thường đêm anh vẫn trên chiếc giường thô đóng trước ngày cưới ấy. Chỗ chị Xúy nằm giờ trống không. Giao thừa vắng vợ, không mâm cúng, chỉ nhang trầm vẫn tỏa. Người ta bảo phải thắp nhang nếu muốn nói với người khuất mặt. Anh chưa nghĩ ra điều khẩn nguyện. Lưng lại đau... Năm nay thẳng đầu không về. Nó đã có vợ, anh Tư không muốn mở miệng xin ít tiền lo cho cái cột sống. Anh sẽ im lặng, như vợ, có lẽ. Dầu sự im lặng này anh nghĩ chị Xúy đã thấu rồi. ■



Coỏ meỉ xanh xao

HỒ TRUNG LIÊN

Sao con người phải nhớ những gì muốn quên. Sao tôi không thể xóa chuỗi ngày đã thuộc về ký ức xa xăm buồn tủi. Tại sao tôi không thể quên hình ảnh cha nằm đau trên giường bệnh. Làm sao tôi xóa được dáng mẹ nhỏ nhoi rớt lại khi chiếc xe chở mình lao về phía trước. Nhớ như in những buổi lũ con co ro trong tấm chăn chiến thấm lạnh, nghe tiếng động, mở mắt đã thấy ánh đèn dầu liu riu, mẹ nhẹ nhàng dắt xe đi trong hiu hắt mưa gió. Cha không làm gì chừng ấy vẫn dậy, tiễn mẹ khuất hẳn mới vào khép cửa, lạng lẹ nằm xuống thao thức.

Cuộc mưu sinh kéo tôi xa dần nguồn cội. Những lần gặp người đàn bà tóc bạc lợm rác hay với một gánh hàng rong, tôi lại nhớ mẹ. Đã qua thời nghèo khó, mẹ không làm gì ngoài chăm sóc mảnh vườn, chợ búa, tự nấu nướng rồi khuấy khỏa dạo quanh xóm, nhưng hình ảnh mẹ gần suốt đời làm lụng vất vả mãi in trong tâm thức tôi. Gắng học đi con, cha mẹ lo được. Học cho giỏi sau này có cái nghề ở thành phố, thoát vùng quê lam lũ. Bao công sức cha mẹ đổ lên cánh đồng, vét khoai sắn chặt chiui gửi cho con ăn học. Những lúc nhận tiền, hồi đó tần tiện đến cả cuộc gọi, tôi tưởng đến cảnh đầu dây ở bưu điện xã, khuôn mặt mẹ vui như gặp lại đứa con xa. Tôi quên luôn bao khó khăn sẽ đến, quên những cà dưa mắm muối làm sẵn mẹ cha vẫn ăn hàng bữa. Tôi quên những ngày rét căm mẹ nhỏ rau bên vồng khoai về chăm con heo mau lớn. Tôi quên đôi gót chân nứt nẻ nhiều lúc rỉ máu của cha thường hơ bên bếp lửa cho đỡ ngứa. Bây giờ lũ con đã lớn, có chồng vợ, đã công ăn việc làm, lại xa quê quán, thật lâu rồi mới òa về trong nỗi khát khao của mẹ.

Cha đi rồi. Một ngày mưa tháng Mười se lạnh. Tôi nhìn mẹ gầy rom lại thêm quặn lòng. Kiệt sức vì lũ con, vừa có cái ăn khảm khá cha bỗng từ biệt cõi đời. Có lẽ căn bệnh của cha phát lâu lắm, mà đến mẹ cũng không biết. Người quê thật thà quá dối lại thường sợ con lo lắng. Chúng ở xa, mỗi lần về phải xin phép, bị trừ lương, rồi mấy đứa cháu còn nhỏ biết ai chăm sóc, bao nhiêu việc đình trệ. Cha âm thầm chịu đựng đến lúc cơn đau cương phát dữ dội. Con một hai đôi đưa cha đến viện lúc trái tim kia ngừng đập, tay chân đã lạnh và khuôn mặt dường như chưa mãn nguyện với kiếp sống này. Mẹ không tin đó là sự thật. Sự thật luôn

có hình bóng của hai người trong ngôi nhà ngói cũ. Sự thật phải là bữa cơm với hai cái chén và hai đôi đũa. Sự thật phải có người đàn ông mỗi ngày vẫn chăm bón cho mấy vồng rau trong vườn. Mẹ lấy chồng sống trong ngôi nhà này, chết cũng ở đây, sẽ không đi đâu, không ở với đứa con nào hết. Sống, mẹ chăm sóc thân cha. Chết, mẹ chăm sóc linh hồn ấy.

Trở về nhà dạo cha bệnh nặng, không tin mình có thể tự tay thay đồ, lau sạch hình hài cha, ra giếng múc nước, vào bếp trông nồi thuốc sắc, đỡ cha dậy ngồi ngắm khu vườn, tôi lén nhìn những giọt nước mắt âm thầm chảy xuống khuôn mặt không biểu lộ nhiều lắm cảm xúc. Không thể chịu nổi ngần ấy công việc và ngần ấy niềm thương cảm nếu không có mẹ. Và chính tôi, trong chuỗi ngày ngắn ngủi đã thực sự san bớt cơn đau tim của mẹ. Bước vào nhà lúc trời còn tối, tôi đã thấy mẹ hom hem bột bạc, khuôn mặt của một người chịu đựng... nhưng rồi cha đi trước. Có lẽ cha thương mẹ quá, muốn sớm rời bỏ dẫu là một mình về nơi xa lắc. Phải chăng quãng thời gian cha nằm viện, tôi hạnh phúc nhất? Hạnh phúc bởi an ủi phần nào nỗi ân hận từ nhỏ đến lúc lập gia đình chưa một lần sẵn sóc cha dài ngày như thế. Nhìn cha ăn từng muỗng cháo, chòm râu trắng cước rung rinh, tôi ước sao hình ảnh đó sống lại dẫu chỉ một lần. Tất cả đã tan. Tôi ôm riết con, ôm riết người bạn đời như sợ cũng tan mất sau một đêm ngủ dậy. Trong cơn mê sảng tôi từng thấy mình đứng trên mặt băng đang tan dần mỏng dần. Đừng yêu thương quá dối có phải hơn không. Liệu gia đình tôi có được đoàn tụ cho đến lúc tất cả hòa vào hư vô cùng thời điểm không lệch giây phút nào.

Tình thương của mẹ dành cho cha nhuộm lên đời tôi. Chưa bao giờ tôi lùi ra âm thầm nhìn mẹ trong nỗi bất lực về sinh mệnh nhỏ nhoi giữa dòng thời gian bất tuyệt như vậy. Chưa bao giờ tôi quý tiếc từng ngày trôi đi trong đời cha như vậy. Chưa bao giờ tôi tưởng về dòng máu mẹ đang khô dần theo từng hơi thở. Có lần gọi điện, mẹ không bắt máy. Nghĩ mẹ đang đãi gạo hay lui cui dưới bếp. Chốc gọi lại, cũng vắng. Tôi gọi liên tiếp mấy cuộc. Mỗi lần nỗi lo càng tăng. Sợ lắm một cú trượt ngã, mẹ chới với trong ngôi nhà đã trở nên quá rộng ngày vắng cha. Tôi gọi vào số máy bàn, chuông thường kêu rất to, cũng không ai cầm máy. Gọi anh trai. Anh tắt tả chạy xe hơn mười cây số về xem



thử. Nóng lòng đợi. Anh gọi bảo mẹ bên hàng xóm, máy quên ở nhà, tôi trách mình nghĩ quẩn, nhọc công anh đường xa vất vả. Ở thì mẹ còn đó, sao tôi thấy quá đổi hụt hẫng. Nhớ bận mẹ ngồi bên cha, không rời lẹ, nhưng nhìn đôi mắt đỏ hoe ấy, khuôn mặt sầu khổ ấy tôi thương ngàn lần.

Hoang mang trong khu vườn cũ. Gà hàng xóm bới tung vồng rau, tôi không buồn đuổi nữa. Cây na cây ổi cha trồng từ lúc lũ con còn nhỏ, giờ mẹ đều chít khăn cho chúng. Những đứa con trở về rồi ra đi. Tôi ở lại với mẹ ít ngày, rảo quanh vườn hái rau dại nấu canh, bắt đầu buổi đầu tiên ăn chay trong 49 ngày để nhớ về cha. Bữa cơm không ai nói gì. Trên bàn thờ mâm cúng chay đơn sơ vài món rau củ. Tôi muốn bỏ việc và ở lại với mẹ mãi mãi, rau cháo qua ngày cũng đủ lắm rồi. Ngày xưa khốn khó bội phần, sáng không có nổi khoai sắn phải ăn cám rang đỡ đói lòng; bây giờ niềm mơ ước về cuộc sống đã phình ra, vượt khỏi sự tưởng tượng của tôi thuở nào, trong lúc mẹ vẫn quanh quẩn với mấy thứ rau tập tàng. Thấy mình tội tệt. Gia đình nhỏ không thể thiếu tôi. Những thành viên thân thương không thể theo tôi về đây. Mẹ càng không thể bỏ ngôi nhà, mảnh vườn thừa lên phố. Mẹ còn hàng xóm, còn con chó già dẹo dẹo bước và con mèo mắt đã mờ đục thường nằm lì trên mái nhà tắm nắng.

Những đứa con trở về thoáng chốc như cơn gió. Mẹ chạy ra đón tận ngõ bế cháu, đứa lớn vẫn đòi bông như hồi lọt lòng. Mấy mươi năm ở nhà, mẹ quen mọi thứ như khuôn mặt cha không thể thiếu vắng. Mẹ nhớ mùi chè gừng vẫn nấu mỗi giao thừa khi bầu trời tắt hết những giọt sáng, dầu bây giờ nấu ra không còn cảnh cả nhà quây quần ăn trong nỗi say sưa dịu ngọt, đắm ấm rồi lên giường đợi trời sáng đón ngày đầu tiên của năm mới. Tôi không hiểu nổi mình tại sao không bận bịu vẫn không về nhà. Tôi không hiểu nổi đợi chờ của mẹ cha đêm giao thừa nó cháy khát nhường nào. Mẹ kể năm ngoái ra ngó trời đất, vào ăn chè cha mà bật khóc. Vắng quá mà! Mẹ giờ cũng đợi con cháu về mỗi dịp lễ Tết. Tính từng ngày. Những đứa con ào về, mẹ hỏi han thích ăn gì, rồi xào nấu say sưa. Con dâu thành phố dĩ nhiên nấu ngon hơn mẹ, những đứa con cũng quen với bao món, lúc ăn không để ý chè món của mẹ là mẹ im lặng. Tôi bưng bát cơm bước ra phía sau, biết mẹ buồn nhiều

lắm. Tất cả tình cảm dồn trong nồi canh; tôi hiểu món dưa mẹ muối, hiểu nỗi chèn mẹ vo om trong bếp nấu. Rồi những đứa con lại ra đi. Không chỗ nào trong nhà con cháu không xáo xào đảo lộn. Mọi đồ vật vốn yên lành đâu nằm đó nay bẽ bộn lẫn lóc. Cơn gió nhẹ ào tới khiến lòng mẹ mất rười. Giờ còn lại sự quạnh quẽ nao lòng, với một bãi đồ chơi con trẻ, mọi thứ vương vãi trên tủ xuống gầm giường. Mẹ mang ra giặt, những chiếc chăn nặng trĩu so với đôi tay gầy. Phơi phóng, mẹ lại cất chúng vào bao đợi những lần khác lũ con trở về.

Có ai ở lại để chứng kiến nỗi buồn của mẹ. Căn nhà mới vui nhộn nói cười ề a tiếng trẻ đó bỗng lặng phắc. Chỉ bó nhang những đứa con thấp lù ra đi là điều duy nhất nhắc nhở mẹ về sự hiện diện vô hình của một linh hồn. Hôm xong đám, mẹ tiễn những đứa con ra cổng. Tôi đứng ở góc vườn, sau gốc khế nhìn ra. Mẹ cười vẫy tay, rồi khi chiếc xe vút đi, mẹ kéo áo lau nước mắt, để tôi không thấy được nỗi buồn ấy, để khéo nhắc tôi yên tâm rằng cha mẹ già rồi, tình cảm vợ chồng cũng nhạt... Đêm sâu hút. Tôi nằm bên bàn thờ, ánh đèn hắt lên khuôn mặt cha đỏ au, mẹ trở dậy ba lần sợ nhang tắt mất. Bữa ăn sáng nhà quê, mẹ nói mai mốt mẹ không cúng cơm trên bàn thờ như người khác, mẹ vẫn dành cơm cho cha trên mâm này. Chùng ấy đủ thấm tim tôi đau nhói, nuốt cơm không nổi nữa. Giá biết rằng ở cõi bên kia cha đang rất vui vẻ, thăm thú ông bà nội ngoại mắt sớm, giá biết cha đang ăn rất ngon lành và căn bệnh nan y đã lành. Giá biết mai mốt, mẹ vẫn đủ sức cười với cha trong di ảnh...

Những buổi sáng hiếm hoi ở lại nhà, tôi thường ở cửa nhìn ra, nơi cha từng ngồi trên chiếc ghế nhìn mẹ dọn vườn lúc mặt trời chiếu xiên hàng đậu ve lấm nắng. Vùng hoa giấy rực màu tươi rói, sao bây giờ trông buồn vậy. Mẹ quét chỗ hoa rụng đêm qua, vàng, hồng và trắng, ba sắc màu hòa với vành khăn tang chít đầu

thọng xuống. Góc sân mai lại thêm một lớp màu héo úa. Đời người dài lắm sao ai cũng hối hả bon chen, vồn vã sống. Mỗi lần tính về quê tôi phải dự liệu trước rất lâu, nhưng rồi mọi việc vẫn bẽ bộn. Có ai viên dung thanh thần trước lúc về cõi khác? Tóc xanh rồi bạc. Đầu phải ai cũng về già, bệnh rồi chết. Người còn trẻ bỗng đột ngột ra đi; kẻ mang căn bệnh nằm liệt giường mấy mươi năm nhức thẩu trời xanh; lại có người phát hiện bệnh cũng là thời điểm kết thúc thọ mạng. Chao ôi đời người, biết dùng chữ nào đúng hơn sự vô thường. Trên dòng đời mọi thứ đều dang dở chẳng? Tôi và mẹ lật hết đồ đạc của cha. Đóng sách vở đen thui ủ mồi, mẹ và tôi lật giở từng trang. Chợt nhận được bức thư cha viết cho tôi hơn mười năm trước; viết rồi gấp lại trong một cuốn vở, chắc cha có việc rồi quên luôn, cứ ngỡ nó đã được gửi. Nếu nhận bức thư ấy tôi lẽ nào không hồi âm?

Cha bảo làng mấy ai đậu đại học, mấy ai có cơ hội thoát cảnh chân lấm tay bùn suốt ngày úp mặt vào ruộng nương. Con yên tâm gắng học, cha mẹ có bán vài thứ lật vạt đủ trang trải... Mẹ đọc lướt bức thư là hiểu. Tôi thấy nước mắt mẹ rớt trên những dòng chữ ướt nhòe. Con ơi cha viết thư lúc gửi tiền tháng cho con đó. Lúc cha vừa bán quan tài! Thứ đáng giá nhất trong ngôi nhà tuềnh toàng phen nửa. Tôi không để ý, kể cả những lần về quê vào những dịp nghỉ học; tôi không hề cảm thấy trong ngôi nhà thiếu vắng một thứ gì. Chiếc giường được xê dịch, và tôi quên nơi ấy từng có một đồ vật linh thiêng đặt nằm ngang gọn ghẽ.

Khóc nức lên, tôi quy xuống trước bàn thờ ngút khói nhang. Tôi muốn hét lên, muốn tan vào lòng mẹ cảm nhận cơn đau vĩnh hằng trong nỗi sinh tồn khắc khoải. Ngày trở về mọi thứ đã được khăn trong những tấm ván dày. Mẹ nói đôi mắt cha chờ mãi con, cái đầu ngoẹo ra phía cửa... Mẹ nói thôi cha ngủ đi, con nó không về kịp đâu. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, Cty Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 358 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội... xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Chợ quê ngày Tết

LÝ THỊ MINH CHÂU

Những ngày giáp Tết, chợ quê bỗng nhộn nhịp khác thường. Tuy bây giờ phương tiện đi lại hầu như nhà nào cũng có, chỉ cần năm bảy phút ngồi xe máy là có thể tới chợ xã, chợ huyện để mua sắm nhưng chợ quê vẫn tấp nập người mua bán, bởi giá cả ở quê bao giờ cũng rẻ và chất lượng thì khỏi phải bàn.

Cái không khí đón Tết quê rất nhộn nhịp chứ không yên ắng như ở thành thị. Dọc theo các đường làng ngõ xóm, nhà nào cũng có nĩa phơi củ kiệu, củ hành, đu đủ xắt nhỏ; củ cải, cà-rốt tía hoa. Từ hăm bảy, hăm tám tháng Chạp sân nhà nào cũng phơi lá chuối, lá dong để gói bánh chưng, bánh tét. Tiếng chày giã gạo, giã đỗ đầy đó thậm thình, không gian đón Tết ở quê thật sinh động làm cho người nhàn nhả cũng nôn nao. Càng nôn nao hơn khi đến chợ Tết ở quê. Đó là chỗ dựa của người quê khi thiếu cái này, cái nọ. Từ cây kim sợi chỉ cho tới bó lạt gói bánh, từ lọ nước màu kho thịt, cá cho tới quả ớt, bịch nước dứa... người ta đều tìm đến chợ quê bởi chỉ bước vài bước là tới.

Tết bây giờ không khác Tết xưa là mấy. Vẫn thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ... bánh chưng xanh, còn cây nêu tràng pháo thì thật sự đã xa rồi. Bánh chưng xanh, bánh tét giờ đã hòa quyện vào các vùng miền. Bánh chưng xanh không dễ gói còn bánh tét thì ngược lại. Bánh chưng xanh đòi hỏi phải có lá dong, có tay nghề, không có tay nghề thì nhờ khuôn gỗ còn bánh tét thì đơn giản chỉ cần có lá chuối là xong. Chính vì cách làm đơn giản không cầu kỳ nên bánh tét được người miền Nam chuộng hơn bánh chưng.

Thịt heo cũng vậy, đó là thứ thực phẩm không thể thiếu trong ba ngày Tết. Là sự chuẩn bị dài hơi của người nhà quê luôn bận rộn với công việc đồng áng nặng nhọc. Phải nuôi, phải chăm sóc, lo còi cọc cũng là nguyên nhân để người quê bây giờ tìm đến chợ. Cần loại thịt gì thì đặt hàng ngày hôm sau là có, không phải lo chuyện cỡ lòng, đầu đuôi thủ vĩ chẳng có ai ăn. Còn gạo nếp thì chẳng việc gì phải gieo cấy nhỏ lẻ, nhà đồng người lắm thì cái Tết cũng sử dụng năm, mười ký là cùng. Mua cho tiện bởi nếp nấu xôi, nếp gói bánh, nếp làm cơm rượu, làm

cổm... có giống nhau đâu. Rồi các loại mít, chẳng lẽ thứ nào cũng trồng được, thứ nào cũng hợp thổ nhưỡng. Còn rau củ, hoa quả nữa chứ, đâu phải nhà quê nào cũng có tủ lạnh để dự trữ dùng cho các ngày Tết. Chỉ có chợ quê mới là bà nội trợ đăm đàng có khả năng cung cấp đầy đủ các nhu yếu phẩm mà bữa quê cần.

Trời vừa tang tảng sáng là chợ quê đã nhộn nhịp người mua bán rồi. Người vùng cao thì đi con xuống chợ, người làng thì qua sông qua đò, mọi ngã đường về chợ tấp nập người, xe cộ và gia súc. Nhộn nhịp nhất là hàng thịt, hàng gà; hàng lá dong lá chuối, hàng gạo nếp đậu đỗ. Hàng quần áo không đông đúc như ngày xưa, bởi các bà mẹ quê bây giờ tiền bạc cũng đã rủng rỉnh, đủ mua sắm cho con cái họ từ trước. Ngoài những gian hàng cố định của chợ, người ta còn gặp những xe hàng di động với lũ khỉ nổi đất, bếp lò, chậu hoa, lu, hũ... tan chợ thì họ đi vào ngõ ngách xóm thôn tiếp tục bán. Nông sản bày la liệt hai bên đường, từ buồng cau, nải chuối các loại củ quả tới rổ rau, mẹt ớt đều được người bán mời chào đơn đả. Ở đây người bán cũng là người mua. Người bán bán những thứ mình có rồi mua những thứ mà mình cần. Chủ yếu trao đổi hơn là bán chác kiếm lời.

Ta lại gặp ở đây hình ảnh “chợ Tết” trong thơ Đoàn Văn Cừ năm nào năm nào:

*Trên con đường viền trắng mép đồi xanh
Người các ấp tung bùng ra chợ Tết
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc
Những thằng cu áo đỏ chạy lon ton...*

đây đó vẫn còn.

*Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi
Mấy cô gái ôm nhau cười rử rượi
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa
Những mẹt cam đỏ chói tựa sơn pha
Thúng gạo nếp đông đầy như núi tuyết
Con gà sống mào thâm như cục tiết
Một người mua cầm cẳng dốc lên xem...*

thì còn đúng một vài phần.

Tôi không thuộc lớp người cổ như ông bà, cha mẹ cũng không thuộc thế hệ tân thời như 8x, 9x. Người cổ như mẹ thì món ăn Tết nào cũng tự làm còn người mới thế hệ 8x, 9x thì chỉ thích mua thức ăn công nghiệp có sẵn trong các siêu thị. Mỗi người có một cách sống riêng, nhưng chủ yếu là vẫn phải tùy thuộc vào nguồn tài chính và vật phẩm có sẵn nơi địa bàn họ cư trú. Riêng tôi, cái gì làm được thì tôi làm nếu có thời gian rảnh rỗi. Các loại bánh mít dùng cho ngày Tết không khó làm, chỉ cần chăm chỉ và học hỏi ai đó một lần là có thể thực hiện thành công. Còn bánh chưng, bánh tét không gói được, nhà dùng không nhiều thì mua là thích hợp. Chả ram, giò lụa thì đã có sẵn phẩm của Cầu Tre, Vissan... Chính vì sự tiện ích của những sản phẩm này mang lại nên người quê bây giờ thích chọn chúng hơn là làm. Nay thì chợ Tết ở quê đã có nhiều cửa hiệu bán hàng đông lạnh. Không ế cũng không đắt nên công việc cũng nhàn nhã. Người bán chẳng phải lo toan điều gì, không bán được thì để đó, hết hạn sử dụng thì trả lại cho nhà sản xuất, chỉ lỗ tiền điện. Một ngành nghề kinh doanh không nhiều lợi nhuận nhưng khá bền vững, hứa hẹn nhiều điều tốt đẹp khi mà đời sống người dân ngày càng nâng cao.

Năm nào tôi cũng về quê ăn Tết. Bên bếp lửa hồng nghe nổi bánh chưng sôi sùng sục lòng mình cũng rộn rã, nôn nao. Nhìn đứa em trai út xúng xính trong bộ đồ Đô-rê-mon mới may ngủ gà ngủ gật chờ đón giao thừa, chợt thương thời thơ ấu nhiều thiếu thốn của mình. Trong không khí ấm cúng của gia đình, bên cạnh người thân, ta thấy mình luôn được ôm ấp, chở che. Ngược lại sẽ buồn biết mấy. Chỉ có sum họp với gia đình thì cái Tết mới thực sự trọn vẹn, để rồi khi trở lại với công việc thường ngày ta có thêm nghị lực mà vươn xa.

Cầu mong năm mới mang đến những điều tốt đẹp cho mọi người, mưa thuận gió hòa, cuộc sống ngày thêm sung túc, để xuân về Tết đến lòng ai cũng tràn ngập niềm vui. ■



Trà sen truyền thống

Bài & ảnh: TÂM KHOA

“ Người làm trà phải giữ được ba chữ T đó là Tâm + Thiện + Tinh. Làm phải có Tâm sáng thì mới có sản phẩm quý. Làm phải Thiện để lấy được chữ tín trong lòng khách hàng. Làm phải Tinh để giữ chất lượng hàng đầu, không tham mà giảm chất lượng”.



Trà ướp sen là một danh trà của Việt Nam, được người yêu trà trong và ngoài nước đánh giá rất cao. Người Nhật dùng nhiều trà xanh, người Pháp, người Anh thích hồng trà (trà đen) nhưng khi đã uống trà ướp sen Việt thì bị cuốn hút ngay bởi hương vị thanh tao quyến rũ. Chính vậy trà ướp sen luôn là lựa chọn hàng đầu để mua quà khi đến Việt Nam.

Vậy trà ướp sen đã được làm như thế nào?

Nguyên liệu làm trà ướp sen phải được tuyển chọn hết sức cầu kỳ. Đầu tiên phải chọn trà mạn của Hà Giang loại tốt và được ủ càng lâu năm càng quý. Trà mạn Hà Giang là giống trà *Shan tuyết* lá to cổ thụ mọc tự nhiên thành rừng và ở độ cao trên 1.300m đảm bảo trà xanh, sạch theo tiêu chuẩn hữu cơ (organic). Chính thổ nhưỡng và khí hậu ở vùng cao nơi đây đã cho trà có phẩm chất tốt, trong lá trà chứa nhiều chất có lợi cho sức khỏe.

Trà ở vùng Hà Giang một năm thu hoạch trà 3 vụ, có một vụ đông không thu hoạch. Mùa đông cây chè hấp thụ tinh khí của đất trời và ngủ suốt đông để rồi xuân tới đâm chồi non sung sức nhất cho một vụ mùa mới. Khi thu hoạch, tuân thủ qui trình hái một tôm hai lá và qua qui trình chế biến: làm héo – diệt men – vò – sao khô để làm ra “trà vàng” – trà mạn. Trà mạn được gói kín cất trong vò để uống dần.

Trà mạn uống có vị thanh mát, màu nước đỏ, hàm lượng tanmin và cafein thấp không gây mất ngủ nhưng hương trà thì kém. Chính lẽ đó, từ xưa các cụ ta đã biết thêm hương cho trà, bằng cách ướp hương hoa vào trà mạn khô để dùng dần.

Trà sen truyền thống của Hà Thành cổ xưa được làm theo lối này. Mùa sen là mùa hạ thường từ tháng 6 tới hết tháng 8 âm lịch. Giống sen ở hồ Tây – Hà Nội mới đặc biệt làm sao, sen ở đây cho hương ngát chất lượng bậc nhất cánh sen dày có nhiều lớp màu hồng rất đẹp. Quý ở Hồ Tây cũng cùng một họ với sen nhưng hương kém bội phần và ít cánh. Sen ở Đồng Tháp Mười, nở hoa bốn mùa nhưng hương cũng kém không dùng ướp trà được.

Vào mùa sen, thu hoạch sen cũng là một nghệ thuật và rất công phu. Người ta chỉ đi hái sen vào buổi sớm tinh sương và khi sáng đã rõ khoảng 5h - 6h thì ngưng. Các thuyền chở sen về thơm ngát bến, đến lúc bắt đầu phân

loại, phần thì bán cho người về cắm hoa trang trí, dâng lên bàn thờ... phần thì dùng lấy gạo sen ướp trà, làm rượu sen.

Sen hái đem về nhà, tách cánh sen để lộ ra đài sen với chùm gạo sen màu vàng tươi. Người ta tách riêng gạo sen để đem đi ướp cùng trà. Vào mùa thu hoạch khi thời tiết thuận lợi thì 1.000 bông sen thu được 1kg tới 1,2kg gạo sen, khi kém hơn thì 1.000 bông sen chỉ thu được 700g tới 900g gạo sen. Hồ Thủy Sứ và Đầm Trị ở Hồ Tây, Hà Nội luôn cho những bông sen chất lượng nhất.

Trà mạn Hà Giang ủ lâu năm sẽ được “vào” gạo sen, cứ một lượt trà một lượt sen sau đó ủ và đem sấy, quá trình vào sen từ 5 tới 7 lần mới được. Đấy mới đúng trà ướp sen truyền thống theo lối cổ xưa của người Hà Thành.

Trà mạn Hà Giang và gạo sen Hồ Tây cùng hòa một điệu, cùng nâng nhau để vang tiếng bay xa xứng danh trà Việt để giới thiệu với bạn bè các nước. Trong chén trà sen cổ truyền có hương sen thoang thoảng, màu nước trà đẹp như ánh nắng ban mai, vị dịu mát thuần hòa không một chút chát. Nhấp từng ngụm trà sẽ thấy hương sen tinh khiết lan tỏa trong miệng. Uống hết nước mà trong chén vẫn còn đọng hương sen.

Ngày nay nhiều nơi muốn làm nhanh, làm với số lượng nhiều, họ dùng hương hóa học công nghiệp cho vào trà. Quá



trình sản xuất vừa nhanh, vừa giảm nhân công nhưng phẩm chất trà kém đi rất nhiều. Vị trà không còn thanh mát mà có vị đắng và khi uống sinh hỏa làm khô cổ. Hương thơm bốc mùi đậm xộc lên mạnh và bay hết ngay sau một lần pha. Cách làm này đã đánh mất đi giá trị thực của trà sen, một thời gian dài trước đây không mấy ai còn quan tâm tới trà sen.

Nhưng nay đã khác, nhiều nhà sản xuất truyền thống đã cố công gây dựng lại nghề đem sản phẩm thật, chất lượng cao cho người tiêu dùng.

Người làm trà phải giữ được ba chữ T đó là Tâm + Thiện + Tinh. Làm phải có Tâm sáng thì mới có sản phẩm quý. Làm phải Thiện để lấy được chữ tín trong lòng khách hàng. Làm phải Tinh để giữ chất lượng hàng đầu, không tham mà giảm chất lượng. Đó là lời nhắn nhủ của ông Vũ Đình Tuyên – gia đình làm trà ướp hương lâu đời tại Hà Nội

Pha một chén trà sen ngon cũng cần phải chú ý tới nước pha trà, bình pha trà và cách pha trà. Nước pha trà chọn nước tinh khiết không mùi, không màu. Trà sen mà dùng nước động trên lá sen thì không còn gì tuyệt bằng. Đun sôi bằng củi tùng thì đúng là tuyệt đỉnh. Bình pha trà và chén uống trà nên chọn bình sứ men trắng tinh khiết, điểm vài nét vẽ lam thì thật xứng. Lưu ý dùng nước đun sôi 100°C sau để nguội khoảng 90°C để pha trà, không nên đổ nước sôi đầy mà chỉ đổ khoảng 85% ấm. Trà pha được nhiều lần, khi nào nước chuyển qua màu trắng thì ngừng. Mỗi lần pha trà nên rót hết nước trong ấm, không ngâm trà để cảm nhận được hương vị thuần khiết.

Mấy mùa sen gần đây ở Hà Nội và Sài Gòn có nhiều người được tặng vài búp trà ướp sen đã cấp đông. Những búp trà sen được gói rất cẩn thận trong hộp xốp được chuyển đi khắp nơi và dặn phải luôn giữ đông và để dùng dần. Đây thực sự là sự sáng tạo cho thời mọi thứ đều nhanh và muốn nhiều. Quả thực, thực phẩm được cấp đông khi dùng thì đã đông và đem chế biến vẫn tươi ngon, nhưng tiếc thay, thủy thực không như vậy và nhất là với trà. Trà khô cho vào búp sen tươi buộc túm đầu lại cho vào cấp đông, khi uống rã đông thì quá trình này đã làm trà hư mất 50% chất lượng do độ ẩm cao và hương trà lẫn nhiều tạp hương. Trà cho vào búp sen thì thường dùng trà xanh của Thái Nguyên nên hương trà và sen không tôn nhau lên được.

Lối xưa các cụ ta cũng làm và thưởng trà sen theo lối dùng nhanh nhưng đúng cách và tinh túy hơn nhiều. Sớm mai còn tinh sương tìm búp sen còn hàm tiếu trong hồ để bỏ trà khô vào buộc kín lại và hái đem về pha ấm trà ướp hương sen đón ánh nắng đầu ngày, cách ướp sen như vậy gọi là ướp “xổi” chỉ dùng được trong ngày chứ không để lâu được vì hơi nước trong búp sen sẽ làm cho trà ẩm không những mất hết hương mà còn hư trà khô.

Thú thưởng trà này thật thanh cao và cầu kỳ, uống thứ trà ấy cứ phải đợi đúng mùa sen, mà phải ở gần đầm sen, tiện nhất trong nhà có hồ sen để tìm búp sen hàm tiếu đúng độ để ướp trà và hứng từng giọt sương đọng lại trên lá sen để lấy nước pha trà. Mùa sen này lỡ qua mất mà chưa hẹn được cùng nhau thưởng chén trà sen thì đành phải hẹn lại bạn tri kỷ mùa sau vậy.

Lối ướp hương “xổi” để thêm hương cho trà đã phát triển cho rất nhiều loại trà ướp hương hoa khác như trà ướp hoa nhài (lài), hoa sói, hoa ngâu, hoa mộc... nó xuất hiện một dòng trà mới – trà ướp hương hoa để bổ sung thêm cho thú thưởng trà của người Việt.

Ngoài cách ướp hương “xổi” như trên, còn nhiều cách khác như lấy hương hoa vào chén sứ chứ không cho trực tiếp vào trà khô hay cách phối trộn trực tiếp hoa với trà vừa được hương vừa được vị.

Để có thể dùng trà ướp hương hoa cho lúc trái mùa, cũng có nhiều cách thêm hương cho trà khô. Theo lối truyền thống phải dùng trà mạn của Hà Giang nhưng ngày nay nhiều nhà làm trà lại dùng trà xanh của Thái Nguyên để ướp hương sen. Uống lâu cũng thành thói quen, chẳng sao vì nhiều người ưa cái vị chất đậm của trà xanh Thái Nguyên, nhưng khi ướp sen hương sen làm mất hương cốt non man mát của trà xanh, quá trình ủ sen và sấy làm trà xanh mất đi màu xanh trong mà chuyển sang đỏ. Kết hợp hương sen và hương trà xanh chưa thật là khéo so với trà mạn. Trà mạn lâu năm của Hà Giang kết hợp với gạo sen Tây Hồ - Hà Nội là sự kết hợp hoàn hảo, hương sen tôn được hương cho trà mạn và vị trà thanh mát làm sáng khoái khi uống, thực xứng danh tinh túy trà Việt.

Thật linh thiêng, trong phút giao thừa pha ấm trà sen cổ truyền dâng lên bàn thờ Phật và gia tiên, hương sen thoang nhẹ giữa thời khắc giao mùa sẽ đưa bạn như hòa mình với đất trời.

Trong những ngày xuân bên bình mai vàng, ngắm chậu thủy tiên nở đúng đêm 30 Tết, cùng thưởng chén trà sen với gia đình và bạn hữu là thú phong lưu đã có từ xưa của người Việt, nay đang dần được khôi phục từ Bắc vào Nam.

“Mỗi khi khách đến chơi nhà

Đốt than quạt nước pha trà người xơi

Trà này quý lắm người ơi

Mỗi người một chén cho tôi vừa lòng”

(Trích Dân ca quan họ Bắc Ninh)



Song Hồ Trà
0947 798 186
songhutra.vn
6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3

TRÀ CÀNH HẠC | TRÀ HỒNG HẠC | TRÀ OOLONG 68 | TRÀ OOLONG 79 | TRÀ OOLONG ĐẰNG ĐỪNG | TRÀ LÃO ĐẠI | TRÀ HỒNG LÃO | TRÀ LẠM

Mở rộng vòng tay yêu thương...

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG



Tôi bất giác chạnh lòng, thương cảm cảnh đời bất hạnh của các em mù, khi thấy các em phải vót vai nhau từng bước từ từ lên sân khấu để tham gia đồng ca bài *Dòng máu Lạc Hồng*; mở đầu buổi **Lễ khởi công xây dựng Thư viện Sách nói dành cho người mù** vừa diễn ra sáng 10-1-2016, đánh dấu một bước thăng hoa cho công tác hoạt động văn hóa và phong trào dành cho người mù và các em mù trong cả nước.

Thửa đất dành cho xây dựng **Thư viện Sách nói dành cho người mù** (TVSNDCNM) khá rộng, ngang gần 8 mét, dài trên 20m, tại số 18 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP.HCM. Đây là khu đất vàng được Nhà nước ưu ái cấp cho TVSNDCNM - trực thuộc **Quý Từ thiện Sách nói cho người mù**. Còn về kinh phí xây dựng do TVSNDCNM phải tự thân vận động.

Gần 17 năm qua, TVSNDCNM đã hoạt động không ngừng nghỉ trong công tác phục vụ **sách nói** dành cho người mù và thư viện phải di chuyển, tạm trú nhiều nơi rất gian nan. Tôn chỉ và mục đích của TVSNDCNM là phục vụ vô điều kiện và phi lợi nhuận - Ban Giám đốc và anh chị em nhân viên làm việc trên tinh thần tự nguyện nhằm dành cho người mù và các em mù trong cả nước được khai mở tri thức - mà giữa khoảng không mênh mông của vũ trụ, thế giới đối với các em chỉ là màn đêm, tiếp xúc được chăng chỉ nhờ qua *lời nói*...

TVSNDCNM đã tổ chức được 6 chương trình hoạt động mang lại lợi ích thiết thực cho người mù và hỗ trợ các em học sinh và sinh viên mù trong việc học tập với nhiều loại **sách nói** về văn học, khoa học, y học thường thức và nhu cầu sách nói về giáo khoa, giáo trình bậc cao đẳng, đại học và cao hơn nữa. Thành quả trong 17 năm qua là TVSNDCNM đã thực hiện 344.836 băng cassette và CD-Mp3 sách nói với 1.566 tựa sách đủ thể loại được cung cấp thường xuyên và miễn phí cho hơn 90 hội người mù và trường mù trên khắp cả nước từ Cao Bằng, Hà Nội, Bắc Ninh đến các tỉnh miền Trung, miền Nam. Với kết quả phần khởi khi có được 115 sinh viên mù đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trong đó đã có 3 em lấy bằng thạc sĩ và một em đang học lên tiến sĩ. Và hiện nay còn có em đang đi du học ở Úc, Malaysia... Bên cạnh đó, TVSNDCNM đã liên kết tổ chức các chương trình như: **Học bổng Ánh sen cho học sinh mù**; **Học bổng Hương Dương cho sinh viên mù** - nhà tài trợ Phạm Đức Trung Kiên, Chủ tịch Quý Từ thiện VN (VNF); **Thắp sáng niềm tin** cho các em đi du lịch biển - nhà tài trợ và tổ chức Võ Anh Tài, Tổng Giám đốc Công ty DL Lữ hành Saigontourist; **Sưởi ấm niềm tin** - khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí do bác sĩ Hồ Hoàng Tuấn, trưởng đoàn và bác sĩ Tâm Việt cùng nhà tài trợ Đoàn Hoài Minh; **Giải thi đấu cờ vua** hàng năm dành cho người mù...

Như lời phát biểu của cô Nguyễn Hương Dương, Giám đốc Quý Từ thiện Sách nói cho người mù kiêm Giám đốc TVSNDCNM: "... Hôm nay, niềm vui lớn đến với người mù là được lãnh đạo Thành ủy và UBND TP.HCM cấp đất cho *Quý Từ thiện Sách nói cho người mù* ổn định lâu dài. Ông bà ta nói: "*Có an cư thì mới lạc nghiệp*", sau khi công trình này hoàn tất, chúng tôi sẽ có điều kiện duy trì và phát triển hơn nữa các hoạt động từ 2 phòng thu âm như hiện nay sẽ trang bị lên 4 hoặc 6 phòng thu âm với trang thiết bị hiện đại, tăng cường đội ngũ tình nguyện viên đọc thu âm *sách nói* nhiệt tình và chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, sẽ tổ chức thêm các hoạt động khác mà người mù có nhu cầu từ lâu nhưng chúng tôi vẫn chưa thực hiện được như: phòng tư vấn tâm lý, trung tâm đào tạo tin học, phòng huấn luyện cờ vua, tổ chức các hoạt động giao lưu để xứng đáng là một Thư viện Sách nói đầu tiên và duy nhất của cả nước, hiện nay đang đáp ứng các nhu cầu thiết thực của người mù. Chúng tôi rất mong quý ân nhân, các nhà hảo tâm tiếp tục đóng góp vào khoản dự trữ kinh phí còn thiếu để công trình được sớm hoàn tất..."

Được biết, TVSNDCNM - *Quý Từ thiện Sách nói cho người mù* đã vận động được hơn 3 tỷ đồng từ những tấm lòng vàng của các doanh nhân và các nhà hảo tâm... Theo thiết kế của Công ty CP Xây dựng Vinatex (đơn vị trúng thầu) với dự toán công trình xây dựng hoàn chỉnh là 7 tỷ đồng.

Trân trọng kính mong quý vị mạnh thường quân, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước mở rộng vòng tay yêu thương đối với người mù và các em mù, xin hãy nhiệt tình đóng góp giúp cho việc xây dựng công trình sớm được thành tựu để đi vào hoạt động.



Mọi tấm lòng hảo tâm xin gửi đến:
Thư viện Sách nói dành cho người mù
Số 5 Đinh Tiên Hoàng, P.ĐaKao, Q.1,
TP.HCM - ĐT: 39 115253
Email: thuviensachnoi HCM@gmail.com
Tài khoản: **Quý Từ thiện Sách nói cho người mù**, Số TK: 068704070002632
NH TMCP Phát triển TP.HCM-HD Bank
CN Nguyễn Đình Chiểu, TP.HCM



Giám đốc Nguyễn Hương Dương phát biểu



Các nhà hảo tâm ký sổ vàng

Mừng Xuân Di Lặc 2016



Tôn tượng Di Lặc, tượng cao 1,9m làm bằng chất liệu Composite



C.TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
ZEN ART
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT

Để thỉnh tượng Phật, Quý vị hãy liên hệ với Zen Art: **0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)**
Số 64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM - Email: mythuatzen@gmail.com - Facebook: mythuatz.zen@facebook.com



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

BAN TỬ THIÊN Báo Giác Ngộ

PHÂN CHI HỘI PHẬT GIÁO

CHÙA HÒA QUANG

Số 113 Lê Văn Chí, KP3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: 083.896 4452 – 0913 621 401

Mừng Xuân Di Lặc

Kính chúc

Chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa và Đại đức Tăng Ni các Tự viện.

Quý Cơ quan, Ban ngành, Đoàn thể.

Quý nam nữ Phật tử các Đạo tràng.

VÔ LƯỢNG AN LẠC

VÔ LƯỢNG CÁT TƯỜNG

TKN. THÍCH NỮ NHƯ TRÍ

Viện chủ chùa Phổ Hiền, Đồng Nai

Trụ trì chùa Hòa Quang, Thủ Đức

Thành viên Ban TTXH Báo Giác Ngộ

Giảng sư đoàn Phật giáo TP.HCM



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

BAN TỬ THIÊN Báo Giác Ngộ

PHÂN CHI HỘI PHẬT GIÁO

CHÙA HÒA QUANG

113, Lê Văn Chí, KP.3, phường Linh Trung, quận Thủ Đức

ĐT: 083 896 4452 – DĐ: 0913 621 401

TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHẬT SỰ NĂM 2015

Tổng trị giá thành tiền: 5.971.156.000đ

(Năm tỷ chín trăm bảy mươi một triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng)



I.- TỪ THIÊN XÃ HỘI:

Trong nhiều năm qua chùa Hòa Quang do Ni sư TN Như Trí phụ trách trụ trì, ngoài việc tổ chức cho Phật tử tu học, bổn tự còn tham gia công tác từ thiện xã hội Báo Giác Ngộ những chuyến công tác Phật sự như:

- Phát quà cho Bệnh viện Tâm thần,
- Trại phong Bình Minh,
- Tặng quà cho người nghèo điều trị bệnh mắt,
- Giúp bảo hiểm cho các gia đình khó khăn,
- Tặng xe lăn cho người tàn tật,
- Tặng xe đạp và phát học bổng cho các em học sinh nghèo hiếu học,
- Giúp đỡ cho người khiếm thị, tàn tật, và những bà con có

hoàn cảnh khó khăn nghèo và cận nghèo.

Mặc dầu kinh tế tài chánh vận động phương tiện chuyên chở các chuyến quà rất khó khăn, nhưng nhờ sự đồng tâm hiệp lực của các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm và Phật tử nhiệt tình, do đó đạt hiệu quả Phật sự.

II.- CÔNG TÁC CÚNG DƯƠNG TẠO PHƯỚC LÀNH:

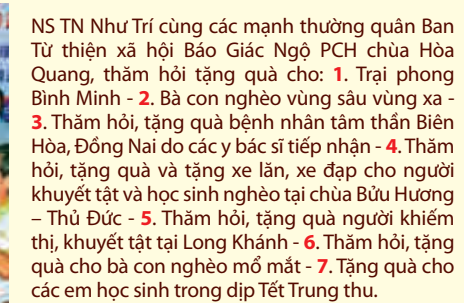
Chùa Hòa Quang tặng Báo Giác Ngộ, báo Văn Hóa, báo Hoa Đàm và cúng dường kinh Hoa Nghiêm, kinh Vạn Phật, kinh Niết Bàn, kinh Lương Hoàng Sám, kinh Pháp Hoa, kinh Địa Tạng, kinh Lăng Nghiêm, v.v... Cúng các băng đĩa, chuỗi, tượng Phật, chuông mõ v.v... Thành tâm cúng kính, lễ cúng dường trong năm qua những ngày lễ lớn của Phật giáo.



HT. thượng Trí hạ Quảng, Phó Pháp chủ GHPGVN, Phó Chủ tịch HĐTS, Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ và các thành viên Ban Tử thiên xã hội Báo Giác Ngộ PCH chùa Hòa Quang viếng thăm Học viện PGVN cơ sở 2 tại Bình Chánh



NS.TN Như Trí cùng các mạnh thường quân Ban Tử thiên xã hội Báo Giác Ngộ PCH chùa Hòa Quang, cúng dường chùa Sơn Lâm



NS TN Như Trí cùng các mạnh thường quân Ban Từ thiện xã hội Bảo Giác Ngộ PCH chùa Hòa Quang, thăm hỏi tặng quà cho: 1. Trại phong Bình Minh - 2. Bà con nghèo vùng sâu vùng xa - 3. Thăm hỏi, tặng quà bệnh nhân tâm thần Biên Hòa, Đồng Nai do các y bác sĩ tiếp nhận - 4. Thăm hỏi, tặng quà và tặng xe lăn, xe đạp cho người khuyết tật và học sinh nghèo tại chùa Bửu Hương - Thủ Đức - 5. Thăm hỏi, tặng quà người khiếm thị, khuyết tật tại Long Khánh - 6. Thăm hỏi, tặng quà cho bà con nghèo mổ mắt - 7. Tặng quà cho các em học sinh trong dịp Tết Trung thu.

Tổng kết mỗi quý trong năm có báo cáo về tòa soạn Báo Giác Ngộ hàng tháng và đi công tác cùng chư tôn đức phụ trách văn phòng Báo Giác Ngộ cúng dường các chùa, tịnh xá và tịnh thất, thăm viếng các đạo tràng trong thành phố cũng như các tỉnh bạn.

Chùa Hòa Quang và các ân nhân mạnh thường quân và các nhà hảo tâm trong Ban Tổ chức gồm có như sau:

- Ni sư Thích nữ Như Trí "trưởng đoàn" và Ni chúng cùng Phật tử đạo tràng.
- Thạc sĩ Đặng Hồng Hạnh, Chủ tịch Hội đồng Trường THCS Bách Việt.
- Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Minh Hồng, Hiệu trưởng và tập thể thầy cô giáo.
- Ông Đỗ Thanh Danh, chủ doanh nghiệp kinh doanh gia công vàng bạc đá quý.
- Bà Lê Thị Thanh Đào, chủ tiệm vàng và tập thể công nhân.
- Bà Nguyễn Ngọc Yến, đại diện chủ nhà hàng, Việt kiều Mỹ (mạnh thường quân).
- Ông Nguyễn Thế Vinh Hiển, chủ nhà hàng, Việt kiều Mỹ (mạnh thường quân).
- Cô Nguyễn Thế Ngọc Vy, chủ nhà hàng, Việt kiều Mỹ (mạnh thường quân).

Các nhà hảo tâm và các Phật tử thường xuyên hỗ trợ như: Nguyễn Thị Tuyên, Phan Thị Quế Hôi, Nguyễn Văn Xương, Vũ Thị Hương, Trịnh Thị Sửu, Lê Thị Xuyên, Nguyễn Thị Thơm, Dương Thị Nhiều, Phạm Thị Đồi, Nguyễn Thị Thiều, Nguyễn Thị Thủy, v.v...

Ni sư TN Như Trí là vị trụ trì khả kính và Ni chúng, Phật tử chùa Hòa Quang với nếp tu hành tinh chuyên, tham gia tích cực công tác từ thiện dù ở nơi chốn xa xôi, khó khăn trong đi lại vẫn cố gắng vượt qua để mang những món quà đầy tình nghĩa cho bà con nghèo...; song hành là công tác hoằng pháp lợi sanh thể hiện qua việc giảng pháp, cúng dường kinh sách, tặng báo chí để mang ánh sáng của Phật pháp đến khắp nơi là một việc làm cao quý với ý nguyện "Tốt đời, đẹp đạo" rất đáng trân trọng. Thiết nghĩ, đây là một hạnh lành trong tu tập khiêm cung và phục vụ lợi ích chung cho cộng đồng xã hội, tỏa sáng ảnh từ quang của chư Phật, mong được duy trì và nhân rộng hơn nữa.

Kim Trân



Ni chúng đại diện dâng cúng dường Viện chủ chùa Hòa Quang



NS.TN Như Trí cùng các mạnh thường quân Ban Từ thiện xã hội Bảo Giác Ngộ PCH chùa Hòa Quang thăm hỏi, tặng quà cho bà con nghèo vùng sâu vùng xa

CHÙA LONG ĐỊNH

VỚI ƯỚC NGUYỆN ĐẦU XUÂN

Bài & ảnh: PHÁP TUỆ

Mấy năm trước, tôi có duyên theo chân đoàn hành hương về miền Tây và đoàn có đến viếng, cúng dường ở ngôi chùa Long Định thuộc ấp Bà Cò, Vĩnh Long. Đây là ngôi chùa quê của chốn vùng xa, tuy mái tôn vách ván đơn sơ nhưng đã thiết thực mang lại ánh đạo vàng của Đức Phật, tùy duyên cho Phật tử lao động nghèo một nắng hai sương... nương tựa về mặt tâm linh. Thầy Thiện Thọ, trụ trì niềm nở tiếp đoàn cùng với thời pháp thoại ngắn về nhơn quả, báo ứng, Phật tử bốn tự đãi chúng tôi bữa cơm trưa rau luộc, tương chao, ăn rất ngon miệng. Cuộc sống và sinh hoạt của người dân nơi thôn dã thật bình dị, chân chất, mộc mạc và dễ gần gũi làm cho chúng tôi bịn rịn không rời xa.

Mãi đến gần cuối năm nay, tôi mới có duyên trở lại Vĩnh Long đến viếng chùa bá Phật,

thăm Thầy trụ trì và quý huynh đệ. Nếu không một lần đến đây, tôi cứ ngỡ là mình đi nhầm đường chẳng. Trước mắt tôi là ngôi chùa Long Định đã được xây dựng khang trang, phía mặt tiền còn có tôn tượng Đức Quán Thế Âm Bồ-tát lộ thiên. Chánh điện thoáng mát, đủ chỗ cho khoảng 40 Phật tử tham gia bái sám, tụng kinh... Thầy trụ trì nay niên lạc đã cao, vẫn giữ phong thái như xưa. Thầy đón chúng tôi với đạo tình thâm thiết, quý huynh đệ hân hoan hàn huyên tâm sự. Qua câu chuyện chúng tôi mới biết được như vậy: "... Sau nhiều năm ngôi chùa bị xuống cấp, mỗi lần gió tạt mưa chan là các cột kèo kêu rảng rặc, nước dột lênh láng. Trước tình cảnh như vậy, thầy Thiện Thọ muốn trùng tu ngôi chánh điện, nhưng rất lo thiếu hụt về nguồn tài chánh. Với niềm tin tưởng vô biên vào Phật pháp nhiệm mầu, Thầy trụ trì thành tâm cầu nguyện và tiến hành lễ đặt đá trùng tu ngôi chánh điện vào ngày 28-2-2013, kể đó xây móng, dựng vách rồi phải tạm ngưng, chờ mong... Lòng thành thấu đến chư Phật, Bồ-tát và chiều cảm được chư Tăng Ni và Phật tử gần xa đến hỗ trợ... Thầy trụ trì xin tri ân và tán dương công đức của Ni trưởng Diệu Tâm, trụ trì và Ni sư Diệu Đạo, phó trụ trì chùa Bửu Sơn (Thủ Dầu Một, Bình Dương) và một số vị Tăng Ni ẩn danh; Nhóm Phật tử TP.HCM với pháp danh: Đức Dung, Nguyễn Hoa, Hoa Phước và Lê Thị Tươi, Trịnh Thị Phương Thi, Lâm Bửu Nghi; Nhà may Nhựt Duy, Bảy Trình, Minh Ngọc (Vĩnh Long), cùng với quý Phật tử gần xa... đã trợ duyên tịnh tài và hiện vật giúp cho việc xây dựng ngôi chánh điện được viên thành. Thời gian gần đây tôn tượng Quán Thế Âm Bồ-tát lộ thiên, chiều cao 3,5m, nặng 1,2 tấn với sự phát tâm cúng dường của: Nhóm trưởng Võ Tấn Kiệt, quý Phật tử Đức Dung, Nguyễn Hoa, Hoa Phước, Nguyễn Thị Ngọc Tuyết và nhà may Nhựt Duy (TP.HCM); quý Phật

tử Tiệm vàng Kim Ái (Cao Lãnh, Đồng Tháp) và Tiệm vàng Trúc An (Sa Đéc); Phật tử Minh Ngọc (VL); Quán cơm Vân Mập (Cái Bè, Tiền Giang); DN nước tương Hòa Hiệp (VL); DN tư nhân Vận tải hành khách Trí An (VL); Nhà thuốc tây Kiều Oanh và Cửa hàng Tâm Huệ (VL); Út Bi bán gạo chợ VL, Phật tử Như Hiệp (Hai Mảnh); Võ Văn Quận và Phan Thị Sáu (Thốt Nốt, Cần Thơ).

Đạo hạnh của Thầy Thiện Thọ sáng tỏ, gắn liền với sự thành tựu của ngôi chùa Long Định trong đạo sự "Hoàng pháp lợi sanh" do thầy đảm nhận và cung thỉnh chư tôn thiên đức đến giảng pháp cho Tăng chúng trong các khóa tu; như lời dạy của bậc tôn trưởng: "Trong đạo Phật, cái quan trọng không phải là quyền lực mà là giác ngộ. Khi trong chùa có một bậc chân tu thì ngôi chùa đó trở nên có sự sống, sẽ có nhiều người tìm đến ngôi chùa đó để học hỏi đạo lý và từ đó đạo lý mới lan tỏa vào trong cuộc sống, làm cho cuộc đời được an vui, được hạnh phúc. Lời Phật dạy đã đến được với tâm hồn mọi người từ chính ngôi chùa đầy sức sống đó...".

Trong niềm hân hoan của đất nước đón mừng xuân mới, Thầy Thiện Thọ và Phật tử bốn tự cung kính cung chư tôn giáo phẩm GHPGVN và tỉnh Vĩnh Long, chư tôn thiên đức Tăng Ni, trụ trì các tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất trong tỉnh được pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, kính chúc quý nam nữ Phật tử gần xa thân tâm an lạc, phước huệ song tu.

Ước nguyện đầu xuân của Thầy trụ trì và Phật tử bốn tự cũng là mong muốn của chúng tôi: Chốn già-lam Long Định **sớm xây dựng một ngôi giảng đường** có sức chứa hơn 100 người để đủ chỗ cho Phật tử tham dự Khóa tu 1 ngày niệm Phật an lạc và thỉnh pháp - Cũng như **sớm có được Tăng phòng** cho Tăng chúng thuận lợi trong sinh hoạt.

Mọi sự cúng dường xin hoan hỷ gửi về: Tỳ-kheo Thích Thiện Thọ, trụ trì chùa Long Định, ấp Bà Cò, Phú Thuận 2, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, **ĐT: 0933 491 797**. Trợ duyên tịnh tài xin gửi vào **tài khoản số 31227648** tên TK: Huỳnh Văn Phước (thẻ danh) tại Ngân hàng Sacombank, chi nhánh Cửu Long, tỉnh Vĩnh Long.





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRƯỜNG TRUNG CẤP PHẬT HỌC TỈNH ĐỒNG NAI

Kính chúc chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, quý vị lãnh đạo chính quyền các cấp và quý Phật Tử xa gần trong năm Bính Thân 2016 “Thân Tâm An Lạc, Vạn Sự Như Ý”

Kính thưa liệt quý vị

Trường Trung Cấp Phật học tỉnh Đồng Nai hiện có

200 Tăng sinh và 200 Ni sinh đang học năm thứ 3 khóa VII 2013-2017 học nội trú.

Hiện nay nhà Trường đang xây dựng Chánh Điện chùa Phật Hiện dài 40x40 bằng 1600 mét vuông 2 tầng tổng cộng 3200 mét vuông. Hiện nay đã làm xong tầng trệt và đang đổ mái cô lầu hiện cần có 5.000.000.000 (năm tỷ đồng) để hoàn thành công trình Chánh Điện đưa vào sử dụng.

Vậy, Ban Giám Hiệu nhà trường kính xin chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại đức Tăng Ni và quý Phật Tử xa gần phát tâm cúng dường, giúp đỡ tiền bạc, vật liệu....

để cho Ban Kiến Thiết đủ điều kiện tiếp tục xây dựng

và dự kiến đầu xuân 2017 sẽ làm lễ Đại Khánh Thành.

Kính chúc Chư Tôn Đức và liệt quý vị “tùy tâm mãn nguyện”.

Nam Mô Phổ Cúng Đường Bồ Tát Ma Ha Tát

Thay mặt Ban Giám Hiệu:

Hiệu Trưởng

Hiệu Phó học vụ

Hiệu Phó kiêm Chánh Thư ký

Hòa thượng
Thích Nhật Quang

(Thiền Viện Thường Chiếu - Long Thành)

Hòa thượng
Thích Quang Đạo

(Chùa Phước Viên - Biên Hòa)

Hòa thượng
Thích Phước Tú

(Chùa Từ Tôn- Biên Hòa)



Tôn tượng
Thiên Thủ Thiên Nhân



DU LỊCH VĂN HÓA Suối Tiên



*Cung Chúc Tân Xuân
Bình Thân - 2016*

ĐINH VĂN VUI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC PHẬT GIÁO SƠN HÀ

39 đường số 9, tổ 3, ấp Hậu, xã Tân Phong, H.Củ Chi
Email: sanha9098@naver.com - Website: www.sanhavina.com

Đón mừng năm mới, trân trọng kính chúc
chư vị Tăng, Ni và Phật tử gần xa luôn được
thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường.

KWON YOUNG WON
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
03 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM

Trân trọng cảm ơn chư tôn thiện đức Tăng Ni và quý Phật
tử đã tin tưởng và ủng hộ công ty trong năm qua.
Trước thềm năm mới, Công ty kính chúc chư vị
Vạn sự an lạc, phước thọ miền trường

NGUYỄN DUY MINH
Giám đốc



Công ty Cổ phần 7P

491 D3, Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh

Kính chúc
Chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni,
Chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử

Thân tâm an lạc
Phước trí trang nghiêm

NGUYỄN NGỌC TUẤN
Giám đốc



ĐIÊU KHẮC GỖ THIÊN PHÚ THẠO

Email: dkhuuthao@gmail.com
Website: dieukhacgo.vn

Đón mừng Xuân mới, cung kính chúc
Chư tôn đức Tăng Ni và Quý Phật tử gần xa
thân tâm an lạc, phước thọ miền trường,
vạn sự như ý

Nghệ nhân **NGUYỄN HỮU THẠO**
Giám đốc

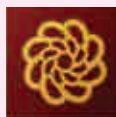


NHÀ HÀNG CHAY THIÊN Ý

36 Trần Quý Cáp, P.11, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Năm mới kính chúc mừng
Chư tôn thiện đức Tăng, Ni và Phật tử gần xa
luôn được thân tâm an lạc, như ý cát tường.

HƯƠNG SEN
Giám đốc



Nhà hàng chay HOA KHAI

124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
Email: veg.hoakhai@gmail.com

Hoa Khai xin chân thành cảm ơn Chư tôn thiện đức,
quý Phật tử và khách hàng gần xa
đã ủng hộ nhà hàng chúng tôi.

Trước thềm năm mới, kính chúc chư vị thân tâm
thường an lạc, phước thọ miền trường.

PHẠM VĂN NIỆM
Giám đốc



Mừng
Xuân
Đi
Lạc
2016

Kính chúc
Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý Phật tử
năm mới
vạn sự kiết tường như ý



CÔNG TY TNHH SXTM HOA TIÊN

Showroom BB3, Trường Sơn, P.15, Q.10, TP.HCM – Nhà xưởng: Bình Dương
Email: thongtin@hoatien.vn – Web: www.hoatien.vn

NGUYỄN HỮU TÍN
Giám đốc



Restaurant

Chay Vegetarian

11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự

Cung kính cung chúc
Chư tôn thiền đức Tăng, Ni và Phật tử gần xa
luôn được thân tâm an lạc, như ý cát tường.

LÊ LÃNH
Quản lý

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng

Tại chùa ĐẠI HẠNH: 107/4 Ngõ Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh

Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí). Liên hệ: Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**

Kính chúc
Chư tôn thiền đức và Quý đạo hữu
Thân tâm an lạc
Vạn sự hanh thông

CHÍNH TRUNG
Kính bút

Cửa hàng Ngọc Hiến

144 và 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM

Xin chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina, tranh điện Phật giáo trong thời gian qua.

Trước thềm năm mới, kính chúc Quý khách thân tâm thường an lạc, vạn sự như ý.

NGỌC HIẾN
Cửa hàng trưởng



Công TNHH SX-TM QUANG NGHỆ

205bB/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt năm qua.

Kính chúc năm mới
Quý khách được phước thọ miền trường
Vạn sự như ý

NGÔ HUỆ PHƯƠNG
Giám đốc

**Những lưu ý về vệ sinh
an toàn thực phẩm trong**

ngày Tết

MINH TUYẾT

**Nếu nắm được
và thực hiện
theo những lưu
ý dưới đây về
vệ sinh an toàn
thực phẩm thì
gia đình bạn
sẽ không còn
lo lắng trong
chuyện ăn uống
vào những
ngày Tết.**



Trong những ngày Tết cổ truyền của dân tộc, chúng ta có khuynh hướng ăn nhiều hơn do phải đi chúc Tết nhiều nơi với thức ăn ngon, đa dạng trong bầu không khí vui vẻ, sôi nổi. Vì vậy, việc chú trọng đến an toàn thực phẩm trong những ngày Tết phần nào đó cũng ít được quan tâm một cách đúng mực.

Tuy nhiên, thực tế tình hình mất vệ sinh an toàn thực phẩm đang bị báo động do tình trạng nhiều mặt hàng trong dịp Tết được cung ứng ra thị trường đã bị nhiễm khuẩn. Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bạn cần lưu ý những điều sau trong mua bán, tiêu thụ thực phẩm trong những ngày Tết:

- Chọn mua thực phẩm ở các cửa hàng uy tín, chất lượng đảm bảo có thương hiệu để tránh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

- Khi chọn mua thực phẩm, nên chọn mua loại thực phẩm an toàn. Chọn các loại rau quả tươi, giữ nguyên trạng thái tự nhiên, không dập nát, không có mùi lạ, các loại thịt phải qua kiểm dịch... Các thực phẩm đóng hộp, đóng gói sẵn phải có nhãn ghi đầy đủ nội dung. Không sử dụng các thực phẩm khô đã bị mốc, đặc biệt là ngũ cốc, hạt có dầu có chứa độc tố vi nấm rất nguy hiểm. Không dùng thực phẩm còn nghi ngờ, chưa biết rõ nguồn gốc.

- Chọn mua thực phẩm ở những nơi bán sạch sẽ, ngăn nắp, có uy tín, biết rõ nguồn gốc, xuất xứ nơi cung cấp để đảm bảo chất lượng và độ an toàn của sản phẩm.

- Không nên mua trữ quá nhiều trong những ngày Tết để tránh tình trạng thực phẩm để lâu sẽ bị ôi thiu nếu bảo quản không đúng cách.

- Nên nấu với số lượng vừa phải để không hâm đi, hâm lại nhiều lần sẽ giảm chất lượng và không bảo đảm hoàn toàn yêu cầu về vệ sinh.

- Sử dụng nước sạch, dụng cụ sạch để chế biến, nấu nướng, lưu trữ, bảo quản thức ăn. Chú ý vệ sinh cá nhân (cắt ngắn móng tay, rửa tay sạch bằng xà phòng và nước sạch trước khi ăn, chế biến, sau khi đi vệ sinh...).

- Không nên ăn quá nhiều thức ăn, nhất là những loại thức ăn có dầu mỡ vì các thực phẩm này dễ tích tụ năng lượng dư thừa gây tăng cân và béo phì. Những người có bệnh nào đó cần được cán bộ y tế tư vấn về chế độ ăn uống thích hợp. Kết hợp ăn uống hợp lý với vận động, tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên, ngay cả trong những ngày Tết.

- Không nên uống rượu quá nhiều trong những ngày Tết để vừa bảo đảm sức khỏe, vừa bảo đảm về an toàn giao thông. Chú ý trong việc chọn loại rượu để sử dụng (rượu đã đăng ký và được chứng nhận chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm).

- Nên rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi nấu nướng. Đôi tay bẩn chính là "thủ phạm" đầu tiên khiến bạn bị ngộ độc thực phẩm vì nó chứa rất nhiều vi khuẩn. Do đó, bạn nên vệ sinh cho đôi tay của mình sạch sẽ bằng xà phòng và rửa lại thật sạch trước khi bạn rửa rau quả, khi chế biến hoặc trước khi ăn nhé.

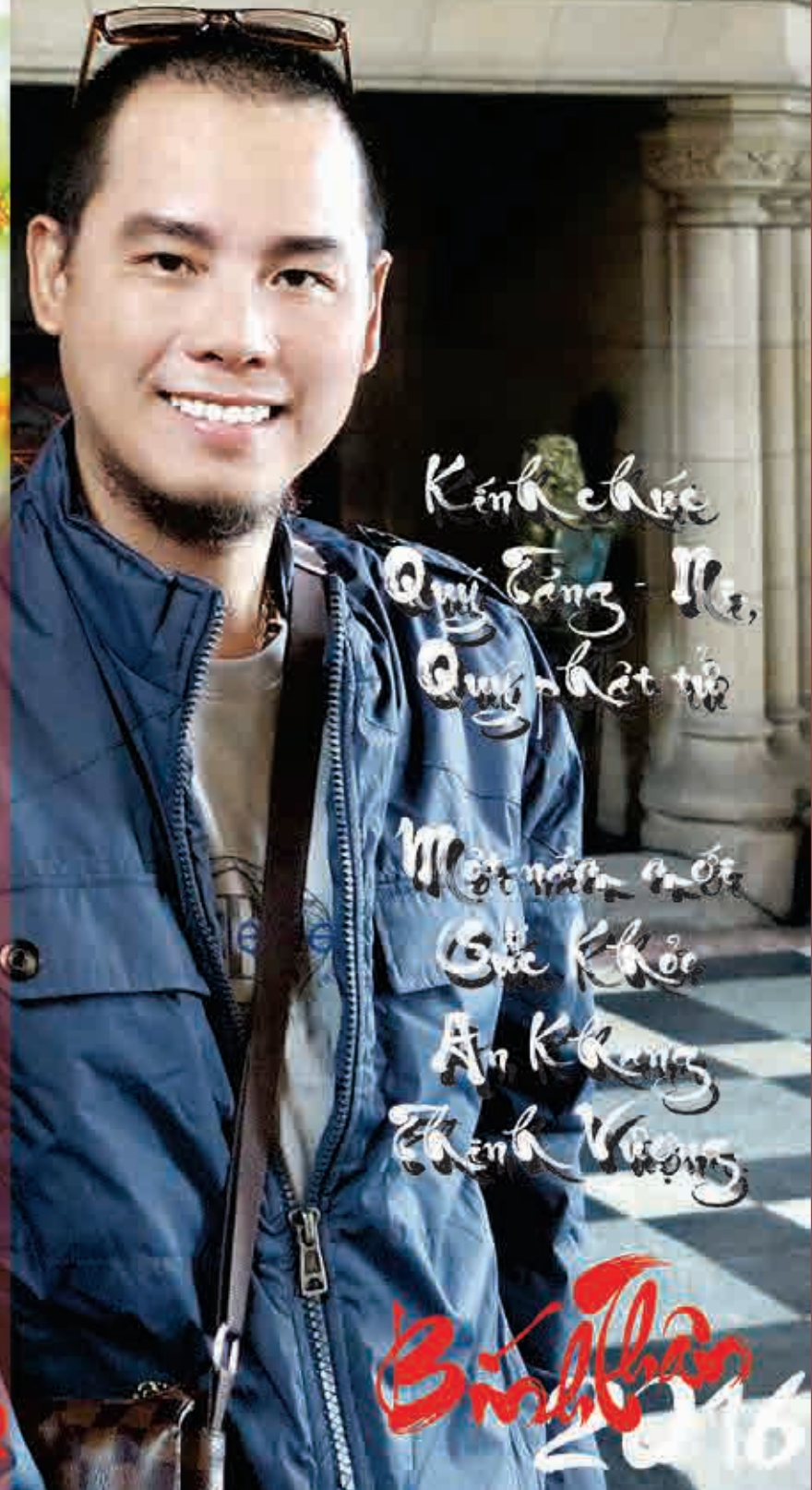
- Thớt cũng là nguyên nhân được biết đến với thủ phạm gây ngộ độc thực phẩm. Do đó khi dao, thớt đã thái đồ sống tuyệt đối không dùng thái đồ chín cho dù đã được bạn rửa sạch.



長
柯

**TRÂM
HƯƠNG
TRƯƠNG
KHA**

越
南
沉
香



Kính chúc
Quý Tàng Mẹ,
Quý Khách
Một năm mới
Giàu Khỏe
An Khang
Thành Vượng

Binh An
2016

ĐKKD: 199 - 172 Nguyễn Chí Thanh P.9, Q.10, TP.HCM.
34 Sư Vạn Hạnh P.9, Q.5.
104 Công Hòa P4, Quận Bình Thạnh (08) 629 33 702

Mừng Xuân Bính Thân 2016

Năm
mới
ta
cùng
mời

người
vui
cảnh
sẽ
vui

Sân mây
CÀ PHÊ VÀ NHÀ HÀNG CHAY

Sân Mây
CÀ PHÊ VÀ NHÀ HÀNG CHAY

Hệ thống nhà hàng chay Sân Mây chuyên phục vụ các món ăn chay.
Nhận tổ chức tiệc chay theo yêu cầu tại gia đình, công ty.

Nhà Hàng Chay Sân Mây

771 Lê Hồng Phong (nối dài), P.12, Q.10, Tp.HCM
Tel: (08) 3507 1628 - 01278 99 2009
Web: sanmayrestaurant.com

Cà Phê và Nhà Hàng Chay Sân Mây

159 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
Tel: (08) 3916 9938 - 01278 77 11 55
Web: sanmaycafe.com

Sân Mây Huế

08 Thanh Trì, p.Vỹ Dạ, Tp.Huế
Tel: 0931 9999 72
Web: sanmayrestaurant.com

Mừng Xuân Bính Thân



Nhà hàng chay Bông Súng chuyên phục vụ các món ăn chay.
Nhận tổ chức tiệc chay theo yêu cầu tại gia đình, công ty.

86 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, quận 1.
Điện thoại: 08 3822 0378

Mừng Xuân Bình Thân 2016

KỆ ĐỌC KINH XẾP

THUẬN AN

50 kệ chỉ cao 1,1m

- ❑ Sản phẩm tin cậy, dịch vụ hoàn hảo, nhân hiệu ưa dùng do người tiêu dùng bình chọn 2015.
- ❑ Nhận chuyển đi trong và ngoài nước (có bảo đảm).
- ❑ ĐC: 105M/24 Hồ Thị Kỳ, P.1, Q.10, TP.HCM
- ❑ ĐT: (08) 38 351 185 - 0903 955 150
Trần Ngọc Tươi (PD.Tuệ Hiếu)
- Quyết tâm làm tinh tuế Phật pháp, không pha trộn keo tái sinh, keo bẩn.
- Keo nhựa nguyên chất, mới 100% ABS, PP (lổc), HD. Bảo hành 5 năm.
- Tới nay đã có nhiều đợt giảm giá gần 20% (trung thực trong thương mại).
- Đảm bảo đúng kỹ thuật đọc niệm.
- Không tốn chi phí nhiều, gọn gàng khi vận chuyển.
- Thẩm mỹ, không chiếm nhiều diện tích khi cất giữ.



Kệ ngồi ghế đọc



Dòng kệ loại nhỏ



Dòng kệ loại lớn

BIOCHEM

CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÒA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO NĂM 2016

ĐVT: Đồng

Kích thước	Giá	Khổ giấy
Giá bìa 2 (Couché 140)	10.000.000	20cm x 28cm
Giá bìa 3 (Couché 140)	8.000.000	20cm x 28cm
Giá bìa 4 (Couché 140)	12.000.000	20cm x 28cm
Nguyên trang (Couché 70)	6.000.000	20cm x 28cm
1/2 trang (Couché 70)	3.000.000	Ngang: 18x12,5cm Dọc: 9 x 26 cm
1/3 trang (Couché 70)	2.000.000	Ngang: 6 x 18 cm Dọc: 9,5x8,5 cm
1/4 trang (Couché 70) hoặc chạy chân trang	1.500.000	9 x 12 cm
1/6 trang	1.000.000	3,5 x 10 cm
Khổ danh thiếp	500.000	

Hoa tươi hương sắc
Vui xuân an lạc

15
YEARS OF
EXCELLENCE
1999-2014

UNIVERSITY
OF
SCIENCE
&
TECHNOLOGY
HANOI

CCI
QUALITY
SAFETY
GLOBAL

Nước Cắm Hoa
ASA

Tiết kiệm 50% chi
phí mùa hoa do thời
gian hoa tươi lâu
gấp 2 lần.



CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

www.facebook.com/ASAhoamypham

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

Giày Da Công Nghệ Cao



Vina-Giày[®]
www.vinagiay.vn



*Fashion
Shoes*



**CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠI LÝ TRÊN KHẮP TOÀN QUỐC**

* 61 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax: (08) 38031192

* 180 - 182, Lý Chính Thắng, P.9, Q.3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax: (08) 39318343

* 22 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận
Tel: (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431

* 269 Trường Chinh, P.14, Q. Tân Bình
Tel: (08) 38490956

* 608 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38351407

* 638 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38331230
Fax: (08) 38331245

* 406A Cách Mạng Tháng 8, Q.3
Tel: (08) 39316534

* 216B-216C Quang Trung, P.10, Gò Vấp
Tel: (08) 38941621

* TTTM AEON - Tân Phú Celadon, Tầng 1, F. 29-30
30 Đường Bô Bao Tân Thắng, Q. Tân Phú.



LIÊN TIẾP 19 NĂM LIÊN BÌNH CHỌN
97° 98' 99' 00' 01' 02' 03' 04' 05' 06'
07' 08' 09' 10' 11' 12' 13' 14' 15'

**HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO**



ĐẠT CÚP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT 09 NĂM LIÊN
07' 08' 09' 10' 11' 12' 13' 14' 15'

ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thương hiệu Việt

Thương Hiệu Được Chứng Nhận

Top Ten Thương Hiệu Đầu Ngành Da Giày Việt Nam



Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**
 45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM
08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666
 WWW: thiephuthao.com - dieukhaigo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
 ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 888818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
 Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
 Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
 Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HÔNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại mọi hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali...

ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)
 77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1
 HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)
 Email: hongthao268@yahoo.com.vn


CỬA HÀNG VĂN HOÁ PHẨM PHẬT GIÁO

NHƯ ĐỨC

Pháp phục - Pháp khí
 Kinh - Sách - Ấn phẩm Phật giáo
 Tranh tượng Phật

Mừng Xuân Bình Thuận 2016

530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TPHCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)
 ĐT: 08.22419056 - 08.66817502
 DD: 0908808836 - 0903763002 - 0965595272 - 01626961661



Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ**
 QUANG NGHE CO., LTD.
 NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
 Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
 Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
 Website: www.quangnghecandle.com



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
 08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
 lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028

Chúc Mừng Năm Mới



Xuân 2016
Bình Thân

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

NHÀ HÀNG CHAY



- Phục vụ các món chay dưỡng sinh, an toàn từ rau, củ và nấm theo phong cách miền Tây Nam Bộ.
- Nhận đặt tiệc chay, cơm chay văn phòng.

Giờ mở cửa từ 8 giờ đến 22 giờ mỗi ngày

GIẢM 50 % cho món ăn
khi mang phiếu này đến 3 lá chay

(Phiếu không áp dụng cho ngày 14, 15, 30 và mùng 1 âm lịch)



ĐC: 32 A Cao Bá Nhạ, P.Nguyễn Cư Trinh, Q. ĐT: 6683 0303 – Web: www.3lachay.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

Mừng Xuân Bình Thuận 2016

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh
☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trám, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Tại TP. HỒ CHÍ MINH
Nhà Sách Văn Hiến ☎ 0903.806.155
411 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3
Siêu thị Satra ☎ 0903.806.155
C6/27 Phạm Hùng, P.10, Q.8
Nhà Gốm Xuân Thảo ☎ 0934.569.777
401 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8

Nhà Gốm Hà Đông
ĐC: A6 - Khu tập thể nhà văn hóa trung tâm -
P. Văn Quán - Q. Hà Đông - Tp. Hà Nội
ĐT: 0913.566.406 - 0947.532.446

Tại Hà Nội
Nhà Gốm Nghi Tâm: ☎ 0912.66.1973
169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội
Nhà Gốm Pure Minimart ☎ 0913.55.47.22
351 - Ngách 4/21 Ngõ Phương Mai - Q. Đống Đa - Hà Nội
Nhà Gốm Gạo ☎ 0988.888.966
41 Ngõ Thanh Miến - Văn Miếu - Hà Nội



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 44.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



**Điện thoại đặt hàng
(84-8) 3.7978 230**

Miễn Phí Giao Tận Nhà Cho Đơn Hàng Từ 200.000đ Trở Lên

Bột Hoà Tan Hiệu Bồ Đề

BODHI INSTANT POWDER

Vạn Sự Như Ý
Happy New Year 2016



- * **Tốt Cho Sức Khỏe.**
- * **Hàm Lượng Dinh Dưỡng Cao.**
- * **Thích Hợp Cho Mọi Lứa Tuổi.**
- * **Đặc Biệt Thích Hợp Cho Người Ăn Chay.**

Thành Phần:
Gạo Lứt, Hạnh Nhân, Quả Óc Chó, Hạt Sen, Mè, Sắn Dây, Đinh Hương.

KHÔNG ĐƯỜNG **KHÔNG HƯƠNG LIỆU** **KHÔNG CHẤT BẢO QUẢN**

TRÀ GỪNG HOÀ TAN

INSTANT GINGER TEA

- * **Hỗ Trợ Tiêu Hoá Tốt.**
- * **Phòng Ngừa Cảm Cúm**
- * **100% Gừng Già Việt Nam**



ĐƠN VỊ TỔ CHỨC



Mai ấm gia đình Việt



Xuan

2016
Binh Phan



THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



TÔN HOA SEN
Mai ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Chương trình được truyền hình trực tiếp trên kênh **HTV9**

Thời gian: 17g00 - 18g30

Ngày 07 tháng 02 năm 2016 (nhằm ngày 29 tháng 12 Âm lịch)

Địa điểm: CLB Văn Hóa TDTT Nguyễn Du

116 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

• www.facebook.com/maiamgiadinhviet

ĐƠN VỊ HỖ TRỢ

